NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 208 • AUGUST 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

CHUNG QUANH KHU DI TÍCH VƯỜN MỘ SÀO NAM PHAN BỘI CHÂU Ở HUẾ
HUỲNH HỮU ỦY

NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN
THẾ UYÊN

NGƯỜI CON GÁI CỦA QUỐC MẪU
NGUYỄN VĂN THÀ

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

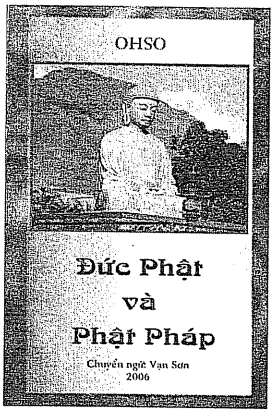

ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT PHÁP
OSHO, VẠN SƠN *chuyển ngữ*
Osho, người Ấn, là một đạo sư của thế kỷ thứ 20. Cuộc đời và giáo huấn của Ngài đã gây ảnh hưởng cho hàng triệu người thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội, đủ mọi lớp tuổi trên thế giới. Tạp chí *Sunday Mid-Day* ở Ấn Độ đã coi Ngài là một trong mười nhân vật đã làm thay đổi vận mệnh của Ấn Độ cùng với Đức Phật, Thánh Gandhi, và cố thủ tướng Nehru. Trong cuốn sách này, Ngài đã giảng Phật pháp với một cái nhìn và ngôn ngữ mới mẻ, nhưng đồng thời tuyệt đối trung thành với nội dung mà chính đức Phật đã dạy. Giá 11 mỹ kim.

GIỌT LỆ TRONG DÒNG LỊCH SỬ
THẾ SĨ
Tác giả người làng Lưu Mỹ, Nghệ An, năm 1954, mới 22 tuổi đã là người cầm đầu cuộc nổi dậy ở làng ông để tranh đấu quyền được di cư vào Nam của dân làng. Bị kết án chung thân, đến 1956 lại bị dẫn độ về địa phương để bị đấu tố trong vụ Cải cách ruộng đất. Năm 1957 vượt ngục, đến đất Lào, được chuyển về miền Nam, đoàn tụ với vợ con đã vào Nam từ trước. Sau 1975, lại vào cải tạo đến 1989. Cuốn hồi ký bộc lộ hết cái bi đát mà chế độ cộng sản vừa xảo trá vừa tàn bạo đã để lại trên thể xác và tâm thần của người Việt Nam cùng đất nước Việt Nam. Giá 16 Mỹ kịm.

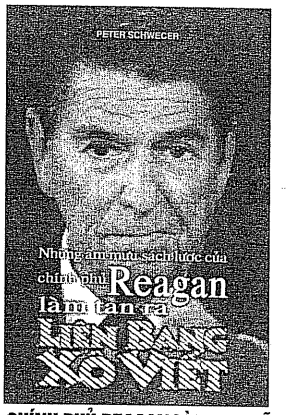

CHÍNH PHỦ REAGAN LÀM TAN RÃ LIÊN BANG XÔ VIẾT
PETER SCHWECER, VƯƠNG BƯU *dịch*
Tên đầy đủ của cuốn sách khá dài: "*Những âm mưu sách lược của chính phủ Reagan làm tan rã Liên Bang Xô Viết.*" Tác giả đã phân tích khá kỹ lưỡng và lý thú những việc làm của chính quyền Reagan đã đánh quỵ một siêu cường, xóa sổ nó trên bản đồ và lịch sử thế giới chỉ trong vòng chưa tới một thập niên. Sách lược chính có thể tóm gọn: bày ra một trò chạy đua về vũ khí với "Sáng kiến phòng thủ chiến lược" làm cho đối thủ của mình, với nền kinh tế yếu kém xã hội chủ nghĩa, chạy theo hụt hơi và phải gục ngã. Biết bao là mưu trí, biết bao trận đọ tài về gián điệp giúp một cuốn sách khảo cứu hấp dẫn như chuyện trinh thám! Giá 25 Mỹ kim.

TRUYỀN THUYẾT TÌNH YÊU THEO VĂN HÓA CỔ ĐẠI TRUNG HOA
PHAN HÙNG, *bản dịch của* **ĐÔNG A**
Sách trình bày sự quan hệ trai gái, về tình cảm cũng như tình dục, trải qua bao đời qua sách vở của Trung Hoa xưa. Tình yêu và xác thịt trong cái nhìn lịch sử thì không chỉ là thế giới riêng của hai người nam nữ, mà còn ảnh hưởng đến con cái, gia đình, xã hội, dân sinh và quốc kế. Vì thế qua nhiều trang sách tác giả khuyên chúng ta nên tiết dục, giữ một chừng mực hòa hợp thì mới có được hạnh phúc, sức khỏe và tuổi thọ. Sách cũng cho biết quan niệm tình dục qua nhiều thời đại ở Trung Hoa. Giá 8 Mỹ kim.

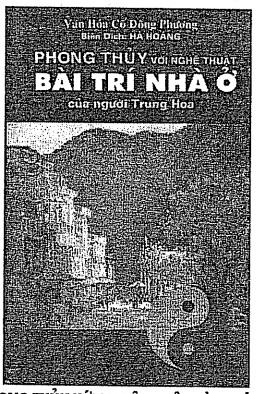

PHONG THỦY VỚI NGHỆ THUẬT BÀI TRÍ NHÀ Ở
QUÁCH VĂN. *Biên dịch:* **HÀ HOÀNG**
Phong Thủy có nghĩa là Gió và Nước, những nguồn lực thiên nhiên có ý nghĩa quyết định đối với sức khỏe, sự thịnh vượng và vận may của mỗi người. Tùy theo cách xếp đặt nhà cửa, vườn tược, nơi làm việc v.v... những nguồn lực thiên nhiên này có thể có tác dụng tốt cho chúng ta, hoặc là ngược lại. Đây là một môn học cổ truyền của người Trung Hoa, đã nhìn ra rằng có những nơi tốt hơn, may mắn hơn và được phúc lợi nhiều hơn là những nơi khác, và có những phương pháp để sửa đổi, sắp xếp lại nhà cửa để được hưởng những thuận lợi tối đa từ những yếu tố huyền bí quanh ta. Giá 14 Mỹ kim.

GIẢI PHẪU MỘT CUỘC CHIẾN TRANH
GABRIEL KOLKO. *Người dịch:* **NGUYỄN CỬU**
Chiến tranh Việt Nam đã gây một "hội chứng" cho nước Mỹ. Tác giả Gabriel Kolko muốn "giải phẫu" cuộc chiến tranh này để tìm cho ra một giải thích về nhân quả của cuộc chiến và thăm dò ý nghĩa của nó cho kinh nghiệm lịch sử hiện đại. Giải phẫu có nghĩa là nghiên cứu sâu về mọi bên, phía đảng Cộng sản, Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ, tập trung xem xét mỗi bên chịu ảnh hưởng như thế nào bởi những xu hướng rộng lớn hơn về quân sự, kinh tế, xã hội, tư tưởng chính trị... để có thể làm nổi bật những nhân tố quyết định cuộc chiến.
Bộ 2 cuốn. Giá mỗi cuốn 20 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Đón đọc:

Dòng Sử Việt

Chuyên san sưu tầm, nghiên cứu, và quảng bá lịch sử Việt Nam

Chủ biên: Trần Anh Tuấn

. Tiếp nối truyền thống *Tập San Sử Địa* tại quê nhà trước năm 1975.
. Chủ nhiệm & chủ bút: Trần Anh Tuấn, cựu giáo sư Ban Sử ĐHVK Sài gòn, cựu thư-viện-trưởng Thư Viện Hội Société des Études Indochinoises Saigon, giáo sư đại học cộng đồng College of Alameda, California.
. Ban Biên Tập sơ khởi: Phạm Cao Dương, Bùi Minh Đức, Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Văn Lang, Mai Liệu, Hà Mai Phương, Trương Toại, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thượng Vũ...
. Thường xuyên có nhiều mục độc đáo: *Xã hội Việt Nam qua các thời đại, Lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa Kỳ, Nghệ thuật & Mỹ thuật Việt Nam, Phong trào Hướng Đạo Việt Nam, Mỗi kỳ một nhân vật, Mỗi kỳ một tác phẩm, Giới thiệu sách báo về Việt học, Giải thích quê hương bản quán cho độc giả, Hình hay ảnh lạ, Sử liệu hiếm quý, Bưu hoa VNCH* (kèm tem thật do Bưu Điện VNCH phát hành trước 1975, theo truyền thống của tạp chí *France Asie* thập niên 1950)...
. *Dòng Sử Việt* xuất bản mỗi ba tháng, khổ 18cm x 27cm.
. *Dòng Sử Việt* sẽ chỉ phát hành qua Bưu Điện, và bầy bán ở hai nhà sách tại California (nhà sách *Tự Do*, San Jose và nhà sách *Văn Khoa*, Westminster)
. Số ra mắt: tháng 7-9 năm 2006. Giá mỗi số $10.00 (kể cả cước phí hạng nhất trong nội địa Hoa Kỳ)
. Mong đón nhận sự cộng tác của bằng hữu và độc giả bốn phương về hai phương diện: đọc và viết.
. Liên lạc bài vở: Trần Anh Tuấn
. Ngân chi phiếu xin đề: Nhu N. Tran

P. O. Box 1413, Alameda, CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276 h. (nhắn lại)
(510) 220-1535 c.
Điện thư: att411@comcast.net

Tác phẩm thơ mới nhất của DU TỬ LÊ

[nếu cần,] hãy cho bài thơ một tên gọi !?!

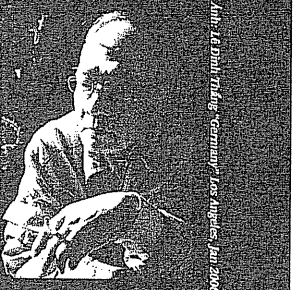

Ảnh: Lê Danh Thắng - Germany / Los Angeles, Jan 2006

Đầu tháng Hai (2006,) nhà thơ Du Tử Lê sưu tầm bài vở,
chuẩn bị cho việc ấn hành thi phẩm
(Nếu cần,) hãy cho bài thơ một tên gọi.
Đây là tuyển tập những bài thơ tác giả viết
trong khoảng thời gian từ 2000 tới đầu năm 2006.
Bất ngờ, công việc tiến hành chưa được bao nhiêu thì,
bác sĩ chuyên khoa cho biết, ông bị ung thư ruột già,
phải chấp nhận tiến hành gấp mọi thử nghiệm,
cũng như giải phẫu, ngăn ngừa...
Đã hơn ba tháng, kể từ ngày nhà thơ Du Tử Lê
nhiều lần vào / ra bệnh viện! Và, ngay lúc này,
cũng chẳng ai biết, bao giờ thì việc trị bệnh cho ông
được coi là hoàn toàn kết thúc...
Vì thế, tôn trọng ý định của tác giả,
chúng tôi cho lên khuôn tuyển tập
(Nếu cần,) hãy cho bài thơ một tên gọi,
tác phẩm thứ 43 của Du Tử Lê, với tất cả những gì có sẵn
trên bàn viết của ông...
Việc in, phổ biến tác phẩm này, theo tác giả,
như một bày tỏ sau cùng, lòng biết ơn đời, biết ơn người của ông - -
Nếu tương lai, ông không có thể có thêm một tác phẩm nào khác.

Trân trọng,
California, May 17 06,
Cơ sở H.T. Productions, USA

Giá 12 Mỹ kim.
Nhà xuất bản H.T. Productions
12751 Lucille Ave.
Garden Grove CA 92841 – USA
E-mail: hanhtuyen@hotmail.com

THÔNG BÁO HỘI AN

Ban Tổ chức **Ngày Đại Hội Liên Trường Hội An**, Quảng Nam trân trọng kính mời: Quý Thầy Cô, Phụ huynh Học sinh, Quý Anh Chị Học sinh các trường Trung Tiểu Học Công Tư Lập Hội An và Đồng Hương Hội An đến tham dự:

NGÀY ĐẠI HỘI LIÊN TRƯỜNG HỘI AN

Thời gian: **5 giờ chiều Chủ nhật ngày 3 tháng 9 năm 2006**
(Labor Day – Lễ Lao Động Hoa Kỳ)

Địa điểm: Nhà hàng **Seafood KINGDOM - Tel: (714) 636- 3098**
9802 Katella Ave. Garden Grove CA 92840
(ngã tư Brookhurst và Katella)

Giá vé tham dự: 30.00 dollars/người

Thông báo này xem như Thiệp Mời tham dự Đại Hội, kính xin Quý Vị phổ biến thông báo này đến mọi người cùng quê, cùng trường về tham dự đông đủ để đem lại kết quả tốt đẹp cho Ngày Đại Hội.

Đây là dịp quý vị gặp gỡ đồng hương và bạn đồng trường sau bao năm xa cách, thưởng thức một chương trình văn nghệ đặc biệt và cùng nhau dùng cơm tối do nhà hàng đảm trách.

Mọi chi tiết và mua vé xin liên lạc:

- **San Diego**: Thầy Nguyễn Ánh Anh (thầy Gấm) (858) 684-3115
- **Sacramento**: Anh Nguyễn Hồng Hà (619) 670-0881
- **San Francisco**: Anh Nguyễn Phú (415) 990-9724
- **San Jose**: Anh Đặng Ngọc Hoàng (408) 476-8719
- **Pomona**: Cô Hứa Ái Hoa (909) 573-4999, hoặc Chợ Hòa Bình Pomona, 1093 E. Holt Ave Pomona CA 91763. Tel: (909) 629-5080
- **Orange County**: Hòa Bình Restaurant, 14172 Brookhurst St GArden Grove CA 92842. Tel: (714) 531-3088

- Los Angeles:	- Anh Thái Tú Bình	**(626) 280-2990**
	- Anh Huỳnh Việt Quế	**(626) 448-3883**
	- Anh Đặng Phúc Nguyên	**(626) 451-8386**
	- Anh Mạc Phi Hoàng	**(626) 452-1645**
- Long Beach:	- Anh Đoàn Ngọc Nam	**(562) 452-1645**
- Orange County:	- Anh Trần Huỳnh Mính	**(714) 838-7620**
	- Anh Phạm Gia Chung	**(714) 251- 4304**
	- Anh Nguyễn Hương	**(714) 220-2189**
- Indiana:	- Anh Nguyễn Thiện Hàng	**(317) 201-0529**
- Virginia:	- Anh Nguyễn Xuân Tám	**(703) 644- 7471**
- Texas:	- Anh Lê Trọng Huế	**(281) 451- 9881**
- Seattle:	- Anh Phạm Truyền	**(206) 760-1707**

Hoặc thăm trang nhà:

www.hoianusa.com - **http://www.geocities.com/hoian-usa/dh.htmt**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 891-8142
E-mail: **theky21@tapchitheky 21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Chapa*, ảnh của nhiếp ảnh gia **Tôn Nữ Thu Nga**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 108 – Tháng Tám 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
9. Trung Đông khói lửa – **Nguyễn Anh Tuấn**
15. Sự kiện Taliban tái hoạt động tại miền Nam Afghanistan – **Đinh Xuân Quân**
18. "An ninh quốc gia" và dân chủ – **Cổ Lũy**
45. Về miền Tây – **Tôn Thất Trình**
LỊCH SỬ
27. Chung quanh khu di tích vườn mộ Phan Bội Châu ở Huế – **Huỳnh Hữu Ủy**
38. Tạ Thu Thâu trong con mắt tàn của Nguyễn Thế Rục – **Phan Văn Hùm**
67. Đạo Thiên Chúa và cuộc xâm lăng của Pháp – **Trần Gia Phụng**
114. Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp – **Trần Đông Phong**
VĂN HÓA
69. Nguyễn Ngọc Tư và "Cánh Đồng Bất Tận" – **Thế Uyên**
81. Wolfgang Amadeus Mozart: Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác phẩm – **Cung Tiến**
108. Huyền thoại Ấn Độ: chuyện Mahabharata – **Nguyễn Hoài Vân**
VĂN
73. Người con gái của quốc mẫu – **Nguyễn Văn Thà**
90. Tình muộn – **Hòa Đa**
95. Thế giới của mợ – **Trần Mộng Tú**
97. Em đẹp nhất đêm nay – **T.S. Arthur,** **Hà Quang Xương** chuyển ngữ
101. Anh cũng sẽ về – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
THƠ
77. Thân phận ca – **Khê Kinh Kha**. 92. Trong hồn em có sẵn một cánh đồng – **Trần Mộng Tú**. 99. Sông tàn núi ngã – **Lý Thừa Nghiệp**. 104. Tôi rạng ngời địa ngục – **Du Tử Lê**
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và bạn đọc
53. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
59. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Nên kỷ niệm một nhạc sĩ bằng nhạc

Kỷ niệm một nhạc sĩ bằng chữ nghĩa thì không bao giờ với tới được cái tinh túy của ông ta. Có thể nhiều người có khả năng viết về một nhạc sĩ, trình bày về cuộc đời, sự nghiệp của nhạc sĩ ấy, thậm chí nhiều người có khả năng diễn tả bằng chữ nghĩa cái "hay" của âm nhạc ông ta, nhưng nếu không được nghe chính âm nhạc ấy thì mọi cái đều vô nghĩa. Trí ta có thể đầy ắp kiến thức về nhạc sử, về tác phẩm, về lời bình luận tài năng của nhạc sĩ, nhưng tâm hồn ta thì trống rỗng, vì không một nốt nhạc nào lọt được vào đấy. *Thế Kỷ 21* làm số đặc biệt về Mozart thì cũng là theo thời thượng của thế giới, kỷ niệm ông 250 tuổi, bài vở cũng rất ích lợi cho kiến thức của độc giả, nhưng có mấy người, qua đó, hiểu được giá trị thực sự của ông ta là như thế nào?

Tôi đọc hai bài du ký của các tác giả Nguyễn Tường Thiết và Lưu Văn Vịnh mới thấy quan cảnh Âu châu người ta kỷ niệm Mozart: kỷ niệm bằng những buổi hòa nhạc, nghĩa là đem những gì đích thực là của Mozart ra mà giới thiệu, chứ không chỉ lăng xăng chạy ở vòng ngoài. Sinh hoạt nghệ thuật của các xứ ấy thích thật! Sống động và đích thực.

Thuần Nhã *(San Diego)*

Sài Gòn và Mozart

Tôi không ngờ dân chúng Sài Gòn cách đây nửa thế kỷ đã được nghe nhạc Mozart trong một kỳ "đại nhạc hội" tưng bừng như thế. Phải nói là Sài Gòn thời ấy văn minh thật! Và tôi tự hỏi nếu Sài Gòn không phải là nhượng địa cho Pháp trong suốt gần cả trăm năm thì có mang được những nét văn hóa như thế? Các nhân vật tiếng tăm trong nhạc hội này như Nguyễn Phụng, Nghiêm Phú Phi đều vừa tốt nghiệp từ các Âm nhạc viện ở Pháp về; một nửa số nhạc công chơi đàn trong giàn nhạc đại hòa tấu thời đó của Sài Gòn là người Pháp; Pháp văn Đồng Minh hội và tòa đại sứ Pháp luôn luôn là nơi hỗ trợ các sinh hoạt văn hóa tầm cỡ... Nếu thời đó mà tổ chức nhạc hội Mozart ở Đà Nẵng hay Huế thì chắc dân chúng còn lạ lẫm lắm, nhưng ở Sài Gòn thì được, vì đã được làm quen với những món cao sang như thế rồi.

Thế Kỷ 21 vẫn độc đáo với những hình ảnh quý hiếm của một thời. Tin tức về một nhạc hội Mozart năm 1956 tại Sài Gòn đã là "của lạ" rồi, lại thêm những hình ảnh mà độc giả không bao giờ ngờ là có: Tổng thống Ngô Đình Diệm ngồi nghe nhạc Mozart, Tổng thống bắt tay nhạc trưởng Nguyễn Phụng... đó là những hình ảnh mà đương thời vào thập niên 1950 ngay người dân miền Nam cũng khó mà thấy được. Hồi đó chỉ thấy hình Tổng thống đi kinh lý, Tổng thống tiếp ngoại giao đoàn v.v... chứ làm sao thấy sự giao tiếp của ông với giới nghệ thuật? Xem những hình ảnh ấy tôi tự nhiên thấy tự hào về Sài Gòn của mình. Đó là vùng đất nhìn ra thế giới, là điểm đi tiên phong mang lại bao điều mới lạ cho đất nước. Tôi có cảm tưởng đối với cái mới, Sài Gòn từ trước tới nay luôn luôn đóng vai trò lôi kéo cả nước chạy theo mình.

Trần Ngọc Mai *(Internet)*

Ý kiến về Phật giáo

Đọc thư của GS Trần Ngọc Ninh viết cho TT Trí Siêu nhân đại hội Phật giáo với chủ đề *Những vấn đề và thách thức của thời đại*, làm tôi nhớ tới viễn kiến của cụ Phan Văn Trường từ thời 1930 "cọng sản Mác xít sẽ thắng ở Á đông về mặt chính trị, nhưng rồi sẽ bị văn hoá Phật giáo đào thải" (hồi ký Hồ Hữu Tường).

Vấn đề thì nhiều:

- Kinh tế thị trường có Thực mới vực được Đạo, lấy Thực làm ưu tiên thì Đạo lý tâm linh đặt ở đâu ?

- Hoằng dương Phật giáo như một Tôn giáo hay một Triết lý sống, hay cả hai, không thể quên **nhu cầu tôn giáo siêu linh sâu thẳm trong con người**, nên nhấn mạnh Mật Tông ?

- Tại sao Phật giáo Tiểu Thừa rất sâu rễ bền gốc trong khi các nước theo Đại thừa, Việt, Tầu, Hàn... lại sa vào duy vật độc tài, và Tin Lành ở Nam Hàn tăng lên tới 40% dân số? Hè 1963, ông Ngô Đình Nhu viết một bài rất dài trên báo Ngôn Luận, nhận định khá đúng về Phật giáo: Phật giáo lớn rộng, có phát triển, chùa chiền xây cất nhiều nhưng thiếu cán bộ. Vấn đề nhân sự nay vẫn còn: số tăng ni không đủ cung ứng, việc huấn luyện chưa hiện đại hoá, việc hoằng pháp thu hẹp vào thuyết giảng kinh sách trừu tượng, tri thức hoá và triết lý hoá, cư sĩ thì nhiều, nhưng số *đội bè lên đầu mà đi không ít*.

Thách thức gì ?

- Phật giáo có nội lực hoá giải, kiến tạo hoà bình, nhưng hành xử ra sao để thuyết phục thế nhân? Có nên huấn luyện cư sĩ thành pháp sư chuyên nghiệp tương tự như Tin Lành, Do Thái giáo không? Nếu

không thì lấy ai điều hành chùa, cơ quan thiện nguyện ?

- Tổ chức lỏng lẻo như cả trăm năm nay thì tự do thoải mái, nhưng Phật giáo sẽ phai mờ và sẽ mất dần vào các tôn giáo khác, mà tổ chức chặt chẽ thì đòi hỏi thế quyền. Muốn giữ chánh tín như các nước Tiểu thừa - ai muốn đổi đạo phải xin phép, như Do Thái: hôn nhân với người khác đạo vẫn giữ đạo gốc của tổ tiên. Phật giáo khó có thể tồn tại trước những thách thức của các luồng gió thần quyền *quốc tế*, có tài lực, nhân lực và vũ lực, đấy là thách thức lớn nhất, hàng trăm năm nay, có lẽ hơn cả thách thức Mác xít và CS *quốc tế*.

Á đông có hai nước Phật giáo mà ta có thể noi gương là Thái và Nhật. Thái giữ được đạo nhờ khối Tiểu thừa khất sĩ, đông và tốt, chung lưng với Ấn Độ giáo; Nhật vững chắc nhờ danh dự dân tộc Thần đạo quyết liệt hợp cùng Thiền phái cao đẹp. Song song với việc **tu chỉnh nội lực** (hoà hợp tam giáo và *đạo nội*), việc kết hợp chặt chẽ cùng các nước Phật giáo, Ấn giáo, để tạo thành một **khối Liên minh tâm đạo Đông phương**, nên là ưu tiên sách lược phục hưng, hộ pháp và hoằng pháp vậy.

Bụt sĩ **Lưu Văn Vịnh**
(Tịnh Khẩu Pháp môn-Bắc Cali.)

Nhạc cổ điển tây phương made in Vietnam

Năm 1956, khi thủ đô miền Nam tưng bừng với tuần lễ kỷ niệm 200 năm ngày sinh Mozart thì ở miền Bắc đang bận... đấu tố. Cả một vùng phía trên vĩ tuyến 17 bị nhấn chìm trong sợ hãi, căm thù, giết chóc. Máu đã nhuộm đỏ khắp vùng nông thôn vốn hiền lành của chúng ta. Thời đó ở ngoài Bắc mà nhắc đến Mozart chắc bị coi là... tâm thần, mà cũng có thể bị kết tội... làm gián điệp vì có liên hệ với một tên Mozart nào đó của Tây phương.

Ấy thế mà mấy chục năm sau miền Bắc cũng văn minh ra phết: hàng loạt người được gửi đi học nghệ thuật tại các nước xã hội chủ nghĩa anh em, rồi miền Bắc có thêm món múa ba-lê rất sang trọng giữa một Hà Nội hãy còn nửa tỉnh nửa quê, có một đội ngũ chuyên sáng tác nhạc cổ điển tây phương, và sáng tác đến đâu trình diễn đến đó... Trong thập niên 80 các đài phát thanh tại Việt Nam đều có chương trình cho nghe nhạc cổ điển tây phương nội hóa này, nhiều người bây giờ nhớ lại hãy còn... rùng mình. Kẻ viết thư này sau khi đi cải tạo chín năm về cũng thường "nghe đài" và cũng nhiều lần cố lắng tai nghe các sáng tác của các vị từng đi học nhạc ở các nước anh em, ban đầu thấy hơi hãnh diện vì nước mình đã bắt đầu bước vào một lãnh vực khó nhất của nhạc cổ điển tây phương, nhưng nghe nhiều lần thì cái cảm quan của mình bắt đầu lên tiếng... cằn nhằn. Vì các tác phẩm ấy dở quá. Đối với lỗ tai đã nghe khá nhiều nhạc cổ điển tây phương thứ thiệt, bây giờ đụng phải cái thứ "nhạc cổ điển" này sao thấy nó kỳ quá, thấy nó giống như một người nói tiếng Pháp hay tiếng Anh chưa rành, chưa vững mẹo luật ngữ pháp, chưa nắm chắc cách phát âm cũng như linh hồn của những ngôn ngữ đó mà đã đăng đàn diễn thuyết bằng tiếng của người ta vậy. Nghe nó ò e ọ ẹ tức cười lắm. Không biết bây giờ trên các làn sóng truyền thanh truyền hình trong nước có còn cái món đó nữa hay không?

Nguyễn Quốc Cần *(Australia)*

Thưa quý thính giả và văn hữu,

Sau nhiều lần dời lại, số đặc biệt về Mozart đã ra mắt tháng qua, và bài vở về nhà soạn nhạc vĩ đại này chắc còn xuất hiện mấy số nữa trên *Thế Kỷ 21*. Thế giới còn kỷ niệm Mozart suốt năm nay.

Số đặc biệt về Cải cách Ruộng đất trước định sẽ ra vào tháng Mười, nay xin dời (lại dời!) vào tháng Mười Một 2006. Số tháng Mười sẽ tập trung một số bài vở tưởng niệm ông Trần Văn Tuyên, một chính khách khả kính của miền Nam đã qua đời trong trại cải tạo của cộng sản sau 1975.

Bây giờ đã nói đến số Xuân 2007 thì có sớm quá chăng? Chắc là không, vì thời gian đi mau lắm. Vậy thì xin tiết lộ cùng quý vị: chủ đề văn học trong số Xuân 2007 sẽ là nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Xin mời quý văn hữu và bạn đọc đóng góp ý kiến, bài vở và tài liệu.

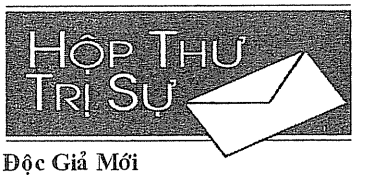

Độc Giả Mới

Brian Ngo – DC; Mai Lam – CA.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyễn Quang Hiển – VA; Minh Hằng Lê – CA; Danny Bùi – CA; Loc Nguyen – CA; Westminster Library – CA; Hoàng Khương Nguyễn – Denmark; Tai V Ha – MA; Trần Huỳnh Mính – CA; Tran Loi – CA; Pham Thanh Chau – VA; Chien Quoc Dang – HI; Ho Phu Bong – FL; Phuong Nguyen – PL.

Độc giả đã đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Lan M Vu – CA; Phạm Công Thiện – TX; Hoàng Giang – IL; Nguyễn Tăng Huy – Greece; Hanh K Liter – HI; Tran Huy Bich – CA; Le Duc Minh – France.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Nguyễn Quang Hiển – VA; Hoàng Khương Nguyễn – Denmark; Tran Hien Dinh – CA; Võ Việt Hùng – CA; Huong Tran – MA; NP Vietnamese Books – Australia.

TRUNG ĐÔNG KHÓI LỬA

NGUYỄN ANH TUẤN

Tại sao Hoa Kỳ thực sự không còn ảnh hưởng nhiều lên tình hình tại Trung Đông?

Những cuộc xung đột đẫm máu và khốc liệt tại chiến trường Trung Đông trong hai tuần lễ qua giữa lực lượng Hezbollah và quân đội Do Thái tại thủ đô Beirut của Lebanon cho thấy mối nguy cơ băng hoại của chính sách ngoại giao đầy tham vọng nhưng hoang tưởng của chính quyền Bush trong vùng Trung Đông. Với sức mạnh tuyệt luân về quân sự của đệ nhất siêu cường trong đầu thiên niên kỷ mới, các nhà lãnh đạo Mỹ theo khuynh hướng tân-bảo-thủ có tham vọng làm một cuộc cách mạng trong chính sách ngoại giao hòng làm thay đổi bộ mặt và cơ cấu chính trị của một vùng đất từ hơn 60 năm qua đã ảnh hưởng quan trọng đến nền kinh tế toàn cầu cũng như đã gây ra nhiều xáo trộn trên trường quốc tế.

Trong tham vọng đó, họ mơ nghĩ đến một kế hoạch táo bạo khởi đi từ cuộc chiến tấn công vào Iraq để lật đổ một chính quyền độc tài (nhưng thực tâm có thể là để chứng tỏ cho thế giới thấy là không ai có thể cản ngăn hay chống cự nổi sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ), để rồi từ đó thổi một làn sóng dân chủ và tự do vào các nước từ lâu nằm dưới các thể chế độc tài hay phong kiến, tạo thêm sức mạnh cho các thành phần ôn hoà trong các nước này để mong dần dần lèo lái hay củng cố cho các nền dân chủ sơ khai dần dần mọc rễ, và sau cùng có thể bảo đảm an ninh cho đồng minh Do Thái, vốn lúc nào cũng phải lo đối phó với kẻ thù là các quốc gia Ả Rập bao quanh.

Thế nhưng sự thật phũ phàng đã không diễn ra êm đẹp như giấc mơ đó. Cuộc sa lầy của quân đội Mỹ tại chiến trường Iraq, dù đã trên hơn ba năm chiếm được và làm chủ tình hình trên toàn lãnh thổ nước này, cho thấy những giới hạn về hiệu quả khá ê chề của một quân đội hùng mạnh nhất thế giới khi mà các quân cụ tối tân, tinh vi và tốn kém nhất như phi cơ không người lái và các chiến đấu cơ F-16, xe tăng Abrams A1 và các phi đạn tầm đích bằng laser cuối cùng vẫn chưa chế ngự được những quả bom nội hoá được chế tạo một cách lén lút và thô sơ nhưng lại được trang bị bằng một tinh thần liều chết điên cuồng không sức nào lay chuyển. Sự lúng túng và khó khăn của quân đội và chính quyền Mỹ lại càng khiến cho tình trạng hỗn loạn trong nước nẩy nở lan tràn; những hậu quả thất nhân tâm của một chính quyền xâm chiếm và đô hộ (như vụ tra tấn tù nhân tại nhà tù Abu Ghraib và thảm sát thường dân Iraq tại Haditha) đã trở thành một công cụ tuyên truyền đắc lực cho các tổ chức Hồi-giáo quá khích dễ chiêu dụ thêm nhiều thành viên hăng hái gia nhập vào hàng ngũ chống đối hay phiến loạn. Sau cùng nó cũng đã giúp cho một chính quyền của lân bang đáng ngại là Ba Tư (Iran), vốn cũng là một kẻ thù của Do Thái và Hoa Kỳ, càng tạo thêm sức mạnh đoàn kết và hỗ trợ từ đa số dân chúng trong nước.

Những biến động đột ngột có thể ảnh hưởng

đến cục diện thế giới hay ít ra là thay đổi nghị trình ngắn hạn của các siêu cường ngoài dự liệu của mọi người quả tình đã được minh chứng một cách cụ thể trong những tháng ngày nóng bỏng của mùa hè năm nay. Và điều này lại càng khiến cho mọi người nhận chân ra cái mong manh của một nền hoà bình trên thế giới. Cuộc chiến tại Lebanon không những đã khiến cho những đề tài nghị sự của khối G8 – cuộc họp thượng đỉnh hàng năm của tám siêu cường kinh tế, năm nay được tổ chức tại Nga – đã bị tạm gác sang bên để chú trọng đến sự khác biệt về chính sách đối phó trong vụ xung đột này giữa Hoa Kỳ và các quốc gia khác, mà dường như nó còn chứng tỏ một phong trào nổi loạn đang dần dần bùng nổ tại nhiều nơi trên thế giới. Tại Iraq, tình hình bất an vẫn tiếp tục ở mức cao và không hứa hẹn một tương lai khả quan hơn, cho dù quân đội Mỹ đã phối hợp với lực lượng an ninh Iraq để tăng cường nhiều cuộc hành quân mở rộng. Tại A Phú Hãn (Afghanistan), trong khi lực lượng của Hoa Kỳ và khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) đang phải chật vật để chỉ đủ giữ gìn an ninh tại thủ đô Kabul cho chính quyền của TT Karzai thì các nhóm quân dân của phe Taliban đã mở các cuộc tấn công vào một số làng mạc và đốt phá các trường học ở miền Nam. Tại Ấn Độ, chính quyền nước này còn đang phải lo dọn dẹp đống hoang tàn đổ nát do một vụ khủng bố phá hoại tại Mumbai mà thủ phạm tình nghi dường như là những tổ chức phiến loạn tại Kashmir thuộc Hồi-quốc (Pakistan), vốn cũng là một kẻ thù của Ấn Độ. Trong khi đó thì Bắc Hàn, vốn đang bị Hoa Kỳ và thế giới tình nghi là đã thủ đắc được vũ khí hạch tâm, lại ngang nhiên đem ra thử lửa một số phi đạn một cách mục hạ vô nhân, xem thường lời cảnh cáo của Liên Hiệp Quốc là có thể bị trừng phạt. Đó là chưa kể đến việc Ba Tư vẫn tiếp tục theo đuổi chương trình tích tụ chất *uranium* trong kế hoạch phát triển năng lượng hạch tâm, vốn đã gây xôn xao trong dư luận thế giới chỉ mới vài tháng qua.

Điều đáng chú ý trong cuộc xung đột lần này là một sự thay đổi khá đột ngột trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ hiện nay. Trong một bước rẽ ngoặt khác hẳn với chính sách đối ngoại áp dụng tại vùng Trung Đông đã kéo dài từ hơn suốt 60 năm qua, lần này chính quyền Bush quyết định không can thiệp vào cuộc xung đột này để tạm chấm dứt những cuộc đụng độ giữa Do Thái và phe Hezbollah hay ít ra là cũng cố gắng mưu cầu một giải pháp thoả hiệp hòng đem lại hoà bình giữa Do Thái và khối dân Palestine.

Kỳ này, Toà Bạch Ốc muốn tìm cách biến đổi vùng đất này bằng cách cô lập hay loại trừ các thể chế thường hay hỗ trợ cho các nhóm khủng bố Hồi-giáo quá khích, cùng lúc với việc thổi một luồng sóng dân chủ vào nhiều nước vẫn còn trong các chế độ độc quyền. Biện hộ cho chính sách này là lập luận cho rằng các chính sách của các chính quyền tiền nhiệm tại Hoa Kỳ trong quá khứ để mưu cầu một nền hoà bình và ổn định tại vùng Trung Đông cũng đã thất bại dẫn đến kết quả hỗn loạn và bất an ngày nay, và do đó một giải pháp thay đổi tận gốc rễ cần phải được đem ra áp dụng.

Trong cuộc khủng hoảng quân sự hiện nay tại Lebanon, TT Bush đã đặt trọng tâm vào mục tiêu triệt hạ hay làm suy yếu đi tổ chức Hezbollah, thay vì chú trọng trước tiên vào việc chấm dứt ngay các hành động bạo lực và trả đũa của đôi bên mà hậu quả đầu tiên là con số nạn nhân vô tội là các thường dân càng tăng cao và dễ khiến cho cuộc xung đột này càng ngày càng trầm trọng khó phương cứu chữa. Khi bị báo giới hỏi về nhận định của ông trong vụ này, TT Bush đã trả lời: "*Mọi người chúng ta đều ghê tởm trước cái chết của những nạn nhân vô tội. Mặt khác, việc mà chúng tôi nhận chân ra là nguyên nhân gốc rễ của vấn đề này nằm ở tổ chức Hezbollah. Và vấn đề đó cần phải được quốc tế tìm cách giải quyết bằng cách nói rõ với chính quyền tai Syria rằng họ cần phải chấm dứt sự ủng hộ với Hezbollah.*"

Đây cũng là sự khác biệt có thể gây nhiều căng thẳng và khó khăn cho Hoa Kỳ với các đồng minh Âu Châu khác, đặc biệt là Pháp, vốn giữ một vai trò quan trọng trong việc mưu cầu một sự ổn định tại một nước đã từng là thuộc địa của mình. Không những lo ngại trước con số tử vong khá lớn của thường dân vô tội sau các cuộc oanh kích tấn công dữ dội của không lực hùng mạnh của Do Thái, chính phủ tại các nước này cũng phải quan tâm đến việc Hoa Kỳ càng tỏ ra ủng hộ Do Thái thì lại càng tạo thêm hố sâu ngăn cách với khối Hồi-giáo (mà các nước phương Tây cũng phải lãnh đủ), khiến cho các phong trào quá khích càng dễ tuyển mộ thêm thành viên, vô tình lại biện minh cho những lời tuyên truyền của Osama bin

Laden về một âm mưu của Tây phương muốn khuynh loát khối Hồi-giáo, giữa lúc mà những rắc rối tại chiến trường Iraq cho liên minh Anh Mỹ vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm.

Trong cuộc họp báo vào ngày thứ Tư 19-07, Phó Tổng Thư Ký của Liên Hiệp Quốc, ông Mark Malloch Brown tuyên bố với các phóng viên: "*Điều cần thiết nhất hiện nay là phải có một cuộc ngưng bắn. Vùng Trung Đông này vốn đã mang đầy rẫy những hậu quả thảm hại của những kẻ lúc nào cũng chỉ tin vào một giải pháp quân sự để giải quyết những vấn đề chính trị trong vùng.*" Ông cũng nói tiếp rằng "*chỉ có những người dân vô tội là đã phải gánh chịu những hậu quả của những vụ xung đột một cách oan uổng*".

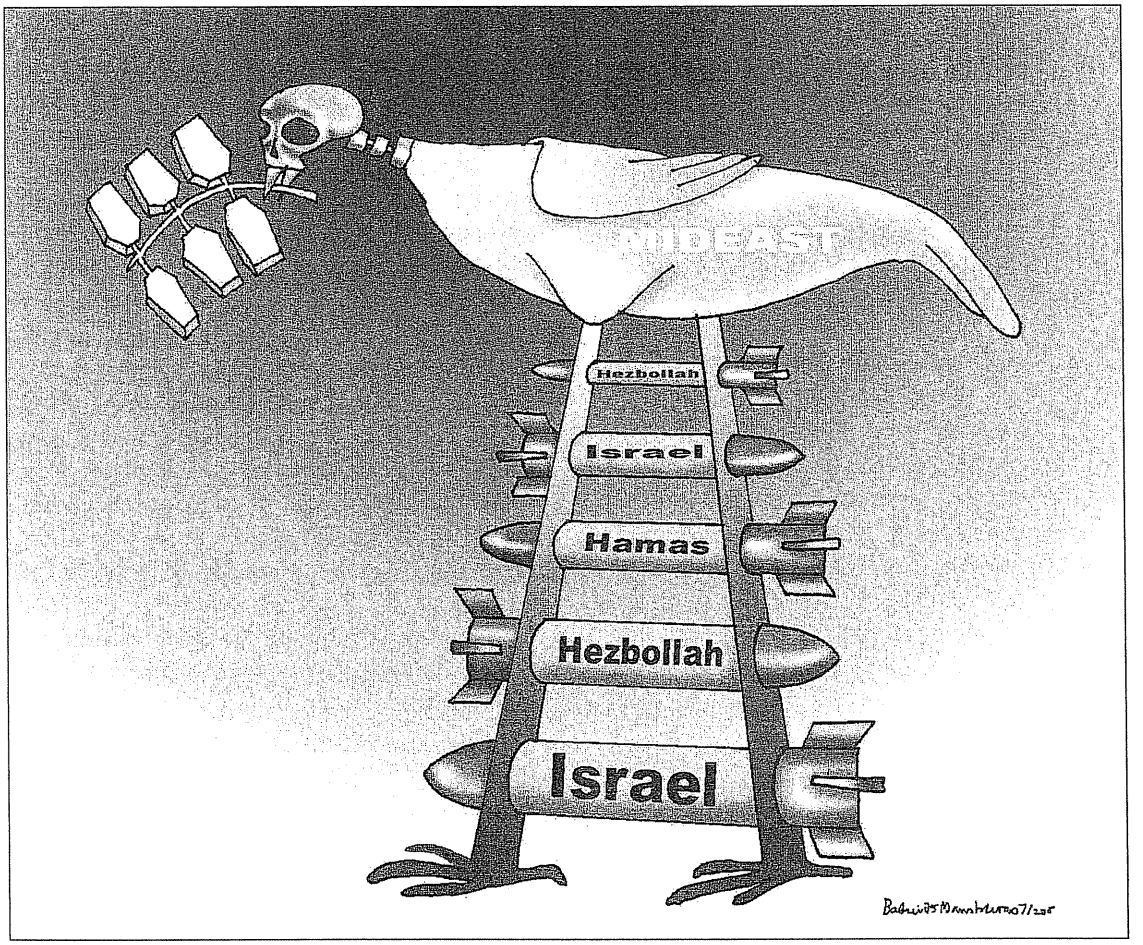

Chính quyền mong manh của Lebanon đã khẩn thiết yêu cầu một cuộc ngưng bắn, và nước Pháp cũng đã yêu cầu Hội Đồng Bảo An LHQ nên thông qua một nghị quyết đòi hỏi các bên phải tạm đình chỉ các hành vi tấn công, đồng thời đưa ra những giải pháp chính trị và an ninh trong vùng. Pháp cũng đã đề nghị mở ra những "hành lang nhân đạo" nhằm bảo đảm an ninh cho những thường nhân muốn lánh nạn. Theo tin tức của chính quyền địa phương, thì chỉ trong hơn 10 ngày khi vụ xung đột nổ ra, đã có khoảng vài trăm thường dân bị thiệt mạng, hạ tầng cơ sở của thủ đô Beirut bị hư hại nặng, và hơn nửa triệu dân (1/8 của dân số cả nước) phải bị di tản.

Tuy nhiên, chính quyền Hoa Kỳ, qua lời tuyên bố của TT Bush cũng như của Ngoại trưởng Condoleezza Rice, vẫn tỏ ra bình chân như vại trước những lời yêu cầu này và sẵn sàng tỏ ra chẳng cần phải áp lực Do Thái tạm ngừng tấn công. Việc Hoa Kỳ càng ngày càng xa rời với lập trường của các quốc gia đồng minh chứng tỏ là quan điểm của chính quyền Bush hiện nay sẵn sàng hài lòng để cho không

lực tối tân của Do Thái tiếp tục tấn công các cứ điểm cũng như nơi ẩn trú của lực lượng Hezbollah với hai mục đích song hành: vừa có thể loại trừ lực lượng này như là một phần tử nguy hiểm trong vùng, và đồng thời cũng uy hiếp luôn tất cả những thành phần hay phe phái cực đoan khác. Trong quan điểm của chính quyền Bush, cuộc xung đột hiện nay không những chỉ là một cuộc khủng hoảng cần phải giải quyết. Nó còn là một cơ hội quý báu để có thể triệt hạ một mối nguy to lớn trong vùng (là tổ chức Hezbollah), tương tự như việc TT Bush tin tưởng vào chính sách tấn công Iraq (để diệt trừ một kẻ thù nguy hiểm là Saddam Hussein). Việc quân đội của Do Thái có thể đánh gục được lực lượng Hezbollah, theo như các cố vấn ở Bạch Cung hy vọng, sẽ giúp hoàn thành được công cuộc xây dựng một thể chế hoàn toàn dân chủ tại Lebanon, đồng thời cũng bắn đi một tín hiệu cảnh cáo mạnh mẽ đến các chính quyền bảo trợ khối Hezbollah là hai nước Syria và Ba Tư.

Thế nhưng đối với các chính quyền tại Âu Châu, việc họ mong muốn một cuộc ngưng bắn, hay ít ra là một cuộc tạm đình chỉ các vụ tấn công, là nhằm giúp cho các thường dân tại Lebanon có thể di tản đến những vùng đất an toàn hơn trong lúc các cường quốc khác đang mưu tìm những giải pháp ngoại giao, cũng như là để ngăn ngừa cho những vụ căng thẳng tại nhiều điểm nóng trong vùng không có cơ nguy bùng nổ thêm. Một viên chức ngoại giao Âu Châu xin được giấu tên để có thể trả lời một cách thẳng thắn đã nhận xét: "*Cả hai khối Ả Rập và khối Ba Tư vốn vẫn tin rằng Hoa Kỳ luôn đồng tình với Do Thái. Giờ đây nếu như điều này xảy ra đúng như họ tin tưởng, thì sự tức giận này sẽ nổ tung lên như nước vỡ bờ. Điều nguy hiểm nhất nếu để cho tình hình này tiếp tục xảy ra là càng ngày Hoa Kỳ càng bị căm thù và oán ghét, dẫu rằng từ khởi thuỷ Hoa Kỳ cũng chẳng lấy gì được cảm tình nhiều trong vùng này.*"

Thế nhưng nhiều chuyên viên về Trung Đông đã cảnh cáo về quan niệm khá đơn giản nhưng đầy nguy hiểm của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, tương tự như điều đã xảy ra trước khi cuộc tấn công Iraq nổ ra vào năm 2003. Theo họ thì Do Thái, và đương nhiên là cả Hoa Kỳ sẽ bị liên luỵ theo, có thể sẽ gặp rủi ro lớn khá nghiêm trọng nếu như cứ tiếp tục mở các cuộc oanh kích như vừa qua gây nhiều thiệt hại về nhân mạng cũng như tàn phá hạ tầng cơ sở tại Lebanon. Lịch sử cận đại tại vùng Trung Đông đã đầy rẫy những thí dụ về hiệu quả giới hạn của sức mạnh quân sự, điển hình nhất là trường hợp của quân đội Do Thái ồ ạt xâm chiếm Lebanon vào năm 1982, để rồi cuối cùng cũng phải rút lui sau khi không còn đủ sức để kéo dài cuộc xâm chiếm, nhưng đồng thời cũng chính cuộc xâm lăng này đã giúp đẻ ra lực lượng Hezbollah, mở ra một mặt trận mới của dân quân kháng chiến chống lại Do Thái.

Những chuyên viên này cho rằng chiến dịch quân sự hiện nay của Do Thái sẽ có cơ nguy biến dư luận của đa số quần chúng tại Lebanon quay ra chống đối Do Thái thay vì phe Hezbollah cho dù chính nhóm này đã chủ động khiêu khích trong vụ xung đột này. Hơn nữa, vì sự tàn phá vào nhiều công sở cũng như hạ tầng cơ sở tại đây, chính quyền tại Lebanon, vốn đang rất mong manh lại càng khó có cơ may để tạo được sức mạnh của mình, vô tình giúp cho những phe phái quá khích có thể tìm thêm ảnh hưởng trên chính trường Lebanon trong thời gian sắp tới. Đây cũng là nhận định của ông Robert Malley, một nhân viên đặc trách về các vấn đề Trung Đông trong Hội Đồng An Ninh Quốc Gia dưới thời TT Bill Clinton, và hiện nay là chuyên viên tư vấn theo dõi tình hình tại đây cho một viện nghiên cứu mang tên là International Crisis Group.

Trong thực tế, cho dù TT Bush vẫn cương quyết tin tưởng vào chính sách cứng rắn để đối phó với các lực lượng khủng bố, như đã biện minh cho các hành động tấn công trả đũa tàn bạo của Do Thái lên dân quân Palestine trước đây, tương tự như hành động của chính quyền Mỹ đối phó với các mối nguy khủng bố sau ngày 11-09-2001, thì những ai có thể quan sát tinh tế đều nhận ra rằng hiện nay chính quyền Bush thật ra không còn có khả năng để can thiệp mạnh mẽ cho vụ xung đột này tại Trung Đông. Nói một cách đơn giản, Hoa Kỳ ngày nay không còn đủ sức (hay không muốn) áp lực lên đồng minh là Do Thái tạm đình chỉ các vụ tấn công vì có cơ nguy biến các vụ xung đột lan rộng ra gây rắc rối sâu đậm cho toàn cầu, cũng như không có khả năng (hay không thích) nói chuyện trực tiếp với phe đối nghịch là Syria và Iran để mưu cầu một giải pháp thoả hiệp.

Giới truyền thông trong thời gian qua có nhắc đến một sự kiện lỡ lời của các vị nguyên thủ

quốc gia (nhưng vô tình bị ghi âm nên đã được nhiều người nghe đến) nhân dịp kết thúc hội nghị G8 tại St. Petersburg ở Nga. Trong lúc trò chuyện với Thủ tướng Tony Blair của Anh Quốc, TT Bush đã bình phẩm về nỗ lực của Tổng Thư Ký LHQ Kofi Annan trong việc mưu tìm một giải pháp ngưng bắn tại Lebanon như sau: "*Cái mà họ (LHQ) cần phải làm là nói thẳng với Syria bảo cho bọn Hezbollah chấm dứt cái trò rải cứt ra đó, thế là mọi chuyện sẽ ổn thoả. Tớ cảm thấy như muốn bảo Kofi gọi thẳng cho Assad (TT Syria) và làm một cái gì đi chứ.*" Dĩ nhiên, ông Bush không phải là viên chức cao cấp duy nhất trong chính quyền Mỹ đã văng tục và bị máy ghi âm những lời vàng ngọc lưu danh cho hậu thế – thành tích này phải nhường cho ông phó Dick Cheney với những từ ngữ nặng mùi và thô lỗ hơn nhiều – tuy nhiên điều đó cũng có nghĩa là những lời ông thốt ra trong chốn riêng tư đã phản ảnh đúng tâm tư và nhận xét của ông.

TT Bush quả thật đã nhận xét rất đúng về vai trò của Syria (tuy rằng đã quên không nhắc đến Iran một cách kỳ lạ) trong vụ xung đột này. Bởi vì người ta khó tin rằng Hezbollah, được tài trợ bằng tiền và khí giới bởi hai quốc gia chính là Iran và Syria, có thể tự tung tự tác ra tay hành động gây máu lửa nếu không có sự đồng ý hay chuẩn thuận từ trước của hai quốc gia đàn anh bảo trợ này. Thế nhưng những lời tâm sự của TT Bush cũng đã chứng tỏ rằng hiện nay Hoa Kỳ không còn nắm một vai trò hay ảnh hưởng lớn trong vụ khủng hoảng này. Nói một cách khác, vị nguyên thủ của đệ nhất siêu cường hiện nay cuối cùng cũng chỉ biết đến khả năng kêu gọi một lãnh tụ của một tổ chức yếu kém (LHQ) mà ông vốn đã xem thường từ lâu hãy đứng ra can thiệp cho một vụ xung đột có nguy cơ dẫn đến một cuộc chiến rộng lớn trong vùng. Và điều đáng lo hơn nữa, là nếu như không có một sự can thiệp mạnh mẽ từ phía Hoa Kỳ, rất khó có một cường quốc hay tổ chức nào có đủ sức mạnh để đem lại một sự ngưng bắn được mọi bên chấp nhận.

Thế nhưng khi ông Kofi Annan tuyên bố trước Hội Đồng Bảo An LHQ vào ngày thứ Năm vừa qua rằng chúng ta cần phải có một cuộc ngưng bắn ngay lập tức cũng như tăng cường thêm lực lượng đa quốc gia trong chiến dịch gìn giữ hoà bình, thì đại sứ Mỹ tại LHQ là ông John Bolton đã thẳng thừng bác bỏ đề nghị này. Ông Bolton cùng với phe cánh bảo thủ nằm đầy rẫy trong chính quyền Bush trong thời gian qua còn muốn cho Do Thái tiếp tục bầm dập Hezbollah và Lebanon trong một thời gian lâu hơn nữa. Chính sách đối ngoại của ông Bush rõ ràng là đã tạo nên một tình trạng liên đới giữa những thành phần cực đoan nhất ở mọi phía: từ các lực lượng Hồi-giáo quá khích như Hamas, Hezbollah cho đến các thành phần cực hữu của Do Thái, các giáo sĩ nắm quyền tại Iran cũng như tổ hợp bảo thủ Cheney-Rumsfeld trong chính quyền Mỹ. Những thành phần quá khích này chỉ có cơ hội vẫy vùng hay múa may trên chính trường khi các phần tử cực đoan đối nghịch đang cầm quyền hay tung hoành trên chiến tuyến.

Thật ra thì không phải đợi đến khi ông Bush lên cầm quyền thì Hoa Kỳ mới phải đối phó với những mối hiểm nguy để mưu cầu một đường sinh tồn. Trong thời kỳ Chiến Tranh Lạnh mà TT Kennedy đã từng gọi là "một cuộc chiến tranh tối tranh sáng dài lâu," khối cộng sản Sô Viết mới thật là một mối hiểm nguy đáng sợ cho sự tồn vong của Hoa Kỳ và cả thế giới. Không những phe này có vũ khí hạch tâm, mà còn có đến hàng ngàn quả bom và đầu đạn nguyên tử với tham vọng làm bá chủ hoàn cầu.

Dĩ nhiên, đã có những thành phần cứng rắn sẵn sàng ủng hộ một giải pháp ra tay đụng độ, một kiểu Đệ Tam Thế Chiến. Rất may là điều đó đã không xảy ra, những đầu óc khôn ngoan và chín chắn hơn, không cần phải giương oai diệu võ để chứng tỏ sức mạnh và trí thông minh của mình, đã thắng những con người chỉ thích khoe khoang về thành tích cương quyết không bao giờ thay đổi lập trường. Cuối cùng thì chính sách cô lập và be bờ (containment) đã thắng, và chế độ cộng sản tan rã.

Dĩ nhiên, TT Bush không phải là tác giả đã khai sinh ra tinh thần Hồi giáo cực đoan, thế nhưng có thể là ông đã đẩy cho nó có thêm sức mạnh vươn lên. Không ai tin rằng các giáo sĩ độc tài cầm quyền tại Ba Tư, những lãnh tụ các tổ chức khủng bố như Hamas và Hezbollah, những tay ôm bom tự sát tại Iraq hay Palestine là những thành phần có hảo ý nhưng vì bị hiểu lầm nên đã chọn lựa con đường bạo động, và do đó chỉ cần đưa ra một giải pháp đền bù thoả đáng là sẽ giúp cho họ quay về với con đường thiện. Trong thực tế, đa số những thành phần này có thể là những mối nguy cho lý tưởng tự do và dân chủ trên toàn cầu, và do đó cần phải được loại trừ thay vì dụ dỗ hay mua chuộc. Thế nhưng vấn đề là phải tìm ra một phương pháp nào hiệu quả nhất cho việc ngăn chặn hay "be bờ" cho những thế lực đó không có cơ may tràn lan khắp nơi.

Trong những thập niên qua, từ thời các TT Carter, Reagan, Bush bố cũng như Clinton, mỗi khi có các cuộc xung đột tại vùng Trung Đông, Hoa Kỳ lúc nào cũng liền gửi ngay một vị đặc sứ cao cấp đến viếng Do Thái cũng như thủ đô của các quốc gia Ả Rập liên hệ với mục đích chính là ngăn chặn cho các vụ đụng độ không có cơ nguy gia tăng hơn. Hiện nay, chính quyền Bush trên lý thuyết chỉ còn có khả năng ảnh hưởng lên chính quyền Do Thái (nếu như thật sự sáng suốt nhận ra nhu cầu) nhưng lại không có khả năng gì lên hai thủ đô quan trọng khác là Damacus của Syria và Tehran của Ba Tư.

Hoa Kỳ đã cắt đứt liên hệ ngoại giao với Ba Tư kể từ khi cuộc cách mạng Hồi-giáo nổ ra tại nước này vào năm 1979. Đối với Syria, mặc dù đã cộng tác với Hoa Kỳ qua việc cung cấp tin tức tình báo về tổ chức al-Qaida sau vụ 9/11 nhưng sau đó đã không được đáp ứng mà còn bị đe doạ và cảnh cáo vì vụ nổi loạn của quân dân Iraq trong thời gian qua đã dùng biên giới Syria-Iraq để xâm nhập vào Iraq. Đến năm 2005, nhân vụ cựu thủ tướng Hariri của Lebanon bị ám sát bởi những thành phần tình nghi là thân với phe Syria, chính quyền Mỹ liền triệu hồi đại sứ về nước. Chính quyền Mỹ lúc ban đầu hy vọng rằng cuộc chiến tại Iraq lật đổ được nhà độc tài Saddam Hussein sẽ sớm dẫn đến tình trạng thay đổi chế độ tại hai nước độc tài khác là Syria và Iran. Điều này càng khiến cho chính quyền hai nước này tìm cách khuấy rối tại Lebanon cũng như tại Iraq và những nơi khác để mong cho Hoa Kỳ không thể rảnh tay nghĩ đến chuyện dứt điểm mình.

Nhiều người có thể lạc quan tin rằng với sức mạnh quân sự vượt trội, Do Thái có thể triệt tiêu được Hezbollah. Lịch sử cận đại đã chứng minh điều này là quá lạc quan đến gần như hoang tưởng. Hezbollah không phải là một lực lượng dân quân theo nghĩa chính quy mà một lực lượng hùng mạnh hơn có thể đè bẹp một cách dễ dàng. Nó đã được ăn sâu trong khối dân Shiite chiếm tỷ lệ 40% dân số tại Lebanon, chiếm được cảm tình của đa số dân chúng bởi các hoạt động xã hội và y tế công cộng tương tự như trường hợp của tổ chức Hamas tại Palestine. Ngoài ra, nó còn là niềm hãnh diện cho khối dân này vì đã góp phần đẩy lui được sức mạnh của Do Thái sau khi đã tốn hơn 18 năm trời dai dẳng chiếm đóng Lebanon từ năm 1982 nhưng sau cùng phải rút lui vào năm 2000.

Trong thực tế, điều gì có thể khiến cho Hezbollah và Hamas chịu từ bỏ vũ khí để nói đến chuyện hợp tác? Điều chắc chắn là phải có sự thoả hiệp và tương nhượng từ đôi bên, chứ không thể nào để tiếp tục xảy ra tình trạng lộng quyền của Do Thái, dựa vào sức mạnh quân sự do Hoa Kỳ viện trợ. Muốn giải quyết vấn đề Hezbollah, Hoa Kỳ cần phải nói chuyện trực tiếp với Syria và Iran, và canh bạc Hezbollah đòi hỏi một giải đáp rộng lớn cho toàn vùng.

Thế nhưng cuối cùng thì TT Bush cũng không thể bốc điện thoại để nói thẳng với TT Assad của Syria "để làm một cái gì đó," và Ngoại trưởng Rice cũng không thể đến viếng những thủ đô Ả Rập quan trọng và liên hệ nhất.

Chẳng trách nào mà một vị nguyên thủ quốc gia của một siêu cường phải thốt lên lời tự thú mong muốn cho ông Kofi Annan đứng ra nói hộ cho mình.

SàiGòn, 25-07-2006

SỰ KIỆN TALIBAN TÁI HOẠT ĐỘNG TẠI MIỀN NAM AFGHANISTAN

ĐINH XUÂN QUÂN

Kể từ 2001, năm nay là năm đầu tiên ảnh hưởng Taliban lên cao nhất tại ba tỉnh miền Nam Afghanistan: Helmand, Kandahar và Uruzgan. Liệu đây có phải là dấu hiệu phong trào Taliban trở lại kiểm soát các địa phương chăng?

Người am hiểu về Afghanistan ai cũng biết nhiều tỉnh miền Nam là địa bàn dân Pashtun sinh sống. Bộ tộc Pashtun sống hai bên biên giới Afghanistan và Pakistan. Họ theo một thứ Hồi giáo khá cực đoan (đàn ông phải để râu, đàn bà không được ra ngoài nhà, không được đi làm, không được đi học), trình độ học vấn thấp, dân chúng ít biết về tình hình bên ngoài tỉnh hay địa phương của họ.

Nhiều nơi trong ba tỉnh miền Nam Kandahar, Helmand, Uruzgan, chính phủ trung ương không có mặt từ nhiều năm nay. Đây cũng là chỗ trồng cây á phiện (thẩu) nhiều nhất. Gần đây quân Taliban — và một số lãnh chúa đã khuyến khích nông dân trồng cây thẩu và họ hứa sẽ bảo vệ nông dân trong việc này.

Đứng bên ngoài ai cũng tưởng là Taliban rất mạnh và gây nhiều khó khăn cho chính phủ. Những người am hiểu tình hình tại đây cho sự tái hoạt động của quân Taliban là do các nguyên nhân sau: 1) Thay đổi quân sự; 2) Vắng mặt của chính phủ trung ương từ nhiều năm; 3) Cây thẩu.

Quân NATO tại các tỉnh miền Nam

Từ năm 2005 đã có tin là quân NATO và nhất là quân Anh tại tỉnh Helmand, quân Canada tại tỉnh Kandahar và quân Hà Lan cùng Roumania tại tỉnh Uruzgan sẽ thay thế quân Mỹ tại ba tỉnh miền Nam khó trị này. Từ cuối năm ngoái, phát ngôn viên quân sự NATO và Mỹ cũng cho biết là quân Taliban sẽ cố gây bất an ninh sau mùa đông, sẽ cố gây nhiều vụ tự sát và bạo động. Các vụ bạo động từ đầu năm 2006 đến nay đã làm trên 800 người đã thiệt mạng. Quân Taliban cũng đe dọa quân Anh, Canada, Hà lan và Roumania - khoảng 6,000 quân - đến trấn đóng trong ba tỉnh này. Số quân này đã nhân gấp đôi sự hiện diện quân NATO tại đây.

Thơi gian gần đây quân NATO đụng thường xuyên với quân Taliban và lần mới nhất cuộc chạm súng chỉ cách tỉnh Kandahar có 35 km mà thôi. Nhiều người dân đã phải bỏ nhà, bỏ làng chạy trốn vào tỉnh lỵ. Quân NATO đã phải dùng đến không quân để hỗ trợ quân đội chính phủ trong các vụ truy lùng. Theo các chuyên gia LHQ thì đây là thời gian bất ổn nhất từ nhiều năm nay

Ban đêm Taliban có khi còn đặt các trạm kiểm soát trên các tỉnh lộ và sau đó lại biến mất. Taliban dùng luật Hồi giáo Shariah trong cố gắng sử dụng một nền hành chính Hồi giáo. Taliban cũng cho phá nổ các trường con gái (họ cho là con gái phải ở nhà không được đi học), ám sát công chức chính phủ. Tại tỉnh Kandahar, quân Taliban cũng ám sát nhân công của một hãng thầu xây cất đường và hạ tầng cơ sở, trong đó có nhân viên của một công ty Ấn. Pakistan và Ấn đang tranh dành ảnh hưởng tại Afhganistan, và Taliban thiên về Pakistan. Vụ tranh chấp có ảnh hưởng chính trị đến Afghanistan. Nhìn chung, Taliban đang cố gắng gây tình trạng bất an, để từ tình trạng nước đục mà thả câu.

Những trận đụng độ - chạm súng đã kéo theo vụ ném bom vào nhà thường dân, nơi Taliban ẩn trú, gây 35 thường dân chết. Việc này gây nhiều tai tiếng cho quân đội Mỹ. Vì quân Taliban sử dụng thường dân làm bia đỡ đạn và hay trú vào nhà thường dân, dân tại huyện Tolakan nay đã hết sức bực mình tức tối vì Taliban đã lợi dụng họ và gây nhiều thiệt hại cho họ.

Taliban gần đây cũng thành công chiếm giữ một huyện trong hai ngày trước khi bị quân NATO và quân chính phủ tái chiếm. Tại tỉnh Uruzgan, nhiều quân Taliban đã bị quân đội trung ương hạ sát. Một cuộc chạm súng khác xẩy ra tại huyện Checlnarto gần tỉnh lỵ Tirin kot khi Taliban phục kích một đoàn xe chính phủ; trong vụ này khoảng 13 lính Taliban bị hạ sát, trong đó có mấy người mang thẻ căn cước Pakistan.

Các vụ đụng độ này gây bất an cho dân tại Kandahar, một tỉnh lỵ khá tốt và giàu có nhờ thương mại, nằm trên con đường nối liền Afghanistan và Iran phía bên Tây và với Pakistan phía đông. Nên nhớ là Kandahar là nơi Taliban bắt đầu ra quân vào năm 1994 tái chiếm Afghanistan sau khi Nga rút lui.

Tàn quân Taliban chỉ gồm vài trăm người và nay nhờ căn cứ dưỡng quân bên Pakistan, họ có nơi nghỉ ngơi, bổ sung quân số và tái tổ chức hàng ngũ. Họ sử dụng hệ thống Madrassas (hệ thống trường Hồi giáo) để tuyển thêm lính. Mặc dù Taliban thiệt hại nhiều nhưng nhờ những hậu cứ này ở Pakistan, lại thêm được sự hỗ trợ của các giáo sĩ cực đoan của hệ thống Madrassas và sự tài trợ của Trung đông, lực lượng của họ lại hồi sức. Theo các giáo sĩ dạy học trong hệ thống Madrassas, những người đầu quân mà bị tử trận sẽ lên thiên đàng. Với sự hỗ trợ của người gốc Pashtun ở bên kia bên giới Pakistan, quân Taliban có thêm tình nguyện viên sẵn sàng "tử vì đạo." Nay quân Taliban có thể lên đến vài ngàn người vì họ có thể di chuyển dễ dàng từ tỉnh Quetta và Miram Shah thuộc Pakistan để sang Afghanistan.

Theo Đại tá Ian Hope tư lệnh quân Canada tại tỉnh Kandahar thì số quân NATO sẽ tăng dần từ 9,700 lên đến 16,000 và trong đó 6,000 sẽ đồn trú ở phía Nam Afghanistan. Vừa rồi, quân đội NATO đã thành công triệt hạ được em re3 của giáo sĩ Omar — cựu Thủ tướng thời Taliban. Từ khi NATO tăng quân để bình định các tỉnh bất trị này đã gây thêm nhiều cuộc đụng độ với Taliban.

Sự vắng mặt và yếu kém của chính phủ

Mối lo của chính chính phủ trung ương là sự hầu như vắng mặt của họ trong nhiều năm tại các tỉnh miền Nam, do đó có tình trạng thiếu an ninh tại đây. Sau 30 năm chiến tranh và nội chiến, nền hành chính của Afghanistan yếu kém, thiếu hiệu quả trong việc xây dựng đất nước cũng như làm cho guồng máy nhà nước chạy. Ví dụ như lương công chức - cho thầy cô giáo, bị trả trễ, nhiều khi trễ nhiều tháng; có trường nhưng không có thầy vì thiếu kế hoạch; nhiều nơi trẻ còn phải học dưới các mái trường "dã chiến" — các lều do LHQ cung cấp; chưa có nhịp nhàng làm việc giữa các cơ quan như cảnh sát, hành chính và các cơ quan chuyên môn như y tế, giáo dục, v.v.

Việc vắng mặt của chính phủ ảnh hưởng đến việc "bình định và phát triển" tại các tỉnh miền Nam. Theo Tổng thống Karzai thì tại một huyện thuộc tỉnh Kandahar chỉ có 45 cảnh sát cho một dân số là 65,000. Chính phủ cần gấp ba số cảnh sát để giữ an ninh trật tự, tăng sự hiện diện của chính phủ trung ương tại các nơi hẻo lánh này. Cảnh sát viên lãnh $70 đô/tháng nhưng họ thiếu trang bị súng và nhiều khi không được trả lương kịp thời cho nên đã xảy ra nhiều vụ đào ngũ.

Theo nhiều quan sát viên thì quân đội NATO sẽ gặp nhiều khó khăn tại các tỉnh phía Nam này. Hiện nay quân NATO đang cố gắng dành lại đất và dân tại ba tỉnh phía Nam. Bắt đầu có nhiều cố gắng chiếm đất — tái lập sự hiện diện của chính phủ tại vùng này như Tháng 6- 2006, trên 11,000 quân NATO và quân chính phủ Afghan càn quét tại các tỉnh Kandahar, Helmand, Zabul và Uruzgan để "chiếm đất", lập sự hiện diện của chính phủ và dành dân tại các tỉnh núi non hiểm trở ráp giới với Pakistan. Tháng 4. 2006: 2,500 quân Mỹ và Afghan càn quét tại tỉnh Kunar ráp biên giới Pakistan. Tháng 8. 2005: TQLC Mỹ và lực lượng đặc biệt Afghan càn quét tại tỉnh Kunar sau khi có vụ đụng chạm với người nhái SEAL Mỹ. Sự không có mặt của chính phủ trung ương trong nhiều năm cũng gây tình trạng cướp bóc hoành hành, mất an toàn. Vừa rồi quân đội trung ương và cảnh sát đã phải đối đầu với trên 300 quân Taleban tại Helmand. Quân Anh đã trợ giúp về cấp cứu y tế, nhưng sự hỗ trợ của máy bay Pháp đã làm tăng tinh thần chiến đấu của quân và cảnh sát chính phủ trung ương. Theo Bộ trưởng Quốc phòng Wardak thì chính phủ cần mộ thêm dân quân để phụ cho quân đội trung ương và dân quân sẽ được trang bị tốt hơn.

Trong những năm qua chính phủ và LHQ có chương trình giải giới đối với thành phần "không chính quy" và việc mộ thêm dân quân nghĩa quân hiểu theo nghĩa là "tay chân" của các lãnh

chúa làm cho nhiều người e ngại, vì dân quân kiểu này hay dựa thế hiếp đáp dân lành. Nhưng theo ông Rahimi phát ngôn viên của TT Karzai thì dân quân hay nghĩa quân mới này sẽ là thành phần trung thành với chính phủ trung ương và được coi như là một thứ cảnh sát tại nông thôn. Nó sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tái chiếm, dành dân, giữ đất và "bình định, phát triển" cho ba tỉnh miền Nam.

Cây thẩu

Afghanistan sản xuất 90% á phiện trên thế giới. Á phiện được xuất sang Âu châu qua ngã các nước Trung á cựu Soviet cũ hay Iran, Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ. Một mẫu thẩu đem lại lợi tức gấp 10 đến 20 lần mẫu lúa hay bắp. Bỏ ra ít công mà lợi tức cao cho nên nông dân sẵn sàng trồng thẩu. Hơn nữa nhờ á phiện lại không cồng kềnh, chuyên chở dễ dàng. Á phiện là nguồn lợi tức lớn của nông dân.

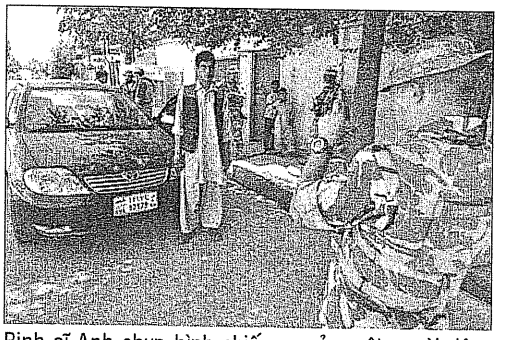

Binh sĩ Anh chụp hình chiếc xe của một người dân Afghanistan sau khi khám xét chiếc xe này.

Trước đây Taliban cấm trồng á phiện, có lẽ vì chất ma túy không hợp với giáo điều Hồi giáo, nhưng trong những năm qua, Taliban và các lãnh chúa đã khuyến khích nông dân trồng cây thẩu để họ lấy thuế và thu mua để tài trợ chiến tranh. Ngược lại chính phủ đã có nhiều đợt diệt trừ ma túy và á phiện.

Như vậy, quân Taliban và các lãnh chúa sống và làm giàu nhờ á phiện không thể làm ngơ, để chính phủ ra tay mà không có phản ứng. Do đó đã có nhiều vụ ám sát cảnh sát diệt trừ cây thẩu, ám sát các công chức, giáo chức thân chính phủ. Tại tỉnh Helmand người ta có thể thấy rất nhiều ruộng trồng cây thẩu và tỉnh sản xuất phân nửa số á phiện tại Afghanistan, trị giá có thể lên đến cả tỷ đô. 90% á phiện tại Anh là từ Afghanistan. Một nửa GDP của Afghanistan là từ á phiện. Việc diệt ma túy cần nhiều thời gian và chỉ có thể diệt trừ một phần thôi. Tại Kabul, 31 tấn ma túy được tịch thu, trong đó phân nửa là cần sa, còn là á phiện.

Ngoài ra vị trí Afghanistan ở giữa Iran và Pakistan cũng đặt cho nước này một vị thế chính trị tế nhị. Hai nước láng giềng này không muốn thấy một nước Afghansitan mạnh và có sự hiện diện của quân Mỹ đồn trú tại đây. Iran sợ không quân Mỹ dội bom các nhà máy hạt nhân từ các căn cứ tại Irak hay Afghanistan. Trong khi đó Pakistan muốn chi phối Afghanistan vì họ cùng bộ tộc Pashtun; đây là những mưu đồ từ ngàn năm, những tồn tại của lịch sử.

Các lý do trên cho thấy tại sao Taliban có thể tái hoạt động. Nhưng gần đây quân NATO đã cố gắng rất nhiều để diệt trừ sự hiện diện của "ổ Taliban" tại miền Nam.

Nhìn vào tương lai

Đến nay, tình trạng Afghanistan chưa đến nỗi tệ hại như tại Irak, đó là nhờ dân chúng chán nản chiến tranh, chết chóc. Các thành phần quá khích trong hàng ngũ Taliban thường là gốc A rập, Chechen, hay Pakistan chứ không phải người Afghanistan.

Vậy câu hỏi chính là làm sao có sự trợ giúp đúng mức của các nước và LHQ để xây dựng guồng máy hành chính? Làm sao có kế hoạch nhịp nhàng giữa "bình định và phát triển"? Làm sao có guồng hành chính tốt để chính phủ có mặt trên khắp mọi nơi tại Afghanistan? Làm sao dành dân chiếm đất?

Những câu hỏi này nhiều người Việt chúng ta đã trải qua. Theo quân NATO thì cần mang bình định và phát triển để chính phủ có thời gian xây dựng dân chủ. Liệu đồng minh có bỏ chạy hay không? Liệu chính phủ Afghanistan đủ mạnh mau chóng để không cần viện trợ của Mỹ hay các nước khác?

Hiện nay quân NATO hứa trợ giúp chính phủ trong dài hạn. Taliban không được Trung Quốc và Nga trợ giúp vì chính họ cũng gặp nhiều vấn đề với dân gốc Hồi giáo. Cuộc chiến chống khủng bố khác hẳn với chiến tranh lạnh. Làm sao chính phủ Afghanistan có thể khôn khéo lèo lái để đánh đu giữa các thế lực địa phương như Iran, Pakistan và Ấn?

Trả lời những câu hỏi này cần nhiều thời gian, để xây dựng mau chóng nền hành chính vững mạnh hầu chính phủ có thể có mặt tại mọi nơi trong chiến dịch dành dân chiếm đất. Xây dựng là cực kỳ khó và đòi hỏi phải kiên nhẫn.

Từ Kabul - Afghanistan

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
"AN-NINH QUỐC-GIA" VÀ DÂN-CHỦ

CỔ-LŨY

Một ngày trước cuối tháng Sáu vừa qua Tối-cao Pháp-viện Mỹ (United States Supreme Court) tuyên bố tổng-thống George W. Bush đã đi quá quyền-hạn của hành-pháp trong cuộc chiến chống khủng-bố. Tòa quyết-định tổng-thống không có quyền ra lệnh cho bộ Quốc-phòng thiết-lập những những ủy-hội quân-sự (military commission —không phải là tòa-án quân sự, military court) tại căn-cứ quân-sự Mỹ tại vịnh Guantánamo (ở Cuba, thuộc quyền Hoa-Kỳ và được dùng như nhà tù tối-mật giam-giữ những người bị nghi-ngờ là khủng-bố từ cuối năm 2001) mà không có sự thỏa-thuận của Quốc-hội.

Trong phán-quyết vụ kiện "Handam vesus [Tổng-trưởng quốc-phòng] Rumsfeld," với đa-số 5 trên 3 Pháp-viện xác-định các ủy-hội quân-sự hành-pháp đề ra không đạt tiêu-chuẩn vô-tư công-bằng dựa trên Luật Quân-pháp Đồng-nhất (Uniform Code of Military Justice) và Qui-ước Quốc-tế Geneva về cung-cách đối-xử với tù-nhân chiến-tranh.

Quyết-định này đánh dấu thất-bại pháp-lý lớn và nghiêm-trọng nhất của chính-quyền Bush trong cuộc chiến chống khủng-bố toàn-cầu (G-WOT, Global War On Terror) đã sang năm thứ năm, và cũng phủ-nhận nỗ-lực của chính-quyền từng lạm-quyền với lý-luận rằng "vì an-ninh quốc-gia" (national security) tổng-thống với tư-cách tổng-tư-lệnh quân-lực Mỹ có-quyền làm luật hoặc đứng trên luật-pháp trong thời chiến, kể cả cuộc chiến không-qui-ước chống khủng-bố.

Nói một cách khác, Tối-cao Pháp-viện (tư-pháp), tuy có hơi chậm-trễ, đã tái xác-nhận nguyên-tắc phân-quyền (separation of power, rất quan-trọng trong đời sống chính-trị dân-chủ thực-sự) giữa lập-pháp (quốc-hội dân cử), hành-pháp (nhà nước hay chính-quyền) và tư-pháp (các tòa-án). Tư-pháp cũng nhắc nhở giới lập-pháp, với đa-số thuộc đảng Cộng-hòa, đã quá lơ-là dễ-dãi với nhà nước cùng một đảng mà không làm đúng bổn-phận giám-sát và quân-bằng quyền-lực giữa ba nhánh (oversight và "checks and balances") trong năm năm qua khiến giới truyền-thông (media, gồm báo-chí, truyền-thanh, truyền-hình —rất mạnh và được xem là quyền thứ tư trong xã-hội thực-sự dân-chủ tự-do) hay gọi ông George W. Bush là vị tổng-thống vua-chúa (imperial president, thu-góp quá nhiều quyền-hành vào tay hành-pháp).

Hành-pháp thường lý-luận rằng Quốc-hội ngay sau vụ tấn-công Chín tháng Mười-một, 2001 đã ra nghị quyết trao vào tay tổng-thống quyền-lực rộng-lớn trong thời chiến. Nay Pháp-viện đưa ra cái nhìn rất hạn-chế về những quyền-lực này, rõ-rệt nhất là quyền của Tổng-thống thiết-lập các ủy-hội quân-sự rút từ nghị-quyết của Quốc-hội. Từ quyết-định của Pháp-viện những chương-trình, biện-pháp chống khủng-bố khác rút từ nghị-quyết cũng dễ bị thách-đố về mặt pháp-lý, rõ-rệt nhất là những trung-tâm giam-giữ tù-nhân bí-mật của Hoa-Kỳ ở các nước châu Âu, châu Phi và nhiều nơi khác nữa, và chương trình nghe lén truyền-thông điện-tử của tổ-chức phản-gián cực-kỳ bí-mật Cơ-quan An-ninh Quốc-gia (National Security Agency, NSA) từng bị phát-giác và phản-đối mạnh-mẽ năm nay.

Một hệ-quả bất-lợi khác cho hành-pháp là, dựa vào quyết-định của Pháp-viện nhiều nước sẽ buộc và xử tội-ác trong thời chiến các nhân-viên tình-báo CIA, lính-tráng và viên-chức Mỹ liên-hệ đến việc đối-xử tàn-bạo (bắt cóc, tra-tấn hoặc giết-hại) với tù-nhân hoặc người bị bắt giữ hợp hay không hợp-pháp. Những người vi-phạm tội ngược-đãi tù-nhân cũng có thể bị xét-xử theo luật Tội-ác Chiến-tranh bởi các chính-quyền sau chính-quyền Bush.

Tất cả những điều trên đã được tiên-đoán năm năm trước khi chính-quyền Bush bắt đầu phản-ứng mạnh-mẽ sau vụ tấn-công Chín tháng Mười-một dẫn đầu bởi phó tổng-thống

Dick Cheney, tổng-trưởng quốc-phòng Donald Rumsfeld, tổng-trưởng tư-pháp John Ashcroft cùng các luật-gia thiên hành-pháp và giới trí-thức chiến-lược tân-bảo-thủ (néo-conservatives) nhằm củng cố tối-đa quyền-lực của nhánh hành-pháp. Nhiều luật-gia thuộc bộ Ngoại-giao và ngành Quân-pháp (Judge Advocate General, JAG) Mỹ đã lên tiếng báo-động và cảnh-cáo chính-quyền về những vi-phạm cũng như hệ-quả nghiêm-trọng nhưng họ đã bị gạt qua một bên —cho đến quyết-định mới đây của Tối-cao Pháp-viện.

Đây cũng không phải là thất-bại đầu tiên của chính quyền liên-hệ đến việc đối-xử với người bị giam-giữ ở vịnh Guantánamo. Hai năm trước, vụ án "Rasul versus Bush" ra trước Pháp-viện và với tỉ-số 6 trên 3 Pháp-viện đã quyết-định những người bị giam-giữ có quyền được tham-dự vào xử án để chứng-minh rằng họ bị giam-giữ không đúng luật-pháp. Hiến-pháp Mỹ (một hiến-pháp khá hoàn-hảo trong việc bảo vệ quyền của người dân và được rất nhiều nước khác bắt chước theo) xác-định rõ-rệt không ai bị bắt giữ bởi Hoa-Kỳ "sẽ bị tước-bỏ mạng sống, quyền tự-do hoặc tài-sản của mình nếu chính-quyền không theo đúng thủ-tục pháp-lý." ("Due Process"). Tuy những người bị giam-giữ không được hưởng đầy-đủ quyền được xử án theo đúng pháp-lý dân-sự họ có những quyền căn-bản của người hiện-diện trên đất Hoa-Kỳ.

Đây là một thí-dụ rõ-rệt về xã-hội thượng-tôn luật-pháp và một bài học dân-chủ cần ghi nhận.

CỔ-LŨY

Ngày 29 tháng Sáu vừa qua Tối-cao Pháp-viện, với đa số năm-trên-ba rõ rệt (chánh án Tối-cao Pháp-viện tương đối còn mới, ông John Roberts không tham dự vào quyết định để tránh tiếng thành kiến bất lợi vì trước đây ở dưới mức tòa thấp hơn ông đã có quyết định về vấn đế tương tự) đã quyết định có lợi cho nguyên cáo Ahmed Hamdan trong vụ kiện lịch sử "Hamdan kiện [Donald] Rumsfeld." Ông Salim Ahmed Hamdan là người gốc Yemen từng làm tài xế cho Osama bin Laden, bị bắt và vu tội khủng bố, và giam giữ ở nhà tù Guantánamo năm năm vừa qua. Pháp-viện qua phán quyết mới ngăn bộ quốc phòng không được xử án ông Hamdan như một tù nhân chiến tranh bằng ủy ban quân sự thiết lập theo lệnh của tổng thống.

Lý do chính cho quyết định đa số ủng hộ trường hợp ông Hamdan là những ủy hội quân sự không tôn trọng những bảo vệ tư pháp cần thiết cho bị cáo, và do đó đã vi phạm Bộ luật Quân pháp Đồng nhất (Uniform Code of Military Justice) của Hoa-Kỳ và những khoản đề ra trong "Điều 3 Tổng-quát," hay "Chung" (Common Article 3, nhằm áp dụng vào nhiều hệ thống pháp lý quốc tế khác nhau) trong Qui- ước Geneva (Thụy-Sĩ) nhằm bảo đảm đối xử nhân đạo và hợp pháp với tù nhân chiến tranh khắp thế giới.

Sau phán quyết của Tối-cao Pháp-viện, hai luật sư biện hộ cho Ahmed Hamdan, luật sư quân pháp Charles Swift thuộc Hải-quân và luật sư hình sự Neal Katyal, tuyên bố, "Thật là sung sướng khi thấy niềm tin trong tiếng nói của ông Hamdan, rằng những người có quyền lực lớn lao ghê gớm không phải lúc nào cũng làm theo ý mình được."

PHÁN-QUYẾT VỀ VỤ-ÁN SALIM AHMED HAMDAN

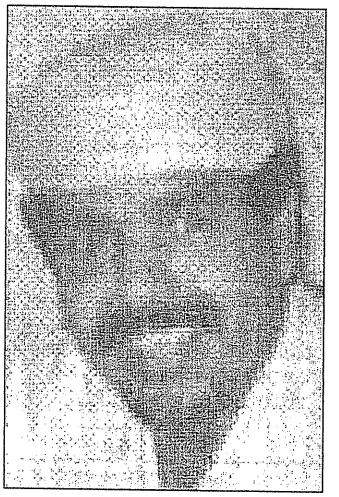

Salim Ahmed Hamdan sẽ được xét-xử theo phán-quyết của Tối-cao Pháp-viện.

Từ năm 1929 Qui-ước Geneva đã ấn định những luật lệ chi phối cách hành sử trong chiến tranh giữa các nước thù nghịch và cách đối xử với tù nhân chiến tranh, nhưng sau cuộc tấn công khủng bố Chín tháng Mười-một năm 2001 tổng thống và những cố vấn cao cấp nhất trong chính quyền Bush vẫn khăng khăng xác nhận những luật lệ này không áp dụng vào trường hợp những người bị chính quyền tình nghi là khủng bố và bắt giữ . Một trong những người trong số hơn sáu trăm người tình nghi bị bắt giữ (nay còn khoảng

450 người) tại trại tù Guantánamo (thường gọi ngắn gọn là "Gitmo") là ông Salim Ahmed Hamdan, tài xế có ăn lương của Osama bin Laden. Salim Ahmed Hamdan bị bắt tại A-Phú-Hãn (Afghanistan) tháng Mười-một năm 2001 và bị giam giữ trong trại Gitmo từ tháng Sáu 2002. Ông Hamdan xác nhận mình từng là tài xế cho bin Laden với số lương hai trăm Mỹ-kim một tháng. Ông là người làm công; không phải là người khủng bố trong tổ chức Al Qaeda của bin Laden như chính quyền Bush (qua bộ Quốc phòng) buộc tội và giam giữ ông cũng như sửa soạn đưa ông ra ủy hội quân sự để xét xử. Ông Hamdan bị buộc tội âm mưu với al Qaeda nhằm giết hại người Mỹ.

Cũng trong khoảng thời gian này, hai tháng sau vụ tấn công khủng bố vào Nữu-Ước và Ngũ-giác-đài, tháng Mười-một năm 2001, tổng thống Bush ký nghị lệnh trao cho bộ Quốc-phòng quyền thiết lập những ủy hội quân sự đặc biệt để xét xử những người bị nghi ngờ có liên hệ với al Qaeda. Tổng thống (hành pháp) xác định, và nhiều nhân vật cao cấp nhất trong chính quyền từng lập đi lập lại là tổng thống có quyền làm chuyện trên mà không cần chấp thuận của lập pháp (Quốc-hội); các tòa án liên bang (tư pháp, cao nhất là Tối-cao Pháp-viện) cũng không có quyền xét xử những người tình nghi bị bắt giữ. Hơn nữa, chính quyền Bush lập đi lập lại là Qui-ước Geneva không thể áp dụng trong trường hợp những người khủng bố vì cuộc chiến chống khủng bố quốc tế không phải là hình thức xung đột giữa những quốc gia thù nghịch với lực lượng quân sự rõ rệt. Khủng bố có thể là quốc tế, có mặt khắp mọi nơi, nhưng không hẳn là một quốc gia với một chính quyền và quân đội. Chính quyền Bush không dùng chữ "soldiers" (lính trăng) mà dùng chữ "enemy combatants" (người chiến đấu thù nghịch với Hoa-Kỳ) để chỉ chung người khủng bố, để từ đó loại những người này ra khỏi những bảo vệ pháp lý trong Qui ước Geneva ngay sau khi một số người bị bắt tại chiến trường A-Phú-Han cuối năm 2001.

Từ trong trại tù ông Hamdan được giúp đỡ pháp lý chống lại nghị lệnh của chính quyền, gián tiếp qua tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld. Bốn năm sau vụ kiện Hamdan chống lại Rumsfeld (*Hamdan versus Rumsfeld)* mới đi đến Pháp-viện. Trong thời gian này không ai bị xét xử và lãnh án từ các ủy hội quân sự như tổng thống Bush đề ra.

Phán quyết của Tối-cao Pháp-viện ngày 29 tháng Sáu vừa qua phủ quyết những gì chính quyền từng lên tiếng xác định, và không cho phép tổng thống Bush thiết lập các ủy hội quân sự để xét xử những người tình nghi bị bắt giữ. Hơn nữa, Pháp-viện buộc chính quyền phải tuân theo luật lệ trong bộ luật Quân-pháp Đồng-nhất và Qui-ước Geneva về cách đối xử với tù binh hoặc những người bị giam giữ.

Quyết định với đa số trong Pháp-viện được thẩm phán John Paul Stevens, thành viên cao tuổi nhất trong Pháp-viện (86 tuổi và là cựu chiến binh Thế-chiến II), viết ra với hiệu lực cao nhất, hành pháp và tất cả mọi ngành, cấp khác phải tuân theo. Ông Stevens nhấn mạnh Hiến pháp cho phép Quốc-hội quyền làm ra luật xác định cách chính quyền hành sử với người bị bắt giữ trong thời chiến, "Quốc hội sẽ làm luật về [cách hành sử] đối với những người bị bắt giữ trên đường bộ và đường thủy" và Quốc hội cũng định nghĩa "những vi phạm luật lệ quốc gia."

Tuy hiến pháp đã xác định rõ rệt quyền hành của lập pháp, tổng thống từng lý luận vai trò tổng chỉ huy quân lực cho ông quyền quyết định giam giữ người bị nghi ngờ là khủng bố, cách cư xử với họ và cách xử tội họ —và nhất là quyền định nghĩa thế nào là tội ác chiến tranh. Tổng thống và các cố vấn cao cấp từng nói rằng sau vụ tấn công Chín tháng Mười-một Quốc-hội đã trao vào tay hành pháp những quyền lực rộng lớn khi Quốc-hội thông qua nghị quyết cho phép tổng thống dùng quân lực chống lại những người dự vào cuộc tấn công và lớn hơn nữa là "cuộc chiến chống khủng bố."

Những người triệt để ủng hộ lý luận của hành pháp từ đầu gồm phó tổng thống Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld (đúng ra giới quan sát chính trị xác nhận hai vị này là động lực thúc đẩy tổng thống nắm lấy cơ hội giành quyền hành tối đa cho hành pháp, dựa theo kinh nghiệm và chủ trương của họ từ thời nắm quyền rộng lớn trong chính quyền Richard Nixon), nguyên tổng trưởng tư pháp John Ashcroft và tổng trưởng tư pháp hiện nay Alberto Gonzales. Sau lưng những lý luận này là cách diễn dịch hiến pháp có lợi cho hành pháp của các học giả pháp lý cực kỳ bảo thủ, nổi bật nhất như ông

John Yoo, một giáo sư tại trường luật Boalt Hall thuộc viện Đại-học California tại Berkeley (UC, Berkeley), và quan trọng hơn nữa là ông David Addington, nguyên cố vấn luật pháp của phó tổng thống Cheney và hiện là đổng lý văn phòng phủ phó tổng thống (thay thế đổng lý văn phòng Lewis Libby, đã từ chức và đang chờ ngày ra tòa vì tội khai gian và ngăn cản pháp lý).

Sau phán quyết của Pháp-viện những người đứng sau lưng tổng thống lên tiếng biểu lộ bất mãn với Pháp-viện, chê trách Pháp-viện lại xen vào những gì ngoài vòng quyền hạn của mình. Họ lý luận rằng, nhìn theo tiền lệ lịch sử tư pháp thường vẫn dễ dãi với hành pháp trong thời chiến. Ông John Yoo tuyên bố, "Quyết định cho thấy giới tư pháp vua chúa nghĩ rằng, cùng với giải phóng nô lệ [sau nội chiến 1860-1865], biện pháp tích cực ["affirmative action," những biện pháp pháp lý từ thập niên 1960 nhằm nâng đỡ người da mầu bị kỳ thị] và tôn giáo [tách rời ảnh hưởng tôn giáo vào nhà nước] họ có thể hạn chế quyền hạn của hành pháp trong thời chiến." Đây là lý luận bảo thủ rõ rệt nhất, nhưng ngay cả nhiều người trong chính quyền cũng nghĩ rằng tòa Nhà-Trắng đã đi quá xa và nhánh tư pháp đã tới lúc phải đưa tay chặn lại, nhất là khi giới lập pháp với đa số Cộng-hòa đã bị xem là đã không làm đúng bổn phận ngăn ngừa ("checks and balances") hành pháp cần thiết.

Trong lý luận đồng ý với ông Stevens, ông Stephen Breyer, một thành viên khác trong Pháp-viện ghi nhận, "Quyết định tối hậu của Pháp-viện dựa trên một lý do căn bản: Quốc-hội [khi đưa ra nghị quyết] không có ý trao cho giới hành pháp 'một cái ngân phiếu để trống' [mà chính quyền có thể tha hồ sử dụng bao nhiêu cũng được]." Bà Deborah Pearstein, một luật sư trong tổ chức nhân quyền Human Rights First, tuyên bố, "Phán quyết của Tối-cao Pháp-viện xác định lại tầm quan trọng của một trong những nguyên tắc lập quốc căn bản: những xét xử nhân danh Hoa-Kỳ phải đầy đủ, công bằng và theo đúng luật pháp quốc gia."

Qua phán quyết năm thẩm phán Pháp-viện phủ định tất cả những điểm chính mà tổng thống từng xác định cũng như dẹp bỏ các ủy hội quân sự do bộ quốc phòng lập ra theo lệnh tổng thống. Pháp-viện cũng không nghĩ rằng buộc tội "âm mưu" là một tội ác chiến tranh có thể xét xử được. Ông Stevens xác nhận nếu áp dụng những gì chính quyền muốn, những bằng chứng chính quyền thu thập được qua việc ép buộc, tra tấn người tình nghi sẽ được đưa ra tòa, trái hẳn với hiến pháp và luật lệ Mỹ (Rule of Evidence), và có thể loại trừ bị cáo và luật sư của bị cáo ra khỏi vụ xử, một vi phạm hiến pháp nặng nề nữa (vi phạm quyền của bị cáo được thông báo và xét xử , "Notice and Hearing" trong khoản "Due Process," gồm quyền có mặt trong vụ xử, và được luật sư đại diện bênh vực trước tòa theo Tu chính án thứ Sáu với quyền được xem các tài liệu mật liên hệ đến vụ xử).

Một phần trong phán quyết của Pháp-viện như có ý nói Qui-ước Geneva bảo vệ những người tình nghi là khủng bố bị bắt.Ông Stevens nói Điều 3 trong Qui-ước bao gồm những người có dính líu đến những xung đột thù nghịch dù họ không hẳn là chiến binh theo định nghĩa thông thường và do đó không được hưởng qui chế bảo vệ chiến binh. Ông Stevens nhấn mạnh những người này phải được xét xử "bởi tòa án thiết lập như các tòa án thông thường với những bảo đảm pháp lý được xã hội văn minh công nhận như những gì không thể thiếu sót được."

Qui-ước Geneva không định nghĩa rõ rệt tiêu chuẩn "tòa án thông thường" ra sao, nhưng năm thẩm phán (gồm hai vị nói trên cùng ông Anthony Kennedy, David Souter và bà Ruth Bader Ginsburg) đồng ý rằng tòa án này phải theo đúng "tiêu chuẩn trong hệ thống quân pháp Mỹ." Một số học giả xem phán quyết của Pháp-viện có thể nới rộng những bảo đảm trong Qui-ước Geneva đến nhiều người bị bắt giữ trong cuộc chiến chống khủng bố, kể cả những thành viên al Qaeda bị bắt giữ trong các nhà tù bí mật nằm ngoài Hoa-Kỳ. Nhưng Pháp-viện cũng không xác nhận rõ rệt các người bị tình nghi là khủng bố phải được hưởng qui chế tù nhân chiến tranh.

Bốn thẩm phán Stevens, Breyer, Souter và Ginsburg tuyên bố họ cũng sẽ phản đối nếu ông Hamdan bị buộc tội "âm muu" vì âm mưu không phải là tội ác chiến tranh. Ông Stevens nói tội ác chiến tranh phải có bằng chứng cho thấy bị cáo có một hành động thù nghịch rõ rệt ("overt act") nào đó; việc bị cáo gia nhập một tổ chức chưa phải là hành động thù nghịch rõ rệt đủ để xét xử tội "âm mưu." Xác định

này như đi liền với tiêu chuẩn buộc tội trong hình tội dân sự Mỹ. Ông Kennedy không đi theo phản đối này nên không có đa số Pháp-viện trong quyết định.

Ba thẩm phán bảo thủ thiểu số Antonin Scalia, Clarence Thomas và Samuel Alito không đồng ý với phán quyết nói chung. Ông Scalia nói Pháp-viện không có quyền quyết định vụ án Hamdan. Cuối tháng Mười-hai năm qua Quốc-hội thông qua luật đối xử với người bị cầm giữ (Detainee Treatment Act) không cho phép quan tòa liên bang xử các người bị giam giữ ở Guantánamo. Ông Stevens và phe đa số nói luật này chỉ áp dụng vào những trường hợp mới; trường hợp ông Hamdan xảy ra trước khi luật ra đời.

Ông Thomas đưa ra ý kiến rằng quyết định của đa số Pháp-viện "bỏ rơi bổn phận tôn trọng phán quyết của hành pháp về mặt quân sự và ngoại giao đã có từ lâu đời." Thẩm phán mới Samuel Alito nói ông nghĩ rằng quyết định của bộ Quốc phòng là công bằng và phù hợp với tiêu chuẩn quân pháp và Qui-ước Geneva.

Giống như quyết định trong vụ án "Rasul vs. Bush" hai năm trước nói trên, quyết định mới của Pháp-viện không đòi hỏi các người bị giam giữ phải được xét xử như ở ngoài tòa án dân sự, nhưng họ phải được xử theo đúng tiêu chuẩn công lý quân pháp. Ông Stevens đưa ra kết luận rằng Qui-ước Geneva "rõ ràng rất uyển chuyển trong việc xử án những người bị bắt giữ trong chiến tranh; những đòi hỏi của Qui-ước rất tổng quát, nhằm thích ứng với nhiều hệ thống pháp lý khác nhau. Nhưng đây vẫn là những tiêu chuẩn. Ủy hội quân sự tổng thống ra lệnh thiết lập để xử ông Hamdan không đạt đến những tiêu chuẩn này."

Bà dân biểu Jane Harman (Dân-chủ, California), nhân vật thứ hai trong Ủy-ban Tình-báo Hạ-viện, tuyên bố, "Đây là lúc chính quyền Bush phải đóng cửa trại tù Guantánamo, và hoặc trả những người bị bắt giữ về quê quán xứ sở của họ hoặc đưa họ ra trước công lý trên đất Hoa-Kỳ." Lãnh tụ thiểu số Dân-chủ đối lập ở thượng viện, ông Harry Reid nói, "Dân chúng Mỹ mỗi ngày một nghi ngờ thêm những gì chính quyền nói về an ninh quốc gia. Chính quyền đã đưa ra những chính sách [an ninh] bất cẩn làm nguy hại đất nước và chôn vùi tiếng tăm Hoa-Kỳ trên thế giới." Hai nghị sĩ Cộng-hòa nòng cốt Lindsey Graham (South Carolina) và Jon Kyl (Arizona) tuyên bố tuy không đồng ý hoàn toàn với phán quyết của Pháp-viện nhưng "tin rằng những vấn đề Pháp-viện đưa ra có thể và sẽ được giải quyết thỏa đáng... [Lập pháp] có ý muốn đưa ra luật lệ cho phép hành pháp quyền xét xử người khủng bố qua các ủy hội quân sự hợp pháp." Ông Graham, một luật sư quân pháp kinh nghiệm thuộc không lực Mỹ, cũng nói, "Pháp-viện không đòi hỏi những người bị giam giữ phải được thả ra. Pháp-viện chỉ xác định một điều rõ ràng, 'Nếu tổng thống muốn xét xử người bị bắt giữ, ông cần phải có sự tham dự của Quốc-hội.' Tôi đồng ý với Pháp-viện. Tôi tin rằng tổng thống sẽ theo khuyến cáo của Pháp-viện và hợp tác với Quốc-hội." Ông Harold Koh, khoa trưởng luật khoa thuộc viện đại học Yale (nơi sản xuất khá nhiều tổng thống Mỹ gần đây), tuyên bố, "[Phán quyết của Pháp-viện] là một phủ nhận rõ rệt lý thuyết đặt vào tay hành pháp quyền lực ghê gớm... Chúng ta từng bàn cãi nhiều rằng đây có phải là lúc chính quyền cần phải có quyền hành lớn lao không hạn chế hay không, hay đây là thời điểm 'checks và balances' [phân quyền giữa ba nhánh trong nước] vẫn còn hiệu lực. Hôm nay Pháp-viện xác nhận 'checks và balances' vẫn còn hiệu lực và rõ ràng chính quyền đã vượt quá quyền hạn của hành pháp."

Tổng thống Bush qua phản ứng ngay sau quyết định của Pháp-viện cho biết ông sẽ hợp tác với Quốc-hội để tìm một giải pháp thỏa đáng cho việc xét xử những người bị tình nghi là khủng bố. Phái ôn hòa trong chính quyền gồm cố vấn an ninh quốc gia Stephen Hadley và ngoại trưởng Condoleezza Rice muốn dựa vào phán quyết và chấp nhận vai trò của lập pháp để cứu vãn những đổ vỡ chính trị bất lợi cho chính quyền. Nhưng phái bảo thủ cứng rắn với các ông Cheney, Rumsfeld và Addington có vẻ thắng thế.

PHẢN-ỨNG CỦA CHÍNH-QUYỀN VÀ CÁC HỆ-QUẢ

Tuy tổng thống ban đầu như có vẻ hòa hoãn với phán quyết của Pháp-viện, chính quyền sau đó lại muốn tiếp tục đường lối cứng rắn.

Nhân vật thứ ba trong bộ quốc phòng, ông Gordon England gửi văn thư đến những người dưới quyền xác nhận Điều 3 Qui-ước Geneva áp dụng cho các trường hợp những người bị

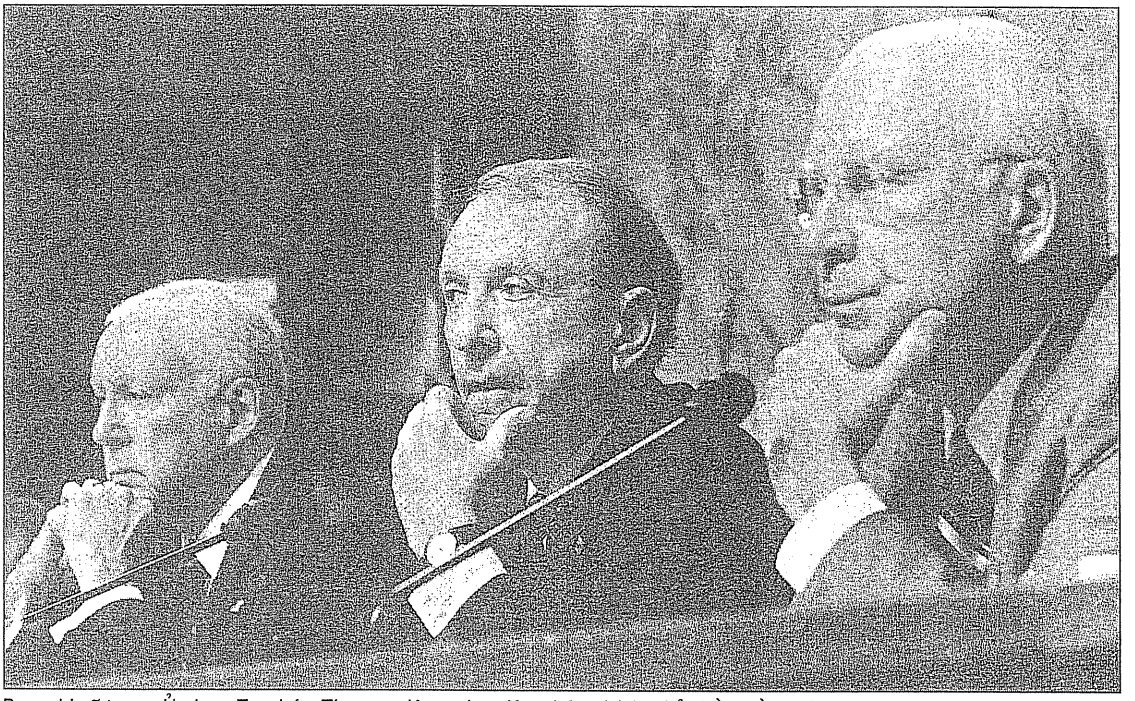

Ba nghị-sĩ trong Ủy-ban Tư-pháp Thượng-viện nghe viên-chức chính-phủ điều-trần: Các ông Orin Hatch (Cộng-hòa, Utah), Arlen Specter (Cộng-hòa, Pennsylvania), Patrick Leahy (Dân-chủ, Vermont)

bắt giữ bởi bộ quốc phòng, hiện nay còn 450 người tại Guantánamo, Cuba, và 500 người tại căn cứ không quân Bagram của Hoa-Kỳ ở A-Phú-Hãn.

Những người bị bắt giữ bởi các cơ quan chính quyền khác và ở những nơi khác không nghe nhắc nhở tới. Và dù có lên tiếng cũng như gửi văn thư đồng ý với quyết định của Pháp-viện và chấp nhận tuân theo Qui-ước Geneva, chính quyền ngoài thực tế cho biết sẽ không có gì thay đổi trong cách đối xử ở các trại giam giữ, vì tại những nơi này chính quyền không làm gì vi phạm đến Qui-ước. Những trại giam giữ người tình nghi, nhất là trại Guantánamo và nhà tù Abu Ghraib ở Iraq, đã trở thành trung tâm điểm cho những lên án chỉ trích, từ trong nước cho đến quốc tế, rằng chính quyền Bush đã gạt bỏ qua một bên luật lệ Mỹ và quốc tế về cách hành sử với người bị giam giữ trong cuộc chiến chống khủng bố.

Những lên án chỉ trích này nhắm vào cách đối xử vô nhân đạo vi phạm nhân phẩm, tôn giáo cùng những ngược đãi, tra tấn hành hạ đưa đến tố cáo và kiện tụng của một số người đã được thả, những lên án của Liên-Hiệp-Quốc, hội Hồng-thập-tự quốc tế, tổ chức Human Rights Watch và Amnesty International. Sau một số tuyệt thực và tự vẫn của người bị giam giữ mới đây, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld đã ra lệnh trục xuất một nhóm rất nhỏ nhà báo trước đây được phép có mặt tại vịnh Guantánamo. Chính tổng thống Bush cũng từng lên tiếng nhiều lần muốn đóng cửa trại giam này mà chưa tìm ra cách thỏa đáng. Khi đến Âu châu mới đây ông bị dân chúng khắp nơi đeo đẳng phản đối vì Guantánamo mà nhiều người đặt tên là "American Gulag" —có ý so sánh với những nhà tù, trại giam dưới thời Stalin cai trị đế quốc Nga Xô-viết. Human Rights Watch đã xếp Hoa-Kỳ dưới chính quyền Bush vào hàng những nước vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất.

Hai tuần lễ sau phán quyết của Pháp-viện các luật sư của chính quyền gạt qua một bên đề nghị của quốc hội rằng những người bị nghi ngờ thuộc al Qaeda và Taliban bị bắt giữ phải được xét xử trước các tòa án quân sự trong hệ thống quân pháp Mỹ. Họ lại đưa ra lý luận rằng tòa án quân sự cho bị cáo nhiều bảo vệ pháp lý không thể áp dụng vào trường hợp chiến tranh chống khủng bố. Các luật sư lại lập lại rằng chính quyền phải được quyền sử dụng những bằng cớ và khẩu cung người bị giam giữ buộc phải cung cấp hoặc qua lời người thứ ba (cấm hẳn trong quân pháp và hiến

pháp); chính quyền cũng không phải cung cấp luật sư cho người bị giam giữ khi các người này bị lấy khẩu cung về tình báo (khác với quân pháp và hiến pháp).

Một số nhà lập pháp với ảnh hưởng lớn nói phán quyết của Pháp-viện về tòa án quân sự đòi hỏi phải dùng Luật Quân-pháp Đồng-nhất làm cơ cấu căn bản cho các tòa án quân sự mới. Họ cũng nói sẽ tu chính Luật Quân-pháp để đáp ứng những e ngại của chính quyền. Nhưng luật sư của bộ quốc phòng và tư pháp cho thành viên Ủy-ban Quân-lục Hạ-viện biết rằng dự định này sẽ không đi đến đâu, và thúc đẩy giới lập pháp chấp nhận duy trì những ủy hội quân sự tổng thống ra lệnh cho bộ quốc phòng thiết lập bốn năm trước—dù Pháp-viện hai tuần trước đã phán rằng những ủy hội này vi phạm luật Hoa-Kỳ và Qui-ước Geneva.

Đây là dấu hiệu rõ ràng cho thấy dù Tối-cao Pháp-viện đã phán quyết và tổng thống đã công nhận rằng Qui-ước Geneva phải được áp dụng vào trường hợp người bị bộ Quốc phòng giam giữ, hành pháp chắc chắn sẽ rất cương quyết nắm giữ vai trò quyết định trong chính sách đối xử với người bị giam giữ.

Thêm nữa chính quyền đã nhiều lần từ chối, không nói rõ phán quyết phải áp dụng Qui-ước Geneva vào trường hợp người bị bộ Quốc phòng giam giữ có áp dụng vào trường hợp những người bị CIA bắt và giam ở những địa điểm bí mật rải rác ở châu Âu, châu Phi và nhiều nơi khác—những "tù nhân ma." Phán quyết của Pháp-viện nói rằng Qui-ước Geneva liên quan đến chiến binh không thuộc hẳn một quốc gia nào có thể áp dụng vào trường hợp người bị nghi ngờ thuộc al Qaeda. Giới chuyên viên pháp lý nói một phần phán quyết nới rộng bảo vệ cho những "tù nhân ma" này, gồm cả Khalid Shaikh Mohammed, một trong những người bị buộc tội tổ chức vụ tấn công Chín tháng Mười-một.

CIA cũng không lên tiếng gì về chuyện này. Các nhóm bảo vệ nhân quyền quốc tế ước lượng CIA hiện có trong tay khoảng hơn hai tá "tù nhân ma." Nếu Qui-ước Geneva áp dụng cho những người này, họ sẽ được Hồng-thập-tự thăm viếng và được liên lạc với thân nhân —giống như người bị giam giữ tại trại Guantánamo.

Trong lý luận đòi Quốc-hội chấp thuận luật lệ tổng thống đưa ra về tội ác chiến tranh, lần đầu tiên các luật sư của hành pháp đưa ra chi tiết phản đối đề nghị của lập pháp về các tòa xử dựa trên Luật Quân-pháp. Phần lớn những phản đối nhắm vào luật về bằng chứng đưa ra trước tòa mà họ xem là sẽ gạt qua một bên bằng chứng rút từ thẩm vấn quân sự: công tố sẽ không được đưa ra bằng chứng do những gì nghe được bởi người thứ ba ("hearsay," không phải trực tiếp từ bị cáo hay nguyên cáo) ra trước tòa. Luật sư cao cấp nhất thuộc bộ tư pháp, ông Steven Bradbury nói chính quyền cũng muốn giữ quyền sử dụng bằng chứng ép buộc từ các bị cáo —"ép buộc" theo ông không có nghĩa là bị tra tấn.

Giới lãnh đạo thượng viện trong Ủy-ban Tư-pháp với chủ tịch Arlen Specter, Cộng-hòa nhưng rất độc lập, và lãnh tụ Dân-chủ Patrick Leahy rất cứng rắn cảnh cáo chính quyền thượng viện sẽ không ngồi yên và dễ dàng thông qua những gì hành pháp muốn (rubber-stamping). Giới lãnh đạo Cộng-hòa hạ viện có vẻ đi theo hành pháp nhiều hơn và không nghĩ rằng người bị tình nghi thuộc al Qaeda có được những bảo đảm pháp lý dành cho những bị cáo khác trong tòa án quân sự. Ông John Boehner, lãnh tụ đa số Cộng-hòa hạ viện buộc tội phe Dân-chủ hoan nghênh phán quyết của Pháp-viện trao cho "khủng bố những đặc quyền." Về mặt pháp lý phán quyết có thể là một đòn nặng giáng xuống chính sách của tổng thống; về mặt chính trị đây có thể đưa lợi thế cho các ứng viên Cộng-hòa ăn to nói lớn về chống khủng bố và tô vẽ phe Dân-chủ là yếu đuối nhu nhược trong kỳ bầu cử cuối năm nay. Một văn thư từ văn phòng ông Boehner được tung ra mới đây nói, "Có một chọn lựa rõ rệt giữa giới dân cử Dân-chủ hoan nghênh việc trao cho khủng bố những đặc quyền, và phe Cộng-hòa ủng hộ dành cho tổng thống những phương tiện cần thiết để đi đến thành công trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu."

Nổi bật trong nỗ lực của lập pháp nhằm ngăn chặn những quá lố của hành pháp, sau khi được Pháp-viện nhắc nhở bổn phận "over-sight" cũng như "checks and balances," nghị sĩ Cộng-hòa tiểu bang South Carolina, ông Lindsey Graham, một quan tòa quân pháp với gần một phần tư thế kỷ trong quân ngũ nói, "Chúng ta không những cần phải tuân theo luật lệ quốc tế như đã làm trên sáu-mươi năm qua để bảo vệ binh sĩ chúng ta [trong trường

hợp bị kẻ thù bắt giữ] mà còn cho mọi người thấy chúng ta có thể thành công trong cuộc chiến [chống khủng bố] này mà không phải biến thành kẻ thù của chính chúng ta." Ông cũng xác định rõ rệt với hành pháp, "Tôi cũng đề nghị với chính quyền phương pháp tốt nhất để hợp tác với Quốc-hội nhằm giải quyết vấn đề này là xem Luật Quân-pháp như căn bản chính. Nếu chính quyền không chấp nhận căn bản này, những ngày mùa hè sắp tới sẽ là những ngày nóng bỏng và dài giằng dặc."

Nhiều người trong giới truyền thông nghĩ rằng sở dĩ chính quyền khăng khăng giữ thái độ cứng rắn một phần cũng vì lo sợ —như đã nhắc ở trên— những nước khác dựa vào phán quyết để xét xử tội ác chiến tranh của nhân viên CIA, lính tráng cũng như viên chức dân sự Mỹ có dính líu đến chuyện ra lệnh hoặc thi hành lệnh ngược đãi tù nhân hay người bị giam cầm không chính thức. Những người vi phạm Điều 3 Qui-ước Geneva —đòi hỏi đối xử nhân đạo với tất cả người bị bắt giữ— cũng có thể bị kết tội bởi những chính quyền sau ông Bush theo Luật Tội-ác Chiến-tranh. Luật sư chính của chính quyền Bush nhiệm kỳ đầu, ông Ted Olson nói, "Hệ quả từ đây —ví dụ như [người Mỹ vi phạm điều 3 Qui-ước] bị bắt giữ và xét xử ở nước ngoài— là điều đáng ghê sợ."

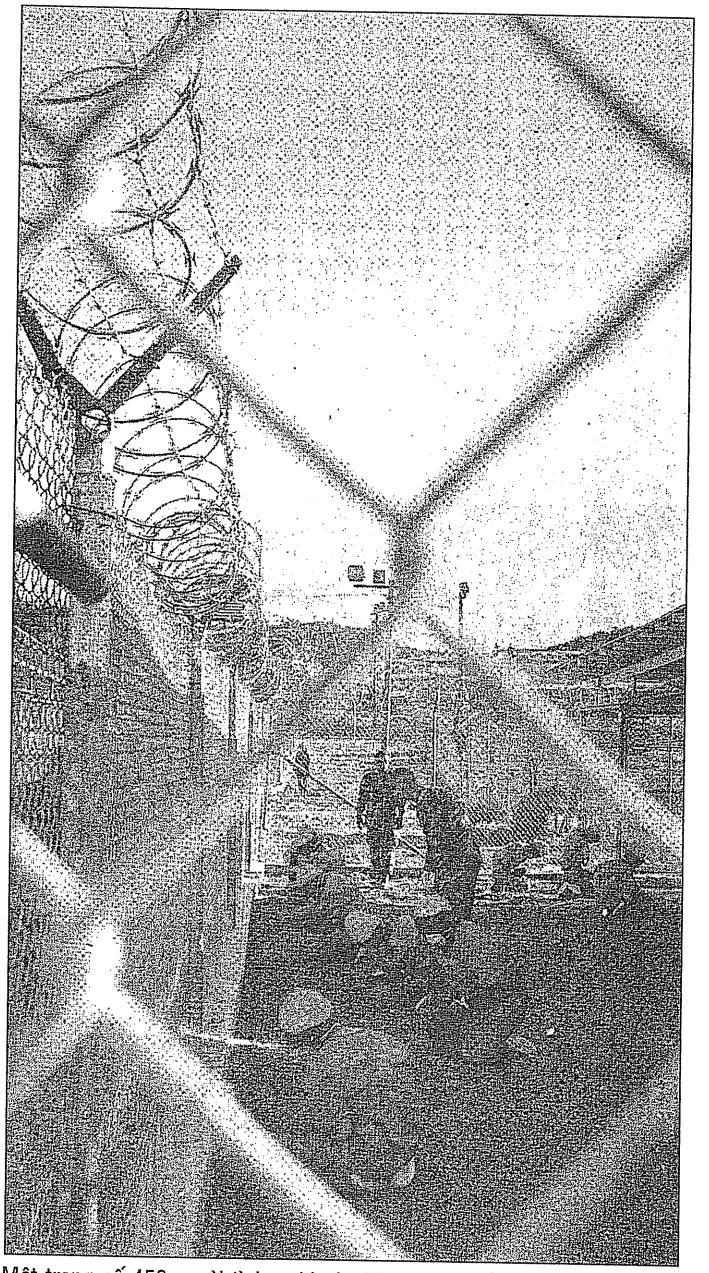

Một trong số 450 người tình nghi còn bị giam giữ ở trại Guantánamo dù chưa bị buộc tội gì.

Điều đáng sợ này như đang thành hình ở một số nước trong Liên-đoàn Âu-châu (EU, European Union) muốn xét xử những vi phạm dân quyền và nhân quyền của Hoa-Kỳ tại đây, trường hợp điển hình là ở Ý. Như đã nhắc nhiều lần trước đây trên cột báo Thế-giới Thế-kỷ 21 Đi Về Đâu, từ thời còn thủ tướng hữu phái Silvio Belusconi rất thân cận và được ủng hộ mạnh mẽ của chính quyền Bush giới tư pháp cao cấp trong chính quyền liên hiệp Ý đã rất bất bình về việc nhân viên CIA hoạt động tại Ý bắt cóc giáo sĩ Hồi Abu Omar ngay trên đường phố lớn ở Milan tháng Hai năm 2003. Abu Omar, đang hưởng quyền tị nạn chính trị tại Ý, bị đẩy lên xe "van" và sau đó bị chuyển về Ai-Cập rồi bị tra tấn lấy khẩu cung ở đây (Ý cũng sắp sửa bắt giữ Abu Omar một cách hợp pháp vì nghi ngờ hoạt động liên hệ tới khủng bố). Tư pháp Ý kết tội hai-mươi-hai nhân viên CIA vi phạm chủ quyền Ý và luật lệ bảo vệ nhân quyền và dân quyền Liên-đoàn Âu-châu, và đòi Hoa-Kỳ dẫn độ những người này qua

Ý xét xử. Chính quyền Bush chưa có phản ứng chính thức.

Mới đây, với thủ tướng tả phái Romano Prodi lên nắm quyền, giới tư pháp Ý ra lệnh bắt giữ người từng cầm đầu trạm CIA tại Milan ở Ý, một chỉ huy không quân và hai người nữa, đưa tổng cộng số người Mỹ bị yêu cầu dẫn độ lên đến hai-mươi-sáu người. Đầu tháng Bẩy, hai nhân viên tình báo cao cấp Ý cũng bị bắt giữ vì nghi là có hợp tác với Hoa-Kỳ trong vụ bắt cóc: nhân vật cao cấp thứ nhì trong tình báo quân đội Ý (SISMI), ông Marco Mancini và tướng Gustavo Pignero (được giữ tại nhà vì tuổi già yếu).

Trước khi những nhân vật tình báo cao cấp bị bắt giữ, chính quyền Ý nhất là thủ tướng Berlusconi nói không hề biết gì về vụ bắt cóc và hợp tác giữa tình báo Ý và Mỹ, và chính quyền ngăn cản giới tư pháp ở Milan theo đuổi vụ án; tổng trưởng tư pháp Ý lúc bấy giờ là ông Roberto Castelli không chịu thúc đẩy Hoa-Kỳ dẫn độ người Mỹ bị tình nghi qua Ý.

Tháng Năm vừa qua chính quyền Prodi lên cầm quyền và tình hình có vẻ thay đổi bất lợi cho Hoa-Kỳ. Khác hẳn với chính quyền cũ, thủ tướng Prodi hứa sẽ "hợp tác tối đa" với tư pháp và tỏ lộ niềm tin vào "sự tôn trọng cơ cấu pháp lý" của giới an ninh tình báo. Giữa tháng Bẩy, ông Nicolo Pollari, người đứng đầu tình báo quân đội SISMI được giới tư pháp Milan mời đến lấy khẩu cung vì nghi ngờ liên hệ đến vụ bắt cóc. Cuộc thẩm vấn kéo dài bốn tiếng trong điều kiện an ninh rất chặt chẽ; đây có thể là dấu hiệu thủ tướng Berlusconi sẽ là người được thẩm vấn tiếp theo. Ông cùng mười-một cộng sự cũng đang bị buộc tội gian lận kế toán, thụt két và gian lận thuế má liên quan đến "đế quốc" truyền thông Mediaset của ông. Là người giầu nhất ở Ý ông từng gặp nhiều rắc rối về luật pháp nhưng bao giờ cũng thoát nạn; lần này ông cũng tuyên bố mình vô tội.

Từ xì-căng-đan SISMI có thể đã hợp tác với CIA bắt cóc người được hưởng quyền tị nạn chính trị tại Ý những điều tra của tư pháp đưa đến bằng chứng có thể buộc tội nhân viên SISMI đã theo dõi và lập hồ sơ mật về các nhà báo, quan tòa và giới kỹ thương đặt vào một văn khố vĩ đại thuộc một công thự ngay tại Roma mà không có phép của tư pháp, nhưng như có liên hệ trực tiếp tới ông Nicola Pollari và thủ tướng Berlusconi —một hình thức theo dõi tình báo nội địa giống như những hoạt động tình báo đứng trên luật pháp của cơ quan National Security Agency tại Hoa-Kỳ với thỏa thuận của tổng thống.

Một trong những nhà báo nói trên là ông Giuseppe D'Avanzo thuộc tờ báo tả phái La Republica, bị theo dõi dò xét và có hồ sơ mật vì ông viết nhiều về các xì-căng-đan tình báo, trong đó phải kể biên nhận giả mạo việc Sadam Hussein mua chất uranium để chế bom nguyên tử từ Niger —một lý do chính nhưng không có thực mà chính quyền Bush từng đưa ra để tấn công xâm chiếm Iraq. Một trong những nhà tư pháp nói trên là công tố viên Armando Spataro, bị theo dõi dò xét và có hồ sơ mật vì, khác với giới tư pháp ở nhiều nước châu Âu với nhiều hoạt động phạm pháp tương tự của CIA, ông nhất quyết buộc tội và đòi dẫn độ những nhân viên CIA.

CIA chưa chính thức xác nhận vai trò của mình trong vụ bắt cóc, nhưng nhiều nhân viên kín đáo cho biết chính quyền Berlusconi chấp thuận và hợp tác trong vụ bắt cóc và dẫn độ Omar Abu. Ngoại trưởng mới của chính quyền Prodi, ông Massimo D'Alema tuyên bố, "Người Mỹ luôn luôn nói rằng họ không bao giờ vi phạm chủ quyền Ý. Có lẽ họ không hoàn toàn nói sai." Nhưng ông đưa ra giới hạn SISMI không được vượt qua trong chính quyền mới. Ông đặt câu hỏi, và rồi trả lời, "Trong cuộc chiến chống khủng bố, ở điểm nào chúng ta sẽ phủ nhận những giá trị chúng ta tranh đấu để bảo tồn? Một trong những nguyên tắc trong chính sách ngoại giao của Ý sẽ là xiển dương nhân quyền và dân chủ như những giá trị toàn thế giới chia xẻ."

Bên kia bờ Đại-Tây-Dương, khoa trưởng luật khoa viện đại học Yale ông Harold Koh nói trên điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp thượng viện: "Điều 3 trong Qui-ước Geneva không nói về những người khủng bố và những gì họ làm; nó là về chúng ta là ai và chúng ta làm gì. Có người nói, 'Những người khủng bố không ký tên công nhận điều 3 Qui-ước.' Đúng vậy, cá voi không ký tên trong qui ước quốc tế về săn bắt cá voi. Nhưng đây là về cách chúng ta đối xử với cá voi như thế nào, và cách chúng ta phải đối xử với cá voi như thế nào."

Chung Quanh Khu Di Tích Vườn Mộ Sào Nam Phan Bội Châu Ở Huế

HUỲNH HỮU ỦY

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, cụ Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt cóc ở Thượng Hải, đưa về Hải Phòng bằng đường thủy, trên tàu Angkor của hãng Messageries Marimes, rồi đưa ra xét xử trước phiên tòa Đề hình công khai ngày 23-11-1925 ở Hà Nội. Phiên tòa định y án tử hình theo các bản án tử hình khiếm diện trước đây (1), rồi giảm xuống chung thân khổ sai.

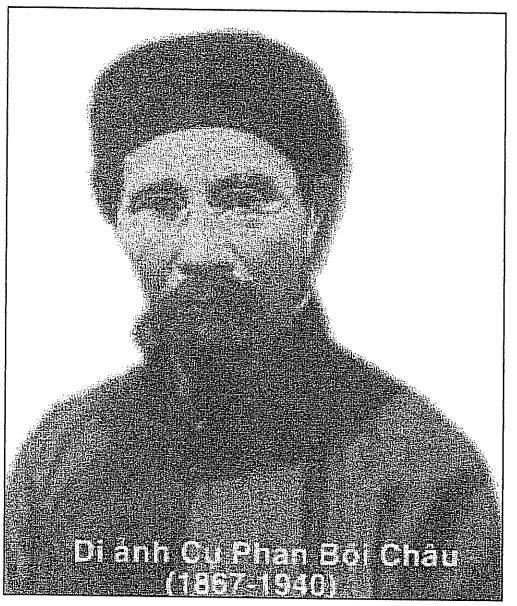

Di ảnh Cụ Phan Bội Châu (1867-1940)

Vụ Án Phan Bội Châu

Trước phiên tòa ngày 23 tháng 11 năm 1925, ông già phiến loạn Phan Bội Châu đã tuyên bố:

"Thành thực mà nói, tôi tự nhận đã có âm mưu chống lại vua của tôi nhằm lật đổ chế độ quân chủ, tạo nên một nước Việt Nam Cộng hòa. Tôi cũng tự nhận đã có nhiều nỗ lực, bằng lời nói và cây bút, để thức tỉnh đồng bào tôi một tấm lòng yêu nước mà từ trước chưa có, đã phê phán chính phủ bảo hộ trong bước đầu của giai đoạn lưu đày và trách cứ họ để cho nước Nam ngập ngụa trong vòng ngu tối; tôi cũng tự nhận quá nghiêm khắc đối với quan trường và trách cứ họ về những sự nhũng lạm thái quá. Nếu như các ông thấy rằng những hành động của tôi xứng đáng phải tội chết, thì hãy lấy đầu tôi đi, tôi sẽ sẵn lòng rơi đầu cho các ông bởi đã từ lâu tôi đã tự biến thân mình phục vụ cho lý tưởng của mình. Tôi đã hăng say tranh đấu vì hạnh phúc của tổ quốc tôi, của dân tộc tôi, song chưa hề một phút nào đi chệch khỏi phẩm chất của tôi." (2)

Lời phát biểu của cụ Phan cùng với lời biện hộ hùng hồn đầy rung động của hai luật sư Larre và Bona đã biến phiên tòa kết án cụ Phan thành phiên tòa xét xử chế độ thực dân.

Những cuộc vận động đòi ân xá cho cụ Phan lan rộng khắp nơi, từ trong nước ra đến ngoài nước. Biểu tình tuần hành, trường học bãi công, truyền đơn, điện tín đòi phóng thích cụ Phan tung ra khắp mọi nẻo đường, đặc biệt nhất là ở Hà Nội, Hải Phòng và Huế. Một hình ảnh rất cảm động là các bà cao tuổi tập trung đông nghẹt nơi đoàn xe chở toàn quyền đi qua và họ đồng loạt quì xuống xin ân xá cho cụ Phan.

Ở nước ngoài, chúng ta có thể nhớ lại trường hợp vận động điển hình của cụ Nguyễn Thế Truyền, chủ bút báo *Le Paria* ở Paris. Với sự hỗ trợ của Hội Liên Hiệp Thuộc Địa (Union Intercoloniale), Nguyễn Thế Truyền đã viết một kiến nghị phản đối việc bắt giữ cụ Phan với các lý lẽ: Pháp bắt cụ Phan bất chấp luật lệ quốc tế, vi phạm chủ quyền Trung Quốc vì bắt cụ Phan trong lãnh thổ Trung Quốc, lại không xin Trung Quốc dẫn độ (Extradition) cụ Phan. Bản kiến nghị của Nguyễn Thế Truyền viết được in thành 4.000 bản, tung ra rộng rãi khắp nơi, đặc biệt gửi đến Hội Quốc Liên (Sosiété des Nations), Tòa án quốc tế La Haye, Hạ viện Pháp, Thượng viện Pháp, Tổng Thống Pháp, Tổng trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, Toàn quyền Đông Dương, gửi cho nhiều báo chí Pháp và gửi về phổ biến trong nước. Khi được tin cụ Phan bị kết án chung thân khổ sai, Nguyễn Thế Truyền kêu gọi một cuộc hội họp rộng lớn của

kiều bào Việt Nam ở trụ sở Hội Bác Học (Salle des Sociétés Savantes) ở Paris ngày 3-12-1925 để phản đối việc kết án, rồi sau đó đã gửi điện văn phản đối cho toàn quyền Varenne (3).

Áp lực rộng lớn của những cuộc vận động đòi ân xá cho cụ Phan đã đánh trúng vào yếu huyệt của Pháp, chủ nghĩa yêu nước đã đạt được thắng lợi lớn, Toàn quyền Alexandre Varenne phải phóng thích cụ Phan. Varenne đề nghị cụ giữ chức Thượng Thư Bộ Học hoặc cố vấn riêng của Toàn quyền nhưng cụ từ chối, chỉ nhận chiếc can bằng gỗ mà sau này cụ vẫn thường dùng. Cụ bị đưa về giam lỏng ở Huế suốt 15 năm, cho mãi đến ngày qua đời.

Vừa về Huế, cụ đến tạm trú nơi chái nhà của Thị Lang Bộ Binh Nguyễn Bá Trác, nguyên cũng là đồng chí của cụ thời hoạt động cách mạng ở bên Tàu. Rồi chỉ một thời gian ngắn, ngày 10-1-1926, cụ dọn về căn nhà tranh trên đầu dốc Bến Ngự, cạnh ngay chùa Từ Đàm. Căn nhà đơn sơ nhưng cũng thanh nhã, có vườn trồng cây, có bể thả cá, có hòn non bộ (4).

Lều Tranh Bến Ngự

Hai cụ Huỳnh Thúc Kháng và Ngạc Am Võ Liêm Sơn đã mua khoảng vườn và dựng mái nhà tranh này với số tiền 2.000 đồng Đông Dương do đồng bào quyên góp khắp ba kỳ cùng với số tiền quyên góp của kiều bào ở Pháp gửi về. Cái nhà ấy dựng theo kiểu cụ Phan vẽ ra, gồm hai gian rộng ở hai đầu, gian giữa hẹp hơn vừa đủ chỗ cho một cái giường, cái bàn và cái tủ làm buồng riêng của cụ, có song mở ra bốn phía, tỏ ý rằng chủ nhân là một người sống quang minh chính đại, ai cũng có thể thấy từ gan ruột bên trong, chính kiểu nhà ấy là tượng trưng của ba kỳ Bắc-Trung-Nam. (5) Cho đến ngày cụ Phan qua đời, căn nhà ấy vẫn không có gì thay đổi, đúng như Nguyễn Thiệu Lâu nhớ lại: "Một cái cổng tre con, ở giữa một hàng rào cây xanh, một cái sân đất, ở giữa có trồng mấy cây cảnh lơ thơ, rồi đến một cái nhà tranh ba gian hai chái." (6)

Chính dưới mái nhà tranh ấy, mặc dầu bị bao vây, rình rập tứ phía, Sào Nam vẫn tiếp tục có những hoạt động đặc biệt, để giữ ngọn lửa trong lòng mình, cũng chính là ngọn lửa hùng khí của dân tộc.

Mái nhà tranh của "Ông Già Bến Ngự" vẫn là nơi lui tới thường xuyên của những người yêu nước, của đồng bào khắp nơi. Nhất là vào những năm đầu, như Đào Duy Anh đã có dịp hồi tưởng: "Nhà cụ tấp nập người qua lại, vì không những cụ là tượng trưng của tinh thần ái quốc mọi người ngưỡng mộ, mà chính cái đức độ bao dung ân cần và lễ nhượng của cụ đối với mọi người, cùng là cái dáng vẻ quắc thước, cái phong thái ung dung đường hoàng của cụ có một sức hấp dẫn đặc biệt." (7)

Chúng ta thử đọc lại bài thơ dưới đây của Nguyễn Vỹ, cũng đủ thấy lòng ngưỡng mộ của đồng bào, đặc biệt là của thanh niên, lúc bấy giờ đối với cụ Phan như thế nào. Nguyễn Vỹ được hầu chuyện với cụ Phan trên chiếc thuyền của cụ một đêm trăng mùa hè năm 1936, được cụ Phan mời uống rượu, rồi hứng khởi đã họa lại bài thơ ứng khẩu của cụ ngay trên khoang thuyền lai láng ánh trăng. Người thư ký của cụ đọc lại bài thơ, cụ lắng nghe và rưng rưng lệ.

Hơn đọc ngàn đêm sách Thánh Hiền,
Một đêm với Cụ, một con thuyền.
Trời, mây, trăng, gió, Dân đành phận,
Thành-quách, lâu-đài, Nước tủi duyên!
Chén rượu Thừa-lương, cười rướm lệ,
Câu thơ tâm phúc, lạ thành quen.
Nước Non, Non Nước, tình lai láng,
Một nét quan-hoài, chẳng dám quên. (8)

Hay như cảm giác của Nguyễn Thiệu Lâu, ông sử gia cuồng sĩ có tiếng bất cần đời, lúc bấy giờ 1938-1939 đang dạy sử-địa ở trường Khải Định đến thăm viếng cụ nhiều lần, luôn luôn bị hấp dẫn vì một sức mạnh kỳ lạ toát ra từ cái đơn giản và đạm bạc bên ngoài của cụ: "Qua cửa, tôi thấy gian giữa, trên một bộ ván thấp, có trải một cái chiếu đã cũ, ngồi tựa lưng vào bàn thờ gỗ mộc, trên có một bộ thờ gỗ mộc, giữa chiếu đặt tích nước, đĩa chén, ngọn đèn Hoa Kỳ và cái điếu cầy: Đó là cụ Phan. Cụ mặc cái quần nâu đã cũ, cái áo cánh kiểu Huế, có nút cài dưới nách. Cụ ngồi, nhưng tôi nhận thấy Cụ, thân hình vạm vỡ, trán hói thật cao, bộ râu dài, đôi mắt sáng quắc..." (9)

Trong những người lui tới nhà cụ Phan, có một nhân vật đặc biệt là ông Ngô Đình Diệm, vừa từ chức Thượng Thư Bộ Lại, một nhân vật có tiếng thông minh và liêm khiết trong chính trường thời bấy giờ. Chính cụ Phan Bội Châu cũng rất kính nể ông Ngô, cảm phục khí tiết ông quan trẻ tuổi, nên có bài thơ tặng khi vị thượng thư đầu triều này từ bỏ quyền cao chức trọng để phản đối chính quyền Pháp và Nam

triều tay sai.

Dưới đây là bài thơ cụ Phan Bội Châu tặng ông Ngô Đình Diệm năm 1933 (chép lại theo bản sao lục của Vũ-Kim-Lão-Nhân, in trên nguyệt san *Việt Nam Hải Ngoại* số 147, tháng 10,1983, in lại trong *Kỷ Niệm 200 Năm Cố Đô Huế (1820-2002), Dòng Việt,* California, số 12, 2002, trang 321.)

Ai biết trời Nam vẫn có người,
Sịch nghe tưởng ngỡ sấm bên tai.
Lông hồng coi nhẹ vàng muôn lượng,
Ngôi quý xem nhường dép nửa đôi.
Phơi tỏ cùng trời gan đỏ chói,
Nhá nhem thây kệ mắt đen thui.
Ví chăng kịp lúc làm vai vế,
Sau ngựa Châu xin quất ngọn roi.

Theo Vũ-Kim-Lão Nhân, bài thơ này đã được cụ Nghè Huỳnh Thúc Kháng cho in trên báo *Tiếng Dân*, số phát hành ngày 27-12-1933. Chính quyền đương thời kiểm duyệt câu thứ 4; về sau trên tuần báo *Văn Đàn* của Phạm Đình Tân ở Sài Gòn khoảng năm 1960 đã in lại đầy đủ toàn bài thơ.

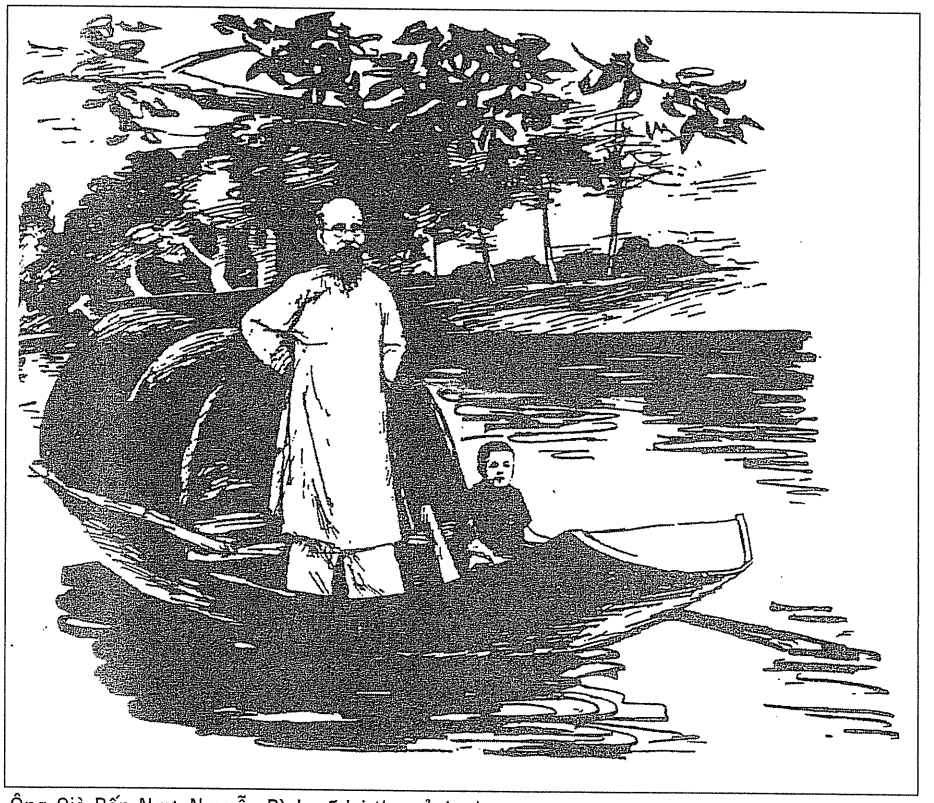

Ông Già Bến Ngự, Nguyễn Bình vẽ lại theo ảnh chụp.

Gần đây, ông Vương Đình Quang nguyên là thư ký của cụ Phan, trong một bài viết trên tạp chí *Sông Hương* khoảng năm 1988 ở Huế cũng có nhắc lại. Vương Đình Quang lúc bấy giờ đã thưa với cụ Phan là tại sao cụ lại hạ mình như vậy với Ngô Đình Diệm là một người lớp sau, trong khi cụ là bậc trên, ở hàng cha, hàng anh. Nhưng cụ Phan nói thẳng rằng, cụ là người hoạt động cách mạng, chứ nếu cụ ở trong giới quan trường thì cụ cũng không chắc được như ông Diệm.

Và cũng từ bài thơ trên của Phan Bội Châu, mà ở Huế những người đi theo ông Ngô Đình Diệm thường nói rằng ông Ngô đã vứt chiếc ghế thượng thư như ném bỏ một đôi dép rách. (10)

Nói tắt lại, mái nhà tranh của "Ông già Bến Ngự" vẫn là nơi gặp gỡ và chỗ dựa cho nhiều hoạt động yêu nước, vẫn là kỳ vọng của đồng bào. Mọi thành phần, lực lượng, đảng phái vẫn tìm cách liên lạc với cụ Phan, như một nhận định trong bản báo cáo gửi Toàn Quyền Đông Dương của Khâm Sứ Trung Kỳ ngày 13 tháng 9 năm 1929:

"Quả thật những người tham gia đảng phái quốc gia, bài ngoại và cả đảng Cộng Sản không bao giờ ngừng thường xuyên liên hệ với Phan Bội Châu là người chắc chắn được thông tin về các vận động, hoạt động, ý đồ, phương cách của họ, nếu như không phải là cố vấn của họ." (11)

Trong cảnh cá chậu chim lồng, hoạt động

hữu hiệu nhất của cụ là tiếp tục trước tác để giáo dục quốc dân, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của thanh niên, cùng lúc cũng để nghiên cứu lại nền tư tưởng, cổ học, và đạo lý cổ truyền phương đông. Có thể kể đến các tác phẩm điển hình: *Cao Đẳng Quốc Dân, Giác Quần Thư, Nam Quốc Dân Tu Tri, Nữ Quốc Dân Tu Tri, Lời Hỏi Thanh Niên, Khổng Học Đăng, Phật Học Đăng, Chu Dịch, Nhân Sinh Triết Học, Xã Hội Chủ Nghĩa, Sào Nam Thi Văn Tập*, hàng trăm thơ phú, văn tế, câu đối, tạp văn, đặc biệt quan trọng là tập hồi ký *Tự Phán*, tức *Phan Bội Châu Niên Biểu* là tập sử liệu rất quan trọng của pho sử đấu tranh của dân tộc thời cận đại.

Trong khu vườn bao quanh mái lều tranh của Ông già Bến Ngự, chủ nhân có dựng nhà bia kỷ niệm bà "Ấu-Triệu Lê Thị Đàn, là đồng chí của cụ đã tiết tháo hy sinh trong nhà ngục để bảo vệ bí mật của tổ chức cách mạng, gọi là *Ấu Triệu bi đình.*

Trên bia ấy, có câu:

Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt,

Thân tằng giá dữ Việt giang san.

(Lòng trong trắng có thể sánh ngang cùng mặt trăng mặt trời, Tấm thân đã gả cho non sông đất Việt.) (12)

Năm 1934, cụ Phan cũng làm sẵn ngôi mộ rất đơn giản cho mình, với tấm bia ghi rõ ***Phan Bội Châu sinh huyệt tự minh*** bằng chữ Hán, với lời dặn nghiêm khắc về cách an táng cụ, không được quan quách, không theo lễ nghi tập tục rườm rà ghi sẵn trên bia. Dưới đây là lời dặn trên bia được phiên âm và dịch nghĩa.

Phiên âm

"Phan Bội Châu sanh huyệt tự minh.

"Dư vạn cổ trạch dã, dư tử, tức tống táng ư thị, thả thiết tuân như hạ sở liệt chi chúc ngữ:

"Cấm chỉ quan quách, khâm liệm, trúc phần, thiết điện đẳng nhất thiết tục lệ.

"Cấm chỉ tang phục, tang nghi, khốc tụng đẳng, nhất thiết hư văn.

"Cấm chỉ phó tang, cáo ai đẳng, nhất thiết hư văn. Thân bằng cố cựu, hữu nhân cố bất cập tri dư tử giả, tận khả tâm thích. Phàm ngã hậu nhân thành ái dư giả, duy kế chí thuật sự thượng hỹ, dư câu bất tất.

"Nam-lịch Giáp-Tuất niên nguyệt nhật.

Tây-lịch nhất thiên cửu bách tam thập tứ niên nguyệt nhật."

Dịch nghĩa

"Lời tự minh sanh huyệt Phan Bội Châu.

Đây là nhà ở muôn đời của ta, khi ta chết thì phải chôn ngay tại đây và phải tuân theo lời dặn sau nầy:

"Cấm không được khâm liệm, quan quách, đắp mộ, lập đền thờ theo tục lệ.

"Cấm không được để tang, cúng tế theo lối hư văn.

"Thân bằng cố hữu vì không được biết tin ta chết, chỉ để lòng thương nhớ thôi. Phàm kẻ sau thành tâm thương ta, chỉ kế chí thuật sự, ngoài ra chả cần gì khác.

Nam lịch, Năm Giáp Tuất, tháng... , ngày...

Tây lịch năm 1934, tháng... , ngày...

Suốt những năm tháng bị giam lỏng ở Huế, cụ Phan thường bị đám mật thám rình rập suốt ngày. Trong khi ấy, hai con chó Ky, chó Vá cụ nuôi trong nhà thì lại tỏ ra rất trung thành với chủ. Khi con Ky và Vá chết, cụ chôn trong vườn nhà, lập bia mộ kỷ niệm, và gọi chúng là loài vật có trí, nghĩa, nhân, và dũng. Những dòng khắc trên bia tưởng nhớ như là lời cười cợt cay đắng, nhưng chính thực là để mắng bọn chó săn, chim mồi, cũng là một thứ ngụ ngôn thâm thúy để lại cho đời của nhà cách mạng lão thành. Bài minh trên bia được khắc bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ. Dưới đây là lời trên bia văn ấy:

Bia Con Ky

Người hơi có đức nhân thường kém về phần trí. Người hơi có đức trí thường kém về phần nhân. Vừa trí vừa nhân thật là hiếm thấy!

Ai ngờ con Ky nầy lại đủ hai đức đó:

Chung nhau thờ một chủ, thời xem nhau như là anh em, chẳng bao giờ như mèo với chó, thực là nhân đó.

Thấy không phải chủ, thời xem bằng cừu thù, chẳng bao giờ vì miếng ăn dẫn dụ, thiệt là trí đó.

Trí vừa nhân, nhân vừa trí,

Trong giống súc mà người, e đến mày mới thấy.

Mầy sao vội chết?

Hỡi trời! Hỡi trời!

Lòng ta đau đớn,

Phải tạc mấy lời.

Đau đớn quá! đau đớn quá!

Kìa những hạng muông người!

Bia Con Vá

Vì có dũng nên liều chết phấn đấu, vì có nghĩa

nên trung thành với chủ.

Nói thì dễ, làm thiệt khó, người còn vậy, huống gì chó!

Ôi! Con Vá mầy đủ hai đức đó, há như ai kia mặt người lòng thú; nghĩ thế mà đau, dựng bia mộ chó!

Cụ Phan lâm chung

Vào lúc cuối đời, sức đã yếu, cái chết gần kề, cụ Phan ghi lại trên ảnh của mình mấy lời thực cảm động mà cũng thực hào tráng: ***Cứu quốc tồn chủng, hữu chí vô tài, kim cánh dĩ quốc dân trường từ, tội thậm khất thứ*** *(Cứu nước giữ nòi, có chí nhưng bất tài, nay vĩnh biệt quốc dân, tội nặng xin đồng bào tha thứ.)*

Mấy lời trên ảnh ấy, cụ Phan viết dài hơn, thành lời vĩnh quyết gởi đồng bào nhờ cụ Huỳnh Thúc Kháng in trên báo *Tiếng Dân* ngày 31-10-1940.

Lời Từ Biệt của cụ Phan

"Phan Bội Châu, một tên dân Việt Nam, trước lúc gần chết mà chưa tắt hơi, kính có mấy lời rất thành thực từ biệt cùng anh em đồng bào. Trước kia không kể, từ năm 1906 (...kiểm duyệt bỏ) khiến cho người nước, kẻ ở người đi, kẻ còn người mất và bị lụy rất nhiều, toàn là tội ác về tay tôi gây nên. Mà may quá! Từ năm 1925, tôi mang cái sống thừa về nước đến giờ, anh em đồng bào đã không ai trách tội tôi mà lại quá thương yêu tôi, tôi thực là hổ thẹn với đồng bào ta và cảm ơn vô cùng. Trải 15 năm nay, nằm co trong túp lều ở Bến Ngự cùng chiếc đò trên sông Hương, đoạn đời sống thừa của tôi, không việc gì đáng nói và đồng bào đã thừa rõ. Bây giờ tôi đã đến lúc lâm biệt, xin có lời từ biệt.

Bội Châu từ trước đến nay, đối với đồng bào đã không có chút gì là công, mà lại tội ác quá nặng. Bây giờ tôi đã chết, thiệt là một tên dân trốn nợ và vỡ nợ, đồng bào có thứ lượng cho tôi, thì xác tôi tuy chết mà tinh thần tôi vẫn cám ơn đồng bào luôn luôn.

"Người đến khi gần chết, lời nói hẳn lành." Nay tôi đã đến lúc "gần chết" đó, xin có mấy lời gan phổi tỏ lời hy vọng cuối cùng với đồng bào:

Đồng bào Việt Nam ta có trên 20 triệu, bấy nhiêu đầu óc, bấy nhiêu tai mắt, bấy nhiêu chân tay, nếu biết thương yêu nhau, đồng lòng hợp sức làm cái bổn phận quốc dân đối với Tổ Quốc (...kiểm duyệt bỏ). Không thế thì trên mặt địa cầu sau này sẽ không có hình bóng dân tộc Việt Nam nữa, thì Bội Châu nầy dẫu có trốn nợ, vỡ nợ cũng may mà được chết trước anh em, tôi lấy làm một điều hạnh phúc.

Mấy lời trên, tôi xin từ biệt và cảm ơn đồng bào.

Kính,

Phan Bội Châu quyết biệt."

Mấy ngày trước khi cụ Phan qua đời, cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng một phái đoàn đến viếng. Cụ Huỳnh đọc bài văn "sanh vãn" khóc cụ Phan, tức là bài văn tế sống, là một phác họa trong mấy nét về toàn bộ cuộc đời Phan Bội Châu, từ khí chất, tâm tình, trí tuệ, cho đến con đường hành động, dấn thân cứu nước. Bài văn "Sanh vãn" có mấy câu cuối: "Tiếc đấng anh hùng; xót tình dòng họ. Uống nước nên nhớ nguồn cơn! Khắc đá hãy ghi lời phế phủ.

Vàng ngọc nhớ ơn chỉ bảo, rượu ba tuần dâng nén tâm hương. Tiên trần ngã rẽ ngả tử sinh, ngâm một khúc thay lời phỉ lộ. Nào dám bảo sinh sau hơn trước. Chỉ cầu mong người khuất như còn, chín suối có thiêng dắt hậu bối lên đường tiến bộ." (Xin xem toàn bộ bài điếu văn này ở phần phụ lục).

Nghe xong bài văn "sanh vãn", cụ Phan dù rất mệt nhọc cũng gượng sức ứng khẩu mấy vần tâm sự cuối cùng, vẫn đầy hào hứng, chứa chan nỗi lòng nhiệt huyết, vẫn đặt hết hy vọng ở đàn hậu tử.

TỪ GIÃ BẠN BÈ LẦN CUỐI CÙNG

Mặc sầu tiền lộ vô tri kỷ,
Thiên hạ thùy nhân bất thức quân? (13)
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần,
May được bạn tinh thần mới hoạt hiện.
Những ước anh em đầy bốn biển
Ai ngờ trăng gió nhốt ba gian.
Sống xác thừa mà chết cũng xương tàn,
Câu tâm sự gởi chim ngàn cá biển.
Mừng được đọc bài văn "Sinh vãn",
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can.
Tiếc mình nay sức mỏng trí thêm khan,
Lấy gì đáp khúc đàn tri kỷ?
Nga nga hồ, chí tại cao sơn,
Dương dương hồ, chí tại lưu thủy. (14)
Đàn Bá-Nha mấy kẻ thưởng âm?
Bỗng nghe qua khóc trộm lại đau thầm,
Chung-Kỳ chết, ném cầm không gảy nữa.
Nay đang lúc tử thần chờ trước cửa,
Có vài lời ghi nhớ về sau:
Chúc phường hậu tử tiến mau.

Đám tang Nhà Chí Sĩ

Ngày 29-10-1940, một ngày mưa sầu gió thảm của xứ Huế, cụ Phan vĩnh biệt quốc dân. Cụ đau chỉ mấy ngày rồi qua đời một cách thản nhiên nhẹ nhàng như người đang nằm ngủ. Bên giường lúc cụ Phan lâm chung có hai người bạn cùng chí hướng và đồng khoa thi Hương năm Canh Tý (1900) là Minh-Viên Huỳnh Thúc Kháng và Trúc-Khê Võ Bá Hạp, hai người con của cụ Phan: Phan Nghi Huynh, Phan Nghi Đệ. Nhờ vào ký ức của cụ Tùng-Chi Võ Như Nguyện hiện đang sống tại Pháp, là người có mặt ở lều tranh Bến Ngự vào giờ phút đau buồn trọng đại ấy (15), chúng ta biết thêm về sự diện diện của các cụ Trần Đình Phiên, Trần Hoành, Trần Đình Dần, Trần Kiêm Trình, Võ Đình Long, Đào Duy Anh, Tôn Quang Phiệt, và mấy thanh niên lớp sau: Trần Quang Huy, Võ Như Vọng, Nguyễn Tuân (tức Anh-Minh Ngô Thành Nhân) (16). Ngày hôm sau có thêm bác sĩ Trần Đình Nam từ Đà Nẵng ra. Bác sĩ Trần Đình Nam là em cụ Trần Đình Phiên. Cụ Trần trước đây đã tham gia phong trào Duy Tân ở Phan Thiết khoảng trước 1908, là sáng lập viên của công ty Liên Thành, bấy giờ đang giúp cụ Huỳnh Thúc Kháng lo việc quản lý nhà in và nhà báo *Tiếng Dân*. Hai ông Võ Như Nguyện, Võ Như Vọng là con cụ Cử Võ Bá Hạp, cháu nội cụ *Võ An-Hòa*. Gọi là cụ *Võ An-Hòa*, vì nhà ở vùng An-Hòa, cũng gọi là Võ Thợ Giày vì cụ có mở tiệm đóng giày dừa cho các vương tôn công tử, hoàng thân quốc thích và giới quan quyền ở trong Đại Nội.) Cụ Phan Bội Châu vì vụ án "hoài hiệp văn tự nhập trường" năm Đinh Dậu (1897), chạy vào Huế, có một thời gian ngồi dạy học ở nhà cụ *Võ Thợ Giày*.

Theo tường thuật của Anh Minh, chiều ngày 31-10-1940, trời trở rét nặng, mưa càng to gió càng lớn, nước ngập đầy "sinh huyệt," lễ an táng vẫn được cử hành. Mấy người thanh niên trai tráng làm việc ở báo Tiếng Dân và trong gia đình thay phiên nhau dùng chiếc thùng thiếc tát cho cạn nước trong mộ huyệt để có thể đặt quan tài xuống, nhưng mưa to gió lớn quá sức, mạch nước chảy ra quá mạnh, nên không tài nào tát cho cạn được. Thêm vào đó là chuyện Sở Liêm Phóng và Nha Bang Tá đặt người theo dõi, nhòm ngó chung quanh, rình mò người đến thăm viếng. Nên để tránh chuyện phiền hà, cụ Huỳnh Thúc Kháng bàn với hai người con trai cụ Phan là nên an táng ngay cho kịp trong ngày. Lúc sáu giờ chiều, quan tài được đặt xuống mộ huyệt ngập đầy nước, bốn người phải đứng dằn bốn góc và nắp huyệt được đúc bằng xi-măng từ trước được đậy lại. Sở Liêm Phóng Trung Kỳ bắt buộc tang chủ phải mua quan tài khâm liệm cụ Phan, chứ không cho phép thực hiện theo di chúc của cụ là cấm chỉ khâm liệm quan quách. Mưa vẫn như trút; trời đất dường như cũng góp phần tạo nên cảnh sắc bi tráng mà thê lương cho một cuộc đời anh hùng, cho đến cả lúc lâm chung. (17)

Vài tháng sau, với số tiền đồng bào phúng điếu hơn 900 đồng, cụ Huỳnh Thúc Kháng cho tiến hành xây lăng (như vẫn thấy hiện nay) và dựng đền thờ Sào-Nam Phan Bội Châu. Cụ Huỳnh ủy nhiệm ông Võ Như Nguyện, ủy viên kiểm soát công ty Huỳnh Thúc Kháng lo liệu việc này. (18)

Cụ Phan qua đời, đất nước rúng động, quốc dân đau buồn, có nhiều thơ văn, câu đối ai điếu, thương khóc nhà chí sĩ, chúng tôi trích lục lại đây mấy câu đối khóc cụ Sào-Nam của Tôn Quang Phiệt, Phan Thúc Ngô, và Hoàng-giáp Nguyễn Đức Lý. (19)

1. ***Câu đối của Tôn Quang Phiệt***

Công chi vãng sự túc nhân văn, ức Phú-sơn vũ kiếm, Ngô-thị xuy tiêu, thiếu tráng hà thời, hồ hải vân tiêu hồng hộc chí.

Quốc đáo kim nhật nhu tài thậm, ta Thiếu-mai trường từ, Tây-hồ vĩnh quyết, anh hùng kỷ tại, quan hà phong vũ đổ quyên thanh.

Tạm dịch

Chuyện Tiên-sinh lúc trước người nước đã từng nghe; nhớ những đất Ngô (a) thổi địch, non Phú (b) mài gươm; son trẻ tự bao giờ, bể rộng trời cao hồng vỗ cánh.

Việc non nước bây giờ đang cần người lắm tá; thảm thiết nhỉ Thiếu-mai chầu trời (c), Tây-hồ viếng Phật (d), anh hùng đâu đấy tá, non sầu bể thảm quốc khan hơi.

Tôn Quang Phiệt

Hiệu trưởng trường Thuận Hóa (Huế)

(a) Xin xem chú thích về tiếng sáo Ngũ-viên ở phần phụ lục, bài điếu văn của cụ Huỳnh Thúc Kháng.

(b) tức Nhật-bản, ý nhắc lại việc cụ Phan sang Trung-hoa và Nhật.

(c) Tức Mai-sơn Nguyễn Thượng Hiền.

(d) Tức Tây-hồ Phan Châu Trinh.

2. ***Câu đối của Phan Thúc Ngô***

Tiên sinh trương hà chi, sơn hồ vị tất đồi, mộc hồ vị tất nuy, tang hải ba đào tam biến hậu;

Tiểu tử đội đại hĩ, bệnh bất năng cập sàng, tang bất năng cập phất, sư sinh tâm sự cửu thiên trung.

Tạm dịch

Thầy vội bỏ đi đâu, núi sao vội lở, cây sao vội tàn, dâu bể đổi thay đất biết;

Trò tôi tội lớn lắm, bệnh không tới giường, tang không tới khóc, thầy trò tình nghĩa trời hay.

Phan Thúc Ngô, môn sinh của cụ Phan, người huyện Thanh-Chương, tỉnh Nghệ-An (20)

3. ***Câu đối của Hoàng-giáp Nguyễn Đức Lý*** (làm dùm cho ông Lê văn Lới, Hội đồng tỉnh hạt Nghệ-An).

Vì nước vì dân, lòng đến lúc già càng thấy sắt;

Toàn danh toàn tiết, tượng sau khi chết đáng nên đồng.

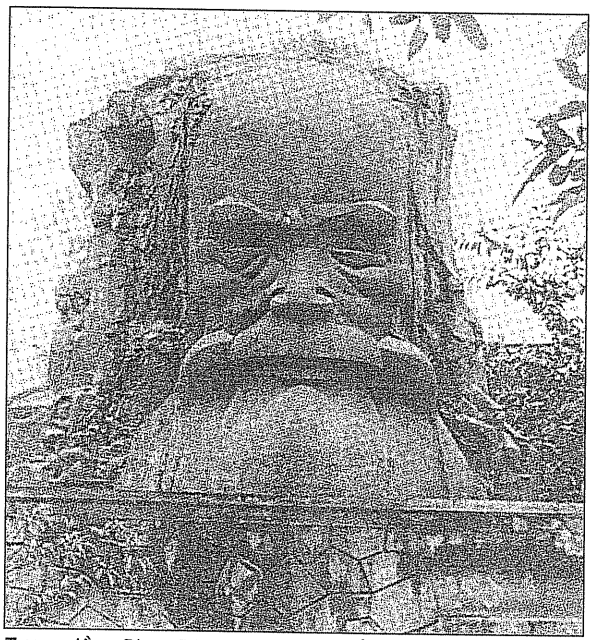

Tượng đồng Phan Bội Châu - Điêu khắc của Lê Thành Nhơn

Từ Đường Phan Bội Châu và Liệt Sĩ Cách Mạng Tiền Bối

Năm 1955, theo một chỉ thị bất thành văn của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, thủ hiến Nguyễn Đôn Duyến ký nghị định thành lập *Ủy Ban Trùng Tu Nhà Thờ Phan Bội Châu.* Ngôi nhà thờ khang trang đồ sộ được xây dựng theo họa đồ thiết kế của họa sĩ Tôn Thất Sa, một họa sĩ danh tiếng đã có nhiều đóng góp với nền mỹ thuật Huế. Nhà thầu khoán Nguyễn Văn Ấm lo việc xây dựng. (21) Cả hai ông Tôn Thất Sa và Nguyễn Văn Ấm đều tự nguyện hiến công sức đóng góp trong việc cất nhà thờ cụ Phan. Ngôi nhà thờ hoàn tất, có tấm biển đề ở mặt tiền: *"Từ Đường Các Liệt Sĩ Tiền Bối và Phan Bội Châu Tiên Sinh."* Nơi cổng vào là bốn trụ biển rất đồ sộ, hai trụ giữa cao ngất trời và một bờ tường gạch bao quanh tạo nên vẻ tôn nghiêm đặc biệt cho khu nhà thờ và vườn mộ nhà chí sĩ. Ở bên trong nhà thờ, ngoài án thờ chính thờ cụ Phan Bội Châu, còn có di ảnh nhiều nhà cách mạng tiền bối như Lý Tuệ, Tiểu La Nguyễn Thành, Kỳ Ngoại hầu Cường Để, Huỳnh Thúc Kháng, Võ Bá Hạp, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Chu Trinh... treo ở trên cao.

Nhà thờ Phan Bội Châu và các liệt sĩ cách mạng tiền bối khánh thành đúng vào dịp miền Nam Việt Nam thu hồi nền độc lập toàn vẹn từ tay đế quốc Pháp, công bố thể chế Cộng hòa, và bản hiếp pháp đầu tiên được ban hành. Ủy Ban Trùng Tu Nhà Thờ cũng đã biên soạn được một tập hồ sơ liệt sĩ cách mạng tiền bối, đặc biệt là các liệt sĩ hy sinh trong các nhà tù của đế quốc mà ít người biết tới, bằng cách đi tìm lại nhân chứng và lấy lời khai của những nhân chứng ấy. Tập hồ sơ này được đánh máy thành nhiều bản, một bản được lưu trữ ở nhà thờ cụ Phan, một bản khác được trình lên ông Ngô Đình Diệm và tổng thống Diệm rất hân hoan tán thưởng.

Vài năm sau, di hài cụ Tăng Bạt Hổ, trước đây được cụ Cử Võ Bá Hạp an táng ở vùng Hương Trà được cải táng về đây, để dù đã trở thành nắm xương tàn, hai nhà cách mạng tiền bối lừng lẫy vẫn có thể an nghỉ bên nhau đời đời.

Cụ Tăng Bạt Hổ, tự Sư-Triều hay Nguyên-Ba, hiệu Diễm Bát Tử, võ quan triều Thiệu Trị, cầm đầu nhóm Cần Vương ở Bình Định, Phú Yên. Xuất dương qua Tàu, Nhật, Nga, Xiêm La, rồi năm 1902 trở về nước, làm điểm hẹn cho các nhóm hoạt động chống Pháp của Tôn Thất Thuyết và Tán Thuật, lại đi vận động khắp nơi cho phong trào Đông Du đang phát triển ở Nhật.

Thời ở Nhật, cụ đã từng gia nhập vào lực lượng hải quân và cũng đã từng tham chiến trong các trận thủy chiến lớn ở Đài Liên, Lữ Thuận, được ban thưởng huy chương quân công, đã từng được Nhật hoàng rót rượu ban thưởng. Cụ nâng chén rượu vua ban, uống cạn, rồi òa lên khóc. Tất cả mọi người ở chung quanh đều tỏ vẻ ngạc nhiên thì cụ nói: "Tôi thật không phải là người Nhật, mà là một người Việt Nam vong quốc, được bệ hạ tin dùng. Nay thấy quý quốc thắng Nga một cách vẻ vang, làm cho giống da vàng được hãnh diện lây; tôi nghĩ đến tình cảnh nước tôi nên không cầm được giọt lệ. Biết bao giờ nước tôi mới mở được một bữa yến như vầy?" Nhật hoàng rất khen ngợi và an ủi cụ, từ đó cụ quen biết được nhiều chính khách danh tiếng của Nhật Bản, mà cũng từ đó, theo lời khuyên của họ, cụ đã trở về nước góp tay với phong trào Đông Du, tìm cách đưa thanh niên sang Nhật du học (22).

Năm 1906, cụ bị bệnh nặng phải vào tá túc ở nhà cụ Võ Bá Hạp ở Huế, chỉ mấy tuần sau thì mất trên tay cụ cử Võ, trên một chiếc thuyền con đậu dưới bến sông. Trong sách "Tự Phán", cụ Phan có viết về Tăng Bạt Hổ: "Than ôi! Khi tôi xuất dương thật có nhờ ông, mà tôi chưa từng một phút nào được phụng sự ông. Chí lớn lưng chừng, tuổi trời ngắn ngủi, ông xanh kia độc ác như thế ư?" (23). Cụ Tăng qua đời, cụ Phan viết sách *"Kỷ Niệm Lục"* đặt truyện Tăng Bạt Hổ lên trước hết. Về sau, cụ Phan viết sách *"Việt Nam Nghĩa Liệt Sử"* về các anh hùng, liệt sĩ, cũng vẫn đặt truyện Tăng Bạt Hổ lên trước hết.

Năm 1987, pho tượng đúc đồng Phan Bội Châu, kiệt tác của nhà điêu khắc Lê Thành Nhân cũng được đưa về dựng rất trang trọng trong khu vườn này. Tượng Phan Bội Châu của Lê Thành Nhân rất đẹp, với một thứ nghệ thuật rất mới, mà vẫn giữ được vẻ cổ kính tự nhiên, phô diễn được nét mặt hùng tráng của nhà ái quốc vĩ đại, linh hồn cuộc đấu tranh của dân tộc cuối thế kỷ 19 qua đầu thế kỷ 20. Pho tượng cao hơn 2 mét; tượng đã được hoàn tất năm 1974, nhưng nằm hoang phế mãi ở phường Đúc Long Thọ vì biến cố 1975, nay mới được đưa về đây, góp thêm nét đặc sắc cho vườn mộ và từ đường Phan Bội Châu, một địa chỉ văn hóa và lịch sử quan trọng của Huế mà cũng là của toàn đất nước, nơi thờ phượng một đại anh hùng, nhà chí sĩ và bậc hiền giả, là một đền đài thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.

Thành phố Vườn, tháng 5, 2006

CHÚ THÍCH

(1) Cụ Phan đã bị tòa án Nam triều ở Hà Tĩnh ngày 27-5-1908 và ở Nghệ An ngày 7-2-1910 kêu án "tử hình khiếm diện." Tòa Đề hình Hà Nội cũng xử cụ "tử hình khiếm diện" vào năm 1913 (CF. Chương Thâu, Hồ sơ Vụ án Phan Bội Châu, *Nxb Văn Hóa-Thông Tin, Hà Nội 2002, trang 7).*

(2) Việt Nam Hồn, *Paris, số 2, tháng 2-1926. In lại trong* Việt Nam 1920-1945: Cách Mạng và Phản Cách Mạng thời Đô hộ Thuộc địa *của Ngô Văn, Chuông Rè/ L'Insomniaque, Montreuil, Pháp; bản in ở Mỹ, California, 2000, trang 57.*

(3) Đặng Hữu Thụ, Làng Hành Thiện và các Nhà Nho Hành Thiện triều Nguyễn, *Paris, 1992, trang 358.*

(4) Nguyễn Khắc Ngữ viết theo quan sát của một ký giả báo Thanh Niên *đến thăm và phỏng vấn cụ Phan Bội Châu ngay lúc bấy giờ. (CF. Nguyễn Khắc Ngữ,* Vụ án Phan Bội Châu và phong trào dân chúng vận động xin ân xá cho cụ năm 1925, Tư Tưởng, *Viện đại học Vạn Hạnh, Sàigòn, số 8-9, tháng 11-12, 1973).*

(5) Đào Duy Anh, Nhớ Nghĩ Chiều Hôm, Hồi Ký, *Nxb Văn Nghệ T.Ph HCM, 2003, trang 51.*

(6) Nguyễn Thiệu Lâu, Ký ức về cụ Phan Bội Châu, *bài viết trên nhật báo Sống của Chu Tử năm 1964, in lại trong* Quốc Sử Tạp Lục, *Khai Trí xb khoảng 1970, phổ biến lại trên Quán Gió online <www.quangio.com/nguyenthienlau0.html>*

(7) Đào Duy Anh, sđd, trang 51.

(8) Nguyễn Vỹ, Phan Bội Châu & Huỳnh Thúc Kháng hai nhà thơ cách mạng, *Văn-Thi-Sĩ Tiền Chiến, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1970, trang 296-306.*

(9) Nguyễn Thiệu Lâu, đã dẫn ở trên.

(10) Bản sao lục bài thơ cụ Phan tặng ông Ngô của Vũ-Kim Lão Nhân dường như có hơi khác bản của Vương Đình Quang (như tôi đã được đọc). Về ý tứ thì giống nhau, về cách dùng chữ thì có khác một vài chỗ. Tôi tiếc là hiện nay không có trong tay số báo Sông Hương *đã đăng bài thơ này để trích dẫn thêm ở đây.*

Chung quanh bài thơ này, vào thập niên 80 của thế kỷ trước, đã có nhiều lời ong tiếng ve, cả tranh luận lẫn bôi bác, nhưng sự thật thì vẫn luôn luôn là sự thực. Người làm chính trị, hoặc viết hồi ký chính trị, có thể giải thích sự kiện lịch sử theo cách nhìn của mình, hoặc thậm chí có thể xuyên tạc lịch sử cho phù hợp với ý đồ của mình, nhưng người viết sử thì không thể như thế được, mà phải giữ đức trung chính, phải tôn trọng sự thật.

Nhắc đến bài thơ cụ Phan Bội Châu tặng ông Ngô Đình Diệm, tôi lại nhớ đến lời truyền tụng ở Huế về cụ Ngô Đình Khả với lời đồng dao "Đày vua không Khả, Đào mả không Bài." *Sau cách mạng tháng 8, Ngô Đình Diệm bị chính quyền Cộng sản bắt giữ và bị giam tại Bắc Bộ phủ; Hồ Chí Minh quyết định thả ông Diệm, đã nói với*

Vũ Đình Huỳnh, thư ký riêng của mình: "Các chú không ở Huế không biết, chớ dân Huế có câu: 'Đày vua không Khả, Đào mả không Bài,' là nói về cụ thân sinh ông Diệm đấy. Vị người cha thả người con là điều nên làm lắm chứ. Các chú không nên hẹp hòi!" (Vũ Thư Hiên, Đêm Giữa Ban Ngày, *Nxb Văn Nghệ, California, 1997, trang 226-227).*

Tôi là người Huế, mới năm tuổi đã biết đến câu đồng dao ấy rồi. Vậy mà gần đây, trong quyển sách Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế *của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, với lời đề tựa của tiến sĩ Lê Mạnh Thát, viết rằng: "Ngô Đình Khả, người làng Đại Phong, Quảng Bình, là người đã ký giấy cho bọn thực dân Pháp đày vua Thành Thái sang Réunion. Dân Huế còn truyền tụng câu:* "Đày vua, ông Khả; đào mả, ông Bài" *tức Nguyễn Hữu Bài. Ngô Đình Khả cũng làm đến chức Thượng thư trong triều đình Huế." (Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm,* Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế, *Nxb Th.ph Hồ Chí Minh, trang 356.) Hỡi ôi! Viết sử mà như thế thì chẳng biết họ đang viết cái gì? Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế in rất đẹp, dày hơn 730 trang, biên soạn có vẻ công phu với một thư mục tham khảo rất phong phú, nhưng đáng tiếc thay, chỉ là một nguồn tài liệu bất khả tín!*

(11) Chương Thâu, Hồ Sơ Vụ án Phan Bội Châu, *sđd, trang 34.*

(12) Trịnh Thu Tiết, "Phan Bội Châu, người khai sáng những tư tưởng tiến bộ về vấn đề phụ nữ trong văn học Việt Nam" *trong* PHAN BỘI CHÂU: Về tác giả và tác phẩm, *Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2001, trang 210.*

(13) Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ/Thiên hạ thùy nhân bất thức quân? = *Đừng buồn vì trên đường không gặp người tri kỷ, Trong thiên hạ ai là người không biết anh? (thơ Cao Thích, thi sĩ đời Đường).*

(14) Nga nga hồ, chí tại cao sơn. Dương dương hồ, chí tại lưu thủy = *Chót vót thay! Chí mình đang ở trên ngọn núi cao. Mênh mông thay! Chí mình đang nơi dòng nước chảy.*

(15) Tùng Chi, "Tang lễ Nhà Cách Mạng Phan Bội Châu tại Huế", *Tiếng Sông Hương, Dallas, Texas, 1997, trang 185-187.*

(16) Anh Minh Ngô Thành Nhân, học trò của hai cụ Phan Bội Châu và Huỳnh Thúc Kháng, người Quảng Nam, tính khí hiền hòa, nho nhã, nói năng nhỏ nhẹ, chứ không "sửng cồ, hay cãi". Anh Minh được cụ Huỳnh ủy thác giữ gìn nhiều di cảo quý giá của các cụ. Anh Minh đã có công lao rất lớn bảo quản những tài liệu này trong thời kỳ tối tăm của cuộc chiến tranh Việt-Pháp, nên sau khi hòa bình được lập lại sau năm 1954, chúng ta đã được đọc nhiều di cảo của cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế... do Nxb Anh Minh ấn hành ở Huế.

Ngay trong thời chiến tranh còn diễn ra ác liệt, Anh Minh cũng đã dựa vào tài liệu của cụ Phan, cụ Huỳnh mà biên soạn nhiều tác phẩm hữu ích cho việc tìm hiểu, nghiên cứu những trang sử đấu tranh giải phóng thời cận đại như Dật sự cụ Phan Sào Nam *(xb 1950),* Kỳ Ngoại Hầu Cường Để với Phan Bội Châu *(xb 1951),* Những chí sĩ cùng học sinh du học Nhật Bản dưới sự hướng dẫn của cụ Sào Nam Phan Bội Châu *(xb 1952). Anh Minh gần gũi với lều tranh của "Ông già Bến Ngự", làm việc trong công ty* Tiếng Dân *nhưng có khuynh hướng về ông Ngô Đình Diệm, chứ không hướng về miền Bắc như nhiều người khác. Sau 1954, Anh Minh lại từng là quận trưởng Tiên Phước, Quảng Nam, thời ông Diệm vừa về chấp chánh, trấn giữ một vùng địa đầu đối với Cộng sản nên không lạ gì ông đã bị các sử gia miền Bắc tấn công dữ dội với những lời lẽ rất nặng nề, khiếm nhã.*

Dù gì đi nữa thì cũng cần ghi nhận rằng, nếu ở miền Bắc, tài liệu sách vở về các hoạt động cách mạng chống Pháp rất được lưu ý, thì ở miền Nam, tủ sách Anh Minh là một kho tàng quý giá về cuộc đấu tranh dành độc lập của dân tộc. Chỉ hơi tiếc là cách trình bày tài liệu của Anh Minh thường chỉ là bằng tấm lòng, là lòng sùng bái tôn kính đối với các anh hùng dân tộc, các nhà cách mạng tiền bối, mà thiếu một phương pháp khoa học cần thiết nên rất dễ bị đám tiểu tâm xuyên tạc.

(17) Theo tường thuật của Anh Minh, trích lại trong sách Sào Nam Phan Bội Châu: Con người và Thi văn *của Nguyễn Quang Tô, Tủ sách Văn học Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài gòn, 1974, trang 144.*

(18) Cụ Tùng-Chi Võ Như Nguyện hẳn là có nhiều duyên nghiệp với các liệt sĩ cách mạng tiền bối. Trước tiên, là lo xây lăng cụ Phan, rồi sau này, khoảng 1956-1957 dưới thời chính phủ Diệm, lại cùng mấy anh em cũ đi xây lăng cụ Huỳnh Thúc Kháng trên núi Thiên Ấn ở Quảng Ngãi. Cùng với thời đi xây lăng mộ cụ Huỳnh, cụ Võ Như Nguyện cũng cho cải táng hài cốt hai cụ Thái Phiên và Trần Cao Vân về ở chùa Châu Lâm. Di cốt hai cụ, trước đây, khoảng năm 1922, được cụ bà Trương Thị Dương, người gốc Hải Lăng, Quảng Trị, cải táng từ An Hòa về chôn chung trong một mộ đôi ở Phong Sơn, huyện Phong Điền.

(19) Câu đối điếu Phan Bội Châu của Tôn Quang Phiệt, Phan Thúc Ngô, và Hoàng-giáp Nguyễn Đức Lý được trích từ Sào Nam Phan Bội Châu: Con người và Thi văn *của Nguyễn Quang Tô, sđd, trang 363 và 365.*

(20) Phan Thúc Ngô hoạt động trong phong trào Cường Để, bị Việt Minh giết năm 1946 ở Quảng Ngãi. Vậy những người con trai trưởng vẫn đi kháng chiến và ở lại miền Bắc sau năm 1954 (như trường hợp Phạm Tuyên, con trai của cụ Phạm Quỳnh). Người con gái và thứ nam là Phan Thúc Hùng thì ở miền Nam, con trai út Phan Thúc Hoán du học Pháp, tốt nghiệp y khoa rồi chết ở Pháp. Dưới thời chính phủ Ngô Đình Diệm, di hài cụ Phan Thúc Ngô được các đồng chí cũ và gia đình cải táng về Huế, có đưa về bái yết ở nhà thờ cụ Phan Bội Châu.

(21) Ông Nguyễn Văn Ấm là con rể cụ Ngô Đình Khả, thân phụ Hồng y Nguyễn Văn Thuận.

(22) Xem Lê Văn Đức, Việt Nam Tự Điển, *quyển thượng, phần "Tục ngữ, Thành ngữ, Điển tích", nhà sách Khai Trí, Sài gòn, 1970, trang 162.*

(23) Phan Bội Châu, Tự Phán, *bản in lại của Nhân Chủ Học Xã, California, 1987, trang 106.*

PHỤ LỤC

Bài văn "Sanh Văn" , tức là bài văn tế Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng viết và đọc cho cụ Phan Bội Châu nghe lúc còn sống và đang nằm trên giường bệnh.

Đất linh tú núi Hoành biển Quế, khí trăm năm un đúc sinh đấng vĩ nhân;

Trời cạnh tranh gió Mỹ mưa Âu, đường muôn dặm mịt mù nhớ người hướng lộ.

Bởi Tiên-Sinh vì nước hy sinh;

Nên hậu bối nặng lòng khâm mộ.

Nhớ Tiên-sinh xưa!

Sinh đất Hồng Lam,

Học nguồn Trâu Lỗ (1)

Khí hào hùng đã lỗi lạc khác thường;

Tuổi thiếu tráng mà đầu sừng sớm trổ.

Khoa cử nợ nhà toan trả sạch, trường thi trận bút, bảng một tên lừng lẫy tiếng làng văn; (2)

Gian nan vận nước phải lo âu, chiếc ngựa thanh gươm, đất bốn biển tìm tòi miền dụng võ.

Từ đấy:

Hai tròng mắt trắng, mang lốt nhà Nho;

Một tấm lòng son, dâng mình nước tổ.

Trường Quốc Giám mượn chân dị nghiệp; lần lượt vào Nam ra Bắc, họp anh hùng gây hội phan long; (3)

Thơ Lưu Cầu (4) khêu mối đồng tâm, lân la cuối chợ đầu rừng, khắp Yên, Triệu kết phường đồ cẩu (5)

Nội tình đã định sẵn phương châm;

Ngoại thế lại rộng xem hoàn vũ.

Cuộc thế giới gió xoay chiều cạnh thắng, mở thị trường, tranh thuộc địa, khói năm châu mây nghìn nghịt đen;

Vùng Phù-tang đuốc dọi tia văn minh, dẹp Trung quốc, đuổi cường Nga, trời một góc lửa phừng phừng đỏ.

Gương tự cường toan theo gót Tây âu;

Thuyền mạo hiểm mới tếch dòng Đông độ.

Quả nhiên:

Diều lướt trên không,

Cá lìa khỏi đó,

Bệnh lâu năm vì nỗi nước đau;

Tiên ba đảo cầu phương thuốc bổ. (6)

Lệ Thân-Tư *giọt dài giọt vắn, Tần đình cảm động Khuyển-dưỡng, Đại Ôi; (7)*

Sáo Ngũ-Viên *khúc nổi khúc chìm, Ngô thị vang lừng Hoành-tân, Thần-hộ, (8)*

Miệng giọng quắc vạch trời kêu giật một, giữa tầng không mù cuốn mây tan;

Tay ngòi lông vỗ án múa chầu ba, đầy mặt giấy mưa tuôn sấm nổ.

Núi cao reo bốn phía dội vang;

Buồng kín tỉnh ngàn năm giấc ngủ.

Chỉ lối đem đường bài Khuyến học (9); trước sau mấy lớp bạn thiếu niên chồng chất gót chân;

Rung chuông gõ mõ sách Huyết thơ (10); tai mắt ba kỳ, người hưởng ứng xôn xao tiếng mõ.

Chưng khi ấy:

Anh tài Âu Á hiệp mặt một nhà;

Đoàn thể trong ngoài chia vai mấy bộ.

Kẻ học môn này, người lo việc nọ.

Sách Quang-phục (11) tính đà đủ chước, hai mươi năm từng trải, kinh doanh ngón thợ tay thầy;

Hồn nước nhà gọi đã hao hơi, ngàn muôn dặm xa xôi, mơ tưởng rừng cây ngọn cỏ.

Hẳn đã ngoài trời bay liệng, thảy đều trông côn hóa cánh bằng;

Dầu cho đường thế éo le, đâu đến nỗi trĩ vương lưới thỏ.

Ôi thôi!

Hùm rủi sa cơ,

Chim quay về tổ.

Thượng-hải mấy tuần;

Hỏa lò mấy độ.

Án quốc phạm tử hình tòa đã kết, hồn còn dầu xác chết, đầu đài toan trả nợ nước nhà xong;

Ơn Pháp đình đặc cách điện vừa sang, tình bạn đãi người cừu, kinh đô Huế lại đạp chân thành quách cũ.

Phải như ai:

Mượn chữ Tùy thời;

Quên câu thủ tố.

Cát lầm theo chiều gió đon đưa;

Đường mật nếm miếng mồi cám dỗ.

Thôi thì:

Sướng đã đến đâu;

Muốn gì chẳng có.

Xoay ngọn cờ một cái, ngang dọc nhà lầu xe điện, kém gì ai bả phú quý rêu;

Thả quảng cáo mấy lời, huênh hoang hè hội đít-cua, cũng thừa chán lối văn minh vỏ.

Song le:

Lòng giữ kiên trinh; cảnh cam cùng khổ.

Trống kèn bốn mặt, tai chẳng thèm nghe;

Xe ngựa đầy đường, mắt không thèm ngó.

Lò thế lợi nung chì chảy thiếc, tuổi vàng cao mặc sức lửa nung;

Biển trầm mê cuốn rác trôi bèo, cột đá vững

tha hồ sóng vỗ.

Chốn kinh thành về đã bao năm;

Lều Bến Ngự nằm queo một xó.

Khi ghế chiếc ba câu kệ Phật, đá cúi đầu nghe;

Lúc thuyền trôi mấy chén rượu Tiên, núi nghiêng mình đổ.

Trò chuyện xưa nay kiếm hiệp, ngày phăng phắc lặng, đàn nói gươm bốn vách rì rền giông;

Bạn bè Kinh Truyện thánh hiền, đêm dằng dặc dài, phòng đọc sách một đèn hiu hắt gió.

Biển Á trời Âu xa cách mấy, giấc mộng đi mây về điện, vết Hồng (12) in tím lại khắp năm châu;

Sông Hương núi Ngự quạnh hiu thay, tiếng reo trận gió hồi mưa, cơn gà gáy dậy sôi bốn ngõ.

Nhà ngọa du thu hẹp bức giang sơn;

Phường hậu tấn trông vào đàn kỳ cổ.

Những ước gan vàng mình sắt, dầu ngày mạt lộ, sống trăm năm mà làm bạn quốc dân;

Nào hay móc sớm sương mai, chán kiếp dư sanh, đau một bệnh bỗng ra người thiên cổ.

Hỡi ơi!

Trời cướp danh nhân;

Đất vùi ngọc thỏ.

Hào kiệt đi đâu?

Non sông trơ đó!

Hồn cố quốc về chăng hay chớ, ào ào gió thổi, tứ mùa đỉnh núi sóng thông reo;

Gương vĩ nhân treo mãi chẳng mờ, vằng vặc nước trong, ngàn thuở lòng sông vừng nguyệt tỏ.

Chúng tôi:

Tiếc đấng anh hùng;

Xét tình dòng họ.

Uống nước nên nhớ nguồn cơn!

Khắc đá hãy ghi lời phế phủ.

Vàng ngọc nhớ ơn chỉ bảo, rượu ba tuần dâng nén hương tâm;

Tiên trần rẽ ngã tử sinh, ngâm một khúc thay lời phỉ lộ. *(13)*

Nào dám bảo sinh sau hơn trước, một lòng đến kính đưa tiên sinh về cõi trường sinh;

Chỉ cầu mong người khuất như còn, chín suối có thiêng dắt hậu bối lên đường tiến bộ.

Hỡi ôi! thương thay. (14)

Chú thích:

(1) Trâu Lỗ: *Trâu là quê của thầy Mạnh Tử, Lỗ là quê của đức Khổng Tử; nói rộng là nguồn gốc của Nho giáo, tức là nói về nền Nho học.*

(2) Bảng một tên: *Cụ Phan đỗ thủ khoa trường thi Nghệ An năm Canh Tí (1900) với bài thi đạt kết quả tối ưu, được chủ khảo trường thi Khiếu Năng Tĩnh cho yết tên tuổi, quê quán vị giải nguyên trên một bảng riêng, 29 vị cử nhân khác được yết trên một bảng khác.*

(3) Phan Long: *Do từ câu* Phan Long Lân Phụ Phượng Dực *trong Hán thư. Ý muốn nói Phan Bội Châu mượn con đường học Quốc Tử Giám tìm cách kết nạp đồng chí tạo nên lực lượng, rồi lại dùng đến lá bài Cường Để thuộc dòng đích hệ vua Gia Long, vin mình rồng, để mưu đồ đại sự.*

(4) Lưu Cầu: Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư *cụ Phan viết năm 1903, tác phẩm truyền tay nhau đã gây sôi nổi xôn xao khắp giới quan trường ở Huế.*

(5) Đồ Cẩu: *Giết chó; thời Chiến quốc, hai nước Yên, Triệu có nhiều nhân tài đại chí ẩn náu những nơi làm thịt chó; tức nói đến việc Phan Bội Châu gian nan lặn lội khắp nơi để tìm đồng chí.*

(6) Nói đến việc Phan Bội Châu đi tìm phương lược cứu nước ở xứ Phù Tang.

(7) Thân Tư: *tức Thân Bao Tư, đời Đông Châu là tôi nước Sở, khi Sở bị Ngô đánh, Thân Bao Tư cầu viện nước Tần. Tần không chịu giúp, Bao Tư khóc lóc thảm thiết bảy ngày đêm, không ăn uống gì cả, vua Tần cảm động mới chịu đưa binh sang giúp Sở, đẩy lui binh Ngô. Đấy là nói đến việc Phan Bội Châu cầu viện sự giúp đỡ của Nhật-bản, và hai chính khách Nhật Khuyển Dưỡng Nghị và Đại Ôi Bá tước đã giúp Phan rất nhiều trong thời kỳ cụ lưu vong ở Nhật.*

(8) Sáo Ngũ Viên = *tức tiếng sáo Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư người nước Sở, văn võ toàn tài. Cha và anh Tử Tư bị Sở Bình Vương giết chết, nên Tử Tư trốn qua Ngô tìm kế trả thù. Có hôm, ở đất Mai Lý, Ngũ Tử Tư bỏ tóc xõa, bôi mặt giả làm một người điên, tay cầm ống tiêu, vừa đi vừa thổi khúc hát như vầy: "Ngũ Tử Tư! Ngũ Tử Tư! Thù nhà nợ nước, tấm thân lưu lạc bơ vơ! Biết bao giờ mới trả được hận thù. Ngũ Tử Tư ! Ngũ Tử Tư! Một đêm lo nghĩ bạc đầu! Mối thù sâu! Nay chưa báo đáp, nghĩ mãi lòng đau! Thù không báo được, dẫu sống cũng dư."* (Đông Châu Liệt Quốc, *Quyển hai, hồi 73, bản dịch Mộng Bình Sơn). Ở đây, dùng hình ảnh Sáo Ngũ Viên để nói về bóng dáng cụ Phan chạy vạy trên đất Nhật, khắp Hoành Tân, Thần Hộ để tìm đường cứu quốc tồn chủng.*

(9) Khuyến Học = *tức là* Khuyến Thanh Niên Du Học Văn, *cụ Phan viết năm 1905, Tăng Bạt Hổ mang về trong nước để kêu gọi việc đưa thanh niên ra nước ngoài học tập.*

(10) Huyết Thư = *tức* Hải Ngoại Huyết Thư *cụ Phan viết năm 1906.*

(11) Quang Phục = *tức* Quang Phục Quân Phương Lược *do Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu viết năm 1912, là tài liệu huấn luyện nghĩa quân của Việt Nam Quang Phục Hội.*

(12) Vết Hồng = dấu chân chim Hồng (Hồng trảo); dấu chân của Phan Bội Châu in lại nhiều nơi trên đường bôn ba cứu quốc.

(13) Phỉ Lộ = *tên một bài thơ trong* Kinh Thi *nói về việc tống táng.*

(14) Bài văn tế này được sao lục từ Cụ Sào Nam 15 năm bị giam lỏng tại Huế *của Anh Minh. nxb Anh Minh, Huế, 1956; in lại trong* Nguyễn Quang Tô, Sào Nam Phan Bội Châu: Con Người và Thi Văn, *tủ sách Văn Học Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Sài gòn, 1974, trang 351-355.*

TẠ THU THÂU
trong con mắt tàn của Nguyễn Thế Rục
hay là
Một Thủ-đoạn nữa của Phái Stalinien

PHAN VĂN HÙM

Tạ Thu Thâu

Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21.- Để tưởng nhớ Tạ Thu Thâu bị Cộng sản Việt Nam giết tại Quảng Ngãi vào tháng 8 năm 1945, chúng tôi xin đăng lại dưới đây một bài báo của Phan Văn Hùm viết về Tạ Thu Thâu đăng trên tờ *Nhật Báo* ở Sài Gòn vào tháng 6 năm 1938.

Trong cuốn *Phan Văn Hùm, Thân Thế và Sự Nghiệp* xuất bản năm 2003, tác giả Trần Nguơn Phiêu đã viết về cái chết của Tạ Thu Thâu trên đường từ Hà Nội về Nam như sau: *"Tạ Thu Thâu, khi được tin Nhật đã đầu hàng Đồng Minh, đã tiên đoán được thời cơ sôi động sắp đến nên đã bỏ ý định xuất ngoại để trở về tiếp tay với các đồng chí miền Nam. Hồ Chí Minh và Cộng sản Đệ Tam đã phái Hoàng Quốc Việt theo dõi Thâu từ lúc rời Hà Nội và âm thầm ra lịnh cho tên huyện ủy Từ Ty ở Tư Nghĩa để ám hại Thâu khi đến Quảng Ngãi, chấm dứt cuộc đời 39 tuổi của nhà cách mạng thân mến của nhân dân miền Nam."*

Chúng tôi được phép của tác giả Trần Nguơn Phiêu đăng lại toàn bài của Phan Văn Hùm từ cuốn sách nói trên.

*

Phát Đoan

Anh Nguyễn Thế Rục (hay Nguyễn Thế Thanh) nay đã là người thiên cổ.

Tôi thành kính nghiêng mình trước mộ anh.

Tôi không hề động chạm đến cái tử hậu thanh danh của anh nếu anh không có bài di chúc chánh trị, và nếu bài di chúc chánh trị của anh không có công bố lên mặt báo. Nhưng mà anh trót đã có bài di chúc chánh trị và bài di chúc chánh trị của anh trót đã đăng tải lên mặt báo PHỔ THÔNG, cho nên tôi lấy làm tiếc mà phải có mấy lời hôm nay.

Tôi phải có mấy lời hôm nay, bởi bài di chúc chánh trị của Rục có động đến Đệ tứ quốc tế và động đến bạn tôi, là anh Tạ Thu Thâu, một chiến sĩ dõng cảm của vô sản. Tôi phải có mấy lời hôm nay, bởi bạn Tạ Thu Thâu lúc nầy không thể biện bạch được trước dư luận. Thâu đương ở trong chốn lao tù, Thâu đang đau bại nửa thân mình. Thâu đương bại chơn, bại tay, bại mắt,

bại cả tinh thần nữa, cũng không chừng.

Thâu là người thế nào?

Tưởng công dân thành phố đã từng có dịp biết con người thành thật can trực và bao giờ cũng hành động chánh đáng để binh vực quần chúng, hoặc để truyền bá tư tưởng mình. Thâu có nhiều thù địch về chánh trị. Thâu chưa có ai oán ghét về cử chỉ hành động. Thâu đeo đuổi về chánh trị từ thuở còn làm học trò cho đến bây giờ làm thầy dạy học, mà lúc nào cũng hăng hái đi về bên tả.

Anh Nguyễn Văn Rục, lúc gần vĩnh biệt cõi đời, lại hốt nhớ đến anh Tạ Thu Thâu. Nhớ mà phê bình bất chánh, như toan phỉ báng. Nhớ mà bảo:

"Tạ Thu Thâu và tôi không thể cùng đội trời chung."

Lạ thay! anh Rục bình sanh là người rất nhu nhược sao lại ngày *19 Mai* là ngày mà anh viết: "*Tôi gần chết*" anh lại buông được dưới ngòi tuyệt bút một câu hùng hào như thế ấy? Hay là anh muốn nói "không đội trời chung" với anh Thâu, không phải là muốn giết anh Thâu, mà là từ biệt anh Thâu để đi về cõi khác? Nhưng mà đến nữa anh Thâu chết thì hồn anh Rục mới đi ở đâu? May cho anh Rục, anh không tin có linh hồn.

Lạ thay: Anh Rục sao lại phải có di chúc chánh trị? Anh Rục lìa xa chánh trị đã lâu rồi. Đến giờ phút cuối cùng sao anh lại nói đến chánh trị, và chỉ nói đến một mình Tạ Thu Thâu? Anh vẫn biết tình cảnh và bịnh tình của Tạ Thu Thâu.

Hay là ai cầm tay anh Rục, hay là ai mạo văn tự anh Rục, lúc anh đã kiệt tinh thần, hoặc sau khi anh đã nhắm mắt?

Dầu sao đi nữa, dầu cho anh Rục viết di chúc chánh trị ấy một cách hoàn toàn tự do và viết trong lúc tinh thần anh còn sáng suốt, thời tôi cũng để yên người quá cố. Tôi không vì bạn Tạ Thu Thâu của tôi, mà đáp lại bài di chúc chánh trị của anh Nguyễn Thế Rục. Tôi chỉ muốn phanh bày cái thủ đoạn của phái stalinien.

Tôi đương nhớ đến một tờ di chúc khác, cũng về chánh trị. Tờ di chúc chánh trị nầy lại không được cái hân hạnh được công bố như tờ di chúc chánh trị của anh Rục.

Nó là tờ di chúc của Lénine.

Trò đời nghĩ cũng nực cười. Lénine không có cái vinh tử hậu như anh Rục đã có. Tờ di chúc chánh trị của Lénine chỉ được in ra có một tập báo duy nhứt vỏn vẹn, riêng để cho con mắt đuối đờ của Lénine đọc mơ màng trước khi nhắm mắt lại. Tờ di chúc chánh trị ấy không làm vẻ vang cho ông Nga Hoàng đỏ. Chỉ vì thế...

Nhớ đến tờ di chúc chánh trị của Lénine, tôi không lấy làm lạ mà thấy tờ di chúc chánh trị của anh Rục được công bố.

Phỉ báng, phỉ báng đi! phỉ báng mãi, rồi nó sẽ còn lại nhiều ít luôn luôn.

Bấy lâu cùng lý chánh trị để chống lại với Đệ tứ quốc tế, thời phái Stalinien dùng đến cái thủ đoạn phỉ báng đã, rồi đồ sát dã man. Đồ sát dã man đã, rồi phỉ báng nữa để khỏa lấp sự thật, để binh vực lấy sự say máu người.

Trong vòng quốc tế, những chiến sĩ đệ tứ không chịu hàng phục đều bị họ phỉ báng. Trong cõi đất Đông dương hẹp hòi nầy thời họ phỉ báng Tạ Thu Thâu. Xuống dưới tôi sẽ xét sự phỉ báng của họ.

*

Tạ Thu Thâu của tôi biết

Anh Thâu người quán tỉnh Long Xuyên, làng Tân Bình. Làng Tân Bình là một cái làng xa chợ Lấp Vò hơn hết ở tỉnh Long Xuyên. Đến ngày nay, mà trong làng ấy cũng chưa có đường đắp đá để giao thông.

Mẹ anh Thâu là một người đàn bà nhà quê, ở trong đồng xa, chỉ biết theo việc bếp nồi, cấy hái. Cha anh làm nghề thợ mộc, quanh năm đi làm mướn ở các vùng Lấp Vò, Cao Lãnh, Lai Vung, Cái Tàu Hạ, không còn cái gia đình nào nghèo hơn cái gia đình người thợ mộc nầy. Trong nhà sáu miệng ăn, số tiền công đói kém hai mươi lăm, ba mươi năm về trước, không sao cung cấp được cho no ấm. Tạ Thu Thâu lên năm, lên sáu đã phải lo việc nhà, chăn gà chăn vịt, ra ruộng hái rau, hay là theo người lớn xuống kinh, xuống xẽo mò cá, tôm, lem luốc những bùn lầy.

Nhà nghèo có cái thú là được phiêu giạt bềnh bồng, không có của cải ruộng nương chi trói chơn buột cẳng. Một hôm lên chợ Long Xuyên tìm việc, thời may ông thợ mộc rành nghề, bèn cho vô làm ở kho địa hạt (atelier provincial). Làm được ít lâu ông thấy nhà cửa vợ con ở xa cách bất tiện, bèn về giỡ nhà cửa, chở đồ đạc lên ở chợ Long Xuyên.

Chuyến đi nầy in sâu một cái ấn tượng lạ

lùng trong óc của cậu bé con. Anh Thâu thường nhắc đến đó một cách cảm động. Ra Vàm Cống giữa lúc tối đen, anh được mục kích một cái quái tượng: Xa xa trên mặt nước, một chiếc thuyền khác thường, tiếng kêu xình xịch, đèn chiếu đỏ lòm, thỉnh thoảng lại phun lửa lên rực một góc trời, rồi tỏa khói mù mịt, rồi rú lên vang dầy. Ấy là chiếc sà lúp "Bengali" đưa khách ở Mỹ Tho về Rạch Giá. Anh Thâu được cọ với văn minh Tây Âu lần thứ nhứt.

Sáng ra tới Long Xuyên lên ở nhà gần kho địa hạt như thân thiện ở cõi tiên. Cậu bé con nhà quê ra thành thị có cái gì mà không thấy lạ, thấy đẹp. Đường lạ, cầu lạ, xe song mã ông chánh lạ, khí đá còn lạ hơn tất cả.

Từ đây cậu bé con đã lìa ruộng nương, xẻo rảnh, gà vịt, thì cũng hết cái phận sự trong gia đình nghèo khó. Vì ở châu thành thì cậu bé con giúp cha mẹ được gì đâu. Chị anh Thâu và anh Thâu được cặp sách đến trường. Ấy là lần thứ nhì anh Thâu tiếp xúc cái vang bóng xa xuôi của văn minh Âu Tây, mà lúc nầy thì không phải văn minh vật chất nữa.

Với mười tám đồng bạc lương thợ, một cái gia đình sáu miệng ăn, sau lại thêm bảy, cũng vừa đủ lủm. Nhờ mẹ anh tảo tần, nuôi heo cúi gà vịt, trồng rau trồng hành, tiện tặn nhín nhút thì cũng đủ được đồng tiền quần áo giấy viết cho con.

Anh Thâu nên mười một tuổi vừa học đến lớp ba, thì mẹ anh phải bịnh ho lao mà bỏ mình. Nhà anh lại thiếu hụt, nợ nần chồng chất. Giống nhà nghèo hễ mang nợ thì như mang gông, không khi nào nợ dứt. Tuy tuổi còn thơ ấu, mà dòm thấy cảnh nhà, anh cũng đau đớn, nên tính thôi học những ba lần. Nhưng mà nhỏ quá thì ra làm gì.

Học cuối lớp ba, đến bãi trường anh xin vào làm lon ton cho sở trường tiền. Nhưng thấy anh nhỏ quá, rồi ông trường tiền phải biểu anh thôi. Tựu trường anh đi học lại.

Anh học trò Thâu từ đây không còn biết nghỉ bãi trường là gì cả. Hễ gặp bãi trường là anh phải đi dạy học, để lấy tiền phụ vào cái quỹ nghèo ngặt của gia đình, và để có chút ít đủ mua giấy viết cụ bị kỳ tựu trường tới. Cuối năm học lớp nhì anh trở về Tân Bình quê cũ dạy con một người hương trưởng nọ trong làng. (Anh học trò nầy, giữa lúc phong trào 1930-31 hoạt động trong đảng cọng sản Đông Dương bị bắt ở mười tám tháng tù, nhân có bịnh ho lao được thả ra, kế chết). Vừa làm thầy, anh Thâu cũng vừa làm đày tớ, vì mãn giờ học anh phải đi bơi xuồng cho ông hương trưởng, đi chài cá, hoặc đi câu rê, rồi về nhà lại phải nấu cơm nấu nước.

Dạy ròng rã một tháng mười ngày, trừ tiền cơm, anh còn năm đồng bạc. Số tiền to tát ấy, cậu học trò Thâu mười ba tuổi làm ra.

Cuối năm lớp nhứt Thâu thi đậu sơ học, có mảnh bằng cấp con trong tay thì chí lo làm việc càng hăng. Nhưng mới mười bốn tuổi không sở nào nhận được. Thâu phải định đi thi lấy học bổng vào trường Chasseloup Laubat. Nhưng làm sao có tiền để lên Sài Gòn dự thi? Một ông thầy học cũ của Thâu, nay làm đội mã tà ở Thủ Dầu Một, thuật chuyện lại rằng, bấy giờ cha anh Thâu rầu phận nghèo nàn không giúp được con tìm đường tấn thủ, bèn trèo lên một cây dương tự ải. Người ta hay được cứu xuống. Động lòng thương, một ông quan mã tà và một thầy thông giây thép góp tiền cho Thâu đi thi. Thi lấy học bổng đỗ rồi, Thâu trở về cũng lại phải dạy học để lấy tiền đi tựu trường Sài Gòn.

Chuyến đi học nầy Thâu nhớ mãi, vì lấy làm sung sướng nhứt đời. Anh có một cái nón. Từ trước giờ, dầu mưa nắng, dầu đường xa anh cũng đưa cái đầu trần ra chịu.

Thâu vừa lên học Sài Gòn thì cảnh nhà lại nguy ngập. Cha anh vì bất bình với quan trường tiền đã bỏ sở làm. Con đông, lương tháng còn vay được nợ chồng, hết lương tháng tứ tung nợ réo.

Thôi cái đời anh học trò Thâu lại phải đi làm thầy dạy học dạo mỗi lúc bãi trường. Cuối năm thứ nhứt (1ère année) anh qua Cù Lao Giêng, ở làng Tân Đức, dạy cả chục đứa học trò con nhà giàu. Dạy một tháng rưỡi trời, bị truất tiền cơm, tiền thuốc men ăn uống, những khi nóng lạnh nhức đầu, anh còn được non hai chục đồng bạc. Trong đám học trò ở Cù Lao Giêng học với anh và bóc lột anh, có con của một ông hương nọ, bây giờ theo phái xích-ta-lin; không biết chừng anh này cũng phải theo đồng đảng mình mà mắng anh Thâu là khiêu khích, là phát xít.

Cuối năm thứ ba Thâu đậu cả Brevet và Diplôme. Nhưng mới có mười bảy tuổi, thiếu một tuổi, không sở nào nhận cho làm việc.

Ở nhà thì chưa chắc đã làm gì ích lợi cho cha, vả lại đi học nữa, thì Thâu có nhà nước nuôi cơm. Thâu phải đi học nữa. Thi đậu vào ban tú tài, anh cũng liền phải đi dạy học lúc

bãi trường. Cuối năm thứ nhứt ban tú tài, anh đỗ hai cấp nhứt nhì của bằng brevet supérieur, bấy giờ đi dạy học dạo đã có địa vị khá rồi. Chẳng may vừa dạy đặng một tháng thì anh bị bịnh nặng phải vào nằm nhà thương thí Long Xuyên. Về nhà thấy cảnh ê chề, anh nhứt định bỏ học luôn để ra làm việc, bất kỳ là việc gì.

Lúc trường đã tựu rồi, cha anh hay được sự anh bỏ học, thì buồn rầu, ông đòi tự tử để con rảnh trí đi mà học hành. Vâng lời cha đi tựu trường thì chúng bạn đã học rồi một tuần lễ. Ráng theo chúng bạn, mà lòng anh thì lẩn quất ở quê nhà, có lúc học hành bỏ phế, chúng bạn đã nghi cho anh lười biếng.

Tháng Juillet 1925 đỗ tú tài và Brevet supérieur, thì đầu tháng sau anh phải đi làm việc.

Anh làm việc từ đó đến nay, có lúc nào là rảnh được đâu, trừ khi ở các khám Paris hoặc Sài Gòn mà thôi. Hết giờ làm việc để nuôi mình anh lại làm việc cho xã hội.

Và có lắm khi, ông Huỳnh Khương Ninh và các trò, thứ lỗi cho Thâu đương giờ học, học trò đương làm bài thi thì anh lại làm việc cho báo "La Lutte," hoặc cho thành phố Sài Gòn, hoặc cho dân thất nghiệp, hoặc cho thợ thuyền bị ức hiếp. Anh làm việc cho đến ngày nay vào tù, thân thể đã bại liệt, tinh thần đã mỏi mệt, mà anh cũng còn toan tính nỗi nọ đường kia, dặn dò đồng chí mọi việc.

Ấy cái đời anh Tạ Thu Thâu là như thế. Dòng họ nội ngoại hai bên đều là thợ thuyền hoặc nông dân nghèo cả, có lẽ trừ một mình người bác hai anh là khá mà thôi. Đời anh là thế, gốc gác anh là thế, anh có thể nào quên phận sự của anh, là phận sự của một tên lính của giai cấp vô sản không? Tôi không nói rằng kẻ vô sản không phản bội giai cấp mình. Nhưng tôi tin rằng cái bản năng vô sản (instinct prolétarien) của Thâu có thể giúp Thâu tránh những hành động phản giai cấp anh.

*

... (Tác giả rất tiếc chưa tìm ra được trong tư liệu Nhật Báo số 68, ngày 16 tháng 6-1938, nên xin chép tiếp tục dưới đây đoạn tiếp đăng ở số 69, ngày 17-6-38. Tác giả đã có nhờ Giáo sư Phan Kiều Dương sưu tầm hộ, nhưng được biết: vì các tờ báo Việt cũ ở Thư viện Quốc gia Pháp nay đang ở vào tình trạng hư, mục, nên không được phép cho làm phóng ảnh như trước, phải chờ đến khi thư viện sao chụp xong mới có thể có phóng ảnh. Tác giả xin thành thật xin bạn đọc thứ lỗi).....

*

Anh Rục và anh Thâu gặp nhau ở Saigòn

Về Sài Gòn trong mấy năm, ngoài giờ dạy học, Thâu vẫn hoạt động về chánh trị. Tờ báo *La Lutte* ra lần đầu là năm 1933, trong lúc tuyển cử hội đồng thành phố. Kỳ hội đồng nầy không đắc cử, Thâu vắng viết báo một ít lâu.

Qua năm 1934 vào khoảng tháng mười, hay tháng mười một chi đó, tình cờ anh Rục và anh Thâu lại gặp nhau ở Sài Gòn, đường Catinat. Nói chuyện qua loa, anh Rục mới tỏ ý đi tìm một đại lý ở Sàigòn cho hiệu *Fabrinat* dệt chiếu, mà anh Rục là chủ nhơn.

Bấy giờ anh Rục không có nói chuyện gì về chánh trị cả, dầu anh biết rằng anh Thâu mới trở lại tham gia trong tờ báo *La Lutte*, là một cơ quan của lao động mới tái bản. Về phần anh Thâu, anh biết rằng anh Rục là chủ xưởng đi tìm người đại lý, nên qua lại nhau mà Thâu chớ hề nói chuyện chánh trị. Nhưng mà muốn trở về ở gần báo quán *La Lutte* để chăm nom cho tờ báo, anh Thâu xin làm đại lý, trước là giúp cho anh Rục, sau là tính rằng được làm đại lý cho một hãng dệt chiếu to thì có nhiều đều lợi, lợi là ở phố khỏi tiền lại không chừng có lời lãi thì giúp vào tờ báo. Bởi vậy anh Thâu đặt nhà đại lý cho hãng Fabrinat ở đường Lagrandière, chính số 18, ở cách báo quán *La Lutte* có mấy bước.

Không lẽ anh Thâu là người đương làm chánh trị, anh Rục là người đã có làm chánh trị, mà hai người gặp nhau cứ nói chuyện buôn bán chiếu hoài mà thôi. Nhưng mà anh Rục thì xa cách chánh trị đã lâu rồi, bấy giờ chỉ là một ông chủ hãng thôi. Thành thử anh Thâu cũng lúng túng, không biết nói chánh trị gì. Một hôm anh Rục tỏ ý lấy làm lạ sao Nga Sô Viết lại vào hội Quốc Liên, là hội "ăn cướp" (Société des brigands). Đó là anh Rục còn nhớ chút đỉnh sách của Lénine, còn nhớ chút đỉnh cọng sản cách mạng hồi xưa. Anh Rục cũng lấy làm lạ về sự hiệp tác giữa hai đảng xã hội và cọng sản, vì đến năm 1934 các báo Stalinien còn cho đảng xã hội là đảng phát xít.

Dè đặt, anh Thâu tỏ cho anh Rục biết đại khái con đường của tả đối lập (đệ tứ quốc tế),

và luôn dịp anh Thâu cũng nhắc lại những cái lầm xưa của mình.

Lầm gì ?

Nói rằng lầm về "Đông dương độc lập đảng "thì không đúng.

Lầm người !

Anh Nguyễn Thế Truyền, hồi năm 1927, trước khi theo Nguyễn An Ninh về nước, có giới thiệu lại cho anh Thâu một người, mà anh Truyền cho là đúng đắn lắm.

Ấy là anh Nguyễn Như Phong.

Xin lỗi vong linh anh Phong. Anh chỉ là một anh đồ, ngồi nhà hút thuốc lào, viết báo viết sách thì được.

Làm thơ ký cho một đảng chánh trị thì không. Vả lại bạn không mấy thích anh Phong, cho nên công việc càng thêm khó tấn hành, mà phải đình trệ nhiều. Thâu mất thì giờ vì anh cũng lắm. Đó là tại anh Truyền không biết coi người. Trách anh Truyền là trách chỗ đó. Còn Đông dương Độc lập đảng ?

Đông dương Độc lập đảng?

a/ Quốc gia chủ nghĩa

Phái Stalinien hình như trách anh Thâu thuở nhỏ sao theo chủ nghĩa quốc gia. Lời trách cũng dễ tức cười! Mười lăm, hai mươi năm về trước, trong xứ Đông dương nầy ai nói cộng sản cho anh Thâu biết? Còn bao nhiêu những chiến sĩ của đệ tam ngày nay, không biết họ sanh ra là đầu có mang theo chủ nghĩa Staline hay là thuở nhỏ họ cũng phải theo cái công lệ tin Phật tôn Khổng như mọi người, rồi sau nhờ được huấn luyện tuyên truyền mà đốt đồ thờ cũ? Lại dễ tức cười hơn nữa. là chính mấy ông trong báo *Phổ Thông*, mà còn quốc gia sặc sỡ đi thôi. Đọc bài xã thuyết số 3 juin, là số trách anh Thâu hồi nhỏ theo chủ nghĩa quốc gia, thì có bốn chữ *quốc dân* bốn chữ *đồng bào*, là không nói đến ý tưởng trọn bài nó duy tâm, nó quốc gia làm sao! hết sức mâu thuẫn với thuyết giai cấp tranh đấu của Marx Lénine.

Tôi cũng biết phái stalinien họ sẽ nói: Không, không! chúng tôi không ăn thua chi với báo *Phổ Thông* cả, những người viết báo *Phổ Thông* là khác, chúng tôi là khác. Thù biệt, và độc lập mà!

Cái bản đờn xưa ấy tôi đã nghe rao lắm lượt rồi. Cho nên không lạ tai nữa.

Nhưng mà xét qua ngã đảng Cộng sản Pháp hiện nay, đảng stalinien hiện nay, thì thấy nó đương rung động trong trận rét quốc gia ái quốc (une fièvre nationaliste, patriotique) cũng ngang ngang với bọn phát xít De la Roque. Như tổ chức phụ nữ thì kêu là "Thiếu nữ Pháp" (Jeunes filles de France), chớ không còn dẫn những danh từ vô sản, lao động! Như "Cứu tế đỏ "thì đổi lại" Cứu tế bình dân Pháp" (secours populaire de France), không còn đỏ điếc gì nữa cả.

Nguy hơn nữa là bất kỳ ngân sách tư bản nào cũng được họ bỏ thăm chuẩn y. Moutet, Steeg, Mandel gì cũng Ủy hết, Ủy còn hơn ông hội đồng Vàng nữa! Bởi vậy cho nên dân thuộc địa ở Bắc Phi biểu tình đòi tự do dân chủ thì họ hô: "Bắn nó đi! bỏ tù nó đi!" Khốn nạn là ở chỗ nầy: Đảng cấp tiến và xã hội có đòi trừng trị thì công nhân rõ là vì quyền lợi của đế quốc Pháp, chớ còn phái Stalinien thì vu cáo dân bị áp bức ở Phi Châu là theo phát xít.

Trách anh Thâu theo quốc gia?

Có phải anh Thâu theo chủ nghĩa quốc gia thuở nhỏ, theo cho đến năm 1928. Anh theo quốc gia chủ nghĩa là lúc dưới hai mươi tuổi cho đến tuổi 22. Lúc đó anh hoạt động cho chủ nghĩa quốc gia, hăng hái cũng như sau nầy anh hoạt động hăng hái cho chủ nghĩa cọng sản, cọng sản quốc tế theo thuyết Marx Lénine, chớ không phải cọng sản cải lương, cộng sản bỏ thăm cho Mandel Reynaud như cộng sản stalinien đó.

Ở trong một xứ mà hai dân tộc thống trị và bị trị xô xát nhau, mà về phương diện nào dân tộc thống trị cũng lấn lướt, thì bên phía bị trị không khỏi lòng quốc gia chủ nghĩa thì có lẽ nào. Huống chi anh Thâu giác ngộ chánh trị là năm mười bốn tuổi, học năm thứ nhứt trường Chasseloup Laubat. Có lẽ anh nhờ ông giáo sư Nguyễn Văn Bá nhiều hơn hết. Mười bốn tuổi giác ngộ chánh trị, trong cái tuổi chưa có vang bóng cọng sản ở xứ nầy, thì ai nhủ cho mà biết thặng dư giá trị là gì, tư bản ngân hàng là gì? Ai nhủ cho mà biết Annam cũng phụ giúp tư bản ngoại quốc để bóc lột Annam?

Họa chăng các cậu công tử, con quan, con ông, con thầy, con địa chủ, có tiền sang Tây học từ nhỏ, đến hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi may ra gặp người chỉ lối rồi giác ngộ chánh trị một lượt với giác ngộ giai cấp. Có lẽ các cậu ấy khỏi trải qua thời kỳ quốc gia. Mà cũng chưa chắc khỏi hẳn, cũng như chưa chắc lớp sơn quốc tế đầu tiên mà dính khắn vào tinh thần của họ được.

Anh Thâu, nếu anh phản bội nguồn gốc vô sản của anh, thì cái thang vinh hoa phú quí anh đã có nhiều dịp bước lên cao, cao hơn nhiều bạn tác của anh trong lúc các bạn anh người lo làm còm mi chủ quận, người lo làm thầy thuốc giáo sư, anh Thâu có một chí hướng khác.

Anh sắp đặt sự học của anh cho có thể sanh nhai ở các sở ngoài, phòng có đủ tự do để lo việc chánh trị. Anh biết học Hà Nội thế nào cũng phải đi làm quan. Trong lúc các bạn anh học chết học sống để thi cho đỗ tú tài đặng học Hà Nội, hay học bên Pháp, thì anh thi Tú tài coi là đồ phụ thuộc, cốt sao cho có Brevet Supérieur để làm giáo sư ở các trường tư.

Đỗ Brevet Supérieur, anh Thâu đỗ trong một cái tình huống đặc biệt.

Năm đó riêng một mình anh đỗ.

Ông Grandjean làm chánh chủ khảo, thấy tài nên trọng, ân cần khuyên anh vô ty giáo huấn nhà nước, thì ông giúp luôn cho vô dân tây.

Nào có được như thế!

Anh Thâu đã sắp đặt cuộc đời của anh rồi. Được Brevet Supérieur là đạt mục đích, là mãn nguyện, là như chim đã mạnh cánh thì quyết bay bổng tự do, đâu còn muốn trở về ấp ổ. Anh cám ơn ông Grandjean, nhưng không tùng lời khuyên, mà ra làm việc ngay với ông Nguyễn Xích Hồng. Tội nghiệp! nay bị án tù, bị biệt xứ, cái đời giáo sư của anh phải dứt ngang đây, không biết có ngày nào trở về với học trò nữa hay không? Tiếc anh là một giáo sư giỏi và tận tụy với nghề.

Anh Thâu quốc gia, lúc còn mài quần trên ghế nhà trường, đã tập tành tổ chức chánh trị. Những bạn ngỗ nghịch cùng trốn học nghỉ việc chánh trị với anh, nay hoặc làm thầy kiện, hoặc giáo sư trong sở công, nhưng chưa có một ai làm quan hành chánh cả.

Đông dương Độc lập đảng?

Sau phong trào rước Bùi Quang Chiêu, đưa đám Phan Châu Trinh, sau các cuộc đình công lớn và các cuộc bãi khóa, anh Thâu biết rằng cần phải mở rộng kiến văn.

Cho nên dự bị một ít lâu, năm 1927 anh sang Pháp. Chưa bước chân xuống tàu, hãy còn ở trên cuộc đất Đông dương, Thâu cũng đã đọc được nhiều sách cộng sản như *ABC Cộng sản* của Boukharine, như *Lịch sử đảng cộng sản Nga* của Zinoview và nhiều yếu nhân khác của Sô Nga bước đầu có công khai cơ lập nghiệp cho "tổ quốc vô sản" thì nay đều bị tay Staline bắn giết cả.

Anh Thâu sang Pháp ở Paris gặp Nguyễn Thế Truyền ở đảng Độc Lập đương hoạt động. Bên đảng cọng sản không có người Annam nào hoạt động cả, duy có một mình anh Hoàng Văn Dụ có thể nói là người hăng hái hơn hết (Dự nay ở đệ tứ).

Thâu gần anh Truyền hơn, tin anh Truyền hơn. Anh Truyền về Đông Dương thì nhờ Thâu hết lòng lo tổ chức đảng Độc Lập lại, cốt ý là cho nó có hoạt động chánh trị, cho có nhà hội, có người làm việc thường trực, in báo, in sách. Làm việc gặp nhiều nỗi khó khăn hết sức, nhiều khi không đồng ý kiến với anh Phong là thơ ký cũ của đảng cùng với nhiều người khác, nhưng anh Thâu cũng nhẫn nhục, cốt giữ lấy cơ quan để tụ hiệp anh em. Nhờ vậy mà học sanh có cơ hội tham gia chánh trị, lao động có cơ hội trao đổi ý kiến với học sanh.

Công cuộc ấy hết sức là phồn tạp. Anh Thâu mà nhận thức rõ ràng là vào năm 1928, tức là năm anh gặp cộng sản trong khi đi tìm quốc gia, và bắt đầu xu hướng cộng sản.

Trên kia đã nói năm 1928 ấy, Thâu đã hay cuộc tranh đấu của tả đối lập bên Nga và trong quốc tế. Nên bây giờ có vào đảng cộng sản thì ắt phải đứng bên tả đối, vì biết phái Stalinien đầu cơ. Anh Thâu đi lại với nhóm *Contre le courant,* trong đó có vợ chồng Magdeleine và Maurice Paz, hai người nầy bây giờ đều ở trong đảng xã hội. Hai người nầy không vô tả đối được vì họ không thể chịu nổi điều kiện và cũng không chịu nổi sự mỉa mai của đảng cộng.

Bấy giờ đã thấy rõ đường đi, thì anh Thâu tạo ra một nhóm cộng trong đảng Độc Lập, có cả người ở phái stalinien trong ấy. Cái nhóm ấy, chừa bốn năm người còn theo quốc gia, bao nhiêu đều xu hướng cọng sản tả phái cả.

Tháng Février 1929, sau khi vụ Đỗ Đình Thạch ở Café Turquéli rồi, thì tòa La Seine truy tố đảng Độc Lập. Ra tòa anh Thâu phản đối sự truy tố ấy, nhưng không chống án khi tòa xử giải tán đảng Độc Lập. Anh Meunier, người thay mặt cho đảng cộng sản Pháp ở Liên minh Phản Đế hết sức đốc anh Thâu chống án. Nhưng mà anh Thâu cũng một mức không chống án.

Anh Meunier thì muốn anh Thâu ở đảng Độc Lập. Thâu thì cho là một dịp tốt để các bạn anh

và anh kết thúc cái xu hướng cộng sản bằng một cái tổ chức Liên minh cộng sản (Ligue communiste), tức là Công nhân Quốc tế (Parti ouvrier internationaliste), ngày nay. Anh Meunier, người của đảng Cộng sản lại muốn giữ lại đảng Độc Lập.

Thế mà hôm nay còn có người, như anh Rục, lại công kích đảng Độc Lập, không biết rằng chính đảng stalinien hồi đó lại tán thành nó. Tháng Juillet 1929, đảng cộng sản Pháp hời còn kiếm người thay mặt cho đảng Độc Lập ở hội Liên minh Phản Đế ở Franfort sur le Mein.

Tóm lại, thời kỳ anh Thâu ở đảng Độc Lập, là một thời kỳ phôi thai, của một phần của phong trào đệ tứ quốc tế ở Đông Dương, không hiểu như thế là không hiểu duy vật biện chứng của anh Thâu.

Phòng ngừa sự vu cáo của phái Stalinien

Tại sao lúc gần chết anh Nguyễn Thế Rục nhớ có một mình anh Thâu?

Tại sao trong di chúc (di chúc của một người không có làm chi hết về chánh trị, chỉ coi sóc công nhân dệt chiếu mà thôi), anh Rục lại có mấy câu lằng nhằng cũ mèm về cộng sản, về mạc xít?

Có phải là nói đến anh Thâu, rồi qua Trotsky, rồi qua phát xít? Xào bài để đánh lận sòng?

Nói anh Thâu có lòng tự ái là có ý gì?

Có phải là sau nầy sẽ nói anh Phát xít?

Bây giờ thì chưa.

Mười năm nay quen biết anh Thâu, sao anh Rục không có một lời phê bình như thế tuyên bố ở đâu? Sao lại chờ lúc gần chết anh Rục mới nói ra, nói ra trong lúc anh Thâu không thể trả lời, và anh Rục hết còn đối nại được?

Anh Thâu mà tự ái?

Nếu quả anh là người tự ái, thì anh Thâu phải theo phái Stalinien.

Theo chi phái trotskyste, trung thành chi với thế giới vô sản cách mạng, trong lúc đại đa số quần chúng đương êm ấm mơ màng trong tà thuyết bình dân? Theo như thế Thâu đâu có thỏa được lòng tự ái. Đương đầu với đại đa số, chịu điều vu cáo, bài xích, sao được gọi là tự ái?

Nếu anh Thâu mà theo phái Stalinien?

Thì cái lòng tự ái của anh sẽ được thỏa mãn lắm lắm lắm. Ít ra anh cũng được cái địa vị của ông chủ bút Võ Khắc Thiệu chớ?

Phong trào đệ tứ quốc tế là phong trào của những người vô sản có gan chịu đấm, để cho vô sản sau nầy được thắng lợi. Các ông tự ái, các ông muốn làm lãnh tụ, các ông muốn kiếm chức hội đồng, thân sĩ, các ông muốn mở miệng ra là được vỗ tay tung hô vạn tuế, chớ không muốn nghe tiếng đả đảo phản đối, các ông ấy không điên dại gì mà theo đệ tứ quốc tế.

Cắt nghĩa rằng anh Thâu tự ái, để giảm thế lực của đệ tứ quốc tế, là duy tâm. Tự ái không sao đứng về phía đệ tứ quốc tế được.

PHAN VĂN HÙM

(Trích Nhật Báo, *từ số 66 ngày 14-6-1938 đến số 69 ngày 18-6-38)*

LỜI THÊM

Một đoạn trên, tôi đã có chỗ nói rằng phải động đến thanh danh tử hậu của anh Nguyễn Thế Rục, là chỗ rất khổ tâm của tôi. Nhưng sở dĩ phải có bài nầy, là bởi cái lẽ chánh trị không thể nín được.

Nói về anh Rục đã là nỗi khổ tâm, còn một nỗi khổ tâm nữa là tôi phải đem ra cái lịch sử của anh Tạ Thu Thâu. Như thế tôi đã làm chu khuy mích lòng khiêm tốn của anh bạn tôi. Đời của anh bạn còn dài, tương lai chánh trị của anh bạn còn dài, mà bây giờ đã phải đem cái đời của anh ra, thì có người không hiểu ý của tôi, sẽ ngờ rằng tôi muốn vội ghi tên của anh trong lịch sử chánh trị ở xứ nầy. Tôi không có quyền gì ghi tên như thế, chỉ có việc hành động ở tương lai của anh Thâu là có thể làm cho tên anh còn hay mất.

Vừa rồi, thấy ở cột tờ báo nầy, nhân nói về hội Cứu tế bên Pháp tình nguyện nuôi con của anh Thâu, có một lời chót hỏi rằng anh Thâu là người đáng dẫn đạo quần chúng. Một lời quá yêu như thế, thật là muôn vàn bất lợi cho anh Thâu. Rủi cho lời ấy lại đồng thời xuất hiện với bài tôi đang viết đây, cho nên tôi lấy làm ái náy, đây rồi không khỏi kẻ ác tâm nghĩ thế nọ thế kia, tưởng rằng tôi thuật lại đời anh Thâu là có ý đưa anh Thâu lên cái địa vị lý tưởng ấy. Không, tôi phải thuật lại đời anh Thâu là để trả lời cho cách phỉ báng ác nghiệt đó thôi. Ngoài ra không có ý gì khác.

PHAN VĂN HÙM

(Trích NHỰT BÁO, *số 70, ngày 18-6-38)*

VỀ MIỀN TÂY

TÔN THẤT TRÌNH

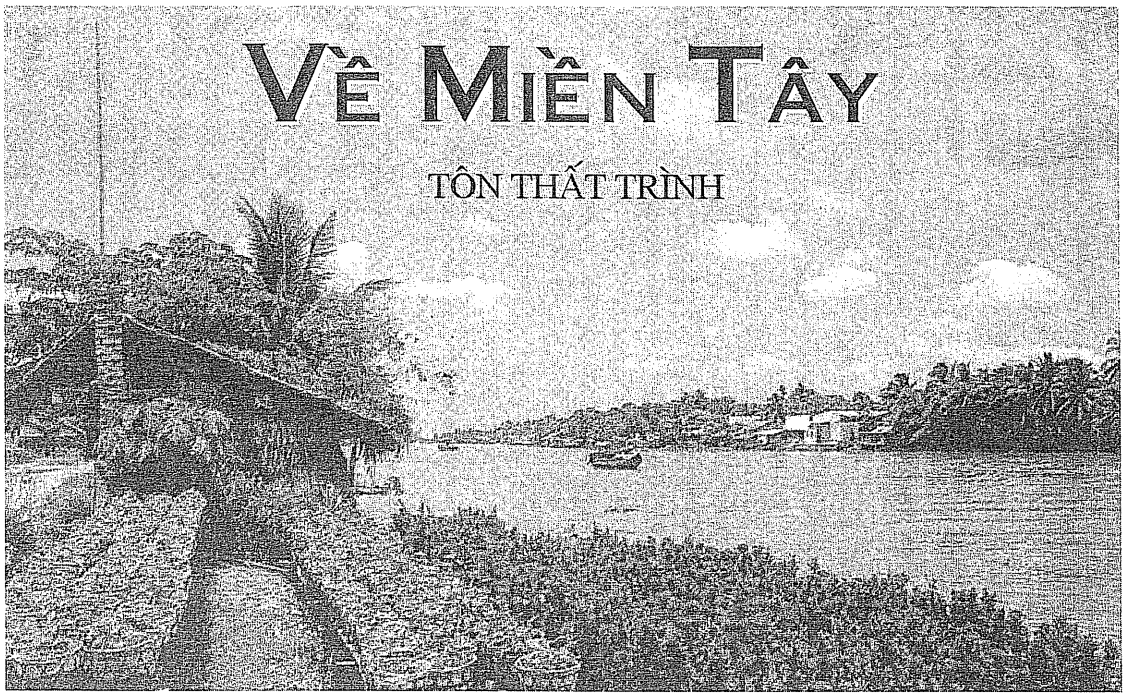

Về miền Tây, miền đèo cao núi rừng ngàn thông
Trường Sơn Tây nghiêng bờ Mê kông
Đỉnh Pu Luông, đỉnh Mẹ Bồng Con
Cùng Ngọc Linh, sương tuyết mù Fan si Pan
Ai ơi! Đàn cháu Tiên (dân vùng Cao) đón mời con Rồng (dân vùng Thấp biển Đông),
Xuôi dòng chín Cửa Cửu Long,
Khí thiêng Điện Biên tiếp nối Hà Tiên, Tầm Bôn, Tầm Phong Long... (1)

Tâm Đạo

I- Lịch sử Tây tiến nước ta cũng phong phú như Nam Tiến

Chúng ta thường nghĩ rằng đất nước Việt Nam được mở rộng là do công cuộc Nam tiến, tiến về phía Nam.

Thật sự Nam tiến là một công cuộc vừa Nam tiến, vừa Tây tiến, tiến về phía Tây. Theo Hồ BạchThảo (2), chính sách các thời đại xưa của Việt Nam đều chủ trương Bắc hòa Trung Quốc, không phải chỉ để cầu an, mà cốt rảnh tay về phương Bắc để kinh dinh tại các nước Ai Lao, Chiêm Thành, Chân Lạp, phía Tây và phía Nam. Năm 1708, Mạc Cửu (Mao Jiu) dâng bảy xã vùng Hà Tiên, gồm các xã Hà Tiên, Phú Quốc, Rạch Giá, Cà Mau ở lãnh thổ Việt Nam và ba xã Ream, Kampot và Kompong Som ở lãnh thổ nước Cam Bốt ngày nay. Năm 1757, con Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ dâng thêm năm phủ do vua Nặc Tôn của Cam Bốt tạ ơn Mạc Thiên Tứ là Hương Úc, Cần Bột, Trực Sâm, Sài Mạt và Linh Quang cho Chúa Nguyễn. Theo bà Tâm Langlet, nguyên giáo sư địa lý đại học Sài gòn trước năm 1975, thì nhờ việc dâng đất này, nước Đại Việt (3) đã tiến xa về phía Tây châu thổ Sông Cửu Long. Diện tích sáu tỉnh miền Nam, Nam Kỳ Lục Tỉnh do vua Minh Mạng đặt ra, vì thời chúa Nguyễn chỉ có năm trấn hay năm tỉnh, thuộc Gia Định Thành là các trấn Hà Tiên, Vĩnh Thạnh, Định Tường, Phiên An, Biên Hòa. Diện tích là 60 000 km2, lớn hơn diện tích toàn thể châu thổ sông Cửu Long, khoảng 49 000km2; phần Việt Nam ngày nay chiếm khoảng 39 000 km2. Không phải chỉ Việt Nam tiến chiếm cựu vương quốc Phù Nam mà Tiêm La (Xiêm hay Thái Lan) còn chiếm (hay được vua Miên tặng?) nhiều lãnh thổ hơn nữa, kể cả kinh đô Bangkok (Vọng Các ngày nay) và các tỉnh Cam Bốt nguyên là đất Chân Lạp, như Chantaburi, Prachinburi, Xurin, Xixaket... (4).

Tây tiến không phải chỉ ở Tây Nguyên (Cao

Nguyên Trung Phần) khi diệt Chiêm Thành mà còn về phía Ai Lao, có những lúc nước này không chịu thần phục, ta phải mang quân đi đánh dẹp. Cũng theo Hồ Bạch Thảo, năm 1084, vua Lý Thái Tông đã sai Phùng Trí Năng đi dẹp Ai Lao. Đời vua Lê Thánh Tôn, quân ta đã vào thành Lão Qua — LuangPraBang, chiếm đất đai đến tận sông Trường Sa, gần biên giới Miến Điện. Thời Minh Mạng nhà Nguyễn, quân Xiêm La thường quấy nhiễu, các xứ Lào đều xin nội thuộc nước ta. Bản đồ của nước ta về phía Tây mở mang rất nhiều: như đất Trấn Ninh năm 1827, các đất Tam Động, Lạc Phàn của Vạn Tượng (Vientiane), triều đình lập ra hai phủ là Trấn Tỉnh và Lạc Biên. Tiếp theo là các xứ Xà Hổ, Sầm Tộ, Mường Soạn, Mang Lang, Trinh Cố, Sầm Nứa, Mường Duy, Ngọc Ma; vua Minh Mạng chia ra làm ba phủ nội thuộc gọi là Trấn Biên, Trấn Định và Trấn Man. Tóm lại, dưới thời Minh Mạng, các tỉnh Lào: Sầm Nứa, Trấn Ninh, Cam Môn (Khăm Muộn), Savannakhet đều thuộc Việt Nam. Tuy vậy, diện tích phần đất các xứ Ai Lao nội thuộc Tiêm La (Thái Lan) về bên kia sông Mê Kông, còn lớn hơn nữa... Pháp chỉ lấy các phần đất Ai Lao nội thuộc Việt Nam và hai tiểu quốc Luang Prabang ở miền Bắc và Champassak miền Nam, lập ra nước Lào, đặt kinh đô ở Vạn Tượng, mà không động chạm đến đất Ai Lao thuộc Thái Lan. Vấn đề ngày nay không phải là sửa đổi biên giới như thời xưa, mà là cùng các nước hiện nay hợp sức, sử dụng các công cụ kỹ thuật khoa học mới, cọng với đầu tư ngoại quốc, phát triển văn hóa xã hội, chống đói giảm nghèo tại các tộc dân địa phương kể cả tộc dân Việt (hay Kinh), trong khuôn khổ phát triển hạ lưu sông Mê Kông do Liên Hiệp Quốc đã đề xướng trước đây (5) hay tốt hơn nữa trong khuôn khổ Hiệp Hội các nước Đông Nam Á.

II- Sao lại gọi là vòng ba phát triển?

Mọi phát triển đều đòi hỏi cải tiến hạ tầng cơ sở văn hóa xã hội, trong đó đặc biệt phải kể đến tân tiến hóa nền giáo dục, cung cấp đầy đủ điện và nước sạch, kiện toàn nền viễn thông, y tế v.v..., tiến dần đến thị trấn hóa xã thôn nơi xa xôi hẻo lánh, xây cất xa lộ rộng rãi, cập nhật. Giáo dục cần nhấn mạnh đến khoa học kỹ thuật hướng về tổ chức, thực hành công nghệ, tổ chức cơ cấu canh nông có thị trường thượng mãi quốc tế, phải canh tân nông nghiệp nội địa để cạnh tranh với các nước khác, thoát ly khỏi ý niệm canh nông tự túc, cô lập, thường là duy trì chậm tiến, tụt hậu vì người ta tiến mà mình vẫn thủ cựu đứng yên. Riêng Việt Nam, đường sá **vòng 1** đã được cha ông phát triển về phía đông nhằm nối liền các đồng bằng với nhau, khởi xướng năm 992 đời Tiền Lê, từ Cửa Sót (Hà Tĩnh) đến châu Địa Lý (Quảng Bình). Tiếp theo là đường Thiên Lý Cũ, bắt đầu xây đắp từ đời nhà Hồ, và đến đời nhà Nguyễn thì đã nối với Nam Vang của Cam Bốt. Sau khi vua Gia Long thống nhất đất nước vào năm 1802 thì con đường này đã nối Ải Nam Quan thuộc tỉnh Lạng Sơn với Đất Mũi Cà Mau cực nam của đất nước. Thời Pháp thuộc, chặng Hà Nội - Sài Gòn trở thành quốc lộ số 1.

Vòng 2 là "quốc lộ miền Tây" của nước nhà, cũng dự tính nối ải Nam Quan đến đất Mũi Cà Mâu, nhưng không đi qua Trung Du, Tam Đảo gần Việt Trì, Tản Viên (núi Ba Vì) gần Sơn Tây mà bọc Lai Châu, Sơn La về phía Tây, xa hẳn Hà Nội, đến đầu non Trường Sơn gần nguồn sông Mã tỉnh Thanh Hóa; chạy dọc biên giới Việt Lào rồi Miên, băng qua tỉnh Bình Phước (gồm hai tỉnh cũ Bình Long và Phước Long) và lách xa khỏi các núi nhỏ cuối Trường Sơn (Bà Rá, Chứa Chan và Bà Đen, Châu Thới), vượt hai sông Đồng Nai và Vàm Cỏ, qua Châu Phú, Tịnh Biên (Nhà Bàng) đến Hà Tiên, rồi từ đây bẻ ngoặt về hướng Nam, đi dọc bờ biển trông ra vịnh Thái Lan xuống Rạch Giá, trước khi đến trạm chót Cà Mau. Con đường Bắc-Nam thứ hai này, khi thực hiện xong, sẽ dài trên 3500km. Một khúc quốc lộ Tây thuộc giai đoạn 1, đã khánh thành năm 2005 tên là Xa lộ Trường Sơn Công Nghiệp, khởi xướng năm 1997 (?), nối Hà Tây với Đồng Xoài (Bình Phước), để đến xa lộ Đại Hàn ngoại ô thành phố Sài Gòn. Vài đoạn thuộc con đường này tuy mới xây dựng đã bị sạt lở rất nhiều như đoạn từ A Sao - A Lưới đến Thành Mỹ, phía tây tỉnh Quảng Nam. Đây là vùng mưa nhiều nhất nước, cần nghiên cứu về địa chất sâu rộng vững chắc hơn.

Vòng phát triển giao thông 3 nằm trong khuôn khổ sông Mê Kông: sự giao thông đường sông vùng hạ lưu Mê Kông cho tàu bè lớn. Hình như giao thông thượng lưu sông Mê Kông từ Vân Nam đến Vientiane đã được Trung Quốc giúp đỡ thực hiện. Phía Việt Nam, các đường bộ Xuyên Á đã được phác họa và các đường nối liền Việt Miên, Việt Lào đã được thiết lập

thời Pháp thuộc, còn nhỏ hẹp, tuy một vài đường như đường số 19 nối Qui Nhơn đến Pleiku - Kontum, đã được mở rộng phần nào, và các đèo An Khê, Mang Giang san bằng chạy thẳng từ cuối thập niên 1960-1970, không còn quanh co nữa. Các đường thẳng góc với Trường Sơn này có lẽ cần mở rộng thêm thành xa lộ nhiều lần, như đã làm ở đường Trường Sơn Công Nghiệp.

Phát triển miền Tây, thanh niên ơi!

Trường Sơn Đông nắng, (Trường Sơn) Tây mưa,

Ai chưa đến đó thì chưa biết (nước) mình.

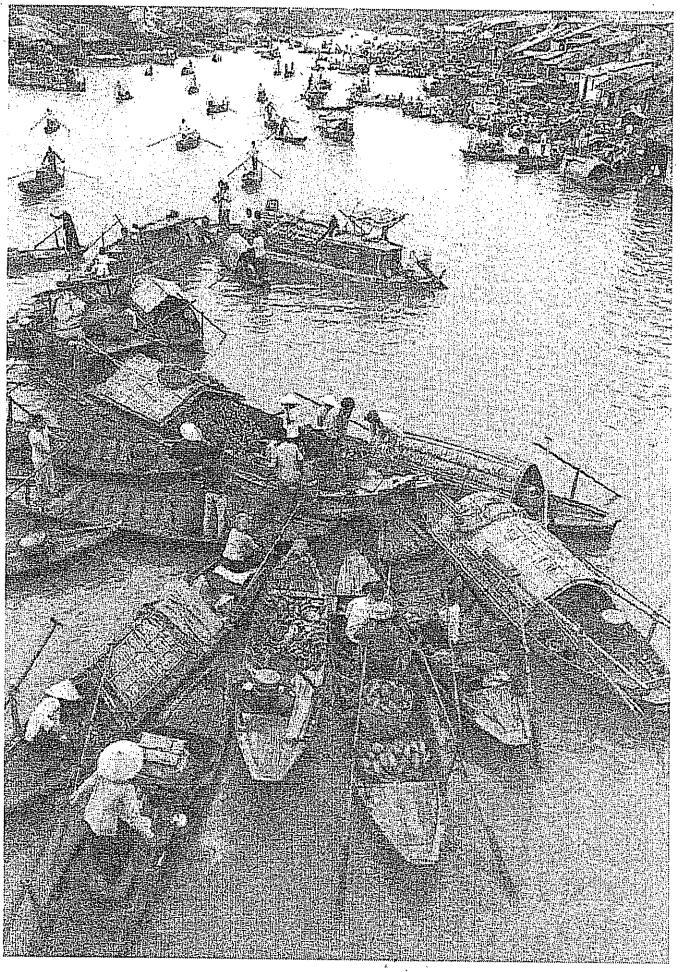

Trong ý hướng nhằm phát triển miền Tây nước nhà, có lẽ nên so sánh, học bài phát triển miền Tây Hoa Kỳ, theo gương sáng chói phát triển bang Ca Li (California). Sở dĩ chúng tôi nhắc đến Ca Li, vì Ca Li là nơi dân Việt định cư ở Hoa Kỳ nhiều nhất ngoài Việt Nam, hơn nửa triệu người, có lúc đã được xem là nơi có đời sống thoải mái nhất Âu Mỹ. Sỉ số con em cập nhật văn hóa Tây Phương có bằng đại học mọi ngành, có lẽ đến 150.000 người, một tài nguyên dồi dào có thể góp phần lớn cho việc xây dựng nước nhà. Phát triển Ca Li khởi sự những năm đầu khi dân số bang Ca Li tăng mạnh. Từ cuộc Săn Vàng (Gold Rush) trước thập niên 1850, dân số bang California khởi sự gia tăng mãnh liệt vào thập niên 1920, đầu thập niên 1970 đã có 20 triệu dân; đầu thập niên 1990 nhờ sinh xuất cao và nhờ chánh sách cho nhập nội Hoa Kỳ dễ dãi dân số lên đến 30 triệu. Năm 2005 trên 36 triệu người, dự trù lên đến 58 triệu người năm 2040.

Chúng ta đã mục kích sự phát triển Lục Tỉnh miền Tây từ năm 1878, sau cuộc Săn Vàng Ca Li gần 30 năm, khi sáu tỉnh Nam Kỳ chỉ có 1.500.000 người Việt, 100.000 người tộc Miên, 36.539 người Hoa, 9.408 người tộc Chăm (Chà Châu Giang). Nay đã đông dân hơn cả nước Hà Lan: châu thổ Sông Cửu Long nay đã có 18 triệu dân, so với 16 triệu dân Hà Lan. Dân số Tây Nguyên cũng đã gia tăng mãnh liệt, sau khi Pháp chấp nhận Tây Nguyên là Hoàng Triều Cương Thổ, thời Bảo Đại làm Quốc Trưởng vào thập niên 1950. Trước đó, ngay tại Lâm Đồng - Đà Lạt, Pháp giới hạn dân Kinh (tộc dânViệt) lên lập nghiệp, chỉ có vài ngàn công chức và vỏn vẹn hai làng trồng rau hoa nho nhỏ là ấp Hà Đông và ấp Nghệ Tĩnh, do Võ Hiển Hoàng Trọng Phu (6) đã thuyết phục Toàn Quyền Đông Dương vào đầu thập niên 1940, cho một số dân miền Bắc và Bắc Trung Kỳ lên sinh sống quanh Đà Lạt. Họ trồng rau và hoa ôn đới, làm gương mẫu cho đồng bào Thượng địa phương vốn không chịu trồng gì khác ngoài bắp, lúa rẫy... Hai làng tân lập này đã cung cấp các loài rau và hoa du nhập từ phương Tây cho 8.000 kiều dân Pháp, bị cắt đứt nguồn cung cấp rau hoa mẫu quốc trong thời gian đệ nhị thế chiến. Năm 1945, dân số Tây Nguyên chỉ chừng 300.000 người, người Kinh chỉ chiếm 10% tổng số này.

Đợt di cư từ miền Bắc trong biến cố 1954 đã làm dân số tăng lên 530.000 người vào năm 1956. Công cuộc dinh điền Cao Nguyên các năm 1957 — 63 đưa dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định lên mở mang cây cà phê, cao su; dân Nùng di cư tự động lên khai thác trồng thơm Đà Lạt (Smooth Cayenne) vùng Tùng Nghĩa gần phi trường Liên Khương; dân Kinh miền Bắc lên khai thác trà vùng Bảo Lộc... nên dân số Tây Nguyên, năm 1976 đã là 1.226.000 người. Và vào năm 1996 thì con số phải nhân lên gấp ba, vì người miền Thượng Du Bắc Việt (Tày , Dao , Mèo...) và người Kinh lên lập nghiệp. Năm 1995 dân số Lâm Đồng đã trên 850.000, và đến 2002 thì đã vượt 1.000.640. Dân số tỉnh Đak Lak (Ban Mê Thuột) còn tăng mau hơn nữa, từ 300.000 năm 1975 lên gần 1.400.000 năm 1995, và đến năm 2002 thì đã gần hai triệu người. Nhờ vậy mà diện tích cà phê Việt Nam, vào năm 1975 chỉ 8.000 ha, nay đã trên 500.000 ha; mức sản xuất cà phê vối Robusta là 600.000 tấn nhân một năm, đứng hàng nhất xuất khẩu thế giới loại cà phê đắng, nhiều cafêin này. Chưa nói đến cao su Kontum, Gia Lai, Ban Mê Thuột, tiêu hảo hạng Chư Xê, không thua kém tiêu Phú Quốc...

III- Hạ tầng cơ sở tân tiến Ca Li là gì?

Trước hết là đường xe lửa nối Đại Tây Dương với Thái Bình Dương, rồi hệ thống cung cấp nước từ xa cho các vùng, rồi xa lộ rộng rãi, cao tốc, sau đó là hệ thống giáo dục đại học (University of California -UC), không thua kém hệ thống "Liên Minh Cây Thường Xuân (Ivy League)" miền Đông. Ca Li đã là kim châm thu hút di dân thế giới kể từ Cuộc Săn Vàng đến thời kỳ " dot com." Thế nhưng trước cường triều dân số và di dân vào Ca Li, mặc dù luôn luôn vượt trên dự tính của chính quyền, chánh phủ vẫn cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho dân chúng, theo lời sử gia Carey Mc William viết vào đầu năm 2006. Mc William cho biết là tăng trưởng của Ca Li vào những năm đầu tiên, phát khởi từ những đầu tư công trình lớn cơ sở công ích hạ tầng. Thập niên thứ nhất sau khi thành lập (tiểu) bang (statehood), Cuộc Săn Vàng đã làm dân số Ca Li tăng gấp bốn. Quốc hội Hoa Kỳ thích ứng bằng cách ban hành đạo luật thiết lập Đường Hỏa Xa Thái Bình Dương (The Pacific Railway Act), năm 1862, nối Ca Li với các thị trấn, thành phố đông đúc miền Đông Hoa Kỳ. Dự án Thung lũng Trung Tâm (Central Valley Project), hệ thống cung cấp nước thiết yếu, được phác họa năm 1919, khi Ca Li có 3.3 triệu dân. Nhưng khi bắt đầu công tác xây cất năm 1935, dân số Ca Li tăng gần gấp đôi. Khi bang Ca Li hết ngân quĩ, thời Khủng hoảng (Depression), Cục Khẩn hoang (Bureau of Reclamation) liên bang nhảy vào tiếp sức. Theo nhà sử học Kevin Starr, tư duy rất đơn giản: "Nếu không có đủ nước, Ca Li không thể nào thị trấn hóa, thành phố hóa được." Khác với Ca Li phải lấy nước từ các bang Hoa Kỳ khác và cũng khác với miền Bắc Trung Quốc, nước là một tài nguyên còn dồi dào ở Việt Nam, nhờ khí hậu nhiều mưa, nhờ sông Mê Kông. Nhưng nước các sông lưu vực Trường Sơn Tây, chảy về dòng chánh Mê Kông chưa được nghiên cứu khai thác, còn ít hơn cả các sông nhỏ Trường Sơn Đông, chảy về Biển Đông. Ít hơn các phụ lưu Mê Kông thuộc miền Đông Thái Lan. Ngay nước đập thủy điện Ya Li trên sông Sesan, thiết kế từ thập niên 1950-1960, tuy có dự trù tưới tiêu cao nguyên đất đỏ Pleiku, và bốn đập lớn khác của sông Sesan chưa khởi công, hiện cũng chỉ chảy về phụ thêm dòng chánh Mê Kông. Không như hệ thống dây chuyền (có nghĩa là nước thải đập nơi cao làm nguồn nước phần nào cho đập nơi thấp hơn) của chín đập sông Đồng Nai (trước tiên là Đập Đa Nhim khánh thành năm 1963 với bồi hoàn chiến Tranh của Nhật, tám đập khác do hảng Nhật Nippon Koei khởi sự thiết kế năm 1973-74, đa số nay đã thực hiện xong)— tương tự các đập dây chuyền thủy điện nối sông Rhin với sông Rhône— cung cấp điện nước cho miền Đông và các đồng bằng, thị trấn phía Biển Đông. Tài nguyên nước lớn ở Tây Nguyên là các chi lưu sông Mê Kông: sông Poko, bắt nguồn từ phía tây núi Ngọc Linh với ba nhánh sông lớn dài trên 140 km là Dak Bla, Sa Thầy và Dak Bơ, hạ lưu sông Poko là sông Sesan; sông Ea H' Leo với hai chi lưu là Ia Drang và Ia Sup; sông Srepok dài 332 km, có hai nhánh chính ở Dak Lak là sông Krong Nô và Krong Ana, đã được nghiên cứu khá rõ. Ngược lại những nguồn nước các sông Tây Bắc miền Trung, đặc biệt những khúc thuộc địa phận Sầm Nứa — Ai Lao chưa được nghiên cứu khai thác đúng mức, vì trước đây chỉ để ý đến tăng vụ lúa các đồng bằng Thanh Hóa (đập Bái Thượng trên sông Chu) và đồng bằng Nghệ An (đập Đô Lương trên sông Cả) thuộc vùng thấp

vùng xuôi, không phát triển gì vùng cao, vùng ngược cả. Sông Mã bắt nguồn ở Lai Châu - Điện Biên dài 512 km gần như sông Đồng Nai, chi nhánh lớn là sông Chu dài 300km, có nhiều thác lớn và một lưu vực rộng 28 400 Km2, bằng hai phần ba châu thổ sông Cửu Long. Sông Cả còn dài hơn, khoảng 600 km, bắt nguồn từ cao nguyên Xiêng Khoảng (Khouang), cũng có lưu vực rộng 27 200 km2, trong đó 9470 km2 thuộcvùng núi Ai Lao Xiêng Khoảng và Sầm Nứa.

Quay trở lại vùng California, tuy thống đốc Brown được đề cao là nhà xây dựng lớn nhất Ca Li, thật sự công lao hai thống đốc khác là Warren và Goodwin Knight cũng không kém Brown. Cả ba đã thay đổi cảnh quan Ca Li: trong hai thập niên 1950 và 1960, bang Ca Li đã gia tăng trữ lượng nước lên gấp đôi.

Dự án cho hơn 12.000 dặm Anh (trên 20 000 km) xa lộ cao tốc (freeway), hoàn tất năm 1959 và hầu hết 3/4 xa lộ (highway) Ca Li, thực hiện 15 năm sau đó. Brown được đề cao vì đã nới rộng viễn ảnh của Warren và Knight, nhất là dàn xếp đẹp đẽ, biến các đề nghị dự án thành những chương trình dân chúng chấp thuận. Có thể gợi ý liên tưởng đến hệ thống đường điện cao thế từ Hòa Bình đến Cần Thơ và đường Trường Sơn Công Nghiệp Hà Tây — Đồng Xoài chăng?

Dự Án Chủ yếu Toàn bộ (Master Plan) về Giáo dục Đại học (Higher Education), thiết lập sau nhiều tranh luận, thời Brown làm thống đốc, dàn trải và tổ chức lại hệ thống trường và viện đại học Ca Li. Thành quả là việc xây dựng ba viện đại học mới Ca Li - UC hay University of California là các viện UC Irvine, Santa Cruz và San Diego và phát triển lớn mạnh hai đại học "xa xôi " là UC Riverside và Davis. Mãi 40 năm sau, Ca Li mới thiết lập thêm một viện UC là Merced. Việt Nam cần mở thêm đại học miền Tây, không phải chỉ ở vùng Tây Nam như đại học An Giang, hay ở vùng Tây Nguyên như đại học Ban Mê Thuột hay Pleiku - Kontum mà còn phải cả ở vùng Tây Bắc của đất nước: Điện Biên hay Sơn La, Lai Châu. Làm căn bản trí tuệ, văn minh đô thị, xã hội khoa học kỹ thuật mới cho công nghệ và dịch vụ tân tiến, cho phát triển toàn miền Tây nước nhà, cho mọi tộc dân địa phương. Nếu không bằng được hệ thống UC Ca Li, ít nhất cũng phải tương đương với các đại học Đài Bắc, Đài Trung, Đài Nam, Hoa Liên (?) ở Đài Loan hay hệ thống đại học Nam Hàn mà các giáo phái Tin Lành đã tranh đua thiết lập sau hòa đàm Bàn Môn Điếm (chiến tranh Triều Tiên), có khi còn tân tiến hơn cả các đại học phát triển từ thời Nhật thuộc.

Ethan Rarick, nhà viết tiểu sử thống đốc Pat Brown nói: Pat đã làm được nhiều điều, vì ông có một lòng tin căn bản, cốt lõi là chánh quyền, chánh phủ phải và có thể làm những việc tốt, một khu vực công sống động và được cấp ngân dồi dào sẽ góp phần vào lợi ích lâu dài cho bang Ca Li. Và đa số dân Ca Li đồng ý như vậy. Hơn nữa trong hai thập niên 1950 và 1960 (Brown làm thống đốc từ năm 1959 đến năm1966) ngân sách Liên bang (quốc gia Hoa Kỳ) không hoặc thâm thủng rất ít, nên đó là thời cực thịnh để tài trợ các chánh quyền địa phương, các tiểu bang. Nhưng ngày nay trừ phi xảy ra những tai họa thiên nhiên lớn lao, không nên trông đợi chánh phủ liên Bang Mỹ tài trợ các công trình lớn hạ tầng cơ sở. Từ năm 1945 đến năm 1970, bang Ca Li đã chi tiêu cho xây dựng các hạ tầng cơ sở 100 đô la Mỹ đến 160 đô la Mỹ mỗi đầu người (per capita). Nhưng sau khi dân Mỹ ủng hộ Đề nghị - Proposition-13 chống lại đóng thuế, chi phí này rớt mạnh. Cuối thập niên 1990 chỉ còn trung bình 30 đô la Mỹ mỗi đầu người, chỉ đủ để duy trì, tu bổ hạ tầng cơ sở hàng năm. Chi phí phát triển hạ tầng cơ sở, năm 2005 (40 năm sau) của thống đốc Schwarzenegger, dự trù chi tiêu 500 tỉ Mỹ kim trong 20 năm tới. Trong một thăm dò dư luận Ca Li của Viện Nghiên cứu Chánh sách Công (Public Policy Institute) chỉ 3 % nhấn mạnh đến đường sá và hạ tầng cơ sở, mà hơn phân nửa chi phí là muốn xây cất cơ sở giáo dục.

IV- Cơ hội phát triển nông nghiệp

Đa dạng hóa cây trồng Việt Nam bằng các loài cây xứ mát và bán ôn đới, kể cả rau hoa, ngoài lúa gạo; đa dạng chăn nuôi qua dê, cừu, ngoài gia cầm, bò trâu; nuôi các loại cá vùng cao mát mẻ...

Đồng bằng châu thổ ven biển là vùng lúa gạo, tôm cá, nông ngư nghiệp. Miền Tây, ngoài phần đồng bằng Sông Cửu Long là vùng đồi núi cao thấp (7), giúp đa dạng hóa cây nông mộc lâu năm thay cây lâm mộc, cây rừng làm gỗ. Diện tích đồi trọc hay rừng lùm bụi do nạn phá rừng làm rẫy lên đến 13 triệu ha. Những

đồi thấp như ở miền Đông Nam phần chỉ cao 50 — 150m, gần xích đạo hơn và cũng dễ thoát nước, ngoài cà phê, cao su, có thể phát triển thêm nhiều loại cây ăn trái tươi ít cần chế biến như cây trái bơ (avocado, avocat), hay cần chế biến như hột điều (cashew nut, noix de cajou), mà Việt Nam từ con số 100 ha trước năm 1975, nay đã xuất khẩu đứng hàng nhì thế giới, trên Brasil, chỉ còn thua Ấn Độ đôi chút, với diện tích trồng gần nửa triệu ha, gần 80.000 tấn nhân hột. Và có thể trên đất đỏ tốt trồng ca cao, làm sô cô la, thị trường thương mãi quốc tế rộng lớn hơn, trên 5 tỉ đô la Mỹ mỗi năm; thị trường này còn rộng rải hơn nữa, nếu dân Trung Quốc theo trào lưu quốc tế, thích uống cà phê, ca cao, như dân Âu Mỹ. Ca cao cũng có thể thử nghiệm khuếch trương ở những thung lũng Tây Nguyên, cao độ 120- 160m, như thung lũng Cheo Reo — Phú Túc (Phú Bổn), thung lũng Lạc Thiện ...

Các cao nguyên độ cao trung bình 500- 700m như cao nguyên Kontum (550 m), cao nguyên Đak Lak (400 — 500m), cao nguyên M'Drak - Khánh Dương (500 m), Tây cao nguyên Pleiku (vùng Ia Drang — PleiMe), một phần cao nguyên Blao (Di Linh) là những nơi nên đa dạng thêm các trái cây phụ nhiệt đới, bán ôn đới, xuất khẩu nhiều được như trái bơ giống chịu lạnh như bơ sáp tím Hass, giống da láng vỏ xanh Fuerte, hay loại trái hạch quả (noix, nut) cao giá như dẽ bi — Úc châu, kiên quả (macadamia nut, noix du Queensland). Các cao nguyên trên 800 - 1000m ở Tây Nguyên hay cao độ 600- 800m ở Tây Bắc, có thể phát triển thêm các cây ăn trái bán ôn đới hay cả những cây rau hay cây hoa xứ mát lạnh: giống mới hay giống tuyển chọn từ các giống cũ đã có sẵn và các giống lai- hybrids gần đây như các giống lai hai loài mơ mận (aprium, giống Flavor delight), mận mơ (pluot, giống Flavor King, hay giống Grenade), mận mơ toàn hảo (plumcot, giống Flavorella), hay ba loài đào mận mơ (peacotum) lai và tuyển chọn thành công giữa đào lông (peach), mơ (apricot) và mận tây (plum), có yêu cầu lạnh ít (low chilling requirement, nghĩa là chỉ cần vài trăm giờ lạnh mỗi năm ở nhiệt độ từ 1độ C đến 7 độ C, thay vì cả ngàn giờ ở xứ ôn đới). Cũng có thể phát triển những giống có yêu cầu lạnh cao hơn ,từ 7 độ C đến 11 độ C , như các loài hồng trái (kaki, persimmon) các giống mới hay các giống trong nước cần tuyển chọn thêm như hồng Thạch Thất, Thanh Trì, Lạng Sơn, các loài mới như kiwi (dương đào hay đào ruột xanh, ruột vàng), các loài sung ngọt (figs, figues) xứ lạnh thuộc nhóm không cần ong đặc biệt thụ phấn như nhóm San Pedro... Tốt hơn nữa là cố gắng trồng thêm cà phê arabica vùng cao, các giống ngon tuyển chọn của Colombia hay các giống tuyển chọn Kenya và ở cao nguyên Lào Bolovens kế cận. Cao hơn nữa ở những vùng đất nhiều đá vôi thì thử nghiệm khuếch trương các hạch quả xứ mát lạnh hơn như các loài mày (pecan), hồ đào óc chó (juglans, walnuts), hột dẻ (marron, chestnuts). Có khi ở những vùng tương đối khô hạn Tây Bắc thì trồng cây hạnh nhân (almond, amande), dẻ nhân xanh (pistache, pistachio), dẻ hazel (làm thơm các tách cà phê) v.v... Các loại cây cảnh kiểng, hoa cắt cành (cut flower) có thể là các loại Trà mi—Hải đường, Đỗ quyên, Địa lan, Lan hài, Mai vàng Ochna... hay các loài huệ thủy tiên đại đóa Hippeastrum, huệ thủy tiên Clivia, hoa hồng, các loại cúc, lay dơn , cẩm chướng (carnation, oeillet)... Vùng cao nước ta có thể trồng quanh năm, nhắm vào thị trường giá nhân công cao và mùa đông quá lạnh lẽo như Nhật, tương tự Colombia, Ecuador... đã làm nhắm vào thị trường Hoa Kỳ, mà ngành công nghệ Hoa cảnh trị giá trên 50 tỉ một năm.

Với cải cách nông nghiệp theo hộ tiểu nông thay vì quốc doanh tập thể, ở nước ta đã thành công ở các ngành lúa, cà phê, hột điều..., nhưng muốn tranh thương thắng lợi, phải chuyên canh theo căn bản từng huyện. Tùy theo từng vùng sinh thái, chỉ lựa chọn thích nghi vài giống cao năng suất cho mỗi loại cây ở huyện, cố trồng liên canh liên địa thành diện tích lớn (không phải mún manh từng hộ nhỏ, đa loại) để sản xuất sản phẩm đồng nhất, đủ số lượng sàng sẩy, bao bì, biến những huyện nông thôn này thành những thị trấn chế biến như Ban Mê Thuột với cà phê vối...

Sửa đổi cơ cấu hạ tầng hầu đa dạng hóa nông nghiệp ở các thung lũng Tây Nguyên còn bị lũ lụt, như thung lũng Krong Nô- Krong Ana, làm ngay đường sá đê điều mới, không chỉ là đường mòn săn bắn, như Ca Li đã làm trên 10.000 km đê đường trị lụt các sông và chi nhánh Sacramento River và San Joaquin River ở nội địa, Thung lũng Trung Tâm (Central Valley). Các vùng ngập nước mùa mưa như bình nguyên Ia

(Ea) Sup cao 200 — 300m, nơi nổi tiếng về nuôi voi Bản Đôn (Ban Don) hay vùng nhiều hồ sông Đak Bla — Kontum (Kon là làng, Tum là ao, hồ), các thung lũng An khê, Cheo Reo, các hồ thủy điện hay các hồ núi lửa tắt ở Pleiku, có lẽ không nên quên nuôi cá xứ mát như cá mè (trout, truite), một Việt kiều Seattle đã du nhập thành công ở hồ sông, suối Trung Du, Tây Bắc (?), hay cả loài cá hồi (salmon, saumon) loại sinh sản không cần phải có giai đoạn nước mặn... Đa dạng cây trồng đa niên ôn đới hay bán ôn đới thay cây rừng gỗ, cũng nên mở rộng theo thế nông lâm mục, như lấy lá hạt dẻ Cao Bằng nuôi heo, nuôi tằm, chú trọng nuôi cừu (loại cừu Anfar Phan Rang hay tốt hơn nữa các loại cừu tuyển chọn Úc hay Tân Tây Lan), nuôi dê (các giống mới như dê Boers Úc Châu, dê tuyển chọn Ai cập như Joha Pari hay Zairabi vừa cho nhiều thịt vừa cho sữa), hay Phi Châu như Cameroon hay Nigeria dwarf goat, ngoài dê Bách Thảo trong nước còn hơi nhỏ con), ăn cỏ, ăn chồi cây hoang. Thay thế gia cầm bị cúm gà, cúm chim đe dọa, chưa giải quyết, nới rộng nuôi bò (loại bò Mỹ Angus mini lùn tân tuyển, nhưng cũng cho nhiều thịt và cần diện tích cỏ ít hơn), nuôi trâu theo hộ gia đình sản xuất sữa bò , sữa trâu (Mộc Châu), và tốt hơn nữa, sữa dê (các giống tuyển chọn ở các đảo Anh, hay giống Zairabi đã kể trên...).

V- Những thành phố cảng biển Đông đã bắt đầu làm đầu tàu phát triển miền Tây

Những thành phố cảng biển Đông đã bắt đầu làm đầu tàu phát triển miền Tây được, nhưng các thị trấn cửa khẩu biên giới miền Tây chưa đủ sức tràn tới các thị trấn Lào-Miên, trên bờ dòng chánh Mê Kông?

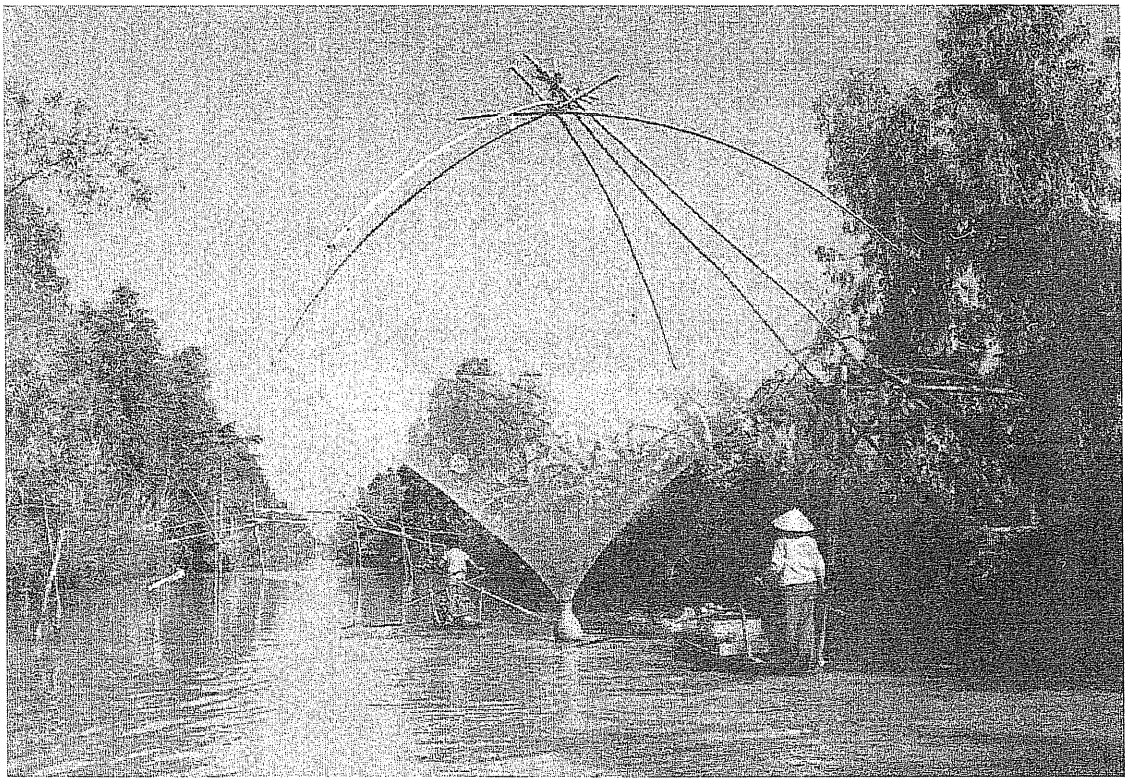

Thành phố Sài Gòn- cảng sông Sài Gòn — sông Bé - sông Đồng Nai, thành phố Cần Thơ- cảng sông Hậu, có thể là những đầu tàu cho Công (kỹ) nghệ, Dịch vụ tiến về phía Tây, qua các cửa khẩu Tịnh Biên, An Phú — Khánh Bình, Mộc Bài- Trảng Bàng- Tây Ninh , Đồng Xoài, suốt biên giới Việt Miên, thành phố Đà Nẵng- cảng sông Hàn và các thị trấn vệ tinh Sơn Trà, Chân Mây, sau Hải Vân có Huế , Đông Hà hỗ trợ, theo đường xuyên Việt Lào số 9 nối cửa khẩu Khe Sanh — Lao Bão đến thị trấn Savannakhet cùng Lào phát triển các nhánh lớn sông Mê Kông là Sê băng Fai và Se băng

Hiêng, các tỉnh Savannakhet, Khăm Muộn... Phát triển các thị trấn mới công nghệ phải đúng theo tiến bộ kỹ thuật khoa học mới mẻ, cập nhật, tránh chất thải ô nhiễm như các vụ công nghệ nhà máy bột ngọt, chất dẻo (plastic)... tránh lãng phí sai lầm đầu tư như một số nhà máy đường, xài phí năng lượng quá đáng hoặc sử dụng kém chu trình tái sinh (recycle). Phát triển thị trấn cảng Cam Ranh, thị trấn du lịch biển phồn thịnh Nha Trang, cảng Văn Phong-Vạn Ninh- Ninh Hòa (còn chưa giải quyết xong vụ ô nhiễm đóng tàu với Huyndai Đại Hàn). Vịnh Văn Phong, theo nhiều chuyên viên còn rộng, tốt hơn cả Vịnh Cam Ranh. Chậm trễ xây dựng công nghệ lọc dầu, cảng Dung Quất-Chu lai đã làm chậm trễ phát triển mọi công nghệ hóa học phụ thuộc lọc dầu mà nhiều sản phẩm liên quan trực tiếp đến cải thiện đời sống hàng ngày dân chúng nước ta. Cảng Qui Nhơn chỉ vừa mới thành lập khu kinh tế công nghệ (cảng dầu và đóng tàu) Nhơn Hội, còn lâu mới đóng nổi vai trò Đà Nẵng, Sài Gòn. Dọc đường số 14, những thị trấn Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột đã phát khởi sinh khí nhờ công nghệ biến chế nông sản, cà phê, trà, cao su... mấy năm gần đây. Các cửa khẩu Tây Nguyên ở cuối các đường này đã được Việt Nam thiết lập như Sa Thầy, Bờ Y (Ben Het?), Ngọc Hồi (Plei Cần), nhưng phía Lào thì chưa nhúc nhích. Các cảng du lịch biển Sầm Sơn (Thanh Hóa), cảng Cửa Lò (Nghệ An), cảng Nhật Lệ (Đồng Hới)... phía Bắc Trung Bộ cũng chưa có chương trình phát triển nào qui mô khả dĩ làm sống động những đường Xuyên Việt Lào số 15, các đường số 7, số 6 nối Mộc Châu qua Sầm Nứa hay từ Điện Biên Phủ đến Luang Prabang, Vientiane. Như Thượng Hải, Thẩm Quyến, 14 thành phố cảng duyên hải Trung Quốc mở rộng thị trường cả trong nước lẫn ngoại quốc, phát triển công kỹ nghệ, đột khởi kinh tế hướng toàn cầu, rồi tiến về nội địa phía Tây Trung Quốc hiện nay (8). Giấc mơ Xuyên Á nối liền biển Đông, hoặc từ Đà Nẵng hoặc từ Vịnh Văn Phong đến Vịnh Miến Điện, cảng Mandalay, cảng Rangoon... con đường ngắn nhất khỏi qua Vịnh Singapore, chở dầu khí Ấn Độ Dương và cả các biển Trung Đông, hàng hóa trao đổi của Bắc Á (Nhật, Đại Hàn , Trung Quốc với Bang gladesh, Ấn Độ, Hồi Quốc, Trung Đông, Âu Châu) vài kinh tế gia phác họa trước đây chỉ thực hiện, sau khi Việt Nam cùng Lào, Cam Bốt, Thái Lan phát triển đến tận hai bên bờ dòng chánh sông Mê Kông. Hiện nay 50 % dầu khí đến Trung Quốc từ Trung đông , Phi châu (Sudan..), 70 % hàng hóa Ấn Độ trao đổi cho Bắc Đông Á (Nhật, Đại Hàn...) đều phải qua eo biển Singapore đầy hải tặc.

Thách đố lớn cho Miền Tây và cho Việt Nam là giải quyết êm đẹp những căng thẳng giữa tiến bộ kinh tế (hay tăng GDP, tổng lợi tức quốc gia) với tiến bộ xã hội, giữa nâng cấp kỹ thuật với tăng gia công ăn việc làm, giữa thị trấn hóa thôn làng với mở mang nông nghiệp, bớt cách biệt giữa người giàu và người nghèo, duy trì hữu hiệu phát triển kinh tế, thu hút đầu tư ngoại quốc nhưng tăng cường mức cạnh tranh công nghiệp dịch vụ nội địa, bảo vệ độc lập quốc gia, đề xướng kinh tế thị trường nhưng lo liệu giúp đỡ ai bị sa sút, thiệt hại. Tóm lại phát triển nhanh hơn, nhưng cân bằng hơn.

Viết xong đầu tháng 2- 2006, sửa chữa tháng 3 - 2006, Irvine, Ca Li.

Chú thích:

1. Núi rừng ngàn thông*: Đà lạt – Lang Bian ;* Pu Luông*: núi cao phía Tây rặng Hoàng Liên Sơn;* Đỉnh Mẹ Bồng Con*: còn có tên la Hòn Vọng Phu (le massif La Mère et l'Enfant), gần Đèo Cả, Khánh Hòa;* Đỉnh Ngọc Linh*: hay Ngọ Lĩnh cao nhất Kontum,* Fan Si Pan *đỉnh cao nhất Việt nam;* Tầm Bôn*: tên xưa của Gò Công;* Tầm Phong Long*: tên xưa nhất của An Giang, Châu Đốc.*

2. Những nét đặc trưng về lịch sử Việt Nam, *đặc biệt các trang 35-50 nói về* Mở mang bờ cõi, *xuất bản tại Hoa Kỳ tháng 9 năm 2002.*

3. Tên Việt Nam chỉ mới có từ thời Gia Long-Tự Đức, theo sắc phong nhà Thanh, cố tình giới hạn nguồn gốc dân tộc Việt từ Giang Nam Trung Quốc xuống biên giới Việt Nam ngày nay, tách rời Quảng Đông, Quảng Tây.

4. Theo Nam Kỳ Lục Tỉnh *của Lâm Văn Bé, tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai-Cửu Long, Santa Ana, Hoa Kỳ, 2004.*

5. Thượng lưu sông Mê Kông đã được Trung Quốc phát triển, từ thập niên 1980.

7- Các tài liệu về cao độ đồi núi, bề dài sông ngòi miền Tây đều trích ở sách Việt Nam: môi trường và con người *, Vietnamologica, 2005 , của Thái Công Tụng.*

8- Trung Quốc áp dụng năm 1978 thay cho các nông trường tập thể, công xã nhân dân, theo Zhen Bijiang, Chủ tịch Hội Cải Cách Trung Quốc (China Reform Forum), tập san Foreign Affairs tháng 10 — 2005, giải tỏa năng lực 210 triệu hộ nông dân Trung Quốc. Làm khí thế canh tân Trung Quốc mạnh tiến ngày nay.

NGÔ NHÂN DỤNG

Giữa đường thấy sự bất bình

Ở Việt Nam những người có quyền là có tiền. Vì không ai được làm chủ ruộng đất nên các quan chức có quyền sẽ tuỳ cơ quy định lúc nào thì mảnh đất nào dùng làm gì, do đó thuộc quyền ai sử dụng. Một chữ ký có thể kiếm ra bạc tỷ! Có người được thì cũng có người mất. Người mất phải kêu.

Trong tháng qua, nhật báo Người Việt ở California liên tiếp đăng tin về những đồng bào từ Long An, Bến Tre lên Sài Gòn biểu tình chống cường hào chiếm đất. Ở Hà Nội cũng có nhiều người từ quận Thanh Xuân biểu tình về những lý do tương tự. Người dân kêu oan là một quyền tự nhiên trong xã hội dân chủ. Không biết báo chí ở trong nước có báo nào chú ý tới "sinh hoạt dân chủ" của bà con nông dân hay không, trừ các mạng lưới internet.

Nhưng chính nhật báo Người Việt đã nhận được tin tức về cuộc biểu tình ở Sài Gòn từ mấy tuần trước tin lên mạng. Tờ Người Việt đã được tin ngay khi vụ biểu tình xảy ra, nhờ một độc giả gửi email cho biết. Một buổi sáng mở máy ra, thấy một e-mail từ Sài Gòn đã gửi. Một độc giả vô danh. Chưa bao giờ nghe tên. Sau đó cũng không bao giờ liên lạc trở lại. Đọc lời lẽ trong lá thư thì thấy ông (hay cô?) này rất xúc động. Chắc vì giận lắm cho nên không cầm lòng được, phải gửi cho một nhật báo để loan tin ngay. Phải chọn một tờ báo ở nước ngoài, vì biết báo chí trong nước dù nhận được tin thế nào cũng bị "ách" ngay!

Người ta cứ nói rằng thanh niên Việt Nam bây giờ chỉ lo ăn chơi hoặc kiếm tiền, họ làm ngơ với chính trị. Lá điện thư này chứng tỏ các bạn trẻ ở quê nhà rất quan tâm đến số phận của các đồng bào xấu số chung quanh mình. Họ có thể chán chính trị, nhưng không thể làm ngơ trước cảnh bất công diễn ra chung quanh họ. Và họ muốn giúp. Loan tin là một cách giúp những người đang tranh đấu đòi quyền lợi. Giống như ngày xưa Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện đem tập bản thảo mấy trăm bài thơ "Hoa Địa Ngục" đưa cho Tòa Đại Sứ Anh ở Hà Nội, nhờ họ chuyển ra nước ngoài. Cho bất cứ người Việt Nam, cơ quan truyền thông tiếng Việt nào. Để những tiếng kêu thống khổ ở nước ta có người nghe thấy, rồi cả thế giới nghe thấy, tiếng kêu của những người bị đầy đọa trong một nhà tù mênh mông. Vị độc giả gửi bản tin cho báo Người Việt không lo bị trả thù, bị bắt lại vào tù như nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Vì đảng Cộng Sản vẫn chưa kiểm soát hết được internet.

Xin trích dẫn nguyên văn một đoạn đầu lá thư như sau:

"Bây giờ là 9h5' sáng tại Sài Gòn mến yêu, tôi vừa chứng kiến một đoàn người khoảng hơn 30 người đi biểu tình trên đường Pasteur, họ đi ngược chiều để mọi người dễ nhìn thấy. Đi đầu là 2 người đàn bà già cầm 2 cờ đỏ sao vàng ở giữa kế là 1 người cầm tấm hình bác HỒ cũ, đa số là đàn bà đội nón lá, 2 bên dán 2 tờ giấy A4 trên viết: Chúng tôi đi tìm công lý; trả nhà đất lại cho chúng tôi, An giang, Bến tre. Chung quanh mắt tôi thấy có CA chìm chạy HONDA chung quanh, khoảng 4 chiếc (8 người). Có 1 chiếc xe hơi kia bị ách lại vì chụp hình. Nắng đã lên cao chẳng ai giúp họ, thương đồng bào mình quá báo NGƯỜI VIỆT ơi."

Chúng tôi in nguyên văn không sửa chữa, để quý vị cảm thấy được tâm tư của người viết mẩu tin trong lúc vội vàng.

Vị độc giả vô danh này là một người như thế nào? Chúng tôi có thể tưởng tượng được không? Chắc đó phải là một thanh niên đã tốt nghiệp đại học. Ngôn ngữ của anh có vẻ một người ra đời sau năm 1975 và ở miền Nam. Buổi sáng, trong lòng đang hớn hở yêu đời, đang trên đường bỗng anh chứng kiến cảnh những cụ già đi biểu tình. Họ mang cờ, mang ảnh, họ gắn những mảnh giấy nhỏ khổ A 4 trên nón lá làm biểu ngữ. Chúng kiến cảnh đó, máu trào lên nghẹn cổ họng anh. Anh lập tức đến một quán cà phê internet, ngồi viết trong một góc phòng, mở ra một địa chỉ e-mail mới, gửi thư xong là hủy luôn. Anh đứng dậy, cẩn thận xóa những vết tay của mình trên bàn đánh máy, rồi bỏ đi liền. Trong lòng người thanh niên, nỗi uất nghẹn cũng nguôi đi vì thấy mình đã đóng góp vào cuộc tranh đấu của những cụ già bị oan ức. Đây là một thứ người "giữa đường thấy sự bất bình không tha!" Nhưng anh chỉ có thể phản ứng trong giới hạn khả năng của mình. Anh chắc chưa được đọc Lục Vân Tiên, nhưng trong dòng máu cha mẹ chắc đã chứa đầy dũng khí của cụ Đồ Chiểu. Anh là một thanh niên có lý tưởng. Tự

nhiên. Không ai đòi hỏi, không ai thúc dục. Chúng tôi gọi là anh, nhưng cũng có thể là một cô.

Một niềm vui yên tĩnh

Ở nước ta có bao nhiêu người mang lòng vị nghĩa như vị độc giả vô danh này? Có bao nhiêu thanh niên mang lý tưởng trong lòng? Tôi đoán là nhiều lắm. Trong 100 thanh niên ở nước ta, phải có 80, 90 người giàu lòng vị tha, thương yêu đồng bào, sẵn sàng làm việc nghĩa như thế.

Gần đây trên báo chí và các mạng lưới trong nước, chúng ta thường đọc rất nhiều những tin tức xấu về nền giáo dục. Rất nhiều tin xấu. Nào là thầy cô cho học sinh lên lớp bất kể có chịu học hay không. Nào là gian lận thi cử, mua bán bằng cấp. Đọc nản quá. Chán quá. Giáo dục như thế làm sao đào tạo được những thanh niên có đạo đức, có chí khí muốn noi gương các anh hùng đời xưa? Ông Huỳnh Văn Lang, trong cuốn sách kể chuyện ba tháng về thăm quê nhà, cho chúng ta một câu tục ngữ mới, "Tiên học phí, hậu học thêm." Ông thuật cuộc gặp gỡ một cô giáo, vào hàng cháu của ông. Cô gái "cháu nội chú Hai Đảnh" mới tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, sắp đi nhận thiên chức dậy trẻ. Sau mấy câu chuyện về đời sống ở trường, về bạn bè, lương bổng, muốn thử trình độ hiểu biết của cô cháu, ông già 84 tuổi hỏi:

"Nói chuyện Hai bà Trưng, bà Triệu, cho ông nghe xem!"

"Ông hỏi con về Hồ Chí Minh thì con nói cho ông nghe. Còn về Hai bà Trưng, bà Triệu, con có học đâu mà nói!"

Tình trạng đó nghe cũng nản thật. Nhưng chúng ta vẫn thấy ở trong nước có rất nhiều người lo lắng, thiết tha muốn sửa đổi nền giáo dục, để đất nước ta không mất những thế hệ tương lai. Ông Trần Hữu Tá, một nhà giáo trong nước đã góp nhiều ý kiến giải quyết vấn đề thi gian và bán bùa, đã đề nghị tám điều để chữa bệnh cho hệ thống thi cử. Trong điều thứ tư, ông viết, "Hãy giảm thiểu những vấn đề cao xa lớn lao mà nên kiên trì bồi đắp cho các em lòng trung thực, tinh thần tự trọng, nếp nghĩ và lối sống lành mạnh." Ông còn dẫn một câu nói của Abraham Lincoln, một tổng thống Mỹ, nói về gian lận thi cử.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh những chữ "lòng trung thực, tinh thần tự trọng, nếp nghĩ và lối sống lành mạnh." Giáo sư Trần Hữu Tá đề nghị nhà trường đừng dạy học sinh những chuyện cao xa nhiều quá. Chuyện cao xa tại sao không dậy các em? Ai cũng hiểu, ông muốn nói đến những lớp "thầy không muốn dạy, trò không muốn học," tức là chủ nghĩa Mác-Lê. Ông muốn học sinh hãy nên học vài đức tính căn bản trong đạo làm người. Giống như các nhà Nho ngày xưa, giống như trong những ngôi trường tiểu học, trung học ở Hà Nội mà tôi đã đến học trong những năm đầu thập niên 1950. Ngày xưa, chúng tôi nhớ, "Tiên học Lễ, hậu học Văn." Bên Trung Quốc người ta mới làm một chương trình ti vi chiếu nhiều đêm về một người Canada, Bác sĩ Béthumes. Ông Bethumes đã tình nguyện đi theo đạo quân cuả Mao Trạch Đông, ông chết trong khi đang phục vụ. Người làm phim muốn cho thanh niên Trung Hoa ngày nay thấy một con người hy sinh vì nghiã. Thanh niên đời nào cũng cần những tấm gương như vậy.

Chúng ta có thể đoán được là mặc dù nền giáo dục ở nước ta đang suy vi như vậy, nhưng giới trẻ trong nước vẫn học được đạo làm người, là nhờ vẫn có những vị thầy giáo, cô giáo không chịu đầu hàng thế tục, nhất định bảo vệ nền nếp tổ tiên. Thanh thiếu niên cũng vẫn được cha mẹ, ông bà dạy gìn giữ gia phong. Cho nên có những thanh niên vẫn giàu lòng nghĩa hiệp, muốn giúp đời, giúp người.

Chắc phải có một tâm hồn trong sáng và lương thiện thì người bạn trẻ đã gửi tin cho báo Người Việt mới đi làm việc nghĩa hiệp, thấy cảnh bất công xã hội trước mắt thì phản ứng ngay, cũng muốn giúp giảm bớt được bất công chút nào hay chút đó. Tâm hồn trong sáng do đâu mà có? Biểu hiện như thế nào? Tôi tin tưởng là số người thanh niên sống lành mạnh, trong sáng có rất nhiều, đông hơn nhiều lần số người chỉ biết thi nhau nhậu nhẹt, la cà quán cà phê lười biếng tối ngày, ăn chơi vô trách nhiệm, hoặc tệ hơn, ghiền ma túy, đua xe gắn máy chết người.

Tôi xin thú thật là thái độ lạc quan của tôi là do gần đây tôi được nghe một bài hát khiến tôi cảm thấy tin tưởng ở những người trẻ tuổi trong nước ta. Nếu tôi lạc quan quá, chỉ vì một bài hát, thì xin quý vị tha thứ. Nhưng nghe một bài hát được nhiều người thích, chúng ta có thể cảm thấy được tâm tình của những người nghe. Bài hát đang thịnh hành, một bài hát tươi vui, êm ái, chắc tấm lòng cuả các thanh niên đang nghe hát cũng như vậy. Cô Hồng Nhung hát bài Nắng Sớm như thế này:

"Nhẹ nhàng nắng sớm rất hồng - Nắng rung rinh trong vườn - Bông hoa đang cười, thương thật thương."

"Một ngày đến với em, một tia nắng êm, bừng

soi trên lá cây niềm vui yên tĩnh."

Rất tiếc trên mặt báo này chúng tôi chỉ có thể chép lại mấy câu hát, chứ không thể ghi thêm nốt nhạc cuả Huy Tuấn được. Lần đầu nghe điệu nhạc cuả anh, chúng tôi chợt nhớ đến những âm thanh của Hoàng Quý, thời tiền, tiền chiến. Dù Huy Tuấn không có những nét hồn nhiên và hùng tráng của nhà nhạc sĩ Hướng Đạo tiên phong đã khuất. Nhưng chỉ đọc lời thôi, hy vọng quý vị cũng có thể cảm thấy được những tâm hồn chứa đầy ước ao, hy vọng của thính giả. Đó là những tâm hồn thông cảm được "Bông hoa đang cười, thương thật thương." Và muốn nhìn thấy "trên lá cây niềm vui yên tĩnh."

Nhạc sĩ cũng thú nhận, có lúc buồn:

"... một ngày giống bao nhiêu ngày - Nhiều khi rất buồn - Nhiều khi cay đắng." Nhưng, lại tự nhủ, "Thì về nắng mai trong vườn - Tìm trong sớm hồng - lóng lánh hạt sương."

Khi nghe bài hát trong lành, êm dịu đó, chúng ta có thể cảm thấy một bầu không khí mới trong lòng giới trẻ yêu âm nhạc ở nước ta. Một thế hệ không còn vướng hệ luỵ chiến tranh. Họ không khóc, cũng không nghe phỉnh phờ đi làm lịch sử. Họ đi tìm đời sống với những nét tươi vui, trong lành, đơn sơ, êm dịu, sạch sẽ. Họ muốn sống như vậy. Không còn là những bản nhạc sầu não, èo uột, rải rác những câu triết lý rẻ tiền mà thế hệ đàn anh đã được nuôi dưỡng, chìm đắm trong đó. Tôi không biết tác giả Huy Tuấn là một ông nhạc sĩ già hay trẻ, nhưng có thể cảm được những người đang thích bản nhạc này có tâm hồn như thế nào. Những người tâm an vui, trong lành sẽ rất dễ trở thành người muốn sống với một lý tưởng.

Vì vậy, tôi tin tưởng ở trong nước ta bây giờ có rất nhiều thanh niên sống với "lòng trung thực, tinh thần tự trọng, nếp nghĩ và lối sống lành mạnh," như Giáo Sư Trần Hữu Tá mong ước. Mặc dù nền giáo dục suy đồi đến mấy, con em chúng ta vẫn muốn sống như những người Việt Nam trong lành, chính trực, và nghĩa hiệp nữa. Như người độc giả vô danh đã gửi tin cho nhật báo Người Việt. Cảm ơn người bạn vô danh, bạn đã tặng cho chúng tôi thêm nhiều niềm tin vào tương lai đất nước. Hãy coi như đó là nhờ phúc ấm tổ tiên.

Bà mẹ bán vé số

Báo Người Việt đăng câu chuyện cụ Nguyễn Thị Khâu, một bà mẹ già ở Long Xuyên. Cụ năm nay 80 tuổi mà vẫn đi bán vé số, mỗi ngày kiếm được chừng 20,000 đồng, trừ tiền đi xe ôm, còn 14,000 đồng tiền Việt Nam. Cụ Nguyễn Thị Khâu đang nuôi một người con gái bị bệnh, các con cháu khác đều ở xa và nghèo nàn. Phóng viên Thu Hiền chụp cả bức hình cụ đang ngồi bên cột đèn đường vào lúc trời đã tối, trên vỉa hè bày cả hành trang của cụ, ngoài giỏ vé số và đôi dép cao su còn có chai nước lạnh nằm lăn, nước đã vơi một nửa.

Nhiều ngày sau Người Việt Online nhận được ba chục e-mail, các bức thư chỉ hỏi thăm cụ bà Nguyễn Thị Khâu, ngỏ ý muốn liên lạc để giúp cụ. Một độc giả ở tiểu bang Iowa (đọc Người Việt Online), cũng gọi điện thoại xin địa chỉ cụ Nguyễn Thị Khâu. Người gọi giới thiệu gia đình bà có mấy chục cây xăng, "nhưng mai mốt tôi chết đi cũng chẳng mang theo được đồng nào," bà muốn giúp cụ Nguyễn Thị Khâu ngay một ngàn mỹ kim - bằng lợi tức ba năm làm việc của cụ, nếu không bị đau ốm phải nghỉ ngày nào. Trước đây, Nhật báo Người Việt đã đăng hình mấy em bé ở Cần Thơ chuyên leo bám theo phà qua sông để bán vé số kiếm sống. Độc giả khắp nơi cũng xúc động tỏ ý muốn giúp đỡ như vậy.

Chúng ta đều yêu thương mẹ, yêu thương các bà mẹ. Cũng như thương sót các em bé vất vả kiếm sống hàng ngày. Bài viết và bức hình cụ Nguyễn Thị Khâu đã khiến chúng ta đều nghĩ đến mẹ mình, tưởng nhớ những bà mẹ sống trên đất nước Việt Nam. Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp mật như đường mía lau. Nhìn một bà mẹ 80 tuổi còn giãi nắng dầm sương, ai chẳng xúc động? Trong đó, cũng có lòng thương cảm đối với những đồng bào ruột thịt kém may mắn hơn mình. Ví thử chúng ta thấy một cụ bà già như vậy, cũng làm việc vất vả như vậy để nuôi con, nhưng là người Mỹ hoặc người nước Ethiopia, thì chắc không có những phản ứng đầy từ tâm nhanh chóng như thế.

Những tấm lòng thương cảm vì nghĩa đồng bào đã được biểu lộ trong nhiều dịp khác. Người Việt Nam ở nước ngoài, và nói riêng ở nước Mỹ, luôn luôn sẵn sàng đóng góp cho nhiều mục tiêu thiện nguyện, nhất là để giúp đồng bào trong nước. Năm ngoái, cuộc lạc quyên để giúp đỡ người bị bệnh cùi ở Việt Nam đã thu được khoảng 150,000 đô la. Mười năm trước đây, cuộc đi bộ lạc quyên giúp thuyền nhân đã thu được 85,000 đô la ngay trong một ngày. Tấm lòng người tị nạn dễ xúc động nhất khi nhắc tới những người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa. Năm ngoái, hai chiến dịch lạc quyên lấy quỹ xây dựng Tượng đài Chiến sĩ ở thành phố Westminster đã thu được hơn trăm ngàn mỹ kim.

Trong tháng Bẩy 2006, chiến dịch của "Hội HO cứu trợ Thương Phế binh, Quả phụ quân đội Việt Nam Cộng Hòa" đã thu được số tiền lớn hơn tất cả các cuộc lạc quyên thiện nguyện từ trước đến nay. Hội đã nhận được khoảng 50,000 đô la trước ngày đại nhạc hội gây quỹ, trong ngày đó nhận được hơn 150,000 đô la, và đài truyền hình SBTN cũng nhận được từ khán giả trên toàn quốc 136,000 đô la để chuyển tới giúp đại nhạc hội. Những người gửi tiền nhờ đài SBTN chuyển đã góp những món tiền nho nhỏ, từ 20 đô la, 50 đô la cho tới 200, 400 đô la, họ ở rải rác nhiều tiểu bang ở Mỹ, cho thấy một mối đồng tâm rộng lớn. Sự thành công cho thấy tấm lòng biết ơn của chúng ta đối với những người chiến binh một thời đã bảo vệ chế độ tự do của miền Nam Việt Nam. Mối tình tri ân đó không hề phai nhạt với thời gian mà có thể con sâu đậm, chặt chẽ và bền bỉ hơn, dù chiến cuộc đã chấm dứt hơn 30 năm.

Tương trợ đồng bào trong nước là một việc ai cũng sẵn sàng làm. Nhiều cụ già ở khu Tiểu Sài Gòn mỗi ngày cũng làm việc cực nhọc không thua cụ bà Nguyên Thị Khâu. Có cụ đi bán dạo những tờ báo Người Việt ngoài phố thu từng 25 xen một, có cụ bầy bán rau trên lề đường mỗi ngày kiếm thêm mấy chục đô la, các cụ cho biết chỉ muốn dành dụm thêm tiền ngoài những món trợ cấp xã hội của chính phủ, để giúp bà con thân thuộc hay bạn bè ở trong nước. Những cụ bà đó cũng là những bà mẹ Việt Nam tiêu biểu không khác gì cụ Nguyên Thị Khâu đang vất vả nuôi con. Họ may mắn hơn cụ Khâu, không những mắt họ không bị mù lòa, mà nếu có bị lòa thì cũng được trợ cấp y tế chữa trị khỏi tốn tiền. Họ còn may mắn hơn vì được sống ở một nước tự do, nơi đó người ta tự do được làm việc thiện.

Ví thử ở nước mình có tự do

Tự do thì có ích lợi gì cho những người cùng khổ trong xã hội? Câu hỏi đó thường được nêu lên khi những người cầm quyền muốn chống lại phong trào đòi tự do dân chủ ở những nơi còn sống trong chế độ độc tài. Họ thường bảo rằng Tự do là một món hàng xa xỉ, cho những người có tiền có của. Họ nói rằng đối với những người nghèo khổ suốt ngày chỉ lo kiếm miếng ăn thì tự do hay không tự do cũng vậy thôi. Không ai ăn được Tự Do cho đỡ đói! Không ai khoác quyền Tự Do lên mình mà đỡ rét. Nhưng sự thật có phải như vậy hay không?

Ví thử ở nước mình có tự do, thì bà con ta không phải chờ Nhật báo Người Việt liên lạc tìm địa chỉ của cụ bà Nguyên Thị Khâu cho các độc giả muốn giúp đỡ cụ già 80 tuổi này. Nếu có tự do, đồng bào chúng ta có thể lập những hội thiện nguyện ở trong nước để làm những việc đó. Hoặc người Việt ở nước ngoài có thể về trong nước lập các hội thiện nguyện làm những việc phước đức như vậy mà không ai cấm cản.

Hiện nay những nhóm người Việt ở nước ngoài muốn giúp đồng bào trong nước đều phải nhờ các cá nhân làm việc lẻ loi, hoặc phải đi qua các tổ chức cơ quan nhà nước mà họ không biết chắc có lương chính, đường hoàng hay không. Có khi một đoàn bác sĩ ở Mỹ về đã xin phép tới khám bệnh miễn phí ở một tỉnh, được phép rồi, mà phút chót lại bị đình hoãn, chỉ vì đã hỏi xin một quan chức này mà chưa được phép của quan chức khác có quyền cao hơn. Việc cứu trợ nạn nhân bão lụt, thiên tai đều phải đi qua các cơ quan nhà nước. Muốn về nước tổ chức làm việc từ thiện cũng phải tìm một đảng viên cộng sản tử tế nhờ đứng tên giúp, không khác gì việc mở cơ sở kinh doanh.

Cần phải có quyền tự do lập hội. Nếu tất cả những rào cản được phá bỏ một phần nào để cho người dân Việt Nam có quyền tự do lập hội từ thiện giúp lẫn nhau, thì chắc chắn công việc tương trợ giữa người ở ngoài và người trong nước sẽ tăng lên gấp trăm, gấp ngàn lần hiện nay. Trong hiến pháp Việt Nam có ghi thứ quyền đó. Nếu người dân Việt Nam có quyền lập hội, thì việc giúp đỡ những người nghèo khổ sẽ dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn. Đó chỉ là một ích lợi rất nhỏ đối với những người cùng khổ, vì thật ra nếu đất nước có tự do thì dân ta không đến nỗi nhiều người cùng khổ như hiện nay.

Người Việt Nam không bao giờ ngoảnh mặt làm ngơ trước cảnh cùng khổ của người chung quanh mình. Sẽ có các đại biểu quốc hội đòi làm những đạo luật an sinh xã hội, để bảo đảm những người già 80 tuổi phải được quốc gia cấp dưỡng, bảo đảm mức sống tối thiểu cho mọi người tật nguyền hay bị bệnh không thể làm việc. Cụ Nguyễn Thị Khâu đáng được hưởng những thứ trợ cấp xã hội như thế, người con gái đau ốmmà cụ đang nuôi cũng có quyền được hưởng. Một nước tư bản như ở Mỹ người ta còn làm được những luật như thế, mang tiếng theo chủ nghĩa Xã hội lại không có được là tại sao?

Tại sao các đại biểu quốc hội ở Việt Nam lại không làm những đạo luật như vậy? Có phải vì không ai trong đám đại biểu này biết động mối từ

tâm hay chăng? Không phải như vậy. Rất nhiều đại biểu quốc hội muốn xã hội xuống bằng hơn. Nhưng họ không có quyền tự do quyết định. Mà chính họ cũng do đảng Cộng Sản chỉ định chứ không hề được dân bầu lên một cách tự do. Tháng trước nhà báo Lê Văn Nuôi ở Sài Gòn mới nhắc đến vụ dân biểu Trần Thái Văn ở California đã đưa ra dự luật gọi là "Luật bánh chưng" để yêu cầu sửa lại luật lệ về thực phẩm của tiểu bang, cho phép bánh chưng được lưu trữ lâu ngày hơn con số ngày vẫn thường áp dụng cho hamburger hay pizza. Trên báo Tuổi Trẻ, ông Lê Văn Nuôi đặt câu hỏi tại sao một người Việt Nam làm dân biểu bên Mỹ lo tranh đấu cho quyền lợi của đồng bào mình như vậy, mà các đại biểu quốc hội ở Việt Nam thì không ai làm? Tại sao các đại biểu quốc hội chỉ chờ nhà nước soạn sẵn luật cho họ thông qua?

Ông Lê Văn Nuôi đã từng làm đại biểu quốc hội mấy khóa, ông còn lạ gì. Ở California, ông Trần Thái Văn phải lo bảo vệ quyền lợi của những người gốc Việt Nam, vì ông hy vọng sẽ được họ ủng hộ bỏ phiếu cho trong các mùa tranh cử. Ở Việt Nam, ông Lê Văn Nuôi khi ra ứng cử cũng là do đảng chỉ định, được đắc cử cũng vì đảng ngăn không cho ai đối lập tranh chiếc ghế đại biểu với ông. Nếu như các đại biểu quốc hội đều phải lo "kiếm phiếu" thì họ sẽ lo bảo vệ quyền lợi của cử tri. Chuyện đó chỉ xẩy ra khi đất nước có tự do.

Cụ bà Nguyễn Thị Khâu năm nay đã 80 tuổi. Mong cụ may mắn sống lâu thêm mươi năm nữa, hy vọng lúc đó dân Việt Nam được tự do, các đại biểu quốc hội sẽ lo làm luật bảo đảm những cụ già 90 không phải đi bán vé số mà vẫn đủ ăn. Hoặc ít nhất, họ cho dân được tự do lập hội để làm việc thiện. Những đứa bé được đi học không phải leo phà bán vé số nữa. Cuối cùng, nước ta cần có tự do, chắc cụ Nguyễn Thị Khâu cùng đồng ý như vậy.

Phong hóa

Thời xưa một chàng trai Việt Nam tán cô bạn gái cùng làng thì khen rằng:

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên

Sau khi khen vẻ đẹp của mái tóc, chàng nhìn thấy ngay nét đẹp tinh thần qua những lời lẽ mặn mà có duyên của cô bạn. Rồi chàng khen tiếp đến má lúm đồng tiền, răng đen lánh như hạt huyền, vân vân. Ở miền Bắc Việt Nam gần đây trong thời các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn trị vì, có cô gái khen ngợi người tình như thế này:

Một yêu anh có may ô
Hai yêu anh có cá khô ăn dần
Ba yêu rửa mặt bằng khăn
Bốn yêu anh có chiếc quần đùi hoa

Bài thơ này cho thấy tình yêu thời xã hội chủ nghĩa cực thịnh khác với thời phong kiến. Tình yêu hoàn toàn dựa trên các điều kiện vật chất: Anh đáng yêu vì anh hơn người ta, anh mặc cả áo lót, quần đùi anh đẹp, anh có thức ăn tích trữ trong tủ, có đến cả cái khăn để rửa mặt. Người ta không có thời giờ quan sát đến nét mặt, tóc tai, lời ăn tiếng nói.

Nhiều người không sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chắc sẽ hỏi tại sao cô gái này táo bạo thế. Không biết đã quen nhau được mấy giờ mấy phút mà cô đã có dịp ngắm nghía cả quần đùi với áo may ô của anh chàng rồi? Đó cũng là quan niệm sống đã được đảng đào tạo trong nhiều năm. Phong hóa dân Việt quả đã thay đổi.

Nhưng không phải chỉ có quan niệm sống làm phong hóa thay đổi. Cách người ta đối xử với nhau càng thay đổi rõ rệt hơn. Bây giờ người Hà Nội đối xử với nhau như thế nào? Mấy bài báo ở trong nước chỉ mô tả cảnh các quán ăn ngon nổi tiếng ở Hà Nội cũng cho ta thấy khác xưa nhiều lắm. Những tiệm phở đắt hàng coi khách không ra gì cả. Có những quán được gọi tên là Phở Đuổi, Phở Quát, "khách bị mắng nhiếc, quát tháo như đuổi đi." Ở chợ Ngô Sĩ Liên (mang tên một sử gia, một ông Nghè đời Lê) thì có quán Bún Chửi. Khách bưng được bát bún ra bàn rồi, gọi thêm thịt, bún hay gia vị thì được bà chủ mắng: "Sao không gọi mẹ nó một lần?" Hay là, "Làm đ... gì mà phải giục rối cả lên?" Ai xin thêm chút rau thơm hay quả ớt thì bị tặng cho "những trận mắng nhiếc kèm những món không sinh vật nào ăn được." Đấy là lối mô tả của một nhà báo Hà Nội. Khu phố Hàng Ngang, Hàng Đào thì các ông bà chủ cửa hàng không thèm chào khách một câu; khách bước vào cửa họ nhìn xuyên qua như nhìn không khí! Chỉ có mấy nhân viên đi theo khách để phòng ngừa ăn cắp!

Nhà văn Nguyên Ngọc cảm thấy "cái nếp văn hóa của Hà Nội đã mất dần đi." Và ông giải thích thêm rằng "Văn hóa ứng xử của thời bao cấp ... phá nát đi cả nền văn hóa Kinh Bắc." Ngoài ra, ông còn thấy những cuộc "cải tạo công thương nghiệp" diễn ra ở Hà Nội thời 1950, 1960 đã "đánh bật" một giai tầng trung lưu ra ngoài Hà Nội. Chính giai tầng này giữ gìn các truyền thống phong hóa

của xã hội, cho nên, "Tiến hành cải tạo xong thì văn hóa của Hà Nội tan nát." Ông Nguyên Ngọc cũng tự hỏi, "Vì sao ở Sài Gòn người ta giữ được nét văn hóa trong (sinh hoạt) buôn bán?" Rồi ông tự trả lời rằng có lẽ trong Sài Gòn người ta "không nắm cái quyền tiêu dùng của người dân" cho nên vẫn tôn trọng người tiêu thụ. Nếu được sống ở một xứ tự do thì chắc nhà văn cộng sản này đã nói thẳng rằng chính bọn "ngụy" đã giữ được nền nếp văn hóa tổ tiên, chứ không phá nát đi như Bác và Đảng!

Nhưng trong thời bao cấp Đảng đã "nắm cái quyền tiêu dùng của người dân" như thế nào? Đảng Cộng Sản chiếm độc quyền kinh tế, họ dùng hệ thống tem phiếu để kiểm soát quyền tiêu dùng của tất cả mọi người. Để kiểm soát dân về chính trị. Những thanh niên đi bộ đội không dám trốn tránh, đào ngũ càng khó, vì trốn đi rồi lấy phiếu mua gạo đâu ra? Đào ngũ rồi thì cha mẹ, chị em ở nhà sẽ bị cắt sổ gạo, sổ mắm, ai nỡ lòng nào? Tem phiếu không phải là sáng kiến của ông Hồ. Ông chỉ học từ trường huấn luyện của ông Stalin sau những năm được dạy "làm cách mạng" ở Liên xô. Học thành tài, ông chỉ đem về nước áp dụng. Đảng Cộng Sản kiểm soát quyền tiêu dùng bằng các tem phiếu, người tiêu thụ đóng vai ăn mày, ăn xin, đảng là đấng bề trên ban ơn huệ. Ông Nguyên Ngọc nói văn chương, gọi là "nắm quyền tiêu dùng của người dân." Ai ngoan ngoãn, lập công với đảng sẽ được phát những thứ thẻ ưu đãi, được vào mua ở các cửa hàng dành riêng cho giới quý tộc. Hệ thống đẳng cấp khít khao hơn bất cứ xã hội phong kiến hay tư sản nào trong lịch sử.

Nhưng bây giờ là kinh tế thị trường rồi, tại sao bị người bán hàng chửi, quát, mắng nhiếc như vậy mà người tiêu thụ cứ cúi đầu chịu đựng? Đây quả là một điều khó hiểu, ít nhất đối với những người sống ở các nước tư bản. Phải, tại sao những người có tiền bị các chủ tiệm bắt nạt như vậy mà cứ cun cút chịu đựng?

Một nhà văn khác ở Hà Nội, ông Vương Trí Nhàn cũng động lòng hoài cổ, nói rằng, "Như tôi biết, người Hà Nội xưa không buôn bán như thế." Ngày xưa người ta biết cám ơn nhau, tiếp đãi khách chu đáo, tận tình. Còn về phía người tiêu thụ, ông Vương Trí Nhàn giải thích rằng ở nước ta bây giờ "người tiêu dùng rất thiếu tự tin." Tại sao họ không tự tin ở mình, không ý thức cái quyền của mình? Vì qua một thời gian dài trong đời sống, họ thấy "có hàng mà mua là tốt rồi!" Cho nên ai mắng, ai chửi cũng chấp nhận được. Không những khi bị mắng chửi không ai cảm thấy nhục mà có khi còn lấy làm hãnh diện, vì "đông thế mà tôi vẫn chen vào được" để ăn bát phở cho đáng bát phở! Ra vẻ người sành điệu!

Những thí dụ trích dẫn trên đây đều lấy từ báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần ở Việt Nam, vào mạng lưới quý vị có thể đọc được nhiều chi tiết hay ho, thú vị khác. Nhưng nhà báo chưa nói thêm một điều là sau năm 1975, nền văn hóa ở Sài Gòn cũng "tiến kịp" Hà Nội về mặt mắng chửi. Ở ngay bên cạnh Bưu Điện Sài Gòn có một cái quán bán miến gà cũng được đặt tên là "Miến Chửi," chắc phải do dân Hà Nội mới vào Nam đặt tên cho. Bà bán miến ở Sài Gòn cũng thường mắng yêu các khách hàng những câu như "Làm cái đ... gì mà nhắng lên thế?" Ông Nguyên Ngọc còn hơi lạc quan khi ông nói ở Sài Gòn người bán hàng còn "giữ được văn hóa." Đất nước đã thống nhất, làm sao văn hóa mắng chửi không truyền bá từ Hà Nội vào Sài Gòn được?

Không biết bao giờ thì phong cách buôn bán của người mình mới trở về thói thuần hậu như xưa. Thôi thì cứ trông cậy vào phúc ấm tổ tiên vậy. Các cụ ngày xưa nói "Phú quý sinh lễ nghĩa." Hy vọng là một khi kinh tế phát triển hơn, con người cũng sống có văn hóa hơn.

Ông Nguyên Ngọc có tầm nhìn rộng rãi hơn. Ông cho là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) thì chính những người buôn bán sẽ phải thay đổi. Thay đổi thì mới cạnh tranh được với những nhà buôn ngoại quốc. Ông Nguyên Ngọc là nhà văn nên giàu trí tưởng tượng, ông bảo "Phải tạo nên một nền văn hóa (ông định nói là phong cách buôn bán) mang tên WTO!" Người bán cạnh tranh với nhau thì sẽ tập thói quen tôn trọng người mua, vào WTO có thể thay đổi phong cách bán hàng của mọi người. Ở khu Tiểu Sài Gòn khi có một quán phở nổi tiếng rồi, sẽ có ngày nhân viên trong tiệm phở đó ra ngoài mở tiệm riêng, quảng cáo công khai, thí dụ "ở đây có đầu bếp cũ của tiệm phở Nguyễn Huệ!" Có cạnh tranh, tự nhiên người bán hàng phải chiều khách.

Còn chuyện yêu đương thì sao? Bây giờ thì các chàng trai, các cô gái Việt Nam tán nhau không còn chú ý nhìn tới cái quần đùi, áo may ô của nhau nữa. Nhưng họ chú ý tìm cái gì? Hy vọng là phú quý sinh lễ nghĩa, người ta sẽ đi tìm người yêu với những tâm hồn đẹp, những nhân cách đáng phục, tìm người đồng thanh đồng khí, chứ không chỉ tìm "nhà mặt phố, bố to!" Vụ này thì WTO không giúp ích gì được.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

PHO

Vâng! PHO chứ không phải PHỞ. Chẳng là khi theo đoàn người di tản đi khắp mọi phương trời, phở đã làm mưa làm gió trên trường quốc tế. Chiến thắng nào cũng có cái giá phải trả. Cái giá phải trả của phở là mất râu, cháy dấu. Còn trần xì có ba chữ dễ đọc cho những người không phải là người Việt. Tom Vu là người Việt, nhưng là người Việt sanh đẻ ở ngoại quốc, thế hệ thứ hai của người Việt di tản nên tên anh trên một bài viết bằng tiếng Anh, bài *Pho In London*, đăng trên tờ nguyệt san BN, số tháng 5 năm 2006 cũng chẳng dấu, chẳng mũ mãng gì cả. *"The name of the restaurant by my residence is quite generic: Pho. Actually, one can say that it's so generic it's unique; how many Vietnamese restaurants are simply named Pho?"*

Vào internet tìm trên Google hoặc Yahoo, cứ đánh ngay một chữ PHO chẳng dấu diếc gì là có cả đống tên tiệm phở trên toàn nước Mỹ, tha hồ mà... phở! Có bao nhiêu tiệm ăn Việt Nam mang tên PHO? Ai mà đếm nổi! Chỉ biết là đi tới bất cứ nơi nào có vết chân của người Việt Nam là ở đó có phở. Mà ở đâu có phở là món ăn này chinh phục được miệng lưỡi của người sở tại. Một người Việt Nam từ trong nước qua Boston đã ngạc nhiên kể lại trong một bài viết trên Ngoisao.net : *"Đêm đầu tiên đến Boston, Mỹ, mệt lử sau một chuyến bay dài gần hai ngày, đầy ứ với các loại fastfood, tôi hỏi cô tiếp tân khách sạn xem có quán "Vietnamese noodle soup" nào gần đây không. Không một chút suy nghĩ và cũng chẳng thèm mở sổ, cô bấm điện thoại nhoay nhoáy, và ngẩng lên nhìn tôi với một nụ cười thông cảm ra vẻ ta đây biết cả rồi: 'Pho Pasteur still open, sir!' Hóa ra món phở quốc hồn quốc túy của dân ta đã phổ biến đến mức trở thành một địa chỉ ẩm thực trong bộ nhớ của một nhân viên khách sạn Jury's 5 sao của Mỹ!"*

Ngày xưa ông Nguyễn Tuân mới đặt chân tới Phần Lan đã thiết tha nhớ phở. Nhớ đến nỗi bày ra cả tấm lòng với phở trong một bài tùy bút mang tên Phở đăng trên báo Văn. *"Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thõng một câu: 'Bây giờ có ngay một gánh phở đỗ bên hồ này thì tớ đá luôn năm sáu bát!' Tất cả đều reo lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc."*

Nếu ngày nay "người làm công việc chữ nghĩa" Nguyễn Tuân lại đi Phần Lan nữa thì tôi chắc chắn ông chẳng cần thèm phở, bởi vì phở đã có sẵn ở đó để đón ông. Phở ngày nay đã nằm trong bụng người ngoại quốc. Người Mỹ, người Canada, người Pháp, người Phi Luật Tân, người Nhật (tôi không muốn kể thêm bởi vì kể tới bao giờ mới hết!), người nào cũng đã từng nếm tới cái món phở ma quái quyến rũ của dân ta. Một ông Mỹ nào đó đã viết trên tờ *Rocky Mountain News* như thế này: *"Tôi không nói được tiếng Việt, nhưng "tâm hồn ăn uống" của tôi hoàn toàn có chất Việt, mỗi lần tôi nghe ai đó thì thầm 'Pho, pho, pho...' là tôi biết ngay mình đang đụng tới 'đệ nhất kỳ quan ẩm thực' của dân Việt Nam! Phở đúng là một món đơn giản mà lại... hổ lốn, lộn xộn, bạn đọc cho trúng giọng một tí thì phải là "fuh." Đơn sơ nhất thì nó là một cái tô gồm nước súp với bánh phở cộng thêm vài lát thịt bò phía trên với các loại rau băm nhỏ. Nhưng xét tới cùng thì phở là món ăn vô cùng bổ dưỡng và ngon chưa từng thấy trên cõi trần gian này!"* Người viết những dòng chữ tôn vương phở này sống ở Denver. Hai tiệm phở ông thường lui tới là phở Vân và phở 79. Ông là khách hàng trung thành và thường xuyên của phở đến nỗi

ông có thể kể ra vanh vách các loại phở được đánh số từ 1 đến 16 của tiệm phở 79! Khi đã có tô phở nghi ngút khói trước mặt, ông mới thi triển tài ăn phở của ông. Chứ sao! Người theo đạo phở phải biết cách... hành lễ chứ! *"Cái chuyện đầu tiên tôi làm trong nghệ thuật 'thưởng thức phở' là cắm cái mũi xuống tô phở bốc khói và hít một hơi dài. Mùi thơm thoang thoảng của thịt bò pha lẫn với mùi hành bàng bạc khắp cái mũi tôi! Kế đó tôi lấy một cái muỗng lớn bằng sứ và húp phát đầu tiên. Mẹ ơi! Màu vàng như rơm của nước phở và cái vị ngon kinh hồn của nước lèo, dậy chút mùi hồi, sao mà nó quyến rũ quá vậy! Kế đến là dùng đôi đũa (dùng nĩa thì... tới sáng mai mới ăn xong tô phở) gắp dúm bánh và thịt tái bỏ vào miệng. Nhai từ từ thôi ông bạn tham ăn. Quá đã! Tôi còn thêm chút tương đen và sốt ớt đỏ, ngoài ra cho đúng điệu thì rưới thêm tí nước mắm. Đừng quên vớt vài miếng sụn chín cắt nhỏ cho vào miệng. Thượng Đế cao cả ơi!"* Ông tổ Hùng Vương ơi, sao ông phù hộ cho cái món phở của con cháu ông nó bắt hồn ông Mỹ này đến thế! Chỉ có ăn một cách nghệ thuật và say mê đến như vậy đã là quý rồi. Vậy mà cái ông Mỹ này làm hơn nữa: ông triết lý về phở! *"Khi ăn phở có lắm lúc tôi phải buông tô phở xuống để triết lý cùn một chút. Này nói cho tôi biết với, tại sao dân Việt, chỉ trong có một món, lại biết 'tung hứng, bắt chụp' nhiều gu (tái, nạm, gầu, vè), nhiều nhiệt độ (nóng, cay, nồng), nhiều mùi thơm (thịt, rau bánh, nước súp) và nhiều gia vị đến như thế? Bí mật của họ ở đâu?"* (Calitoday.com ngày 29/5/2005).

Ừ, bí mật gì làm phở nó ngon tàn canh như vậy? Một "chuyên viên" về phở, ông Lê Thiệp, chủ nhân của hệ thống phở 75 ở miền đông nước Mỹ và Đại Hàn đã luận về một tô phở ngon như sau: *"Điều đầu tiên là cách trình bày, khi bưng tô phở lên cho khách ăn, thực khách như thấy một bức tranh đủ màu sắc. Một tí xanh của hành, tí trắng của bánh, vài giọt sao của tí nước béo, rồi miếng thịt tái màu đỏ... Tất cả như một bức tranh hài hòa của Gauguin. Thứ hai là cái mùi, tô phở nóng bốc lên cái mùi rất là dịu dàng, rất là hài hòa. Thứ ba nữa là sự hòa hợp giữa bánh, nước và thịt. Mọi thứ phải có một sự cân xứng nào đó. Tôi nghĩ đó là những điều căn bản để có một tô phở ngon."*

Phở ngon như vậy, thưởng thức phở một cách tuyệt chiêu như ông Mỹ nói trên, phở đã đi khắp hang cùng ngõ hẻm trên đất Mỹ. Khi người Mỹ nhận đám người Việt tỵ nạn vào đất nước họ, không hiểu họ có biết họ đã du nhập được một món ăn tuyệt cú mèo như phở không? Đối với tất cả các sắc dân trên đất Mỹ, phở đã có chỗ trong dạ dày của họ. Ngày nay, nếu chúng ta thấy một người da trắng, một người da đen, một người da mai mái, hay một người da vàng không phải là người Việt đang hành đạo phở trong một tiệm phở ở Mỹ thì đó là... chuyện thường ngày ở huyện! Xó xỉnh nào trên cái đất nước rộng mênh mông này chẳng vậy! *"Tôi đang phân vân không biết nên gọi phở gì thì ở một bàn đối diện có một cô Mỹ vừa ngồi xuống. Cô ta người đẫy đà và ở cái tuổi mà tôi không biết nên xếp vào hạng cô hay bà, nghĩa là tuổi trên ba mươi nhưng không quá bốn chục. Cô ta không làm tôi chú ý mấy. Cho đến lúc cô gọi thức ăn. Khi anh hầu bàn tiến tới đặt cái thực đơn lên bàn thì đúng lúc ấy cô đang cúi xuống đặt cái sắc tay xuống chân ghế. Không ngửng lên, không nhìn vào thực đơn, cô ta "ọoc-đơ" liền không chút lưỡng lự như thể đã gọi như thế nhiều lần rồi: "Number nine. Large!" Tôi cúi xuống nhìn vào tờ thực đơn của mình. Con số 9 ở dưới tận cùng : Tái, Chín Nạm, Gầu, Gân, Sách (Rice noodle soup with eye-round steak, well-done flank, marble brisket, soft tendon, tripe). Vừa ăn tô phở tôi vừa liếc nhìn cô gái Mỹ. Bát phở to của cô ta vừa được đặt trên bàn còn bốc khói tay cô đã thoăn thoắt vặt hết lá những nhánh húng bỏ vào tô. Xong, một tay nặn chanh, tay kia cô vớ lọ tiêu rắc rắc. Rồi, nghiêng hẳn cái đĩa đựng rau, cô ta dùng đôi đũa gạt hết đĩa giá sống, cả những lát ớt xanh, lên trên tô phở đã đầy ụ. Đảo mắt quanh bàn, nhấc lên lọ tương ớt 'con gà' cô bóp lia một vòng. Trên cái núi giá sống có in một vòng ớt đỏ. Ngừng lại một lát như để suy nghiệm xem còn sót một thứ gia vị nào không, cô ta mới chậm rãi và thận trọng, một tay dùng đũa, một tay dùng thìa, khéo léo trộn đều tô phở đầy ụ mà không đổ một thứ gì ra ngoài. Khi cô ta bắt đầu cúi xuống ăn thì ở tầm mắt thấp cô ta lại thấy được một cái lọ gia vị nằm khuất sau cái giá đựng thìa, đũa. Ngửng lên cô ta với tay cầm cái lọ plastic bóp ria một vòng rồi cúi xuống cái tô phở lúc này đã có thêm một vòng tương*

đen bên trên." (Thạch Long, Mùa Xuân Trên Phố, *Thế Kỷ 21*, tháng 3/2005).

Tôi không có ý cổ võ lối ăn phở lấy được của cô gái Mỹ khi trích đoạn văn này. Tôi chỉ muốn chứng tỏ là người Mỹ, trai cũng như gái, đàn ông cũng như đàn bà, già cũng như trẻ, đều đã thành thạo với món phở bất hủ của chúng ta. Có lẽ bây giờ kiếm một người Mỹ không biết tới phở coi bộ hơi khó. Công ty thực phẩm Quốc Việt Foods còn làm tới nữa: mang phở vào tận từng gia đình tại Mỹ và các nước khác trên thế giới bằng sản phẩm "Cốt Phở." Theo chủ nhân Quốc Việt Foods, ông Nguyễn Khoa, giải thích thì cơ sở của ông mua xương bò, gà, cùng với các loại gia vị, hương liệu, đồ nêm về nấu một nồi phở thực thụ. Sau khi đun nhiều tiếng đồng hồ để đạt được nồi nước dùng tinh khiết và thơm ngon, nước được rút bớt để hình thành keo phở với đầy đủ hương vị như trong nồi. Keo phở được đóng vào trong một hũ nhựa, có ghi rõ cách xử dụng bằng hai thứ tiếng Việt và Anh đàng hoàng. Khi dùng chỉ cần đổ keo cốt phở vào nồi và đổ thêm nước theo liều lượng đã được chỉ dẫn rồi thêm thịt chín hay tái, gân, sách sụn tùy thích. Mỗi hũ cốt phở nấu được 20 tô. Gia đình tôi cũng đã thử "nấu" phở loại tiện lợi này. Chẳng phải hầm xương lôi thôi lịch kích mà phở vẫn cứ dậy mùi, ăn như ăn một tô phở ngon ngoài tiệm. Nấu phở như vậy, Mỹ cũng nấu được! Anh chàng phở đã khéo léo luồn lách vào tới tận bếp của người bản xứ. Quỷ thiệt!

Cái món ăn mê hoặc khẩu vị của người ta còn tinh nghịch nữa là đằng khác. Nó đã bám theo đoàn người di tản đi cùng khắp thế giới, chinh phục mồm miệng mọi sắc dân, chán chê rồi nó tinh quái quy hồi cố quốc. Nhớ đất xưa, trở về chốn cũ, được đi. Nhưng nó tinh nghịch theo một ông Nhật để về lại Việt Nam mới là chuyện lạ. Ông Nhật đó tên Tezuka Katsuyoshi, chủ tiệm phở Oso, tọa lạc tại số 37 đường Đồng Khởi, Sài Gòn. Bởi vì kết thân với người Nhật nên phở cũng có phong thái Nhật Bổn. Thực khách bước chân vào tiệm sẽ được tất cả mọi nhân viên phục vụ cúi đầu chào bằng tiếng Nhật: *Iratsaimese!* (Xin chào!). Ăn xong, ra về sẽ được đưa chân bằng câu: *Domo Arigato Gozaimase!* (Cám ơn rất nhiều!). *Oso* nghĩa là... số dách. Phở Oso là phở số một. Ông Teruka đã ngang nhiên đặt tên như vậy. Ngoài cửa tiệm còn có một tấm bảng thách thức bằng tiếng Anh: No delicious no pay (Không ngon không lấy tiền!) Hách xì xằng chưa? Quán được trang trí toàn bằng gỗ, từ bàn ghế đến những tấm phù điêu, tường được trạm trổ công phu. Trên bàn, những hũ ớt, tương đen tương đỏ được để trong những ly thủy tinh. Trong khi chờ một tô phở nóng hổi được mang ra, khách sẽ đắm mình trong vùng ánh sáng vàng dịu cùng tiếng nhạc du dương tạo cho thực khách cảm giác thoải mái. "Tôi chọn phong cách trang trí này để tạo cho khách cảm giác được thưởng thức món phở đúng nghĩa, không có sự ồn ào, xô bồ, mà khi đã bước vào đây để chỉ có thể thưởng thức mà thôi," ông Tezuka Katsuyoshi đã phát biểu như vậy. Đến Việt Nam lần đầu tiên cách đây 16 năm, ông Tezuka đã bị phở bắt hồn. Ông học nấu phở để thỏa mãn thú vui ẩm thực. Rồi ông... sáng tạo khi dùng gia vị của Nhật để nấu phở. Vậy mà ăn thấy lạ và ngon. Khi quyết định trở lại Sài Gòn để mở tiệm phở, ông vẫn chỉ nghĩ là sẽ mang lại niềm vui cho người Việt bằng món ăn truyền thống của Việt Nam do một người Nhật nấu bằng gia vị Nhật!

Tôi chưa được ăn phở Oso. Không hiểu thứ phở lai Nhật này có ngon thực không mà mỗi ngày có tới khoảng từ 300 đến 400 thực khách lui tới. Nhưng cũng nghi lắm! Bởi vì thông thường đồ ăn Nhật ngả nhiều qua vị ngọt. Tôi đã nhiều lần có cảm tưởng như bị tình phụ trong những ngày ở Tokyo khi ngó những tô đồ ăn giả bằng nhựa trông tương tự như phở được trưng bày một cách hấp dẫn trong tủ kính của những nhà hàng, nhưng khi vào ăn thì ngọt ơi là ngọt, chẳng giống một con giáp nào!

Phở đã bám chân... ngoại bang trở về Sài Gòn thì nó sợ chi mà không về theo chân Việt Kiều. Đầu tiên là Phở 2000 tọa lạc ngay bên hông chợ Bến Thành. Tiệm này nổi tiếng kể từ khi ông Bill Clinton, lúc đó đang là Tổng Thống Hoa Kỳ, ghé ăn một lúc hai tô. Khi tôi bắt chước ông Clinton cũng... ngự giá tới ăn thì những tấm hình lịch sử khi ngài Tổng Thống Clinton đang thưởng thức phở Việt nam còn được lồng kính treo trên tường và chiếc bàn và ghế mà... Hoàng Thượng đã ghé ngồi được trưng bày trên kệ! Cái nổi bật nhất của tiệm "phở Việt Kiều" này là sự sạch sẽ. Thực khách ngồi bất cứ nơi đâu cũng có thể nhìn qua tấm kính, nghía vào nhà bếp sạch tưng có những

nhân viên đội mũ đầu bếp trắng, mang găng tay nấu phở. Hương vị phở rất được nhưng giá phở thì chẳng... Bến Thành một chút nào. Một tiệm phở Việt Kiều khác là "Phở 24" mới mở sau này. Giá 24 ngàn một tô (hơi đắt!), mở cửa 24 tiếng và còn những cái 24 gì nữa mà tôi không được biết. Hệ thống Phở 24 đang phát triển mạnh và đã lân la ra tới Hà Nội, quê hương thực của phở. Cũng lưu lạc tận Cali nay trở về Hà Nội là "Phở Cali" tọa lạc tại khách sạn Vườn Thủ Đô, số 48 A đường Láng Hạ. Chủ nhân của tiệm phở này là một người gốc gác Bạc Liêu (kể cũng ngộ!) tên có vẻ Tầu, Tôn Lâm. Đến Mỹ từ trước năm 1975, anh Tôn Lâm theo học ngành hóa học, làm việc tại một công ty hóa chất ở Chicago, nhưng đã bỏ việc đi theo tiếng gọi của phở! Lý do đem chuông đi đánh... xứ mình được ông Tôn Lâm cho biết: *"Khi qua Mỹ, người Việt ai cũng nhớ tới món phở quê nhà. Nay ở Việt Nam, tôi lại thấy nhớ tới cái hương vị phở đã quen thuộc ở miền California. Vả lại, cũng nên giới thiệu để người mình biết món phở sau cuộc hành trình dài vào Nam, rồi qua Mỹ, nay vẫn giữ lại được cái gốc đặc trưng Việt Nam nhưng có thêm hương vị mới."* Cái mới của phở Cali là nó rất Mỹ với tô phở rất bự mặc dù đã được "giảm ký" nhiều so với nguyên bản ở Cali. Cái mới thứ hai là tất cả tô, muỗng, đũa đều được diệt trùng và sấy nóng trong lò, khi nào dùng mới lấy ra. Cái mới thêm nữa là nhất định không bao giờ dùng bột ngọt! Cứ nguyên cái khoản sạch sẽ là đã ăn đứt phở địa phương. Đặc điểm chung của các tiệm phở tại thủ đô Hà Nội là rất lơ là trong vấn đề vệ sinh. Bàn ghế đen đủi nhớp nhúa, muỗng đũa thì nhờn chất mỡ, dưới đất thì trắng xóa giấy lau và vỏ chanh, cọng rau. Đặc điểm thứ hai là dùng bột ngọt một cách... vô tư! Ngay tại quầy nấu phở có một tô bột ngọt đầy ắp, nhà hàng thản nhiên chơi nguyên một muỗng bột ngọt trước khi chan nước dùng vào tô phở.

Anh chàng phở đi loanh quanh từ quê ra ngoại, từ ngoại về quê, hắn đã mỏi chân chưa? Chưa đâu! Hắn còn đi vào tương lai nữa. Người trẻ Việt Nam ở hải ngoại có thể không nói được tiếng Việt nhưng không thể không thích ăn phở. Vào bất cứ một tiệm phở nào, nhất là vào giờ nghỉ buổi trưa, chúng ta luôn luôn bắt gặp những người trẻ Việt Nam, có khi đi toàn người Việt với nhau, có khi dẫn thêm những anh chị tóc nâu mắt xanh đồng nghiệp, vào ăn phở. Họ không cố ý nhưng đã vô tình truyền bá văn hóa ẩm thực Việt Nam với người ngoại quốc. Một nhóm thanh niên ở Florida còn có cả một website mang tên: hotaspho.com. Định nghĩa của phở trong website này rất chuyên nghiệp, cứ như trong từ điển. *PHO (fuh) n. : Pho is a traditional Vietnamese noodle soup. Brought to the states in 1975, this unique dish integrated quickly into American culture. The northern and southern Vietnamese variations provide mixture for all to enjoy. Devour pho with great joy any time of the day.* (Phở là một món súp Việt Nam truyền thống. Được du nhập vào Hoa Kỳ năm 1975, món ăn độc đáo này hội nhập rất nhanh vào văn hóa Mỹ. Sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam đã hòa nhập để mọi người có thể cùng thưởng thức phở. Phở có thể ăn lúc nào trong ngày cũng đều ngon). Các bạn trẻ này còn sản xuất áo T-shirt với những hàng chữ mến mộ phở trước ngực. Có nhiều kiểu xưng tụng phở. Bạn muốn chọn kiểu nào cũng được: *Wanna pho? / Pho King. / Hot as pho. / What the pho. / Pho shizzle / Pho ever.* Những người yêu phở còn lưỡng lự gì mà không vào website này để đặt mua áo...

sống chết với PHO!

Chết với phở? Có rồi chứ không phải chơi. Trong đoản văn "Đến Những Vô Cùng" của Mạch Nha trong tạp chí Văn, California, số tháng 7&8/2005, có một nhân vật trong giờ phút lìa đời mà lòng vẫn còn vương vấn với phở:

" Chan chút nước phở vô cháo. Người sắp chết thèm nghe mùi phở."

" Tới nước này rồi, còn ăn được sao bác?"

" Không, đâu nuốt nổi nữa, ngửi thôi. Ngửi được mùi phở trước khi chết sẽ yên bụng ra đi."

Tôi lặng người. Bác Tâm không khóc. Má bác nhô cao, vai rút, mắt quầng, nhưng miệng vẫn cười. Bác nắm tay bác Hà, hỏi đi tới đâu rồi."

Ai cá gì thì cá, tôi biết chắc như năm rõ mười là bác Tâm sẽ đi tìm ngay một tiệm phở ở cõi bên kia! Và tôi tin là bác sẽ tới được nơi có cái mùi bác vừa tức tưởi rời xa!

06/2006

THI

Cho tới nay, trên bốn chục năm chẳng còn thi cử gì, tôi vẫn còn nằm mơ thấy mình đi thi. Những cơn mơ đổ mồ hôi, khi thì không làm được bài, khi thì đi thi mà trong bụng rỗng tuếch chẳng có một chữ, khi thì thấy mình vừa đạp vỏ chuối. Tỉnh dậy, thấy mình già mà sướng! Thi chi nữa!

Chắc chúng ta ai cũng khóc cười với chuyện thi cử. Hoa phượng nở, ve sầu kêu, nắng hè lụa là, tất cả đều đi chỗ khác chơi khi ngày thi gần kề. Những thứ mơ mộng đó chỉ có trong tâm trí những ông nhà văn nhà thơ. Còn trong tâm trí lũ sĩ tử chúng tôi, chỉ có những phương trình, công thức và nhiều thứ nhức đầu khác. Một đời đi học có bao nhiêu lần mang thân ra... thí trường nhỉ? Đời tôi, cuộc đời trường ốc bắt đầu từ giữa thập niên 1940, thi cử còn đe dọa ghê gớm lắm. Cuộc thi đầu tiên, khi hoàn tất lớp Ba tiểu học, là thi Sơ Học Yếu Lược (quả thực tôi không còn nhớ rõ tôi có dự kỳ thi mini này không!), hết bậc tiểu học thi bằng Tiểu Học. Lên tới trung học, hết lớp Đệ Tứ, thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, hết Đệ Nhị, thi Tú Tài phần một, hết Đệ Nhất, thi Tú Tài phần hai. Lên tới Đại Học thì năm nào chẳng "thi ơi là thi, sinh mi làm chi?" Trong đời tôi không có bài hát nào rầu rĩ bằng cái bài nức nở những thi là thi của nhạc sĩ Đỗ Kim Bảng. Chỉ cần một bản nhạc này là ông nhạc sĩ đã thành danh!

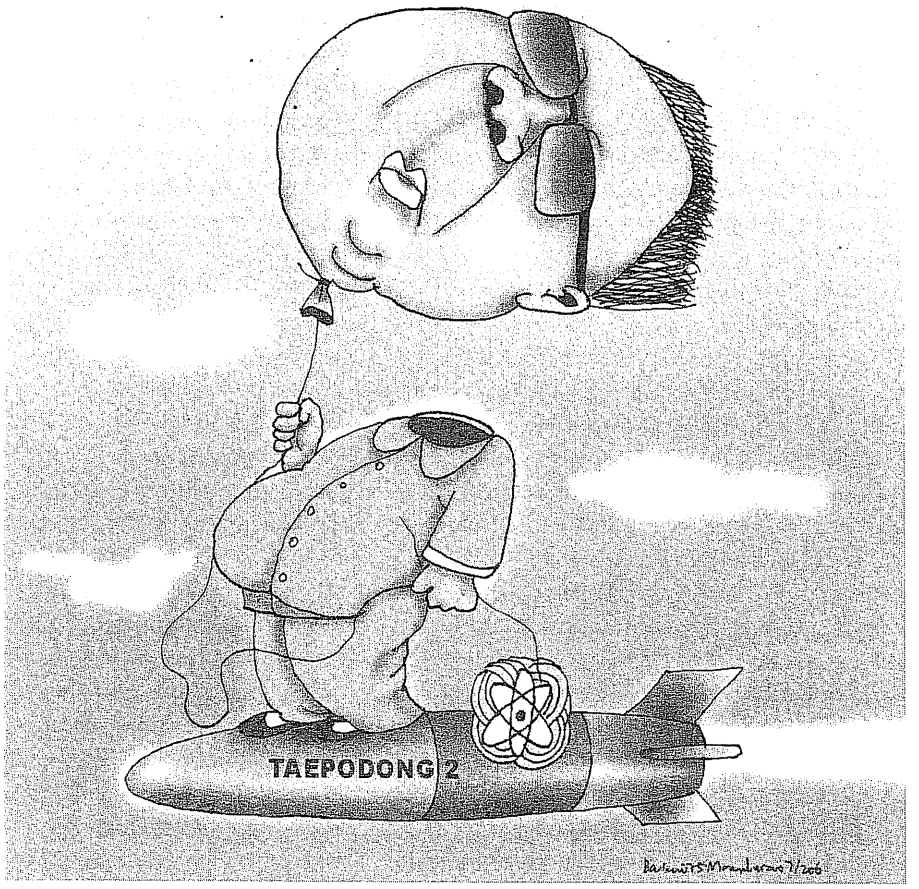

Lần thi Tiểu Học là lần thử thách sớm sủa nhất. Mới 12 tuổi mà đầu đã... bạc! Nhận được số báo danh thấy mình bỗng lớn nhưng chạm mặt phòng thi thấy mình còn bé. Hôm trước ngày thi, phụ huynh đã lo đưa con em đi coi trường thi trước. Tới ngôi trường xa lạ là đã thấy muốn ướt quần! Dẫn các sĩ tử nhí đến tận bàn ngày thi sẽ ngồi, chỉ con số báo danh viết bằng phấn trắng to tổ chảng trên bàn, các bậc phụ huynh cũng mang tâm trạng lo lắng như con em. Tuổi xanh đã tội tình chi!

Chưa "hè về, hè về!" được với ông Hùng Lân thì đã lại lều chõng lên đường thi vào Đệ Thất trường công. Đây là kỳ thi tuyển, mạnh ai nấy chen chân. Phải đánh ngã tên ngồi bên cạnh mới hy vọng có chỗ ngồi cho bảy năm Trung học. Gian truân tăng thêm một bậc! Thử theo chân nhà văn Phùng Nguyễn đi... dò số! *"Chen lấn mãi mới đến gần được tấm bảng gỗ có dán danh sách thí sinh trúng tuyển, tôi dự*

định sẽ đọc cái danh sách từ dưới lên, chừng năm mươi hàng mà chưa thấy tên mình thì tốt hơn chui trở ra cho đỡ mất thì giờ. Ai dè mới đọc được có mấy hàng đã thấy tên mình. Tôi dụi mắt hai ba lần, đọc lại cho kỹ vẫn thấy tên mình còn sờ sờ ở đó bèn mừng rỡ mở một đường máu chui ra khỏi cái đám con nít đang xô đẩy nhau, chửi mắng nhau, la hét, cười khóc ồn ào như cái chợ nhỏ. Thằng bạn cùng làng cũng vừa mới thoát ra khỏi cái đám đông hỗn tạp, mặt mày tái mét, thở hổn hển hỏi tôi; "Bộ mày đậu rồi hay sao mà nhảy tưng tưng vậy?" "Đậu rồi! Còn mày?" (Phùng Nguyễn, *Tháp Ký Ức*).

Vác bút đi thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, kinh nghiệm đã có, tuổi đời đã nhỉnh thêm, các cô cậu không còn như mán ra tỉnh nhưng máu run vẫn nằm vùng. Thi xong, thường thì ít có thí sinh dám đi coi bảng kết quả một mình. Hoặc rủ nhau đi từng đoàn cho có khí thế. Hoặc ngồi nhà lo lắng đi ra đi vào nhờ người khác đi coi dùm. Ít nhóc tì nào có can đảm như nhà văn Phùng Nguyễn! Con ma thi nó hành hạ thân xác bé nhỏ quá lắm!

Thi Tú Tài Một thì đã biết thức khuya dậy sớm dùi mài kinh sử, đã biết uống Maxiton để chống mắt làm lơ với những cơn buồn ngủ, đã biết cách xuống kí cho hợp thời. Và nếu là đực rựa thì đã cảm thấy lằn ranh giữa đời học sinh và đời lính tùy thuộc vào những miệt mài và may rủi.

Rớt Tú Tài anh đi Trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con
Mai đây xong chuyện nước non
Anh về anh có Mỹ con anh bồng!

Tú Tài Hai là tú tài... chuyên nghiệp! Ban nào ra ban nấy, đi thi cũng chỉ thi những môn thuộc ban đã chọn. Tôi học ban Văn chương C nên thi ba môn. Một bài luận Triết, một bài luận Anh Văn, một bài luận Pháp Văn. Chấm hết! Chấm như vậy cũng dễ chết! Bài viết hay lắm cũng chỉ 13, 14 điểm là nhiều. Chẳng ai dám mơ ước tới cái điểm vắt vẻo đó. Thường chỉ từ 10 tới 12 nếu làm bài được. Bài làm không vừa ý giám khảo lắm thì rất dễ được phê con số 8. Vô phúc hơn nữa thì điểm chìm sâu xuống ngóc đầu không lên. Lấy gì mà bù vào đây cho đủ 30 điểm trung bình cho ba bài. Cái cầu thi cử sao nó lắt lẻo quá chừng chừng! Qua được kỳ thi viết là một tiết mục dựng tóc gáy trong các kỳ thi Tú Tài Một cũng như Hai, tiết mục thi vấn đáp. Trò chơi này đầy may rủi và héo hắt con tim. Thi vấn đáp tất cả các môn học, môn chính cũng như môn phụ. Đầu óc nhộn nhạo những kiến thức lung tung xòe và phải đi "thăm" các Giám Khảo liên tu bất tận từ phòng này qua phòng khác. Mỗi "ông thần" ngồi một phòng, mỗi ông mỗi tính, mỗi ông mỗi chiêu thức, đầu óc thí sinh như con quay ngả nghiêng chẳng lúc nào giữ được thăng bằng.

Kỳ thi Tú Tài Một, vấn đáp môn Pháp Văn, tôi rơi vào đúng Giáo Sư VVL, một hung thần nổi tiếng. Dân thi cử đã có thành kiến là gặp ông VVL thì... lúa đời! Vừa bước vào phòng, ông đang... hỏi cung một thí sinh trên bàn thi, tôi nghe được một giọng hét tá hỏa: "Nếu anh là con tôi, tôi đã tát cho anh một cái rồi!" Tôi ngồi sửa soạn bài mà run như cầy sấy. Vậy mà chẳng biết nhờ phúc lộc ở đâu mà tôi tai qua nạn khỏi môn này. Về sau một tên bạn thân của tôi đã lấy con gái ông. Tôi hỏi sao hắn dám cả gan vậy, hắn chỉ cười.

Một Giáo Sư khác, thầy BĐT, môn Sử Địa, có chiêu lạ lắm. Thầy luôn luôn cười nói rất dễ thương, đang run mà nhìn thấy thầy cũng ấm bụng nhiều. Thí sinh vừa kéo ghế ngồi, thầy nhỏ nhẹ bảo đọc lại câu hỏi đã rút được. Xong thầy trả lời dùm. Cứ vểnh tai ngồi nghe thầy diễn tả trận vua Quang Trung kéo quân ra Bắc Hà đánh quân nhà Thanh với những nghi binh, những Đô Đốc này Đô Đốc kia điều binh khiển tướng như thế nào, cánh quân tả quân hữu tiến thoái ra làm sao. Nghe mà say mê cứ như nghe kể chuyện chưởng Kim Dung. Nghệt mặt nghe thầy kể một hồi, thầy ôn tồn hỏi. Có phải vậy không anh? Gật đầu ngay, thầy nói thì sai làm sao được. Bắt được câu trả lời: "Dạ phải!" của thí sinh, thầy vẫn với giọng ôn tồn nói tiếp. "Sai rồi anh. Cám ơn anh!" Thế là lúa một cuộc thi.

Vấn đáp Tú Tài Hai, môn Anh Văn, tôi gặp một... hiện tượng: Giáo sư ĐKH! Lúc đó ông còn rất trẻ và là Giáo sư nổi tiếng. Trẻ và nổi tiếng là điều hay cho ông nhưng là điều không hay cho thí sinh vào thi vấn đáp với ông. Ông kiêu quá! Mặt ông kênh kênh, sẵn sàng lớn giọng. Tôi bắt thăm được tác giả nhà thơ John Keats. Câu hỏi: "Anh biết gì về John Keats?" Tất cả kiến thức về nhà thơ nổi tiếng của Anh này, thí sinh chỉ biết qua cuốn sách giáo khoa *L'Anglais Vivant, Deuxieme Beige*, là cuốn

được dùng trong chương trình giảng dậy suốt niên học. May mà tôi rất thuộc bài. Tôi nói tất cả những gì được học về John Keats một cách trôi chảy. Nghe xong, ông cười mỉa mai. Đó là những điều tầm thường về John Keats, tôi muốn anh nói thêm nữa. Chữ nghĩa đâu mà thêm với thắt? Vốn liếng nhà trường trang bị cho chỉ có vậy, xài hết lấy gì mà so được với thầy. Tịt! Tới môn phiên âm Phonetics, thầy bảo lên bảng viết. Và thầy đọc: Đầu cành lửa lựu lập lòe đâm bông. Anh phiên âm làm sao cho người ngoại quốc họ đọc được câu Kiều này. Cụ Nguyễn Du ơi! Sao cụ làm khó nhau đến thế! Học phiên âm trong lớp thì chỉ phiên âm chữ Hồng Mao, đi thi làm sao vẽ ra phiên âm quốc tế cho Tây chúng đọc được Kiều đây! Bèn lủi thủi ra về với số điểm 3/20. Rớt là cái cẳng! Có điều tất cả các thí sinh vào thi vấn đáp với "ông thần" này đều rớt hết. Trong đợt thi kỳ hai năm đó, ông Giáo sư thích làm khó thí sinh đã bị cấm chấm thi!

Trường hợp sau này, tôi không gặp nhưng em tôi gặp. Đó là Giáo sư hỏi thi vấn đáp nhờ nhau đánh rớt những học trò của chính mình bị mình trù trong niên học. Thí dụ như ông Giáo sư A ghét một học sinh học với mình vì một lý do nào đó, khi biết học sinh này được vào vấn đáp, ông tìm tới ông Giáo sư bạn của ông được chỉ định hỏi vấn đáp em này, công khai nói nhỏ vào tai vị này để đánh rớt. Ông nhà giáo dậy Pháp Văn LTN đã làm như vậy trong trường hợp em tôi. Và em tôi đã rớt thiệt tuy trả lời được. Cái hậu của chuyện này khá bất ngờ. Khi miền Nam mất, ông Giáo sư đánh rớt em tôi vì... tình bạn cùng phải vào trại cải tạo với em tôi. Hai người nằm chung một đội. Ông kết thân với em tôi mà không ngờ đó chính là người thí sinh đau khổ mà ông hủy hoại cả một năm học của người ta một cách khơi khơi. Tình bạn của hai người kéo dài tới ngày nay ở bên Mỹ mà em tôi không bao giờ hé răng nhắc tới chuyện cũ!

Thi cử dĩ nhiên phải có kẻ cười người khóc. Đỗ và trượt là hai thái cực. Như thiên đàng và địa ngục. Ngự trên thiên đàng dĩ nhiên thích thú hơn nhưng đã mang lấy nghiệp thi cử vào thân mà chưa biết trượt là một điều thiệt thòi. Đó là cái thú đau thương phải có trong cuộc đời đèn sách.

nghe nói em vừa thi rớt Luật
môi trâm anh tàn héo nụ-xa-vời
mắt công nương thẩm khép mộng-chân-trời
xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng!
(dù thật sự cũng đáng đời em lắm
rớt đi Duyên, rớt để thương người!)
ta—thằng ôm hận tú tài đôi
không biết tìm ai mà kể lể
chim lớn thôi đành cam rớt lệ
ngày ta buồn thần thánh cũng thôi linh!
(Nguyễn Tất Nhiên)

Muốn biết đậu rớt phải đi nghe kết quả. Đây là trò rớt tim! Khi ông Chủ Tịch Hội Đồng Chấm Thi ọ ẹ lên tiếng thử micro là mặt nào mặt nấy cắt không còn hột máu. Tên và số báo danh của những người bảng hổ đề danh được xướng lên theo thứ tự của số báo danh. Tim loạn nhịp khi gần tới lượt số báo danh của mình. Con đường đi của số báo danh là con đường nhiều ổ gà, lắm chông gai. Thường thì nó cứ nhảy loi choi, có khi nhảy luôn một lèo mấy chục số, diễn nghĩa ra là cả một phòng thi rớt hết. Ít khi nó trơn tru đằm thắm theo thứ tự liền lạc. Tới số của mình mà nó chơi trò nhảy phốc một cái sang những số sau có nghĩa là mình... tới số! Mặt tái mét, chân đứng không vững, đất trời như chao đảo, con người vừa xảy chân xuống địa ngục lẳng lặng ra về. Về đâu? Biết về đâu! Nơi nào cũng đen nghịt. Có khi muốn lao đầu vào chiếc xe đang phóng ngang qua, có khi nhìn mặt nào cũng thấy đáng ghét, có khi phố phường bỗng vô duyên tệ, có khi mắt chẳng nhìn thấy gì, cái hỏa ngục này quả là có thật!

Thời tôi còn mang nặng nghiệp bút nghiên, chục người thi chỉ có từ một đến ba người số báo danh được đọc lên. Còn thì tiêu tùng hết. Thi cử như không còn là cuộc kiểm tra học lực mà chính là cuộc loại trừ khủng khiếp dã man. Đó là một trò đánh đố mà thí sinh có nhiều rủi ro sẽ nắm phần thua. Mỗi lần học thi là một lần phai tàn nhan sắc. Học ngày học đêm, học đứng học ngồi. Tương lai như một thách đố vượt ngoài sức của con người.

Giờ này có thể trời đang nắng
Em rời thư viện đi rong chơi
Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh
Viền dòng trời ngọc thạch len trôi.
Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối,
Căn phòng cao ốc vàng vọ ánh đèn,
Quyển sách mở sâu đêm.
Nghĩ tới người mẹ đăm chiêu, đứa em quái quỉ.

Nghĩ tới đủ thứ chuyện tầm thường
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh
Một cách tự nhiên và khốn khổ.
(Tô Thùy Yên)

Chiến tranh lởn vởn chung quanh những lần thi. Chiến trường ở nơi xa nhưng chiến trường cũng nằm trong từng trang sách. Muốn có tương lai phải lăn xả ra mà dành, mà giật. Có nhiều cách dành giật. Có những khi bí quá cũng phải giở mánh. Mánh của chúng tôi ngày đó cũng rất hiền. Chỉ là những công thức hay phương trình khó nhớ được viết trong lòng bàn tay, trên những rẻo giấy dán sát vào trong giây đồng hồ, hoặc, với các nữ sĩ tử, là những mảnh giấy dán trên đùi, khi cần coi chỉ việc miết lên vải trắng mỏng của chiếc quần cho sát với thịt là coi được.

Từ khi số thí sinh quá đông, Tú Tài IBM được trình làng, việc thi cử nghe chừng nhẹ đi rất nhiều. Thí sinh chỉ việc gạch đánh dấu vào một trong những câu trả lời có sẵn là xong. Số người đậu cũng tăng lên tới tám chín chục phần trăm. Phần may rủi không còn lớn. Thi cử trở về đúng chức năng của chúng là kiểm tra học lực.

Ngày nay ở trong nước, thi cử nhắm vào thi tuyển. Những cuộc thi diễn ra rầm rộ sau mỗi năm học. Thi nhập Đại Học là một cuộc tranh tuyển hung hãn. Thí sinh thì nhiều, chỗ ngồi thì ít, chen nhau mà thi. Khó khăn nào cũng vượt qua nếu chơi... gian. Không còn cái thứ gian cò con như bốn chục năm trước đây lúc chúng tôi còn đi thi trong cái thúc hối của cửa quân trường. Gian bây giờ... văn minh hết biết. Trước hết là tài liệu quay cóp mang vào phòng thi, tiếng thời đại gọi là "phao." Ngày nay phao được kỹ nghệ hóa, sản xuất hàng loạt, cứ việc mua mang vào phòng thi, may nhờ rủi chịu. Nhưng từ kỳ thi năm ngoái, phao đã trở thành đồ cổ. Dân thi ngày nay xài điện thoại di động và có tổ chức đàng hoàng. Cơ quan an ninh văn hóa PA 25 Hà Nội vừa phát giác một đường dây thi thuê liên tỉnh do Nguyễn Hồng Hải, 39 tuổi cầm đầu. Mỗi thí sinh được đường dây này bảo kê đã phải chi ra từ 15 đến 50 triệu đồng. Thiết bị cho mỗi thí sinh gồm tai nghe, micro, tóc giả để che thiết bị tai nghe nếu là nam thí sinh, còn nữ thí sinh thì nhét trong áo ngực! Khi đề thi vừa được phát ra, một thí sinh được chỉ định trước sẽ đọc đề thi cho bên ngoài nghe. Nghe tới đâu có chuyên viên giải đề làm việc ngay. Một nhóm phụ trách đọc bài giải vào cho các thí sinh trong đường dây chép vào giấy làm bài. Đi thi chỉ cần có lỗ tai thính là đậu cái rụp. Ngon như óc chó! Đường dây hoạt động tại Hà Nội và một số tỉnh khác.

Đó là trò, còn thầy cũng... phao như ai. Trên mục "Ý kiến độc giả" trên báo Lao Động ngày 4/7/2006, ông Nguyễn An đã tiết lộ việc các giảng viên Đại Học gian lận trong khi thi nghiệp vụ. Ông Nguyễn An đã bức xúc như thế này: *"Cách đây hơn năm năm, tôi có thi tuyển công chức ngạch Giảng Viên Đại Học do Bộ tổ chức và được nhìn tận mắt chuyện các Giảng viên Đại Học tương lai quay bài như thế nào... Cả phòng thi có 20 người thì chỉ có duy nhất tôi và một người sau này là đồng nghiệp của tôi không quay bài và viết theo sự hiểu biết của mình. Còn tất cả những người còn lại đều giở vở ra chép... Về sau tôi còn biết Hiệu Trưởng và các cán bộ lãnh đạo trường tôi khi phải thi các môn như 'Quản Lý Hành Chánh' hay luật gì đó do Bộ Giáo Dục Đào Tạo tổ chức dậy cũng đều quay cóp cả vì không ai có thời gian học. Tuy nhiên, khác với học sinh, sinh viên, các vị lãnh đạo không dùng phao mà để hẳn sách vở lên bàn để chép cho dễ!"* Thày có khác, phải chơi trội hơn trò chứ!

Con em chúng ta tại hải ngoại, trong suốt quá trình học, thi cử cũng chỉ là những bài kiểm tra thông thường trong lớp. Chỉ khi lên Đại Học mới phải thi tuyển nếu muốn học tại một số trường có chế độ tuyển chọn. Còn nếu học tại những trường không cần thi tuyển thì cứ thơ thới vào học. Gọi là thi tuyển nhưng thực chất đây là một cuộc "phỏng vấn" như mỗi lần chúng ta muốn xin việc làm. Tùy theo trường mà cuộc phỏng vấn có nhiều mức độ khác nhau. Tựu chung đều nhắm vào việc cá nhân dự thi có thích hợp với ngành học không. Việc tuyển lựa dựa vào nhiều tiêu chuẩn chứ không chỉ là kết quả cuộc phỏng vấn. Hình thức như vậy cũng rất nhẹ nhàng và hữu hiệu.

Học hành thi cử như vậy khác xa với những ngày vác bút đi thi của thế hệ tôi. Học như vậy chán chết! Ít nhất là không được hưởng cái thú đau thương của thi rớt. Và thiếu chất liệu để bốn chục năm sau còn nằm mơ như tôi. Âu chẳng là một điều thiệt thòi lắm ru!

07/2006

Website: www.songthao.com

ĐẠO THIÊN CHÚA VÀ CUỘC XÂM LĂNG CỦA PHÁP

TRẦN GIA PHỤNG

Đạo Thiên Chúa được truyền vào Đại Việt từ thế kỷ 16, ở Đàng Ngoài cũng như ở Đàng Trong. Lúc đầu, các giáo sĩ Tây phương đến truyền giáo thuộc nhiều dòng tu khác nhau và có nhiều quốc tịch khác nhau. Vào giữa thế kỷ 17, giáo sĩ Alexandre de Rhodes (1593-1660), thuộc Dòng Tên (Society of Jesus) và người gốc Pháp, đề nghị với Tòa thánh Vatican xin thành lập hàng giáo sĩ Đại Việt. Muốn đào tạo tại chỗ các linh mục, thì phải đưa giám mục sang Đại Việt, vì theo giáo luật của Tòa thánh, các giám mục mới có quyền phong chức linh mục. Ngày 9-9-1659, giáo hoàng Alexander VII (giáo nhiệm 1655-1667) ký sắc thư bổ nhiệm hai giám mục Pháp thuộc Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris (Société des Missions Étrangères de Paris gọi tắt là MEP) sang cai quản giáo phận Đại Việt. Do đó, cũng từ đây, đa số những giáo sĩ đến truyền đạo tại Đại Việt thuộc Hội MEP, và mang quốc tịch Pháp.

Vì đa số các giáo sĩ và giám mục thuộc quyền của Hội MEP và giáo hội Thiên Chúa Pháp, nên ở đây cần thêm một vài chi tiết về giáo hội Thiên Chúa tại Pháp. *"Kể từ khi Clovis (466-511), vua đầu tiên của nước Pháp chịu phép rửa tội tại Reims từ tay giám mục Rémi vào khoảng năm 500, hai thế lực thần quyền [giáo hội Thiên Chúa] và thế quyền [Pháp] hầu như luôn luôn kết dính với nhau trong việc điều hành và quản trị xã hội và các hoạt động của Giáo hội."*(1) Vì vậy, khi hai giám mục Pháp đầu tiên là Francois Pallu và Pierre de la Motte Lambert được gởi đến cai quản giáo phận Việt Nam năm 1659, một linh mục thuộc Hội MEP đã đưa ra nhận xét rằng hai ông *"sẽ làm việc vì nước Pháp đồng thời vì giáo hội."*(2)

Trong thời gian đầu, giáo hội Thiên Chúa giáo ở Đại Việt phát triển khá mạnh. Lý do chính vì người Việt lúc đó không độc tôn nhất thần, và tôn trọng đa thần, dễ dàng hòa đồng tôn giáo. Dầu đạo Thiên Chúa bị các chính quyền đàn áp, nhưng lại được sự che chở của dân chúng, nên vẫn tồn tại và phát triển. Trong khi đó, tại những nước mà dân chúng độc tôn nhất thần như Nhật Bản hay các nước Hồi giáo, đạo Thiên Chúa bị chận đứng mạnh mẽ.

Do đó, tại Đại Việt, dầu gặp nhiều trở ngại, dầu bị các chính quyền đàn áp, vào giữa thế kỷ 18, theo sự ghi nhận của sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì việc truyền đạo Thiên Chúa *"cũng không thể nào ngăn cấm được."*(3)

Khi các giáo sĩ Thiên Chúa giáo đặt định được những cơ sở truyền giáo đầu tiên ở nước Việt, thì xảy ra cuộc xâm lăng của Pháp. Vào giữa thế kỷ 19, trên con đường tìm kiếm thị trường và thuộc địa ở Á Châu để giao thương, tiêu thụ hàng hóa và khai thác tài nguyên, nhắm cung ứng cho kỹ nghệ sau cuộc Cách mạng kỹ nghệ, Pháp cũng như các nước Âu Châu khác, đều nghĩ đến Trung Hoa và Nhật Bản. Vì vậy Pháp muốn tìm kiếm một hải cảng trung chuyển, để thuyền bè thả neo nghỉ ngơi hoặc sửa chữa ở biển Đông trên con đường hàng hải đông tây. Lúc đầu, hải quân Pháp dự tính thuê đảo Basilan, thuộc quần đảo Soulou, giữa Mindanao và Borneo, nhưng cuối cùng không thành, nên Pháp nghĩ đến Đà Nẵng,(4) mà lúc đó Pháp gọi là Touron hay Tourane.

Trong khi đó, chính quyền Việt Nam lại nhất định bế môn tỏa cảng, không chịu giao thương với Pháp, cấm đoán việc truyền bá Thiên Chúa giáo, bắt bớ, tù đày, tàn sát các giáo sĩ truyền giáo, tạo ra những vụ án tử đạo. Những vụ án tử đạo gây xôn xao dư luận Pháp, một dân tộc rất sùng thượng Thiên Chúa giáo. Chính phủ Pháp liền lợi dụng chiêu bài nầy, khích động dân chúng Pháp, để họ ủng hộ chính phủ trong công cuộc xâm lăng Việt Nam.

Lúc đó, sau cuộc Cách mạng 1789, giáo hội Thiên Chúa giáo Pháp có một ít thay đổi. Theo **Thỏa ước (Concordat) Paris ngày 15-7-1801** giữa Tòa thánh Vatican và chính quyền Pháp do

Đệ nhất tổng tài Napoléon Bonaparte đứng đầu, từ đây chính phủ Pháp bổ nhiệm và trợ cấp cho các giám mục Pháp, đồng thời các giáo sĩ Pháp phải tuyên thệ vâng lệnh và trung thành với nhà nước Pháp.(5) Thỏa ước Paris về sau được thay thế bằng luật ngày 9-12-1905 do tổng thống Emile Loubet (nhiệm kỳ 1899-1906) ban hành, nhắm tách rời giáo hội Pháp với nhà nước Pháp, dưới thời giáo hoàng Pius X (giáo nhiệm 1903-1914).(5)

Thời gian từ 1801 đến năm 1905 là thời gian Pháp đem quân xâm chiếm Việt Nam và thành lập Liên Bang Đông Dương. Như thế trong thời gian nầy, các giám mục và giáo sĩ Pháp được gởi ra nước ngoài hoạt động, trong đó có Việt Nam, cũng đều nằm trong quy chế của thỏa ước Paris 1801, nghĩa là **các giám mục Pháp hoạt động ở Việt Nam đều là nhân viên hữu thệ (có lời thề) của chính phủ Pháp, làm việc cho chính phủ Pháp.** Xin chú ý là chỉ có các giám mục Pháp mới nằm trong trường hợp nầy.

Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam giai đoạn thời Pháp thuộc, do hàng giám mục Pháp điều khiển, lúc đó có thể xem là một chi nhánh của giáo hội Pháp. Cần phải chú ý điểm nầy để phân biệt Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam thời Pháp thuộc, với Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam thời độc lập, hay ít ra thời các giám mục Việt bắt đầu thực sự nắm quyền điều khiển giáo hội Việt Nam, để giúp làm rõ ràng vai trò của các giáo sĩ đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc.

Lúc Pháp đem quân xâm lăng Việt Nam, không kể các giám mục và giáo sĩ nước ngoài, phải thẳng thắn thừa nhận rằng có một số giáo sĩ và giáo dân bị nhà Nguyễn và nhóm Văn thân đàn áp, tàn sát, nên bị dồn vào thế bí, vì bản năng sinh tồn, chẳng đặng đừng phải nhờ đến sự bảo vệ của người Pháp, từ đó cộng tác với Pháp.

Tuy nhiên, cần phải chú ý là không phải toàn thể giáo sĩ, hay toàn thể tín đồ Thiên Chúa giáo người Việt, đều hợp tác với Pháp. Cũng cần phải chú ý thêm rằng trong hàng ngũ những người hợp tác với Pháp, không phải hoàn toàn chỉ là những người theo đạo Thiên Chúa. (Ví dụ những người hợp tác với Pháp nổi tiếng trong lịch sử như Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc không theo đạo Thiên Chúa.) Đồng thời trong hàng ngũ những người chống Pháp cũng có những tín đồ Thiên Chúa giáo Việt Nam. (Ví dụ tu sĩ Mai Lão Bạng,(6) một chiến hữu cùng bị tù với Phan Bội Châu năm 1914 tại Quảng Đông.)

Trong danh sách 117 giáo sĩ và giáo dân tử đạo tại Việt Nam được giáo hoàng John Paul II (giáo nhiệm 1978-2005) phong thánh tại Roma (La Mã) ngày 19-6-1988, không có tên những người nổi tiếng do hoạt động chính trị và cộng tác với Pháp. Những người được phong thánh hầu như là những người vô danh trong lịch sử, đã bị giết vì quyết bảo vệ tôn giáo của mình.

Một số tín đồ đạo Thiên Chúa như Nguyễn Trường Tộ, Đinh Văn Điền, vì lòng yêu nước, đã dâng lên vua Tự Đức và triều đình những bản điều trần và kế hoạch để phát triển đất nước, nhưng đều bị bỏ qua vì bị gièm pha và bị nghi ngờ.

Cần phải chú ý tới tất cả các khía cạnh trên, để nhấn mạnh đến một điều là **những người hợp tác với Pháp, hay những người phản bội quốc gia dân tộc, hoàn toàn là những hành vi cá nhân của người đó, chứ không phải vì người đó theo một tôn giáo nào**. Người Việt Nam cần tách bạch điều nầy để tránh bị lợi dụng, khích động, rồi đi đến chỗ chia rẽ, phân hóa, chỉ có lợi cho những thế lực phi quốc gia dân tộc.

(Toronto, Canada)

CHÚ THÍCH

1. Vương Đình Chữ, "Kỷ niệm 100 năm Luật 1905 tách rời Giáo hội và nhà nước," Tam nguyệt san Định Hướng, *số 46, Pháp và Hoa Kỳ: Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Trường Tộ, mùa xuân 2006, tt. 38-39.*

2. Adrien Launay, Histoire générale de la Société des Missions Étrangères, *tập 1, Paris: Missions Étrangères de Paris, 2003, tr. 30.*

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, *Hà Nội: bản dịch của Nxb. Giáo Dục, 1998, tập 2, tr. 627.*

4. Yoshiharu Tsuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, *Nguyễn Đình Đầu dịch, TpHCM: Ban Khoa học Xã hội Thành uỷ, 1990, tt. 96-97.*

5. Catholic University of America, New Catholic Encyclopedia, Vol. 11, Palatine, Illimois:J. Heraty, 1981, pp. 410-411; và http://www.newadvent.org/cathen/04204a.htm, bài "The French Concordat 1801."

6. Mai Lão Bạng: quê Nghệ An, tu sĩ Thiên Chúa giáo, gặp Phan Bội Châu tại Hương Cảng 1908. Từ đó, ông sát cánh hoạt động với Phan Bội Châu, đưa nhiều thanh niên Thiên Chúa giáo gia nhập Duy Tân hội. Năm 1914, Mai Lão Bạng cùng Phan Bội Châu bị bắt ở Quảng Đông. Sau khi ra khỏi tù năm 1917, Mai Lão Bạng đến Thượng Hải hoạt động, bị nhà cầm quyền Anh bắt giao cho Pháp. Pháp đày Mai Lão Bạng ra Côn Lôn khoảng 10 năm. Từ Côn Lôn trở về, Mai Lão Bạng sống ở Huế một thời gian, gặp lại Phan Bội Châu, lúc đó bị an trí ở Huế. Sau Mai Lão Bạng về Nghệ An và từ trần ở quê nhà năm 1942. Ngoài ra, xin xem thêm Phan Bội Châu, Tự phán *hay* Niên biểu, *đăng trong* Phan Bội Châu toàn tập, *tập 6, Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, Huế: Nxb. Thuận Hóa, 1990, tt. 175-176.*

Nguyễn Ngọc Tư và "Cánh đồng bất tận"

THẾ-UYÊN

Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn trẻ thuộc thế hệ hậu chiến (sinh năm 1976) tại tỉnh miền cuối nước Việt là Cà Mau, lớn lên ở đây, đi làm và viết văn cũng ở đây. Cô có sách được xuất bản rất sớm vì có tài viết truyện loại đồng quê cho nhi đồng và thiếu niên, và thường được coi như một thứ Hồ Biểu Chánh mới. Cô có tài viết văn, ly kỳ và hấp dẫn, và mặc dù dùng nhiều tiếng "đặc sản của Nam kỳ khởi nghĩa," vẫn được cả độc giả lẫn Đảng Cộng sản thích nên đã được trao một số giải thưởng văn chương loại tuổi xanh tuổi hồng tuổi mực tím. Mọi sự đang tốt đẹp bỗng nhiên sóng gió nổi lên, ầm ĩ cả nước và hải ngoại cũng nghe thấy, chỉ vì tập truyện ngắn sau cùng, nhan đề *"Cánh đồng bất tận"* của cô do nhà Tuổi Trẻ xuất bản năm 2005 tại Sài Gòn. Độc giả thì tìm đọc và thích thú, chính quyền ngược lại nhăn nhó, thậm chí có nguồn tin cho hay có cấp lãnh đạo tỉnh Cà Mau đòi trục xuất cô ra khỏi tỉnh (ngày xưa thời bao cấp biện pháp này có thể làm nhà văn khốn khổ vì đói, mất hộ khẩu, mất hoàn toàn quyền công dân...)

Nguyễn Ngọc Tư viết gì trong "Cánh đồng bất tận" để sóng gió nổi lên dữ dội vậy? Để cho dễ hiểu, người viết bài xin kể một sự việc mới xẩy ra cho cô ca sĩ của lớp trẻ Mỹ là Britney Spear. Cô ca sĩ này thuộc độ tuổi dưới 20 ăn mặc hớ hênh hở bụng hở rốn vừa nhẩy vừa hát rất là vui vẻ, kiếm tiền như gió. Cho đến khi chiếc đồng hồ sinh học quay đến chỗ cô chợt nhận thấy mình là một đàn bà rồi, cô thôi không nhẩy như con choi choi nữa, mà như một người nữ đang thời xuân sắc. Khi cô đến trình diễn ở vùng Seattle, điệu nhảy của cô đã có những cử động mà mấy bà già trầu Mỹ viết báo chê là dâm tình. Nhưng các bà già trầu Mỹ biết thông cảm: Dĩ nhiên cô phải lớn lên thôi, nhưng giá cô báo trước kịp thời để chúng tôi để con nít ở nhà thì tốt hơn!... Trường hợp Nguyễn Ngọc Tư cũng có điểm tương tự như vậy: Cầm tập truyện ngắn mới xuất bản của cô lên đọc, suốt 13 truyện đầu, cô vẫn dùng bút pháp cũ vừa bổ vừa lành, già trẻ lớn bé kể cả các đảng viên CS lẫn đoàn viên Thanh niên Cộng sản HCM , đều thoải mái đọc được. Nói theo ngôn ngữ xếp loại phim ảnh và TV Mỹ, thì thuộc loại mang chữ G (general audiences).

Đùng một cái đến truyện cuối cùng, *Cánh đồng bất tận,* cô chuyển bút pháp từ loại G sang loại R *restricted, giới hạn người được coi,* hay M: *mature, giành cho người trưởng thành.* Nghĩa là nội dung truyện vừa có V(*violence,* bạo lực), vừa có N (*nudity,* khoả thân), có S (*sex),* có R (*rape;* hiếp dâm)... đủ mục mà các nhà thanh giáo và đảng viên Cộng sản rất ghét. Trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, Đảng đã khai trừ hầu như toàn bộ văn chương đương đại Tây phương và văn học miền nam VN và hải ngoại, cũng chỉ vì chúng chứa chấp những yếu tố liệt kê trên. Nay "chúng" len lén chui vào ngay sân sau (Cà Mau), chịu gì nổi, phải trục xuất chúng ngay!

Vấn đề bạo lực

"Cánh đồng bất tận" xoay quanh ba bố con chăn vịt, một con gái một con trai, chăn đàn vịt lưu động nhiều trăm con, một hình ảnh quen thuộc trên các đồng ruộng sông nước châu thổ Cửu Long. Ông bố và một đứa con đang lo cho đàn vịt tại một nơi nhiều nước và bùn, bỗng dưng được chứng kiến một màn bạo lực bạo hành một cô gái điếm, dữ dội đến độ chúa Jesus nếu có mặt cũng phải can thiệp, nữa là ba bố con ông chăn vịt:

"Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, quật chị trên cái nền vương vãi trấu... Nhưng đám đông rạo rực chung quanh... họ dùng chân đá vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới

nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc đứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.

Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi (cô chị) mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thục mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhẩy nhót điên cuồng... Khói trộ về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất... Tôi vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rớm máu. Chị cười mếu máo, nói cám ơn bằng mắt và thiếp đi."

Người đàn bà bị đám đông đánh tàn nhẫn đến chết này là ai vậy, ai mà bị *lynching* ban ngày công khai mà không một chức quyền nào hiện diện, không sheriff không Công an, can thiệp vậy? Đó chỉ là một cô gái điếm lưu động vùng quê sông nước đồng lầy: "*Cứ mỗi mùa gặt, họ lại dập dìu trên đê, lượn lờ quanh lều những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phải ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chít, tiếng thở mơn man... lên trời, làm cho nhiều người đàn bà đang cắm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thắt lòng lại... Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ, giả đò buôn bán bánh kẹo lặt vặt, thực chất là làm nghề (điếm).*"

S (sex) ở nông thôn

Từ khi xuất hiện loại truyện đồng quê, thấy truyện tình thì nhiều, truyện tình dục thì ít, còn truyện về sex hầu như không có. Người viết cho rằng tả như thế là thiếu xót, nhất là vì miền châu thổ Đồng Nai Cửu Long, vùng đất mới của VN, mới khai hoang hay mới lấn chiếm được, là những nơi mà đàn bà phải lao động nặng và chiến đấu cạnh người nam, do đó bình đẳng hơn, thoải mái về sex hơn những miền đất cũ phương bắc. Ngay trong văn chương của cụ đồ tân học Hồ Biểu Chánh sex cũng đã hiện diện đàng hoàng, tuy sự mô tả chưa kỹ, chưa rõ như văn chương đời sau.

Trong thời kỳ quân đội Mỹ tham chiến ở miền Nam, có lúc Công binh của họ nhận sửa lại cho to rộng hơn quốc lộ 22 dẫn lên Đà lạt. Gái điếm Việt bám sát họ về nông thôn lên đồi lên núi, mỗi cô thủ một áo mưa dù trời nắng chói chang, đứng ngay gần những lính da đen da trắng đương làm việc. Các sĩ quan có xua đuổi, họ chỉ lùi ra một chút, chỉ đợi một cậu lính nào nổi hứng lén sĩ quan lính ra sau bờ bụi, là các cô theo liền, mang theo một chai nước. Có 5 đô thôi một blowjob, rẻ rề, mại dô. Dĩ nhiên vợ chồng người Việt ngồi trên xe chứng kiến và nghe ông tài xế kể về các cô gái điếm này, thấy thật tội nghiệp, nhưng đầy thông cảm. Quì xuống bú một ông Mỹ đen mà có tiền về mua sữa cho con, mua ít gạo cho cả nhà ăn, ai đây là người có quyền phán xử mấy cô?

Nhưng đó là thời chiến tranh, còn bây giờ đất nước đã hoà bình và thống nhất được 30 năm hơn rồi... mà các cô gái điếm lưu động vẫn hiện diện nơi miền "cánh đồng bất tận" hay núi đèo, kể cả đèo Hải Vân (cuối thập niên chót thế kỷ 20, khi vượt đèo này, còn thấy các cô gái điếm leo trèo như khỉ ở một điểm có nước, hỏi mới biết bị Công an bố ráp quá, mấy cô trôi dạt ra kiếm khách nơi đây).

Trước khi làm nghề chăn vịt lưu động cùng bố, hai chị em ở với mẹ trong một căn nhà nghèo nàn ven một con sông vùng này. Mẹ chúng đẹp nên mặc dầu hai con, vẫn làm đông một khúc sông những người ngưỡng mộ. Thành công trong việc tán người đàn bà hai con này là ông bán vải có đầy một ghe vải nhiều mầu và một cái lưng có rất nhiều nốt ruồi. Một buổi trưa hai đứa trẻ ngủ quên trong kẹt bồ lúa, được chứng kiến cảnh : "*Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má nó oằn uốn người dưới tấm lưng chơm chởm những nốt ruồi. Họ cấu víu. Vật vã. Rên xiết.*" Khi biết các con đã chứng kiến màn làm tình, người mẹ bỏ đi biệt tích. Ba bố con từ đó sống trên một chiếc thuyền nhỏ có gắn đuôi tôm, nay đây mai đó tuỳ theo đàn vịt.

Cay đắng vì bị vợ bỏ, ông bố có thân hình như anh Vọi trong T*rống Mái* của Khái Hưng, đi từ đàn bà này sang đàn bà khác nhưng chẳng yêu ai. Một thứ Casanova nông thôn. Ngay cả cô gái điếm con gái ông đã cứu, cũng mê ông

mà ông chỉ xài vài lần rồi bỏ rơi tại một bến sông. Đứa con trai bỏ đi theo "nàng" vì nàng đã thủ dâm cho "chàng" sướng đầu đời. Còn lại hai bố con tiếp tục kiếp du mục với đứa con gái đã dậy thì, xinh đẹp như mẹ nó. Trong một bầu khí , môi trường của bạo lực, mê tín và nghèo đói thường xuyên tại nông thôn của một đất nước chậm tiến, như biểu lộ trong lời kể của một phụ nữ sau:

"*Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xởn tóc, lôi xềng ra bêu riếu giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn dùng dao cạo rạch mặt cô ta rồi sát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm truyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói là làm như vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, "Ủa, nó cướp chồng tui thì phải đánh cho tởn chớ", với bộ mặt tự hào ngút ngất, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người lính đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm 72 tui bắn thằng lính cộng hoà ở chỗ này, óc nó nát như chao, con mắt văng ra xa cả thước. Ông bạn cũng chẳng ớn, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chứ đâu).*"

Đánh ghen kiểu đó thì dĩ nhiên ông chồng bỏ con bồ và cũng sợ bỏ con vợ luôn, chạy theo cô khác: "*Ba mùa lúa rồi chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình.*" Bởi thế buổi chiều tới "*cha ra đó tắm. Nước chảy re rắt trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua các thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chợt giật thót người, cài vội cái nút áo bung ra vì không chịu nổi đôi vú căng tức. Dĩ nhiên đến tình trạng đó rồi cái gì phải xẩy ra đã xẩy ra: thêm một người đàn bà trở thành tình nhân của ba tôi, và ba tôi lại mất công bỏ rơi một thời gian sau.*"

Ông bố nhiều người tình như vậy nên truyện loạn luân đã không xẩy ra mặc dù con gái càng lớn càng giống mẹ. Còn hai chị em cũng không loạn luân dù ban đêm thường ôm nhau ngủ và cô chị thường mân mê dái tai đứa em trai đã 16 tuổi. Rồi dịch cúm gia cầm xẩy ra, khi "G*ió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn... Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết lầm còn hơn tha lầm," dồn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn... Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên mấy hố lớn bằng mấy khẩu đìa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giãy giụa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó. Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của ,tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa...*"

Đứa em trai bỏ đi rồi, cô gái xinh đẹp mất đi một vệ sĩ tự nhiên, do đó bọn cướp đồng bắt đầu dình dập hai bố con. Lợi dụng một lúc ông bố đi trước, "*Ba người họ ập tới từ phía sau, quây lấy tôi, quần áo vẫn đẫm bùn, mặt mũi sưng sỉa... ròng rãi trên khoé miệng... Tôi bị ghì ngửa trên mặt ruộng bì bõm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sẫm. Mênh mông... Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông lầm lũi phía xa, tôi mong ông đừng quay lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị đè nghiền, bị vùi nghẽn trong bùn.*"

Nhưng ông bố nghe tiếng vật lộn, quay lại, lao vào đám cướp đồng, nhưng không địch lại số đông. Nhưng ông cũng đấm trúng mặt một tên...Tên này trả đũa bằng cách đè cứng ông xuống bùn, chỉ để nhô ra đôi mắt chứng kiến con gái bị hiếp như thế. Mới đầu cô khá bình thản vì quá biết cái gì phải xẩy ra, nhưng là con gái còn trinh, thì phải đau thôi:

"*Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ùa về kinh hãi, vẻ mặt má tôi cái hôm bị người bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau ràn rụa, nhói tận chân tóc. Trời ơi, tại sao không nhận ra điều đó, ngay lúc ấy... Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ...Người cha cởi áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Dường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rưng rưng chớp mở không thôi.*"*(trg 212 sdd).*

Đến đây "Cánh đồng bất tận" có vẻ như một thảm kịch hẳn hoi. Nhưng nếu nghĩ như vậy thì bi quan quá. Cô gái Ý mười lăm tuổi bị một toán lính Maroc đè ra hiếp trong một nhà thờ bỏ hoang, bà mẹ sợ con bị sốc nặng, kêu khóc ầm ĩ um xùm trong phim "*The two women*", do Sophia Loren đóng vai người mẹ, quay theo một truyện cuả Alberto Moravia. Đến chiều thì bà mẹ bớt lo lắng khi rình thấy con gái ngồi xoạc hai chân

trên giòng suối, thản nhiên té nước lên rửa chỗ đó của mình. Hậu quả của vụ hiếp dâm tập thể chỉ làm cô gái về sau thích ngủ với nhiều đàn ông một lúc. Bà cô Tâm của nhân vật nữ trong "Thiên đường mù" của Dương Thu Hương, chính cái bà khi cô cháu đi du học Liên Xô về đến thăm, đã giơ tay xoa hai vú cháu rồi kêu lên: Đi du học mà mất cả vú về như thế này, làm sao lấy chồng! Bà cô già không chồng nuôi cháu thay con này đã có lúc tâm sự: Nếu đêm bị đè ra hiếp giữa đồng, cô đừng kháng cự thì bây giờ đã có con để nuôi không... Vậy cô gái chăn vịt sau khi bị hiếp, câu đầu tiên thốt ra là hỏi bố: "*Không biết con bị có con không, hả cha?*", cũng không có gì để ngạc nhiên nhiều.

Đoạn chót của truyện mang vẻ "lạc quan cách mạng," như một một thoáng nắng chiếu xuống đầm lầy, như sau: "*Đứa con gái thoáng nghĩ, rớt nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng no´chấp nhận việc ấy , dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen)... Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn.*"

"*Là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn,*" một tư tưởng nhân từ và nhân bản của Nguyễn Ngọc Tư cũng như nhiều nhà văn khác, nhưng đối với các cán bộ của đảng Cộng sản, nghĩ như vậy là sai bài bổn của vô sản chuyên chính, là "nhân đạo chung chung," không thể chấp nhận được. Theo đúng bài bản của Đảng, nông thôn bây giờ phải hoàn toàn thanh bình, ai ai đều được ăn ngon mặc đẹp, tất cả trẻ con đều được cắp sách đến trường... Chỉ có nông thôn của chế độ "nguỵ", của các nước tư bản Tây phương, nghĩa là tất cả các nước trên thế giới ngoại trừ ba nước Bắc Hàn, Lào và Cuba, mới tệ hại như Nguyễn Ngọc Tư đã mô tả. Duy trì một lập trường như thế nên Đảng Ủy tỉnh Cà Mâu mới phản ứng mạnh với "Cánh đồng bất tận".

Người viết bài này đang định cư ở Mỹ, ngoài tầm tác động của Đảng CS và guồng máy Công An ghê gớm của họ, viết gì cũng dễ dàng, nhưng với tư cách người ngoài cuộc, đứng bên lề. Vậy xin nhường lời cho một phụ nữ cư ngụ tại Cần Thơ, không xa Cà Mâu, lên tiếng bênh vực Nguyễn Ngọc Tư, hùng hồn hơn, đạt hơn, tới hơn:

"*Muốn gọi đó là 'Vũng lầy bất tận' cũng được thôi, không hề gì, nhưng điều quan trọng là phải nhận ra đó là sự thực chứ không hoàn toàn hư cấu như truyện Liêu Trai. Hiện thực Việt nam còn mãnh liệt , đầy đau đớn bi thảm hơn cả truyện Liêu Trai.*

"(Cán bộ) Lực đã thấm đẫm các huyền thoại, tượng đài, ông muốn các nhà văn cúi mặt xuống thì kính ngưỡng quá khứ, chối dậy thì hoan hô nhà nước hiện hành! Đó là việc của ông làm tuyên truyền lãnh lương. Ông cứ làm phần việc của ông. Còn nhà văn có thiên chức khác...

Ông Lực nhìn đời bằng lý trí, Ngọc Tư nhìn đời bằng cảm thức tâm hồn. Khung trời của ông Lực là khung trời ảo trong thau nước lạnh. Không một người dân nào chạm được tới bàu trời trong trong lặng lẽ êm đềm đó và chính ông cũng không. Ông hài lòng sống trong ưu ái của Đảng để làm công việc biện hộ, che chắn. Khung trời Ngọc Tư là khung trời có thật, có mưa tuôn nắng cháy, vùng trời hoang vắng nơi con người bị nuốt chửng và du dần vào hoang dại bởi thiếu hoàn toàn sự chăm lo của xã hội và quá nặng nợ áo cơm...

Nguyễn Ngọc Tư đã làm đúng thiên chức nhà văn. Các nhà xã hội các nhà quản lý nhà nước cần làm công việc tiếp theo cho các mảnh đời tương tự đi chứ! Đừng nói nữa, đừng chống đối nhà văn nữa, mà làm đi... để xứng đáng tiếp nối các huyền thoại cánh đồng cách mạng của các ông đi."

(Trần thị Hồng Sương, "Lấy tên Vũng lầy bất tận...đều được", báo điện tử "VN đi tới")

Chú giải của người viết Thế Uyên:

1. Chế độ nhất tịch : không công nhận một quốc tịch thứ hai nào cả của Việt kiều. Sinh ra làm người Việt đã mang quốc tịch Việt, thì mang quốc tịch Việt đến tận đời con đời cháu chắt. Bộ luật quốc tịch hiện hành đã qui định như vậy. Mọi passeport do nước ngoài cấp phát chỉ được coi như một ID, một thông hành, laissez-passez.

2. Việt kiều hay Người Việt định cư các nước ngoài (tên gọi mới), hay Người Việt xa quê hương, đọc bài văn trên, muốn đi thăm "Cánh đồng bất tận", chỉ việc rời khách sạn máy lạnh trong các thành phố đầy cao ốc mới xây, đi khỏi khoảng 1 km thôi, là thấy vũng lầy bất tận của Việt Nam. Đảng cầm quyền mới chỉ giải quyết được một cách tương đối nạn đói trong các thành phố thôi. Ai đi du lịch xanh rồi mà vẫn không thấy "cánh đồng bất tận" đâu, người viết xin đề nghị chuyến về kế tiếp hãy đi cùng ông Phó Te´cựu nhạc sĩ tình ca nổi danh trước 75 là Vũ Thành An. Ông đang quyên góp mỗi người chỉ $2.00 US để mua gạo cứu đói cho các cụ già neo đơn cùng cực ở "Cánh đồng bất tận".

3. Lynching: tụ họp đám đông treo cổ người da đen nào tình nghi là có tội, không cần toà án xét xử. Thường kèm thêm những màn đấm đá´và đôi khi cắt chim nếu phạm tội về sex, xẩy ra tại đồng quê miền Nam nước Mỹ trước đây. Gọi theo tên một ông điền chủ tên Lynch nào đó.

Người Con Gái Của Quốc-Mẫu

NGUYỄN VĂN THÀ

Văn đã hứa với Nga một hôn lễ, Nga bảo, không cần lắm, Văn hứa với Nga một đám cưới, Nga bảo, cũng không cần lắm, chỉ cần hai đứa được sống chung với nhau. Sao lại không, khi hai người yêu nhau đến mức ấy?

Văn ra tù. Về tới nhà, mấy đứa cháu reo lên: Cậu về, cậu về bà ngoại ơi! Những đôi mắt hàng xóm từ trong nhà họ nhìn ra ái ngại, và anh cũng không thấy mẹ ra đón đầu ngõ, líu ríu cầm tay dẫn anh vào mái ấm nhà xưa như trong những tháng ngày tù tội anh vẫn hình dung. Anh hơi ngạc nhiên vì hồi ở tù, ngoài gia đình thăm nuôi đã đành, Văn còn nhận được những lời hỏi thăm của bà con chòm xóm và những món quà nho nhỏ kèm theo: bình dầu tràm, hủ ruốc sả, túi khoai deo..., có anh hàng xóm còn gởi tặng cuốn từ điển Nga - Việt, tuy nhiên từ hồi mấy người cùng làng được thả, cô em gái, như những lần trước vẫn thay gia đình lên thăm, nhưng qua vẻ mặt buồn buồn của nó, anh biết có cái gì đó không ổn, nhưng Văn không dám hỏi, và cũng không muốn hỏi.

Văn vừa vào nhà đã thấy mẹ mình ngồi trên sập gụ, nghiêm trang khác thường, và bà đanh mặt lại: "Mi không được lấy cái con đầu trộm đuôi cướp đó. Mi mà lấy, tau cắn lưỡi tau chết!"

"Cái con đầu trộm đuôi cướp" đó còn có cái hỗn danh là Nga-đòn-gánh, vì theo như lời chào xáo trong trại tạm giam thì cô nàng đã dùng đòn gánh đánh người để cướp xe đạp, nhưng ai cũng phải công nhận cô nàng là một người con gái có nhan sắc, vì ngoài bàn tay ngà muốt mềm như bàn tay của những người nữ trong tranh Đinh Cường, Chagall, nàng còn có một khuôn mặt đẹp mà nhu mì người nhìn vào lòng liền hiền lại, điểm nút ruồi duyên nâu nâu góc trái cằm. Da nàng trắng đến độ lạc lõng giữa những người tù nữ. Thân hình cao ráo, khoẻ mạnh khá Tây Phương. Cô nàng bận những chiếc áo bà ba lụa trắng, hoặc màu mỡ gà ôm nhè nhẹ một vùng ngực nhiều sức sống.

Có ông cán bộ chấp pháp vụ án của can phạm Phạm Phi Nga đó, mặt rỗ, đen sì, người Thanh Hóa, hay rà rà đến "động viên," "giáo dục" can phạm Phạm Phi Nga những khi tổ chăn nuôi chỉ có một mình người tù đầu trộm đuôi cướp đó.

Văn xưa nay vốn nhát gái, (vì thế có cái dáng mà ai cũng tưởng là nghiêm trang, đứng đắn,) vậy mà bỗng một hôm đánh bạo, bất chấp bị cùm, và nhất là bất chấp bị ê mặt, liều vào tổ chăn nuôi (heo) và cấp tốc thòng được mấy câu sao đó mà cô nàng Nga phải buông một lời mà chỉ con gái Việt Nam mới thốt được: "Anh ra đổ gánh phân cho rau đi, kẻo cán bộ bắt được, anh bị nhốt biệt giam, làm Nga khổ đó!"

Văn ra hòa nước vào thùng phân, chăm chỉ tưới kỹ càng từng gốc cải xanh nơi luống rau gần chuồng heo, rề rà thiệt là rề rà, đến nỗi cái anh cán bộ bảo vệ đang gác trên chòi phải quát to lên: "Anh kia, đổ phân, đổ mau mau đi. Làm gì mà lề mề vậy!?" Mấy anh tù khác đang nhổ cỏ, vun vồng khoai đằng đầu vườn, ngoái cổ nhìn về phía chuồng heo cười hề hề, có còn anh ngứa miệng: "Đ.m. Cứt bộ nước hoa hay sao mà ông Văn cứ rề rà!" Văn cười một mình rồi thung thăng gánh đôi thùng phân về nhà giam tập thể, nhưng đi được một quãng, tự dưng anh dừng lại, gãi đầu lẩm bẩm:

" 'Làm khổ Nga đó!' ý là sao chớ!? Có phải là Nga khổ vì sẽ bị cùm biệt giam lây, hay là Nga khổ vì thương mình bị cùm? Nói năng thiệt không có cú pháp gì ráo trọi..."

Đêm hôm ấy, Văn trằn trọc.

Nhưng đáp án có ngay.

Sáng sau, khi gánh phân ra, lén nhìn vào chuồng heo, Văn thấy Nga quay lưng vào thái chuối heo như không. Ê mặt.

Vòng về, lê bước chân gánh đôi thùng phân rỗng vừa nặng vừa thúi, đi qua chuồng heo, thì nghe Nga kêu xì xầm: "Anh Văn." Văn ngước mặt lên, đứng sững lại. Nga nhìn trước nhìn sau, rồi ném ngay một xấp rau gì đó vào trong thùng (phân).

"Trời đất, ai lại ném rau vào..."

Và Nga mỉm cười, nụ cười đầu đời khó phai.

"Anh kia, quan hệ nam nữ bất chính hả! Cùm đầu bây giờ."

Mấy anh tù làm đàng kia lại cười to, cười chế nhạo thấy rõ, vì họ tuy ở tù, nhưng phẩm giá của họ họ tự cho vẫn còn kha khá, và lòng vẫn hãnh diện về những người vợ phẩm tiết đang chờ họ ở nhà, những nàng nữ sinh áo trắng ngây thơ, trinh

trắng của một thời hào hoa, kiêu hùng của họ. "Con nhỏ Nga đòn gánh ngứa nghề hay sao mà! Hê hê hê!", "Cái ông Văn trí thức mà..."

Văn ghé giếng súc thùng ngay, và khi chúi đầu nhìn vào trong thùng thì thấy một xấp lá khoai lang lá lớn lem nhem phân. Lá trên cùng, Văn thoáng thấy có những vệt châm châm như chữ viết, và đúng là chữ viết, mà là chữ Pháp, chữ COMPRENDRE. Văn chúi càng sát thùng (phân), vạch lá thứ hai: C'EST; lá thứ ba: DÉJÀ, lá thư tư: AIMER, và lá cuối: NGA. COMPRENDRE, C'EST DÉJÀ AIMER. NGA (HIỂU LÒNG, ẤY CŨNG ĐÃ LÀ YÊU NHAU. NGA) (1)

Văn run bắn cả người.

Lúc về buồng giam tập thể, bước chân Văn dĩ nhiên là không nặng nề, nhưng cũng không thung thăng, mà trầm trọng, trang nghiêm như đang bước lên lễ đài đăng quang.

Về đến buồng giam tập thể, Văn lén đưa cuốn từ điển Nga -Việt dày cộm vào ngăn cầu tiêu và cẩn trọng nâng niu ép vào đó khế ước hôn nhân đầu đời của hai người. (Văn trước đó lấy kim cứa nhẹ vào lá khoai lang cuối chữ Văn cạnh chữ Nga - trong cầu tiêu.)

Rồi Văn phải chuyển trại, và Nga thời gian sau cũng chuyển đến một trại khác. Thế là họ xa nhau, biệt tin nhau, nhưng khế ước hôn nhân lá khoai tưới bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu vẫn mãi mãi cạnh Văn, như phẩm tính trọng vọng muôn đời của mầu nhiệm lứa đôi.

*

Mẹ của Văn mất, và Văn không có mặt hôm mẹ chết. Mãi mấy năm sau, Văn mới về được. Anh em ở nước ngoài cũng như ở Việt Nam, giờ ai cũng có của ăn của để, trừ Văn. Họ khinh cũng phải, vì cha mẹ và chính họ đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có tiền để cho Văn ăn học, khi qua được bên kia, họ cứ nghĩ Văn sẽ làm lương "lãnh cả bao bố," vậy mà tới giờ chẳng ra ông ra bà nào cả, chẳng giúp gì họ (những người ở Việt Nam) được đồng xu teng (dù có giúp chút ít), lại còn ăn nói ngang ngang. Họ nói trước khi mẹ mất, mẹ trách Văn. Nhưng Văn nói, Văn không tin như vậy. Trước khi chết ai mà còn giận gì được, nhất là người đó là mẹ. Quả vậy, lựa lúc vắng người, cô em gái thứ năm vẫn hay đi thăm nuôi anh, kéo anh ra một góc, ứa nước mắt:

"Mấy người đó nói điêu đó, anh Văn ơi. Mẹ nói mẹ thương anh nhất, vì anh là người hay thương người mà cứ gặp khổ hoài. Mẹ còn ân hận đã làm khổ anh khi mẹ nhất quyết không cho anh lấy chị Nga. Mẹ trối là anh phải cố gắng đi kiếm cô ấy, và cho mẹ xin lỗi chị ấy."

"Thì mẹ thương anh, mẹ có ý tốt muốn anh có người vợ đàng hoàng mà, dù là đàng hoàng theo kiểu của thế hệ mẹ."

"Hồi mẹ nằm bệnh viện trước khi mất, có cô y tá chăm sóc cho mẹ tận tình đặc biệt. Đút cháo, thay tả, đổ ống bô cho mẹ."

"Hả? Chuyện gì mà như chuyện đời xưa vậy. Anh đọc báo nghe nói ở Việt Nam bây giờ, hễ vào nhà thương mấy cô y tá, mấy ông bác sĩ con bệnh nhân như rác mà."

"Thì cũng có chuyện đó, nhưng mẹ có tiền ai mà dám khinh, nhưng cô y tá này làm những việc ngoài nhiệm vụ của cô, mà làm tận tình."

"Gì mà như chuyện đời xưa vậy!"

"Xưa với nay gì, chuyện nhãn tiền mà. Em có nuôi bệnh mẹ mà."

"Chị ta chăm sóc tận tình đến nỗi có bữa mẹ vui, mẹ nửa đùa nửa thật: 'Cô mà làm dâu ai, người đó thiệt có phước. Tui có thằng con trai mà nó lại cứ giang hồ tứ xứ, không tôi bắt nó cưới cô.' Nghe nói vậy chị ấy mỉm cười, rồi ôm mặt khóc nghẹn, chạy ra khỏi phòng bệnh. 'Tau làm chi mà cô nớ khóc!' Mẹ hoảng hốt nói với em."

Văn run người:

"Vậy trên ve ngực không có bảng tên à!"

"Em không để ý. Mà hình như không có. Và anh biết không: Có người thấy vậy, không biết sao, bảo con nhỏ y tá đó là người Hời giả vờ săn sóc vậy để yếm mẹ? vì khi mẹ gần qua đời bụng mẹ sình lên khá to."

"Bậy không hà! Cứ nghi oan cho người ta."

"Thì người ta nghi bậy vậy. Chứ em không tin như vậy. Mẹ cũng vậy, ai nói mẹ cũng gạt hết: 'Bệnh tui tui biết. Mấy chị đừng nói vậy mà oan cho người ta, nhất là người đó lại là người ra ơn cho mình. Bác sĩ họ nói tui bị bệnh tiểu đường, lại viêm gan, bụng mới to như vậy. Tui là người Công giáo, tui không tin những chuyện bùa yểm đó mà có tội.'"

Văn sảng sốt:

"Nhất sinh u tứ vị tằng khai!" (Nỗi buồn thầm kín một đời chưa được tỏ) (2)

Em gái văn hoảng hốt:

"Anh lại lên cơn nữa rồi. Em nghe nói ở bên nớ, anh buồn anh cứ hay nói chữ."

"Lamưn lo, urang gơk-katơk

Mưk glauw kauk pơh panwơch mayit-mayơw
Brei ka thơw: mưng ngauk hluk dunya.
Mưnwiss - ssa praung ssit libik makna Umat po!"
(Quá hiền lương, lắm người trấn bóc
Dụng trí thông mở ngữ giao lưu
Rằng hay trên quả địa cầu:
Mọi người lớn, nhỏ tận cùng Chúng sinh) (3)

*

Văn đi bộ dọc bờ biển từ sáng từ làng anh để đến làng Cù Tì. Thuê xe ôm cũng được, hoặc đi xe đò, nhưng anh muốn đi bộ, đi chân trần trên cát biển mấy chục cây số cho đã, bù lại hồi ở bên ấy, lạnh quanh năm lúc nào cũng phải đi giày, lúc nào cũng xe, cộ, và nhất là trả thù cho thuở ấy phải lấm lét mỗi khi đi qua quãng bờ biển vắng vẻ này. Và anh cũng muốn đi Cù Tì để thăm mấy người bạn tù người Chàm ở đó. Anh càng đi bước chân càng nhẹ. Và giờ đây cả bãi cát dài hút mắt kia chỉ có bóng anh trước mặt trời đang thấp. Gió cát, bọt sóng, chóng chóng biển lăng quăng. Tiếng chim biển kêu chiu chít vô tích sự. Văn ngồi nghỉ trên vạt rau muống biển ven động cát, nheo nheo mắt nhìn mặt trời thấp. Từ đàng xa có hai bóng người nhỏ xíu đang đi lại về phía anh. Lại thật gần, anh mới nhận ra đó là hai đứa trẻ, một đứa trai vai vác tay lưới cước kéo bờ, đứa gái xách cái vợt đựng cá.

"Chào hai cháu, hai cháu ở đâu?"

Đứa gái cúi đầu không nói, đứa trai nhanh miệng.

"Dạ ở Cù Tì." Giọng lơ lớ.

"Các cháu không phải người Kinh?"

"Dạ không, tụi cháu là người Chàm."

"Vậy hả, mà con ai?"

"Con ông Tặng."

"Vậy hả, mà nhà cháu còn xa đây không?"

"Dạ không, đi hết dãy dương là tới, đầu làng Cù Tì đó chú."

"Hai cháu đưa chú đến đó được không?"

"Dạ chưa đủ cá nấu canh chua, tụi cháu chưa về được."

"Chợ bây giờ còn họp không?"

"Dạ còn, giờ này thuyền chài mới vô mà! Mà chi vậy chú?"

"Thì ở đó nhiều cá, các cháu với chú đến đó bắt cá cho lẹ."

Con nhỏ gái bụm miệng cười, thằng con trai cười ré:

"A, cháu hiểu rồi."

"Hiểu gì, nói nghe coi?"

Thằng nhỏ không trả lời, chỉ cười. Đứa gái đập vào vai thằng con trai:

"Chú bảo tụi mình đến đó mua cá mà anh không hiểu hả?"

"Hiểu chơ sao không mậy!"

"Đúng rồi, dẫn chú đến Cù Tì, chú mua cá về nhờ má các cháu nấu canh chua cho chú ăn. Chú đang đói bụng đây nè!"

"Chú quen nhiều người Chàm hả?"

"Ừ."

Văn mua con cá thu thật to, và theo hai đứa nhỏ xách về nhà của Tặng. Ông Tặng đang ngồi trên phản trước hiên nhìn vu vơ. Ông nhìn ra, hai đứa nhỏ chạy lại xì xào tiếng Chàm với ông.

Văn lên tiếng:

"Văn đây anh Tặng à! Có nhận ra tôi không ông hoàng Champa."

"Văn nào?... A, nhớ rồi. Văn tổ phân bắc trại tạm giam Hàm Cá phải không?"

"Đúng rồi." Và Văn chạy lại lại ôm ông, vỗ vai ông. "Lâu quá mà! Khoẻ không?"

"Khoẻ thì không khoẻ, nhưng sống được. Bộ về đây thăm bồ cũ hả? Tui nghe anh vượt biên lâu rồi mà."

"Tui vượt biển mười năm rồi. Mà anh nói bồ cũ gì vậy?"

"Thì cô Nga của anh hồi xưa làm tổ chăn nuôi với tui không phải là bồ anh à! Tui người đưa thư tình giùm anh mà, bộ anh không nhớ sao?"

"Nhớ chớ sao không? Mà cô ấy ở đây hả? Thiệt không vậy?" Văn dồn dập.

"Thì ở Cù Tì chớ ở đâu. Mà muốn vào chơi ăn cơm, rồi tui đưa anh đi, hay là đi bây giờ."

Văn ngập ngừng, gượng gạo:

"Chờ cả mười năm, chờ thêm một chút đâu có sao! Hôm nay tôi đến Cù Tì để thăm anh và mấy anh hồi nằm cùng buồng, chớ đâu biết cô Nga ở đây mà đi thăm."

"Ngon ha! Thôi anh em cả mà, tui hiểu. Anh uống miếng nước rồi đi... Mà thôi, tôi chỉ đường cho anh đi cũng được. Anh cứ đi miết, tới nhà trường, rồi hỏi tiếp, nhà cổ gần nhà trường."

"Anh lúc nào cũng điệu nghệ."

Ông Tặng cười:

"Trời ơi, tui là dòng dõi họ vua I-đra-vác-man đó nghe chưa ông!"

Ông vỗ vai tiễn Văn đi, và đột nhiên ông nói với anh, nghiêm nét mặt lại như những lần ông giảng áo nghĩa thư Chàm cho anh trong tù:

"Này, anh Văn! Nhìn vào người đàn bà, sẽ

hiểu Bàlamôn, hay nói kiểu người Kinh của các ông: Nhìn vào đàn bà sẽ hiểu lẽ Càn Khôn, vì mọi mầu nhiệm vĩ đại đều xảy ra nơi người đàn bà."

"Anh có ý nói gì?"

"Rồi anh sẽ hiểu. Thôi anh đi đi. Các bạn tù người Chàm vẫn nhớ tới anh. Họ vẫn mong ngày nào đó anh trở lại với con gái của Quốc Mẫu Champa."

"Anh có ý nói gì?"

"Rồi anh sẽ hiểu."

"Vâng." Anh ngoan ngoãn trả lời.

Văn đi về hướng ông Phạm Tặng chỉ, còn ông, ông trở lại, ngồi trên tảng đá ong góc vườn, khép mắt nhìn biển, như những bức tượng Chàm chứa bao nhiêu nổi trôi của đời trong đôi mắt đóng kín của mình.

Văn đi và người ta có thể thấy nơi anh bước chân của một khách hành hương. Văn bỗng ngước mặt, dang tay, hát to câu thánh ca ngày xưa, xưa lắm: "Kìa ai dong duổi đường gió bụi, gánh sầu thương mệt mỏi hai vai. Về đây nấp bóng sao mai, về đây Mẹ sẽ ban nhiều yêu thương." Và Văn chạy, chạy, chạy. "Ông có biết nhà cô Nga ở đâu không?" Chạy, chạy, chạy. "Bà có biết...?" Chạy, chạy, chạy... "Em có biết...?"

Hỏi đến lần thứ tư thì thấy đứa con gái con nhỏ mặt hoa hiện ra ngay trước mặt anh: "Nhà cổ trong kia kìa, nhà có vườn hoa đại đó."

"Hoa đẹp Champa... Hoa đẹp Champa..."(5) Văn reo lên như trẻ thơ.

Con bé bụm miệng cười, má ửng hồng, nốt ruồi nâu nâu hiện rõ như niềm vui vội chen lên má.

Anh bước qua ngõ, đi vào nhà Nga không nặng nề, nhưng cũng không thung thăng, mà trầm trọng, trang nghiêm bước vào ngôi nhà cổ nằm ẩn dưới vườn hoa đại trắng như đang bước lên lễ đài đăng quang.

Và khi tới nửa bậc thềm, cánh cửa liếp mở rộng. Nga đứng đó y nguyên, hoàn toàn y nguyên, vẫn nụ cười không phai, nụ cười vẫn còn đọng lại đó tươi nguyên như những ngày đầu tình rạng tổ chăn nuôi, vẫn chiếc áo chiếc áo bà ba lụa trắng ôm nhè nhẹ một vùng ngực nhiều sức sống.

Hai người ôm nhau, khóc. Nga khóc nhiều, Văn khóc xem ra nhiều hơn.

Họ không nói gì cả, họ chỉ khóc. Tiếng khóc bây giờ là nụ cười sảng khoái nhất của những con người đã chiến thắng lẽ tầm thường, người tầm bậy. Và, người ơi, người có biết rằng nỗi lặng thinh, không gian rộng lớn, bầu trời xanh vút, nắng độ lượng, tất cả bây giờ là của họ? Và hoa đại nữa, hoa Champa vương giả của dân tộc Champa, hương bay lừng trong không gian, hương ướp người con gái anh yêu biền biệt biển lớn, năm dài, quá dài trong cuộc đời rất đỗi phù du. Họ không nói gì hết, họ chỉ ôm nhau, cho thịt da nói lời hoa cỏ, trời ơi, hoa cỏ mười phương.

"COMPRENDRE, C'EST DÉJÀ AIMER." Nga thì thào bên tai Văn.

"HIỂU LÒNG, ẤY CŨNG ĐÃ LÀ YÊU NHAU." Văn thì thào bên tai Nga.

Biết bao nhiêu điều phải nói.

"Gì thì gì em phải đi nấu cơm cho anh ăn. Anh chắc đói bụng lắm rồi."

Nga làm cơm, từng khúc cá chăm chút từ cọng rau, đến chén nước mắm chấm.

Hai người tạm gác một bên những ấm ức, những vết bầm, những lần roi quật trên họ suốt mười năm. Họ vừa lua cơm, chấm cá, húp canh chua, hít hà ớt cay, tay quẹt mồ hôi. Văn sung sướng. Nga sung sướng.

"Hai đứa mình như đôi vợ chồng mới cưới."

Nga lườm yêu:

"Mới gì nữa, dễ chừng đã hơn mười năm."

"Ừ, mười năm, ba tháng, 14 giờ."

"A ha! Anh nhớ kỹ quá!"

"Sao không? Năm nào đúng ngày em trao chùm lá khoai, anh đều giở tập khế ước lá khoai đó ra xem hết."

Nga buông đũa, lấy vạt áo chùi nước mắt.

"Em biết. Anh ăn đi kẻo cơm, canh nguội."

"Ừ."

Rồi tới cái màn sang trọng: Văn ngồi chồng trước hiên hóng gió biển mát rười rượi, Nga bưng bình trà mới pha thơm ngát, lại còn được ngồi xỉa răng mà không phải xem TV, thậm chí phải nhìn bức tường trơ trơ trước mặt trong bao mùa đông dài. Nga ngồi bên cạnh ăn cóc chấm muối ớt, xuýt xoa vì chua, hít hà vì cay, mấy sợi tóc nâu nâu dính mồ hôi ngang nơi trán. Văn nhìn Nga ăn chua, Văn cười, Nga cũng cười:

"Em hạnh phúc lắm!"

"Anh cũng vậy. Anh muốn ở lại đây mãi."

"Vợ chồng thì ở với nhau, chơ sao nữa!"

"Ừ."

"Anh ngồi uống nước trà, nhai kẹo phộng, em vào lấy cái nầy cho anh xem!"

"Ừ."

Nga đi vừa vào khỏi cửa, con bé chỉ đường

lúc nãy ở đâu lại tới đứng dưới cây bông đại nhìn anh, gần đến độ anh có thể thấy được nút ruồi duyên của nó.

"Nga ơi!"

"Cái nốt rrr..." Không biết Văn nghĩ ngợi sao đó, ngưng ngang.

"Anh hỏi gì em vậy?"

"Không, không có gì!"

Một lúc sau lại có tiếng Nga vọng ra:

"Anh ơi, vào đây em cho xem cái này."

Văn đi vào, Nga dẫn vào căn buồng nằm phía chái nhà bên phải. Căn buồng bài trí trang nhã, và có nhiều tượng điêu khắc của Chàm cỡ nhỏ đứng trên các tảng đá ong nâu.

"A, đây có phải là những phiên bản của những tượng điêu khắc được triển lãm ở Viện Bảo Tàng Các Nền Nghệ Thuật Châu Á Guimet, Paris, trong ba tháng, từ ngày 12-10-2005 đến ngày 9-1-2006? Anh có đến xem."

Nga chỉ vào bức tượng nữ thần lớn nhất đặt giữa nhà:

"Vâng, mà anh nhìn kỹ bức tượng Quốc Mẫu đằng giữa phòng, anh thấy như thế nào?"

"Trời ơi, giống em, giống em quá, từ khuôn mặt cho đến thân hình, dáng dấp."

"Thì em là con gái của Quốc Mẫu mà, em là người Chàm."

"Trời ơi, anh hiểu rồi, bây giờ anh mới hiểu những lời anh Tặng nói với anh trước khi anh đến đây."

"Anh ấy nói gì vậy anh?"

"Các bạn tù người Chàm vẫn nhớ tới anh. Họ

KHÊ KINH KHA

thân phận ca

tôi là người Việt Nam
mang dòng máu Tiên Rồng
quê quán đất Hà Tĩnh
đất nghèo như cỏ rơm

sinh ra chưa kịp khóc
vội cất bước lên đường
mẹ cha đùm chiếu rách
sông núi dựng hồn thiêng

Trường Sơn xanh lá biếc
sông Hương chảy vào lòng
tiếng chuông vang tuổi mộng
sóng vỗ tình non sông

bãi cát dài Đà Nẵng
trăng sáng giữa Nha Trang
mộng reo thông Đà-Lạt
tình thấm nước Cửu Long

tôi lớn lên vội vã
lớn lên trong đạn bom
từng tuổi đời héo úa
hồn đầy bao vết thương

bạn bè bao nhiêu đứa
tình nồng chưa dám tỏ
mộng đời chưa đầy tay
sách vở buồn khép lại
bao thằng đã ra đi

máu xương lạnh lòng đất
bao đứa còn nơi đây
tương lai như lá bay

tôi lớn lên vội vã
nhìn quê hương sụp đổ
nhìn quê hương điêu tàn
dân tôi nấc từng cơn
nuốt bao nghìn gian khổ
lệ nhiều hơn lúa mạ
quê hương buồn ai hay
như những tiếng thở dài
mình me trong đêm vắng
trong đêm dài cô quạnh
trong đêm hồn rưng rưng
trong đêm hồn rưng rưng

tôi lớn lên vội vã
trong bom đạn chiến tranh
mượn tên người hào khí
kinh kha hề nuôi chí
kinh kha hề tráng sĩ
từng ngày hề từng ngày
nỗi lòng này ai hay?

tôi lớn lên vội vã
nhìn quê hương tan rã
bao phận người lưu vong
bao phận người lênh đênh
bao nhiêu xác chôn vùi
vào lòng biển mênh mông
em ơi, anh ơi, mẹ ơi
vào lòng biển mênh mông
cha ơi, con ơi, mình ơi
vào lòng biển mênh mông
vào lòng biển mênh mông

tôi là người Việt Nam
ngàn năm vẫn Việt Nam
máu tôi vẫn Tiên Rồng
màu lúa chín màu da
mộng ta mộng kinh kha
trôi trong kiếp lưu đày
trên mảnh đất mượn, vay
tan vỡ mảnh hồn đơn
oà khóc theo tháng năm

Việt Nam ơi Việt Nam
sao gọi hoài chưa hết
Việt Nam ơi! Việt Nam hỡi
xin gọi mãi trong đời
ta còn đây, còn đây
một màu da lúa chín
một trái tim câm nín
một trang sử mới bắt đầu

cho bao triệu con tim

Mass 5/10/75

vẫn mong ngày nào đó anh trở lại với con gái của Quốc Mẫu Champa."

"Anh ấy còn nói gì nữa không?"

"Có. Anh Tặng nói: Nhìn vào mắt người đàn bà sẽ hiểu Bàlamôn, hay nói kiểu người Kinh của các ông: Nhìn vào mắt đàn bà sẽ hiểu lẽ Càn Khôn, vì mọi mầu nhiệm vĩ đại đều xảy ra nơi người đàn bà."

"Anh Tặng là đạo sĩ Bàlamôn đó."

"Anh không hiểu."

"Anh sẽ hiểu."

"Mà ở đâu em có những phiên bản đó, lại còn cả tấm bích chương."

"Thì có người gởi cho em. Mà anh biết tại sao em biết tiếng Pháp không?"

Văn cười:

"Thì em là con gái Quốc Mẫu Champa mà, gì mà chẳng biết."

"Em là nghĩa tử của cha Giraudon Merton. Hồi cha lập ra Trung Tâm Văn Hóa Chàm, em là học sinh ở đó. Thấy em thông minh, cha giúp đỡ đặc biệt. Sau đó, gia đình em giới thiệu cha với hậu duệ khác của các gia đình vọng tộc Chàm ngày xưa để sưu tầm các văn bản, kinh, những thẻ kinh lá dừa châm châm chữ Phạn, châm kiểu như giòng chữ em châm trên xấp lá khoai lang hồi đó, rồi các bi ký, các y phục hoàng gia, các đồ trang sức, có cái từ đời vua I-đra-vác-man I, khi Champa còn là một vương quốc thịnh vượng. Em cũng là người đã giúp cha sưu tầm, biên soạn ca dao tục ngữ của người Chàm. Bù lại cha dạy tiếng Pháp cho em, và hứa khi em học xong trung học, sẽ đưa em qua Pháp học tiếng Phạn ở trường Ngôn Ngữ Đông Phương để sau này về giúp đỡ cha trong công việc phục hồi lại văn hóa Chàm. Mối lương duyên ấy là sự may mắn và cũng là đại họa cho em, cho gia đình em, khi quân nước Bắc Kỳ vào."

"Anh biết ngay từ đầu, ngay những ngày còn ở trại tạm giam, nơi em tỏa ra một cái gì đó rất quí phái, vượt lên những tầm thường."

"Cảm ơn anh. Cảm ơn anh đã hiểu em... Cha ra đi, chỉ mang theo được cuốn Từ điển Chàm - Pháp, và cuốn văn phạm Chàm, và phải bỏ lại tất cả. Cha trân trọng giao phó tất cả những đồ cổ cha sưu tầm được và những bản thảo còn biên soạn dở dang của cha cho em. Cha nói: 'Cha không tin người Việt vốn khinh dễ người Chàm, và nhất là những người Cọng sản miền Bắc, sẽ giữ được những quốc bảo này, vậy con hãy kiếm cách chôn dấu những thứ này, để chờ ngày gởi qua Pháp bảo tồn. Những sưu tầm giá trị của trường Viễn Đông Bác Cổ bây giờ đã thất thoát đi rất nhiều. Và cha không tin người Việt, vì họ là giống người tự tôn vô lối, kỳ thị vô cùng. Năm ngoái, mấy ông Việt Cọng đã cho người từ trong rừng ra lén lút thương lượng với cha, yêu cầu giao lại những quốc bảo Chàm mà cha sưu tầm, lại cho họ. Cha nói là cha đã gởi về Pháp từ lâu rồi, nhưng họ không tin, vì họ có nhiều liên lạc ở Pháp.' Trước khi PR bị mất mấy ngày, em với cha Giraudon Merton dồn tất cả các của quí đó vào các thùng đại liên lớn, đem đi chôn một nơi bí mật. Khi cha đi rồi, thì có ngay một nhóm cán bộ có vẻ là chuyên viên khảo cổ vào ngay Trung Tâm Văn Hóa Chàm lục lọi, nhưng chẳng kiếm được gì. Còn em, em trốn vào Hàm Cá, ở với người Kinh ở Hàm Cá, nhưng họ vẫn kiếm được em, và bắt em vào tra hỏi về những đồ cổ của cha, nhưng em nói, em không biết gì ông cố Tây đó.

Cái lão chấp pháp người Thanh Hóa rỗ, mặt đen đó, nhân công an bắt vào trại các người tham gia cuộc khởi nghĩa, có cả ngụy quân, ngụy quyền và người Chàm, nói bóng nói gió là nếu em không chỉ cho họ biết nơi giấu, em sẽ bị ghép vào tội phản cách mạng với nhóm đó, mà anh biết đó tội danh đó bị tử hình như chơi, hay ít ra cũng bị tù lâu năm. Nhưng em vẫn cương quyết không khai nơi chôn những thùng đồ cổ, em không thể làm thế được."

"Nhưng vì lý do gì em lại có cái hỗn danh kỳ cục như vậy?"

"Từ từ. Nghe em kể cái đã... Thì cũng may, có ông trưởng ty công an tỉnh vào thăm trại, có bữa ông ra tổ chăn nuôi, rà rà đến nói chuyện với em, ông ta còn trẻ mà! Ông này, theo như cha Cẩn, ông cha biệt giam ra rồi cứ đi tưới hoa đó, cho em biết ngày xưa ông trưởng ty đó là một đại chủng sinh đi theo cách mạng. Cho nên, chỉ mấy ngày sau khi vào thăm trại, ông ấy bắt dẹp ngay loại cùm sắt kinh khủng. Tù ai cũng xầm xì khen ông là người nhân đức hiếm có giữa đám đầu trâu mặt ngựa. Những lần sau, lần nào ông vào công tác ở phòng công an huyện Hàm Cá, ông cũng đến tổ chăn nuôi em nói chuyện, hỏi thăm đủ thứ. Có một bữa em còn thái chuối heo một mình, ông đứng nói chuyện lâu hơn thường. Em có trực giác ông thích em và ông là người tử tế, cho nên em nói hết những oan ức với ông ấy. Ông bình tĩnh nghe và ông ta hứa, trong khả năng của ông, sẽ giúp em. Và cũng

may ông ta có người anh làm lớn ở Bộ Công An ngoài Hà Nội, nên vụ của em được mau chóng chấp pháp lại. Một thời gian ngắn, sau khi anh chuyển trại, ông chuyển em ra công an tỉnh để chính ông ta chấp pháp.

Còn cái hỗn danh ấy, em nghi là cái ông chấp pháp mặt rỗ người Thanh Hóa đã tung tin để gieo tiếng xấu cho em, để ông dễ bề chinh phục em, vì anh biết đó, một khi em mang tiếng là kẻ đầu trộm đuôi cướp như thế, thì có đẹp lộng lẫy như công chúa, như bà hoàng đi nữa thì cũng chẳng ai thèm. Đúng như thế, với cái tiếng xấu Nga-đòn-gánh, ai cũng khinh dễ xa lánh em, kể cả mấy chị cùng buồng, chỉ có anh, chỉ có anh hiểu em."

"Trời ơi, nghề tung tin đồn để li gián, để triệt hạ đối phương, là ngón tuyên truyền tuyệt kỹ của mấy ông Cọng sản mà."

"Nhưng sau khi anh chuyển trại được ba tháng, em chuyển trại ra tỉnh được một năm, thì em được thả."

Văn run người.

"Rồi sao nữa?"

"Rồi em xin đi làm y tá, hồi đó thiếu người họ nhận đại, và dẫu sao hồi trước em có học chút đỉnh về thuốc. Em về Cù Ti ở. Và ông ấy đã đến Cù Ti nói rằng ông ấy yêu em và ông ngỏ lời muốn cưới em làm vợ. Em từ chối. Ông ấy cũng là người quân tử, không nài ép em quá mức."

"Rồi sao nữa!"

"Anh bình tĩnh đi nào.... Nhưng ông ta qua lại nhiều lần, trò chuyện với em, nhưng em cứ nói đẩy đưa cho qua chuyện, và em xin cho em được coi ông như người ân nhân.

Anh có biết không, ngày nào em cũng lôi những mảnh thư tình anh gởi, nhăn nheo, nhơ nhớp đến tội nghiệp mà em giấu không biết qua bao lần khám buồng, ra mà đọc? thì làm sao em có thể nào lấy người khác được. Em chỉ yêu anh, người đã hiểu em đến mức như vậy, một người có trí và có tấm lòng. Và em, em cũng cảm thấy ông ấy là một mẫu quân tử đúng nghĩa trong lúc cuộc đời dối trá nơi nơi, ông là người có tình người, biết nhìn xa trông rộng, nên em trình bày hết ước vọng của cha Giraudon Merton và của em, của dân tộc em. Anh Văn biết không, ông đồng ý tìm cách và hứa sẽ giúp em đưa qua Pháp những thùng đại liên mà em nói lúc nãy. Và rồi ông ta đã móc nối được với người vượt biên, và gởi được những thùng đó qua cho cha Giraudon Merton. Nếu ông làm việc ấy vì yêu em, thì đó là một tình yêu vĩ đại, vì hậu quả sẽ rất tai hại cho ông, nếu bị lộ. Còn nếu ông làm việc ấy vì đại nghĩa cho dân tộc em, thì ông ta là một đại quân tử.

Thế rồi công an nghi ông ta móc nối bán bãi, và ông phải vào tù ngay chính trại Hàm Cá. Cuối cùng ông cũng được thả, vì như lời ông nói: "Họ không thể khai thác gì tôi được, vì tôi là thầy của họ.'"

"Rồi sao nữa!"

"Ông ta thôi việc. Ông ta về Cù Ti này và sống một mình. Ông an phận không muốn làm phiền em nữa với cái dự tính muốn lập gia đình với em. Rồi ông ấy bệnh nặng. Trong thời gian bị bệnh, em chăm lo thuốc men cho ông, nhưng bệnh ung thư gan, vướng phải những ngày trong rừng, không cứu chữa được. Rồi ông chết. Trước khi nhắm mắt, ông cầm tay em và xin em nhận ông ấy làm chồng. Em cúi đầu xin vâng, và ông ấy xin ôm em trong lòng ông, rồi ông tắt thở."

Văn thở dài.

"Mà anh đi cả mười năm, không tin tức gì cả."

"Anh vừa ra tù, là thằng em đưa anh đi vượt biên liền. Qua tới nơi, anh nhờ nhà anh đi dò hỏi, nhưng họ nói là họ có đi dò la mà không thấy. Anh đâm nghi. Anh lại nhờ mấy người bạn thân nhất, đi kiếm dùm, thậm chí anh thuê tiền, nhưng họ viết thư báo là em có lẽ biệt tích, hoặc ở tù chưa ra, hay chết trong tù đâu rồi, vì không ai thấy bóng dáng em ở Hàm Cá. Có kẻ còn bảo anh khờ, lòng dạ đàn bà, hơi sức nào...

Và mẹ anh trước khi mất cũng rất ân hận. Mẹ anh bảo anh phải kiếm em để xin lỗi cho mẹ. Em tha lỗi cho mẹ anh!"

"Có gì đâu anh. Mà mẹ anh chỉ làm việc ấy vì thiện ý đối với con trai của bà thôi mà."

"Ừ."

Văn lại thở dài:

"Mà em làm vậy cũng phải."

Hai người cúi đầu không nhìn nhau một lúc lâu. Thật lâu.

"Em làm vậy cũng phải. Em làm vậy cũng phải."

"Cảm ơn anh, như lần đầu tiên ấy. Comprendre, c'est dejà aimer."

"Ừ, gì thì gì, anh vẫn là kẻ có diễm phúc được em yêu."

"Em cũng vậy, em cũng là kẻ có diễm phúc được anh yêu."

Văn cười:

"Em phải nói là: Em là kẻ có diễm phúc được... *hai người yêu.*"

"Hai là một. Hai là một"

"Ừ."

Rồi Nga quì xuống úp mặt vào đầu gối anh, van vĩ:

"Anh Văn ơi, em thì như vậy rồi đó, em không dám giữ anh, dù em rất muốn, nhưng hãy trở lại với em khi anh thấy cần."

Văn im lặng một lúc.

"Đi cả hơn mười năm rồi, bộ chưa đã hay sao mà còn đi nữa!?."

Họ còn nói với nhau nhiều nữa. Rồi những tiếng nói trầm trọng, bi thương, bị những tiếng cười đùa dần dần thay thế và tới tối thì bi thương lẫn trầm trọng bị triệt tiêu hết.

Tối hôm ấy, hai người nói chuyện tới khuya, họ cứ tiếc không có tờ khế ước hôn nhân lá khoai ở đây để xem chơi, để cười ha hả cho một cuộc đời bắt đầu chung đôi.

Cũng tối đó hai người ân ái với nhau. Có hoa Champa tỏa hương trên hai thân thể và cả gió biển thổi vào mát rười rượi. Văn trong một thoáng nhìn qua khung cửa, ngạc nhiên thấy cả sao Sâm, lẫn sao Thương bên nhau trên bầu trời nhung gần và như đôi con mắt trần gian đang nhìn qua vuông cửa sổ, nhìn vào lứa đôi yêu nhau, nhấp nháy, nửa như giễu cợt, nửa vui vui.

Bóng nghiêng dài hai người chập chờn trên vách lá tới khuya. Yên ắng. Tiếng sóng đã ngừng vỗ, chỉ một đôi tiếng sương rơi trên tàn hoa chuối vườn ngoài. Nga ngủ dịu hiền. Văn cũng ôm lưng Nga mỉm cười thiu thiu ngủ. Nhưng anh bỗng cảm thấy như có ai đang nhìn hai người. Anh mở mắt nhìn qua khung cửa sổ thấp, và anh thấy con nhỏ chỉ đường lúc chiều đang đứng bên cửa sổ nhìn vào, bối rối, nửa như buồn buồn, nửa vui vui. Rồi cái nốt ruồi nâu nâu của nó dần dần biến thành màu đỏ, đỏ nhói như một vết thương ai đó vừa đâm.

*

Anh lại nhà ông Tặng thì không có ai ở nhà. Cả nhà có lẽ đã đi làm xa.

Và cũng đến ngày anh phải trở lại nước anh đang định cư, với cái lòng háo hức kiếm cách để trở lại Cù Ti, sống với Nga. Nhưng anh cũng quyết định rán ghé Inđônêxia thăm cha Giraudon Merton đang tiếp tục truyền giáo ở đó, vì nghe Nga nói Nga được biết là cha đã già yếu lắm rồi, và cô khuyên anh nên ghé thăm cha cho cha vui.

Anh đến Inđônêxia, và gặp được cha trong ngôi nhà gỗ nằm trong một khu vườn cỏ vườn tràn lan, cây vườn khô xác, chỉ còn những chùm bông giấy đủ màu là vui.

Văn kể cho cha về cuộc gặp gỡ với Nga, và chuyển lời của Nga thăm cha, và nói qua chuyện những thùng đại liên với cha.

Đôi mắt mệt mỏi lờ đờ của kẻ không còn phân biệt lẽ tử - sinh của cha nhìn Văn, chỉ hơi ngạc nhiên khi nghe Văn kể, và cha bỗng ứa nước mắt, trầm trầm nói:

"Nhiều lúc tôi cứ nghĩ những thùng đồ cổ đó là cái quái gì mà hai mạng người phải hi sinh vì chúng, cô Phi Nga và cô em gái song sinh Mị Nga của cô...

Cuối cùng, qua bao nhiêu thủ tục, tôi cũng nhận được những thùng đại liên đồ cổ đó từ anh tài công người Công giáo mà cô Nga đã gởi gắm... Một thời gian sau, tôi được tin là công an Hàm Cá đã khui lại vụ phản động chống cách mạng và bắt cả hai chị em, và đày ra đâu cái trại gì mà nổi tiếng gian ác nhất ở Thanh Hóa, và tôi cũng nghe là hai chị em đều bị bệnh nặng trong tù. Thực ra, cũng chỉ vì mấy cái thùng đó mà lây lan ra cả. Cô Phi Nga coi vậy chớ cô vốn đau bao tử hồi nhỏ, chịu gì nổi... Đêm đêm nốt ruồi duyên của cô Phi Nga cứ thấp thoáng trong phòng tôi như vết thương còn tươi..." Rồi cha bưng mặt khóc: "Ô, Vietnam, Terra cara mea, cur nostros liberos ediste? Nostros liberos! Nostros liberos! (Ôi, Viêt Nam, Quê hương yêu dấu của tôi, cớ sao Người ăn tươi nuốt sống những đứa con của chúng ta? Những đứa con của chúng ta! Những đứa con của chúng ta!)" Vai gầy rung rung, tóc bạc rưng rưng.

Rồi cha ngẩng đầu dậy, quyệt nước mắt, chỉ tay vào phòng trong:

"Tôi còn vứt một đống trong phòng kia kìa, cho nên trong cuộc triển lãm vừa rồi ở Viện Bảo Tàng Guimet người ta bảo là từ sau thế kỷ 19 không có một phát hiện nào mới về văn hóa Chàm là vì lẽ ấy."

Oslo, 17 VII 06

Chú thích:

(1) Georges Bernanos, Envoyer à un Ami.

(2) Nỗi buồn thầm kín một đời chưa được tỏ. [Nguyễn Du.]

(4) Thơ Chàm của, bài Umat po: Chúng sinh, [Jimmy Trần.]

(5) Hoa đại: bông sứ, người chàm gọi là Champa, cũng là tên Nước.

Wolfgang Amadeus Mozart:
Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác phẩm - II

CUNG TIẾN

(Tiếp theo số 207)

Hai thành phố, hai đoạn đời

Ta có thể tùy tiện chia cuộc đời và sự nghiệp Mozart làm hai giai đoạn: một ở Salzburg (1756–1781), và một ở Wien (1781–1791) .

Sau khi Leopold lấy vợ (1747), gia đình Mozart tới cư ngụ tại lầu ba căn nhà thuê số 9 đường Getreidegasse, **Salzburg.** Hiện nay cả ba tầng lầu căn nhà này được dùng làm nhà bảo tàng Mozart, phía mặt tiền có hàng chữ lớn mạ vàng: *Mozarts Geburthaus* (Nhà sinh Mozart). Trong 26 năm ở đây hai vợ chồng đã sinh được bảy người con (như đã nói kỳ trước), mà chỉ có hai sống sót, là Maria Anna ('Nannerl') và Wolfgang Amadeus.

Tranh vẽ Mozart và vợ, Constanze

Sinh trưởng tại Salzburg, Mozart đã được cha mình sớm nhận biết, và sau này được cả thành phố xưng tụng, là một "thần đồng" âm nhạc. Khi mới lên ba, thấy chị (Nannerl, lúc ấy bảy tuổi) được cha dạy chơi đàn phím, cậu bé bèn bắt chước chị để lấy được sự chú ý của cha, và cả ngày ngồi tập đàn một mình. Đặc biệt, cậu rất thích chơi hợp âm quãng ba, là hợp âm cơ bản của hệ thống nhạc chủ âm (*tonal music*) tây phương. Lên bốn, Mozart bắt đầu dùng sách nhạc của chị (gồm phần lớn những khúc nhạc ngắn như *minuet* của các nhà soạn nhạc đương thời, được Leopold thu tập và sắp xếp theo trình độ từ dễ tới khó). Sau này người ta đọc được những lời phê của Leopold ghi trong cuốn sổ tay (*'Notenbuch'*) này, như: "Bài này Wolfgangerl [tên nhà gọi yêu Mozart] học lúc lên 4," hoặc "Bài *minuet* và *trio* này Wolfgangerl học trong nửa tiếng, lúc chín giờ rưỡi tối 26 tháng giêng 1761, một hôm trước sinh nhật thứ năm," v.v. Rồi trong khoảng vài tuần lễ sau, cậu bé Mozart sáng tác hai khúc nhạc đầu tiên trong đời, một *Andante* (chuyển động chậm) và một *Allegro* (chuyển động nhanh), K. 1a và K. 1b. Chính tay Leopold đã chép hai khúc nhạc ngắn này trong cuốn sổ tay nói trên.

Lúc lên sáu, Mozart cũng đã tự học lấy vĩ cầm, và ở nhà còn đòi diễn tập tam tấu khúc (chơi vĩ cầm thứ hai) chung với cha và chị. Theo nhật ký của Nannerl, mặc dù Mozart rất hiếu kỳ và ham muốn hiểu biết bất cứ gì cậu nhìn thấy hay đụng tới, nhưng nguồn đam mê duy nhất vẫn là âm nhạc. Riêng về tài chơi đàn phím của Mozart hồi thơ ấu, các nhà nhạc sử chuyên nghiên cứu Mozart đã thâu lượm được các đặc điểm này: tuyệt đối chính xác về cao độ, tốc độ, và nhịp thước. Mozart lại

còn tài đọc nhạc nhanh và đúng ngay lần đầu ("*sight reading*"), và tài chơi ngẫu hứng ("*improvisation*") với khiếu thẩm mỹ và xúc cảm (xem Maynard Solomon, sđd, tr. 40). Cũng do các tài này mà trong thời trưởng thành, khi sáng tác (như bản thảo còn lại cho thấy), Mozart rất hiếm xóa tẩy những dòng nhạc mới viết, có chăng chỉ thêm hay bớt một vài trường canh vì nhu cầu trình diễn. Placidus Scharl, một nhà tu dòng Benedictine, người quen biết gia đình Mozart, đã nhận xét như sau khi nghe Mozart đàn: "Ngay từ lúc mới lên sáu, cậu bé [Mozart] đã chơi được những bản nhạc khó nhất viết cho dương cầm, do chính tay cậu viết ra. [...] Ta chỉ cần cho cậu bất cứ một nhạc đề nào đó của một tấu khúc [*fuga*] hay một '*invention*' ['sáng tạo khúc', thí dụ của Bach]: thế là cậu bé sẽ khai triển nhạc đề đó thành những biến khúc tài tình, lạ lùng [...]."

Từ đó trở đi, trong thời gian ở Salzburg, "cậu bé" Mozart và chị Nannerl đã được bố đưa đi trình diễn tại nhiều thành phố Âu châu, xuất hiện tại các triều đình và tư gia những gia đình quí tộc Âu châu, dự yến tiệc với các vua, chúa, từ Anh, Pháp, tới Áo, Đức. Bảng niên đại về cuộc đời và tác phẩm của Mozart sau bài này sẽ tóm lược cho độc giả những chuyến du hành đó của ba bố con Mozart trong thời gian ở Salzburg. Những "tours" trình diễn đó của hai chị em Mozart –và nhất là của Wolfgang– đã mang lại cho "ông bầu" Leopold nhiều khoản "thù lao" lớn, hoặc tặng vật và bạc mặt, tính ra tương đương với hai năm lương của mình làm việc với tư cách Nhạc trưởng cho triều đình Salzburg.

Trong sự nghiệp "làm ăn" của Mozart, thì người chủ đầu tiên thuê ông là Công tước Tổng giám mục thành quốc Salzburg tên Schrattenbach (trị vì 1753–71). Vị Thái tử này rất chú ý tới sự phát triển âm nhạc triều đình, khoái nhạc viết cho nhạc cụ, gửi các nhà soạn nhạc và nhạc công qua Ý học, và đặt giải thưởng hậu hĩnh cho các sáng tác mới[10]. Ông này lại là người ủng hộ mạnh gia đình Mozart. Mặc dù là một chức vụ không lương (bổ nhiệm làm Nhạc trưởng trong triều đình Salzburg, năm 1769, do sự giới thiệu của cha), nhưng Mozart được Schrattenbach đối đãi rộng rãi, nhất là không những cho phép cả hai bố con nghỉ làm để đi các tour ở Wien, Paris, London và Ý, lại còn trợ cấp những phí tổn du lịch nữa.

Năm 1772, lúc mới 16 tuổi, Mozart được bổ nhiệm làm Nhạc trưởng tại triều đình Salzburg, vừa đúng lúc Schrattenbach hết nhiệm kỳ và được thay thế bởi Công tước Hieronymus Colloredo mới được bầu làm Thái tử-Tổng giám mục Salzburg. Lần này thì Mozart được trả lương, 150 gulden một năm. Năm 1779, ông lại được bổ nhiệm làm đại phong cầm thủ của triều đình (*court organist*), với mức lương tăng gấp ba, 450 gulden một năm. Chức vụ này gồm việc dạy nhạc, đàn trong nhà thờ và ở triều đình, và sáng tác nhạc đạo và đời theo nhu cầu. Trong suốt thời gian làm việc cho Colloredo (trị vì 1772–1803) hai bố con Mozart vẫn được Colloredo cho phép tiếp tục đi tour các thành phố lớn ở Âu châu, nhưng không nhiều và không lâu như mấy năm trước.

Nhiệm vụ chính của nhạc triều đình đích thực là trình diễn tại nhà thờ lớn (*cathedral*), cùng với nhạc nhà thờ và đội hợp xướng nam thiếu nhi (*choirboys*). Ban nhạc triều đình gồm lối 40 nhạc công, có khi nhiều hơn. Họ cũng trình diễn nhạc lễ hội vào dịp Giáng sinh và Tân niên nữa. Ngoài phụng vụ triều đình và nhà hát lớn, họ còn trình diễn tại các trường đại học ở Salzburg, nơi có truyền thống thoại kịch. Cũng từ trường đại học thành phố mà xuất hiện một thể loại đặc thù của Salzburg là dạ khúc cho dàn nhạc (*orchestral serenade*), mà cả Leopold lẫn Mozart đã đều sáng tác nhiều.

Triều đình và nhà thờ ở Salzburg không phải là nơi gặp gỡ duy nhất cho các cuộc trình diễn nhạc giao hưởng hay các thể loại nhạc khác soạn cho dàn nhạc. Nhạc Mozart đã được trình diễn rất nhiều tại tư gia, trong các dịp đám cưới, lễ lạc (do tư nhân đặt viết). Hồi ở Salzburg, Mozart sáng tác khá nhiều giao hưởng khúc và các nhạc khúc khác soạn cho dàn nhạc là vì thế: viết cho tư nhân thuộc những gia đình có quyền thế hoặc có tiền ở Salzburg, và để trình diễn tại các nơi *ngoài triều đình, ngoài Salzburg*! (Xin coi danh sách những sáng tác tuyển chọn trong "Bảng niên đại" nơi cuối bài, khoảng thời gian Mozart làm công cho Colloredo, 1772–1781.) Nào Dạ khúc Haffner, K. 250 (viết cho đám cưới Elisabeth Haffner, con gái của Sigmund Haffner, nguyên thị trưởng và mạnh-thường-

quân của Mozart); nào Hiệp tấu khúc dương cầm K. 246 (viết cho Nữ Hầu tước Lützow, thuộc một gia đình quyền quí cũng ở Salzburg); nào Hiệp tấu khúc cho Hai Dương cầm K. 365 (có lẽ cho chính Mozart và chị Nannerl trình diễn); hoặc cho Ba Dương cầm K. 242 (viết cho Nữ Hầu tước Lodron và hai tiểu thư bà này); nào Tiêu khiển nhạc khúc cung Ré trưởng K. 334 (soạn cho Georg Sigismund nhân dịp ông này vừa đậu luật); nào vở nhạc kịch *Idomeneo* K. 366 (để trình diễn tại Mưnchen), v.v: trong số này có tác phẩm nào được trình diễn tại triều đình đâu! Và đây là một trong những lý do khiến gây ra mâu thuẫn giữa người làm Mozart và ông chủ Colloredo, mâu thuẫn khiến đưa tới sự tuyệt giao giữa hai người, và sự Mozart rời bỏ triều đình Salzburg ra đi, như ta sẽ thấy sau đây.

Colloredo là một nhà cai trị có tầm nhìn xa. Ông muốn hiện đại hóa Salzburg, muốn cải tổ hệ thống giáo dục, muốn cứu vãn tình trạng tài chính phá sản của triều đình lúc đó, và muốn phát huy cả khoa học lẫn nghệ thuật[11]. Nhưng riêng về diện âm nhạc, ông không rộng rãi: như hạn chế nhạc viết cho nhạc khí trong các nhà thờ địa phương, bắt buộc dùng những thánh ca Đức (*German hymns*) thay vì những sáng tác theo nghi thức tế lễ cổ truyền (nhạc phụng vụ bằng tiếng la-tinh của Giáo hội La-mã). Năm 1778, ông ta còn ra lệnh đóng cửa vĩnh viễn nhà hát trong đại học, là nơi diễn kịch của nhà trường. Hơn nữa, ông lại tin tưởng mù quáng vào các nhạc sĩ ngoại quốc, nhất là Ý, tới độ thường đề bạt họ qua mặt các nhân tài địa phương có khả năng hơn. Điều này tất nhiên gây ra bất mãn nơi các nhân viên lâu năm như Leopold và Michael Haydn (1737-1806), em của một trong ba nhà soạn nhạc nòng cốt của thời Cổ điển, Joseph Haydn (1732-1809) —cả hai đều đã được tuyển dụng dưới trào Schrattenbach.

Về phía Colloredo, ông này cho rằng Mozart đã lạm dụng: lương thì lớn, mà mỗi ngày thêm trễ nải; chỉ ham đi tour kiếm "đơn đặt hàng"; chỉ chăm viết nhạc cho các giới quí tộc, v.v. Cho nên, dù rằng trong hai năm 1779 và 1780 Mozart có soạn cho triều đình Nhạc lễ Mixa 'Đăng quang'('*Coronation*' *Mass*), K. 317, và Nhạc lễ Mixa trọng thể (*Missa solemnis*), K. 337, các Kinh cầu buổi chiều (*Vespers*), K. 321 và 339, nhưng Colloredo vẫn không hài lòng. Ông bèn bổ nhiệm Michael Haydn thay thế Mozart vào chức vụ nhạc công đại phong cầm tại nhà thờ lớn của triều đình.

Về phía cha con Mozart, sau khi đã du lịch nhiều thủ đô Âu châu từ bao nhiêu năm, cả hai đều đồng ý rằng tình trạng sáng tác và trình diễn âm nhạc tại Salzburg quá lạc hậu. Ngay từ năm 1763, Mozart *père* đã viết thư về nhà cho biết rằng dàn nhạc ở Schwetzingen "là hay nhất Đức, không thể chối cãi được. Họ gồm toàn người trẻ và tính nết tốt, chứ không phải là hạng rượu chè, cờ bạc hay đổi bạn."[12] Thế rồi năm 1778, lúc còn đang đi tìm việc tại Mannheim nhưng bất thành (một năm trước khi được Colloredo thuê), Mozart *fils* viết thư về nhà cho biết: "một trong những lý do chính khiến con ghét Salzburg [là] bọn nhạc sĩ triều đình [ở đó] thô lỗ, nhếch nhác, đổi bạn. Hỏi có người nào lương thiện, có nền nếp, lại sống được với họ! [...] [Giới nhạc sĩ

Mannheim] chắc chắn là cư xử khác hẳn với bọn nhạc sĩ của mình. Họ lịch sự hơn, ăn mặc đẹp hơn và không đi tửu quán nốc rượu."[13] Vì thấy Colloredo làm ngơ trước những hành vi xấu xa này của các nhạc sĩ đồng nghiệp, cả hai cha con Mozart đều quyết định rút lui khỏi định chế âm nhạc triều đình Salzburg. Hơn nữa, họ thấy nhạc của họ (nhất là của Wolfgang) "hiện đại" hơn (nhất là nhạc soạn cho dàn nhạc và nhạc khí), không mấy người trong triều thích hoặc thưởng thức được. Khoảng đầu tháng 6, 1781, nhân một vụ cãi cọ, xô xát với Bá tước Arco, trưởng quản gia của Colloredo, Mozart bị trự này đá đít (đá thật sự, chứ không phải đá ẩn dụ!) tống ra cửa[14], và sa thải khỏi chức vụ (thi hành lệnh của Tổng giám mục). Và do đó Mozart giã từ Salzburg.

Mozart nhất quyết rời bỏ nơi sinh trưởng để đi Wien sống mặc dù không có một hứa hẹn nào về việc làm ở đó, và bất chấp sự ngăn cản của bố. Leopold luôn luôn nghĩ rằng con mình vẫn còn ngây thơ, dại dột, và đầy ảo vọng (lúc này Mozart đã 25 tuổi!). Ông cho rằng không thành phố nào ở Âu châu có thể coi là "tốt đẹp nhất thế giới" nếu ta không có một bổ nhiệm cố định bất cứ ở đâu, nhất là trong triều đình. Thật ra, Mozart đã lấy quyết định "lập nghiệp" ở Wien từ lâu. Trong một lá thư cho bố từ Wien, đề ngày 4 tháng 4, 1781, hai tháng trước khi bị đá đít đuổi ra khỏi triều đình, Mozart viết: "Con có thể cam đoan với bố rằng đây là một nơi Đẹp Tuyệt Vời – và riêng cho Nghề của con là một nơi tốt đẹp nhất thế giới."[15] Và Mozart đã chứng minh được cam quyết đó bằng sự thành công về danh tiếng, về tiền bạc của mình, trong tư cách là một nghệ sĩ tự do lần thứ nhất trong đời: không phải lệ thuộc vào cha, vào chính quyền, hoặc vào một sự bảo trợ nào khác trong xã hội. Tự do dạy nhạc, tự do trình diễn, và tự do xuất bản. Thêm một tự do nữa, có lẽ quan trọng không kém: chọn người tình của mình để chung sống.

Bởi khi tới Wien khoảng giữa năm 1781, Mozart đến ngay nhà mẹ con Fridolin Weber[16] ở trọ, và một năm sau thì cưới Constanze, con gái giữa của bà góa phụ này (và là em của người tình cũ Aloysia), mặc dù không được sự đồng ý của Leopold (lúc này vẫn ở Salzburg). Nhưng mục đích chính của chàng là chinh phục thủ đô nghệ thuật này của đế quốc Habsburgs. Thực ra, Mozart đã "chinh phục" thành phố này từ lúc mới có sáu tuổi, khi cậu bé thần đồng được mời qua chơi đàn cho triều đình tại điện Schưnbrunn. Hôm đó cậu còn nhảy tót lên ngồi trên lòng nữ hoàng Maria Theresia, và hứa sẽ lấy con gái năm tuổi của bà, Marie Antoinette, hoàng hậu tương lai của Pháp[17]. Năm 1781, Joseph II (1741-90), anh ruột Marie Antoinette, là người cai trị Đế chế la-mã thuộc Đức. Mặc dù đã nhiều lần không thỏa mãn được những yêu cầu của Mozart xin một chức vụ bền vững trong triều, nhưng Joseph II đã biết nhiều và mến phục ông, và chính là người đã đề nghị đặt cậu bé 12 tuổi viết và điều khiển vở hài nhạc kịch *La finta semplice* (Cô gái giả khờ), K. 51, năm 1768.

Trong thời gian Mozart tới định cư ở Wien, triều đình vẫn là nơi có việc làm tốt nhất. Hai định chế âm nhạc trong triều là *Hofkapelle* (Nhà nguyện triều đình) và rạp hát. Nhà nguyện là nơi trình diễn nhạc cho những buổi lễ nhà thờ. Các nhạc sĩ trong triều được thuê làm suốt đời, được tự động lên chức theo qui chế chung, và có quyền lãnh lương hưu trí [18]. Sau một thời gian chờ đợi, mãi tới cuối năm 1787, nhân lúc có chỗ trống (do hai nhạc sĩ qua đời), Mozart mới được bổ nhiệm vào *Kammer Musik* (Nhạc Phòng), một bộ phận của Nhà nguyện, gồm các người hầu cận của Joseph, thường chơi nhạc chung với Hoàng đế tại các phòng riêng (trong số này có Antonio Salieri). Và một năm sau (1788), do có người về hưu, chỉ còn lại hai nhà soạn nhạc triều đình duy nhất, là Salieri (lương 1200 gulden) và Mozart (lương 800).

Định chế âm nhạc triều đình thứ hai là rạp hát, gồm một công ty chính, chuyên diễn thoại kịch Đức, và một công ty phụ, nhỏ hơn, chuyên diễn *Singspiel* (thoại ca kịch: kịch nói có xen vào những bài ca), sau này được nâng cấp thành một công ty hài kịch kiểu Ý, với nhân viên được tuyển dụng từ Ý qua với tư cách thầu khoán. Đây chính là các công ty nhạc kịch của triều đình mà Mozart sau này sáng tác cho họ diễn, như *Die Entfhrung aus dem Serail* (Bắt cóc ở khuê phòng), K. 384, *Le nozze di Figaro* (Đám cưới Figaro), K. 492, và *Così fan tutte* (Đàn bà như thế cả), K. 588.

Một nguồn lợi tức khác cho nhạc sĩ Wien là nhà thờ. Dân thành Wien vô cùng "mộ nhạc" trong nhà thờ. Ngày nào hầu như mọi nhà thờ và nơi thờ phượng tôn giáo tại Wien cũng trình diễn các loại lễ Mixa với đại phong cầm, đội

hợp xướng và dàn đàn dây. Năm 1781, Mozart không coi việc làm với nhà thờ là một ưu tiên cao, vì lương của Nhạc trưởng (*Kapellmeister*[19]), hay của Ca trưởng (*regens chori*) và các đại phong cầm thủ chỉ khoảng 300–350 gulden một năm, thấp hơn sự mong đợi của chàng. Thế nhưng riêng Nhà thờ lớn St Stephen, do thành phố Wien quản trị, lại trả lương cho Nhạc trưởng cao hơn nhiều: 2000 gulden một năm. Mùa xuân năm 1791, Nhạc trưởng nhà thờ này, Leopold Hofmann, đau nặng. Dù ông này đã khỏi bệnh, nhưng Mozart kiến nghị chính quyền thành phố để xin vô làm phụ tá không lương cho Hofmann, hy vọng rằng một khi ông này chết đi, Mozart sẽ được cử lên thay. Thành phố chấp nhận đơn xin. Nhưng Mozart qua đời (tháng chạp 1791) trước Hofmann hai năm (1793)!

Dạy đàn cho giới quí tộc thành Wien (gồm toàn các bá tước phu nhân), và những học trò khác, cũng mang lại cho Mozart nhiều lợi tức đáng kể. Trong những năm cuối đời ông còn dạy sáng tác nhạc. Trong số các học trò này có Franz Xaver Ssmayr, là người giúp ông hoàn tất tập Requiem trước khi ông nhắm mắt.

Ngoài dạy học, Mozart cũng tự mình, hay thuê các diễn viên, ông bầu, nhà soạn nhạc, đạo diễn, ca sĩ và người viết lời cho nhạc kịch, v.v., cùng tổ chức chung những buổi hòa nhạc, hoặc tại hai hí viện của triều đình (Krntnertortheater và Burgtheater), hoặc tại các hội trường nối liền với các tiệm ăn, các sòng bạc (thí dụ Mehlgrube, Trannerhof, và Jahn's Hall). Vào mùa hè cũng có những buổi hòa nhạc ngoài trời. Mozart thâu được bộn bạc từ những buổi hòa nhạc này, nhưng ta không có tài liệu cho biết các con số ước lượng chính xác[20]. Tóm lại, trong 10 năm ở Wien, Mozart đã thành công lớn về mặt vật chất cũng như tinh thần trong mọi lãnh vực về việc làm; ông kiếm được khá nhiều tiền, và danh tiếng ông nổi như cồn tại thủ đô nghệ thuật này. Do đó quyết định rời bỏ Salzburg của Mozart để qua Wien lập nghiệp đã được chứng minh là một quyết định chính đáng, không những thỏa mãn ước vọng của riêng ông, mà còn làm hài lòng cha mình nữa.

(Còn tiếp một kỳ)

(Kỳ chót sẽ đăng trong số sau, với nội dung về những sáng tác của Mozart, cùng sự tiếp nhận những sáng tác đó của các giới âm nhạc và văn học thế giới, xưa và nay.)

Chú thích

[10] *Cliff Eisen, "Mozart and Salzburg", trong* The Cambridge Companion to Mozart, *sđd, tr. 8.*

[11] *Ibid.*

[12] *Ibid., tr. 20.*

[13] *Ibid. Ở Salzburg hồi ấy ai cũng uống rượu nhiều. Riêng nhân viên triều đình lại được lãnh rượu vang để bổ túc tiền lương. Mẹ Mozart nổi tiếng uống rượu, vì chồng mang "rượu lương" về nhà. Tình trạng "sửa" thường xảy ra trong giới nhạc công triều đình ngay trong khi đang ... "thi hành nhiệm vụ." Michael Haydn, bạn đồng nghiệp của Leopold trong triều, luôn luôn sửa, cũng như vợ ông, ca sĩ triều đình Maria Magdalena Lipp, người đóng vai chính trong buổi trình diễn lần thứ nhất tại Salzburg (1-5-1769) vở nhạc kịch* La finta semplice *(Cô gái giả khờ), K. 51, của Mozart. Coi Jane Glover,* Mozart's Women, *sđd, tr. 62.*

[14] *Các nhạc sĩ triều đình Âu châu nói chung thời đó bị coi như đầy tớ, nếu không tệ hơn. Trong một lá thư viết cho bố năm 1781, Mozart viết: "Khoảng 12 giờ trưa – chẳng may lại là hơi sớm cho con– chúng con ngồi vào bàn. [...] Hai người bồi ngồi đầu bàn, trong khi con kém danh dự hơn phải ngồi dưới mấy người nấu bếp." Coi "Mozart en toutes lettres" trong số đặc biệt về Mozart của* Nouvel Observateur, *22-12-2005. Trong triều thì như thế, nhưng ngoài xã hội thì Mozart ngồi chung bàn với giai cấp quí tộc đủ hạng, hoặc với hoàng gia, như một người ngang vai. Ấy là nguồn gốc của sự cay đắng và bất mãn của Mozart đối với triều đình Salzburg nói chung và Colloredo nói riêng.*

[15] *Dorothea Link, "Mozart in Vienna", trong* The Cambridge Companion to Mozart, *sđd, tr. 22.*

[16] Fridolin Weber là bác ruột của Carl Maria von Weber (1786-1876), nhà soạn nhạc và nhạc trưởng Đức, tác giả các nhạc kịch (*Freischütz*, 1821; *Euryanthe*, 1823; *Oberon*, 1826), và những sáng tác xuất sắc cho piano (thí dụ *l'Invitation à la danse*–"Mời khiêu vũ") và cho đơn hoàng quản (clarinet).

[17] *Coi David Sanson, "Vienne—Viva la libertà!", trong số đặc biệt về Mozart của* L'Express, *22-12-2005.*

[18] *Dorothea Link, sđd.*

[19] *Nghĩa nguyên thủy là người phụ trách âm nhạc trong một nhà nguyện, mà trong thời Trung cổ điển hình là trung tâm sinh hoạt âm nhạc. Tiếng Anh là* chapel master, *Pháp là* maytre de chapelle, *Ý là* maestro di capella. *Về sau tước vị đó được dùng như một từ ngữ tỏ ý kính trọng.*

[20] *Trong một lá thư cho bố ngày 19-3-1785, Mozart cho biết ngoài sáu buổi hòa nhạc mua vé trước tại Mehlgrube hết sức thành công (rất nhiều người tới nghe), và nhiều buổi hòa nhạc khác tại nhà tư nhân nữa, chàng còn được 559 gulden do một cuộc hòa nhạc tại rạp hát triều đình, vượt xa sự mong muốn của mình và của bố. (Dorothea Link, sđd, tr. 30).*

Bảng niên đại về cuộc đời và tác phẩm của Mozart

SIMON P. KEEFE SƯU TẬP
(Chủ biên *The Cambridge Companion to Mozart*)

Bảng niên đại bao quát và có hệ thống nhất về đời Mozart, trong đó những tài liệu ở cuối thế kỷ 18 được rải rác xen vào những chi tiết tiểu sử, là cuốn của Otto Erich Deutsch, *Mozart: A Documentary Biography* (Mozart: Một tiểu sử tư liệu), bản [Anh] dịch của Eric Blom, Peter Branscombe và Jeremy Noble (Stanford và London, 1965; ấn bản bìa mềm tại London, 1990). Một danh sách đầy đủ, cập nhật về những tác phẩm của Mozart có thể tìm thấy trong Cliff Eisen và Stanley Sadie (biên tập), '(Johann Chrysostom) Wolfgang Amadeus Mozart', trong *The New Grove Dictionary of Music and Musicians* (Tự điển Grove mới về âm nhạc và nhạc sĩ), xb. lần thứ 2 (29 cuốn, London, 2001), cuốn 17, trtr. 305–37.

1756: Sinh ngày 27 tháng giêng tại Salzburg, người con thứ bảy [và út] của Leopold (1719–87) và Maria Anna Mozart (1720-78). Rửa tội ngày 28 tháng giêng, với tên Joannes Chrysostomus Wolfgangus Theophilius. Trong số các người con trước của Leopold và Maria Anna, chỉ có Nannerl (sinh 30 tháng giêng 1751) là sống sót.

1761: Học chơi [clavicô] các khúc minuet, một điệu hành khúc và một khúc scherzo của Wagenseil.

Sáng tác: Andante cho dương cầm, K. 1a.

1762: Trình diễn với Nannerl ở Mnchen trước mặt Công tước–Giám mục Maximilian Joseph III (tháng giêng). Đi Wien trình diễn nhiều lần với Nannerl trong triều; trong số khán giả có Hoàng đế Francis I và Nữ hoàng Maria Theresia (tháng 9, 1762–tháng giêng 1763).

1763: Đi một "tour" lớn kéo dài ba năm rưỡi ở Âu châu với cha, mẹ và chị (9 tháng 6). Trình diễn tại Munchen, Augsburg, Frankfurt-am-Main và Paris.

1764: Trình diễn cho Vua [Pháp] Louis XV nghe tại Paris trước khi tiếp tục đi qua London. Tại đây gia đình Mozart được Vua [Anh] George III tiếp đón và làm quen với Johann Christian Bach (1735–1752) [con thứ sáu của Johann Sebastien Bach] và nam ca sĩ yêm cát [*castrato*] Giovanni Manzuoli.

Sáng tác tuyển chọn: các độc tấu khúc [đ.t.kh.] vĩ cầm K. 10–15; giao hưởng khúc [g.h.kh.] K. 16.

1765: Ở lại London tới 24 tháng 7, du hành qua Canterbury, Lille, và Antwerp tới Hague, tại đây Mozart trình diễn cho William V, Thái tử Orange-Nassau. Ở Hòa-lan, cả hai chị em Mozart đều bị ngã bệnh thương hàn ruột.

Sáng tác tuyển chọn: hai g.h.kh. K. 19, 22.

1766: Trình diễn tại Hague, Amsterdam, Utrech và Antwerp, đi tiếp tới Paris qua ngả Brussel (tháng giêng–tháng 7). Cho các buổi hòa nhạc tại Dijon, Lyon, Lausanne, Zurich và Munchen trên đường trở về Salzburg (tháng 7–tháng 11). Về tới nhà ngày 29 tháng 11.

Sáng tác tuyển chọn: các đ.t.kh. vĩ cầm K. 26–31.

1767: Đi với gia đình qua Wien (tháng 9) và Bohemia (tháng 10). Cùng với Nannerl mắc bệnh đậu mùa, nhưng cả hai đều sớm khỏi (tháng 10–tháng 11).

Sáng tác tuyển chọn: nguyện ca (hay thánh kinh ca) (*oratorio*), Phần I, *Die Schuldigkeit der ersten Gebots,* (Nghĩa vụ đối với các điều răn thứ nhất), K. 35; g.h.kh. K. 43.

1768: Được Nữ hoàng Maria Theresia và con trai, Hoàng đế Joseph II, tiếp đón ở Wien (tháng giêng). *Bastien và Bastienne* được trình diễn tại nhà Bác sĩ Anton Mesmer ở Wien (tháng 9/10).

Sáng tác tuyển chọn: các g.h.kh. K. 45, 48; vở thoại-ca kịch Đức (*Singspiel*) *Bastien và Bastienne*, K. 50; hài nhạc kịch *La finta semplice* (Cô gái giả khờ), K. 51.

1769: Được bổ nhiệm vào chức vụ Nhạc trưởng (*Konzertmeister)* không lương tại triều đình Salzburg (tháng 11). Chuyến Ý du lần thứ nhất với Leopold [cha], du hành qua Innsbruck tới Verona (tháng chạp).

1770: Trình diễn tại Verona, Milano, Bologna, Firenze, Roma và Napoli, và được các giới quí tộc và quan chức cao cấp tại mỗi thành phố tiếp đón. Ông được Giáo hoàng tặng Phẩm

cấp CựaVàng [*Golden Spur*], cấp Hiệp sĩ, (8 tháng 7) và được nhận là thành viên Ái nhạc Hàn lâm viện [*Accademia Filarmonica*] tại Bologna (9 tháng 10). Vở nhạc kịch *Mitridate* được dựng tại Teatro Regio Ducale ở Milano (26–28 tháng chạp), sau một tuần diễn tập.

Sáng tác tuyển chọn: tứ khúc đàn dây K. 80; các g.h.kh. K. 81, 97, 95, 74; nghiêm [hay bi] nhạc kịch (*opera seria*), *Mitridate, rè di Ponto* (Mitridate, vua xứ Pontus), K. 87.

1771: Tiếp theo các buổi trình diễn tại Venezia (tháng 2–3), Mozart trở về Salzburg với cha (28 tháng 3) sau một chuyến du hành kéo dài 15 tháng. Ý du lần thứ hai (13 tháng 8–15 tháng chạp); trong chuyến đi này điểm nổi bật nhất là cho dựng vở *Ascanio in Albia* tại Teatro Regio Ducale ở Milano (tháng 10).

Sáng tác tuyển chọn: bi kịch *Ascanio in Albia* (Ascanius ở kinh thành Alba), K. 111; các g.h.kh. 110, 120, 96, 112, 114.

1772: Diễn vở bi kịch *Il sogno di Scipione* (tháng 5) nhằm vinh danh Công tước Hieronymus Colloredo nhân dịp ông này vừa được bàu làm Thái tử-Tổng giám mục Salzburg. Được bổ nhiệm làm Nhạc trưởng tại triều đình Salzburg với số lương 150 gulden một năm (tháng 8). Rời Salzburg (24 tháng 10) đi Ý lần thứ ba, tham dự các buổi diễn tập và trình diễn lần đầu vở *Lucio Silla* (tháng 11, 12).

Sáng tác tuyển chọn: hai bi nhạc kịch, *Il sogno di Scipione* (Giấc mộng của Scipione), K. 126, và *Lucio Silla* [nhà độc tài La-mã], K. 135; các g.h.kh. K. 128–30, 132–4; các tiêu khiển nhạc khúc (*divertimenti*) K. 131, 136–8; các tứ khúc đàn dây K. 155–58 (1772–3).

1773: Hoàn tất khúc thánh ngôn ca (*motet*) '*Exsultate, jubilate*', cho lần trình diễn thứ nhất tại Giáo đường Theatine ở Milano do nam ca sĩ yêm cát nổi tiếng Venanzio Rauzzini (17 tháng giêng). Trở về Salzburg (13 tháng 3). Qua Wien với Leopold (14 tháng 7–26 tháng 9) nhằm kiếm được một chức vụ, nhưng không thành.

Sáng tác tuyển chọn: khúc thánh ngôn ca, '*Exsultate, jubilate*' ('Hãy hân hoan, hãy vui sướng'), K. 165; các tứ khúc đàn dây K. 159, 160, 168–73; các g.h.kh. K. 184, 199, 162, 182, 183; h.t.kh. dương cầm K. 175; h.t.kh. vĩ cầm K. 207.

1774: Ở lại Salzburg cho tới khi đi Mnchen (6 tháng chạp) để dự lần trình diễn thứ nhất vở *La finta giardiniera* (13 tháng giêng 1775).

Sáng tác tuyển chọn: H.t.kh. cho kèn fagôt (*bassoon*), K. 191; hài nhạc kịch *La finta giardiniera* (Cô hầu tước giả gái làm vườn), K. 196; các g.h.kh. K. 200–2; dạ khúc K. 203.

1775: Trở về Salzburg từ Mnchen (7 tháng 3). Vở *Il rè pastora* được trình diễn lần đầu tại Cung điện Tổng giám mục ở Salzburg (3 tháng 4).

Sáng tác tuyển chọn: dạ khúc K. 204; bi nhạc kịch *Il rè pastora* (Ông vua chăn cừu), K. 208; các h.t.kh. vĩ cầm K. 211, 216, 218, 219.

1776: Ở lại Salzburg suốt năm và tiếp tục sáng tác rất nhiều.

Sáng tác tuyển chọn: Các h.t.kh. dương cầm K. 238, 242 (cho ba piano), 246; Dạ khúc 'Haffner' [để trình diễn nhân dịp đám cưới Elisabeth Haffner và Franz Xaver Spth], K. 250; các tiêu khiển nhạc khúc K. 247, 251.

1777: Yêu cầu, và được thỏa thuận, bỏ việc làm với Tổng giám mục (tháng 8). Bắt đầu chuyến du hành kéo dài 16 tháng với mẹ (và lần thứ nhất không có cha đi kèm) để kiếm việc làm (23 tháng 9). Đi Mnchen, Augsburg và Mannheim, nơi đây Mozart phải lòng ca sĩ Aloysia Weber [một ca sĩ giọng kim nổi tiếng, là chị của Constanze Weber, vợ tương lai của Mozart].

Sáng tác tuyển chọn: h.t.kh. dương cầm K. 271; các đ.t.kh. dương cầm K. 309, 311.

1778: Rời Mannheim đi Paris (14 tháng 3), tại đây một số tác phẩm của ông, kể cả g.h.kh. 'Paris', được đón nhận nồng nhiệt. Mẹ ông mất (3 tháng 7) [và được chôn cất tại Paris]. Không kiếm được việc làm, ông bỏ về Salzburg (26 tháng 9), qua Strasbourg, Mannheim và Mnchen. Tới ở trọ với gia đình Weber tại Mnchen, nhưng bị Aloysia từ chối.

Sáng tác tuyển chọn: g.h.kh. 'Paris', K. 297; H.t.kh. sáo ngang và thụ cầm, K. 299; các h.t.kh. vĩ cầm K. 301–3, 305, 296, 304, 306; đ.t.kh. đàn phím K. 310; H.t.kh. sáo ngang K. 313; H.t.kh. Sáo ngang / Song hoàng quản (*Oboe*), K. 314.

1779: Trở lại Salzburg (15 tháng giêng). Nhận chức vụ nhạc công đại phong cầm trong triều đình, với số lương 450 gulden một năm. Nhiệm vụ gồm dạy nhạc, đàn trong nhà thờ và ở triều đình, và sáng tác nhạc đạo và đời theo nhu cầu.

Sáng tác tuyển chọn: *'Coronation' Mass* (Nhạc lễ Mixa'Đăng quang'), K. 317; các g.h.kh. K. 318, 319; Dạ khúc *'Posthorn'* ('Kèn tù-và người đưa thư') K. 320; Giao hưởng–Hiệp tấu khúc (*Sinfonia concertante*), K. 364 (1779–80).

1780: Rời nhà đi Mỹnchen một mình (5 tháng 11) để diễn tập và sẽ cho trình diễn lần đầu vở *Idomeneo*.

Sáng tác tuyển chọn: g.h.kh. K. 338; *Vesperae solennes de confessore* (Kinh cầu trọng thể buổi chiều của một linh mục nghe xưng tội), K. 339; Thoại ca kịch Đức *Zaide* (không hoàn tất), K. 344; H.t.kh. cho hai dương cầm, K. 365.

1781: *Idomeneo* được trình diễn lần đầu, rất thành công (29 tháng giêng), có Leopold và Nannerl tới dự trong đám khán giả. Mozart tới Wien (16 tháng 3) để khởi sự sự nghiệp một nhạc sĩ trình diễn và nhà soạn nhạc tự do. Công tước Arco, trưởng quản gia của Colloredo, sa thải Mozart một cách thô bạo [đá đít tống ra cửa] khỏi chức vụ ở Salzburg (8 tháng 6). Leopold luôn luôn tỏ lòng hoài nghi về viễn tượng của Mozart tại Wien, nhưng Mozart nhất quyết ở lại đó.

Sáng tác tuyển chọn: bi nhạc kịck *Idomeneo, rè di Creta* (Idomeneo, vua đảo Crete), K. 366 (1780–1); dạ khúc cho 8 kèn gỗ và kèn đồng, K. 375; các h.t.kh. vĩ cầm K. 376, 377, 380.

1782: *Die Entfhrung* được trình diễn lần đầu tại Burgtheater (16 tháng 7), trước sự hoan nghênh nhiệt liệt của khán giả, và sau đó được trình diễn để vinh danh Đại Công tước Nga quốc (8 tháng 10). Mozart cưới Constanze Weber, em Aloysia (4 tháng 8).

Sáng tác tuyển chọn: Thoại ca kịch Đức, *Die Entfhrung aus dem Serail* (Bắt cóc ở khuê phòng), K. 384; G.h.kh. 'Haffner', K. 385; tứ khúc đàn dây K. 387; các h.t.kh. dương cầm K. 414, 413 (1782–3), 415 (1782 –3).

1783: Cho một buổi đại hòa tấu tại Burgtheater trước sự hiện diện của Hoàng đế Joseph II (23 tháng 3). Đứa con đầu lòng, Raimund Leopold, ra đời (17 tháng 6) nhưng mất hai tháng sau đó. Thăm Salzburg với Constanze (29 tháng 7–27 tháng 10). Dừng lại Linz trên đường về, ông viết vội một giao hưởng khúc, K. 425, để trình bày tại nhà hát thành phố (4 tháng 11).

Sáng tác tuyển chọn: các đ.t.kh. đàn phím K. 330–2 (tất cả trong năm 1781–83); h.t.kh. tù-và đồng K. 417; các tứ tấu khúc đàn dây K. 421, 428; G.h.kh. 'Linz', K. 425; Nhạc lễ Mixa cung Do thứ, K. 427.

1784: Khởi sự chép bảng liệt kê theo chủ đề [nghĩa là theo thể loại, thí dụ giao hưởng khúc, hiệp tấu khúc, nhạc kịch, vv.] ('Der Verzeichñss aller meiner Werke', 'Bảng liệt kê toàn bộ tác phẩm của tôi') (9 tháng 2). Trình bày một loạt những buổi hoà tấu có bán vé trước (*subscription concerts*) tại Tratterhof (tháng 3), giới thiệu các hiệp tấu khúc dương cầm vừa mới sáng tác và khoe với cha là số người mua vé trước rất nhiều. Ngoài ra, ông cho nhiều buổi diễn tấu tại tư gia và một buổi hòa nhạc tại Burgtheater (tháng 3–4). Con trai thứ hai, Carl Thomas, ra đời (21 tháng 9; chết 31 tháng 10, 1858). Ngày 14 tháng chạp ông được chấp nhận gia nhập Hội Tam Điểm 'Từ tâm' ('Zur Wohlţtigkeit').

Sáng tác tuyển chọn: các h.t.kh. dương cầm K. 449–51, 453, 456, 459; ngũ tấu dương cầm và kèn gỗ, đồng, K. 452; đ.t.kh. vĩ cầm 454; các đ.t.kh. đàn phím K. 333, 457; tứ khúc đàn dây K. 458.

1785: Leopold thăm Mozart ở Wien (tháng 2–3), được chứng kiến các buổi hòa nhạc thành công tại rạp hát Mehlgrube tổ chức mỗi ngày Thứ Sáu trong tuần và các buổi trình diễn tại Burgtheater. Mozart, Leopold và Haydn hợp tấu ba trong sáu tứ khúc [đàn dây] mà sau này được đề tặng Haydn (12 tháng 2), khiến Haydn nhận xét với Leopold rằng Mozart là 'nhạc sĩ lớn nhất mà tôi từng được biết, dù với tư cách cá nhân hay qua tên tuổi'.

Sáng tác tuyển chọn: Dạ khúc cho 13 kèn gỗ và đồng, cung Si giáng trưởng (*'Grạn Partita'*, 'Đại Tổ khúc'), K. 361 (có lẽ soạn năm 1783–84); các tứ khúc đàn dây K. 464 và 'Nghịch âm', K. 465; các h.t.kh. dương cầm K. 466, 467, 482; nguyện ca *Davidde penitente* (David sám hối), K. 469; các ca khúc, K. 472–4, 476, 483, 484; tứ khúc dương cầm K. 478; đ.t.kh. vĩ cầm K. 481.

1786: *Le nozze di Figaro* được trình diễn lần đầu tại Burgtheater (1 tháng 5), và sau đó được diễn thêm tám lần cũng tại rạp hát ấy trước khi hết năm. Con trai tên Johann Thomas Leopold ra đời (18 tháng 10), nhưng chết sau đó một tháng.

Sáng tác tuyển chọn: Thoại ca kịch Đức, *Der Schauspieldirektor* (Ông bầu), K. 486; các h.t.kh. dương cầm K. 488, 491, 503; hài nhạc kịch, *Le nozze di Figaro* (Đám cưới Figaro), K. 492; tứ khúc dương cầm K. 493; h.t.kh. kèn tù-và đồng K. 495; tam tấu khúc 'Kegelstatt' ('Bãi chơi ky–*quilles*–' [hồi xưa, na ná như 'bowling' ngày nay]), [viết cho đơn hoàng quản (*clarinet*), trung vĩ cầm (*viola*) và dương cầm], K. 498; tứ tấu khúc đàn dây 'Hoffmeister', K. 499 [Franz Anton Hoffmeister, nhà soạn nhạc Áo, bạn, nhà hảo tâm, và nhà xuất bản nhạc của Mozart; tứ tấu khúc này được Mozart soạn do ủy nhiệm (*commission*) của Hoffmeister, hoặc để trả ông này một món nợ nào đó]; tam tấu khúc dương cầm K. 502; g.h.kh. 'Prague', K. 504; đơn ca khúc với dàn nhạc, *'Ch'io mi scordi di te?'* ('Làm sao anh có thể quên em được?'), K. 505.

1787: Hai lần đi Praha (tháng giêng–2, tháng 10–11), lần thứ nhất để cho các buổi trình diễn vô cùng thành công vở *Figaro* và giao hưởng khúc 'Prague', và sau đó lại cho diễn lại *Figaro* và diễn lần đầu *Don Giovanni* (29 tháng 10). Gặp cậu thiếu niên Beethoven 16 tuổi tại Wien (tháng 4). Leopold qua đời tại Salzburg (28 tháng 5). Con gái Mozart, Theresia, ra đời (27 tháng 12), nhưng mất sáu tháng sau.

Sáng tác tuyển chọn: h.t.kh. tù-và đồng K. 447; hai ngũ tấu khúc đàn dây K. 515, 516; các ca khúc, K. 517–20, 523, 524, 529–31; *'Eine kleine Nachtmusik'* ('Một khúc nhạc đêm nhỏ'), K. 525; đ.t.kh. vĩ cầm K. 526; hài nhạc kịch, *Don Giovanni* (Don Juan), K. 527.

1788: *Don Giovanni* được trình diễn lần đầu tại Wien (7 tháng 5). Mozart sáng tác ba giao hưởng khúc cuối cùng trong vòng hai tháng (tháng 6–tháng 8), nhưng không biết chúng đã được trình tấu lần đầu tại đâu và khi nào. Bị khó khăn tài chánh, ông bắt đầu phải vay mượn tiền của Michael Puchberg, người bạn ở Wien và đồng hội viên Hội Tam Điểm.

Sáng tác tuyển chọn: H.t.kh. dương cầm *'Coronation'* ('Đăng quang'), K. 537; ba tam tấu khúc dương cầm K. 542, 548, 564; ba g.h.kh. K. 543, 550 và *'Jupiter'* ('Mộc tinh'), K. 551; đ.t.kh. đàn phím K. 545; đ.t.kh. vĩ cầm K. 547; tam tấu khúc đàn dây K. 563.

1789: Đi một mình qua Dresden, Leipzig, Potsdam, Berlin – trình diễn cho Vua Friedrich Wilhem II – và Praha để hòng được đặt sáng tác (tháng 4–tháng 6). Một đứa con gái nữa, Anna Maria, chết sớm sau khi ra đời (16 tháng 11).

Sáng tác tuyển chọn: Các đ.t.kh. dương cầm K. 570, 576; tứ tấu khúc đàn dây K. 575; ngũ tấu khúc đơn hoàng quản, K. 581.

1790: *Così fan tutte* được dựng lần đầu tại Burgtheater (26 tháng giêng). Mozart đi Frankfurt (23 tháng 9), tham dự lễ đăng quang tân Hoàng đế, Leopold II, sau khi Hoàng đế Joseph II mất ngày 20 tháng 2. Ông cho các buổi hòa nhạc tại Frankfurt, Mainz và Mnchen, không mấy thành công về mặt tài chánh, rồi trở về Wien (tháng 11).

Sáng tác tuyển chọn: hài nhạc kịch, *Così fan tutte* (Đàn bà như thế cả), K. 588; hai tứ tấu khúc đàn dây K. 589–90; ngũ tấu khúc đàn dây K. 593.

1791: Cho cuộc trình tấu chót trong một buổi hòa nhạc công cộng, với một chương trình gồm Hiệp tấu khúc dương cầm, K. 595 (4 tháng 3). Con trai Franz Xaver Wolfgang ra đời (26 tháng 7; chết 29-7-1844). Qua Praha với Constanze để trình diễn lần thứ nhất vở *La Clemenza di Tito* (6 tháng 9), có lẽ còn điều khiển một buổi trình diễn *Don Giovanni* mấy ngày trước đó nữa. Chỉ một thời gian ngắn sau khi trở lại Wien, vở *Die Zauberflute* được trình diễn vô cùng thành công tại Theater auf der Wieden (30 tháng 9), và được diễn thêm 20 lần nữa suốt trong 6 tuần tiếp theo. Ông bắt tay vào việc sáng tác *Requiem*, ngay cả trong lúc ngọa bệnh lần cuối trong đời (20 tháng 11). Khúc *Requiem*, viết chưa xong, được diễn tập bên giường bệnh của Mozart (4 tháng 12), nhưng ông mất ngay mấy giờ sau đó (12:55 sáng, ngày 5 tháng 12), có thể vì sốt viêm thấp khớp. Ông được chôn tại Nghĩa trang St. Marx ngoài Wien mấy cây số (6 tháng 12).

Sáng tác tuyển chọn: h.t.kh. cho kèn tù-và đồng K. 412; h.t.kh. dương cầm K. 595; ngũ tấu khúc đàn dây K. 614; thánh ngôn ca, *Ave verum corpus* (Xin chào Chân Thể), K. 618; thoại ca kịch Đức, *Die Zauberflute* (Ống sáo mầu nhiệm), K. 620; bi nhạc kịch, *La Clemenza di Tito* (Lòng khoan dung của [Hoàng đế] Titus), K. 621; H.t.kh. đơn hoàng quản, K. 622; *Requiem* (Kinh Cầu Hồn), K. 626.

Cung Tiến dịch

(Những chữ trong ngoặc đơn vuông [... ...] là của người dịch)

Tình Muộn

HÒA ĐA

1

Thầy Hoa lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời quang mây và nắng chan hòa ngoài kia. Hai con sóc đuổi nhau trên cành cây nghiêng qua khung cửa sổ. Trong lòng, thầy có cả chút ngọt ngào lẫn cay đắng.

Có tiếng lịch kịch trong bếp, giờ này bà Hiên, vợ thầy đang lo bữa trưa. Vẳng tiếng phim bộ léo nhéo. Bà Hiên vẫn vậy, thích vừa xem phim, vừa làm gì đó. Đó cũng là niềm vui riêng của bà sau những giờ trồng cây, nhổ cỏ chăm bón ngoài vườn. Thầy Hoa ít khi tham dự vào những sinh hoạt của vợ. Thảng hoặc, thầy cũng ngồi xem phim với bà, nhưng thường bỏ cuộc nửa chừng vì không xem liên tục, chẳng hiểu đầu đuôi. Với lại, khi không có phim mới, bà lôi phim cũ ra xem đi xem lại. Bộ phim bà ưa thích nhất là phim "Bản Tình Ca Mùa Đông."

Từ ngày hai vợ chồng về hưu, thì giờ như nhiều ra. Mấy đứa con gắn cable, mua TV đời mới, màn ảnh rộng, gắn trên tường. Thường ngày, mỗi buổi sáng, sau khi đi bộ chừng nửa giờ quanh xóm, thầy bắt đầu theo dõi thị trường chứng khoán, mua bán cổ phần các công ty. Thầy ăn cũng nhiều, mà thua cũng lắm. Thầy coi đây như một thú vui, cũng là cách thử thách sự nhạy bén của trí tuệ. Thầy vẫn thường tự hào sau hơn hai mươi năm trong thị trường, thầy về hưu với tình trạng tài chánh tương đối khá, một phần nhờ vào đầu tư. Bà Hiên không hiểu nhiều về cái gì gọi là đầu tư, tiền kiếm được sau bao năm lăn lộn trong nghề nail, bà nhốt hết vào mấy cái CD và trương mục tiết kiệm của ngân hàng, tiền lời dư cho bà mua mấy băng hay dĩa phim truyện bà thích, hay thỉnh thoảng về Việt Nam thăm bạn bè và bà con. Thầy cũng chẳng phản đối gì việc làm của bà, vì thầy cho rằng, bà có quyền hưởng thụ thành quả công việc của bà sau hơn hai mươi năm nơi xứ người. Công bình mà nói, công sức của bà nhiều hơn của thầy, ít ra từ ngày hai vợ chồng cùng bốn đứa con thành công trong cuộc vượt biên do người học trò cũ tổ chức. Giai đoạn đầu, nhờ khả năng Anh ngữ, thầy sớm gầy dựng một cuộc sống tương đối thoải mái cho gia đình. Vài năm sau, bà Hiên học nail, đi làm, mở tiệm... thừa thế đang có, bà học luôn nghề tóc, mở tiệm tóc... làm nhiều, khai ít, tiền mặt không bao giờ thiếu. Ngày hai ông bà về hưu, bà sang lại cả bốn tiệm vừa nail vừa tóc, thu về gần triệu bạc, gửi ngân hàng. Các con lần lượt hoàn tất đại học, đi làm, lập gia đình ra riêng, bỏ lại hai ông bà sống trong một căn nhà bốn phòng, hai tầng trị giá gần ba trăm ngàn đã trả đứt.

Lòng kính nể của bà Hiên đối với thầy cũng giảm dần, cùng nhịp với sự thành công về tài chánh của bà. Tình yêu và lòng kính trọng chồng cứ mòn dần với thời gian. Bà cũng không nhận ra là từ lúc nào bà không thấy những lời nói của ông là cần phải nghe nữa. Có lần, bà nói thẳng giữa đám bạn bè trong một tiệc cưới:

- Nghe lời ổng, không chừng bây giờ tụi tôi phải sống nhờ vào tiền trợ cấp của nhà nước rồi. Không có tôi lo làm ăn, còn lâu, ổng mới được như bây giờ. Có bao nhiêu tiền, ổng đem đầu tư hết, muốn mua cái áo mới, chiếc nhẫn đẹp... lần nào ổng cũng nói "không có tiền."

Thầy chỉ cười độ lượng tha thứ cho tính thiển cận của bà. Từ ngày hái ra tiền, bà đã quên nhiều thứ, kể cả tình vợ chồng và những lúc gian nan sau tháng Tư Bảy Lăm, cũng như khi vừa định cư.

Nắng vẫn chan hòa ngoài kia. Thầy bỗng nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn đọc được ngày xưa, khi còn là học sinh trung học: "Một người lái buôn Ả Rập trên đường đi buôn, hết cả nước khi băng ngang sa mạc nóng bỏng. Ông nhìn thấy một ốc đảo, chạy vội đến, nhưng thất vọng khi chỉ thấy vài bụi cây quanh một vũng khô cạn nước. Chợt nhìn thấy bên cạnh có túi da, ông nhặt lên với hy vọng tìm thấy nước, khi mở

ra, chỉ thấy toàn kim cương. Ông ném túi xuống thở dài: Ôi chỉ là kim cương, cái ta cần bây giờ là nước..."

Hai người sống cạnh nhau, nhưng ai có việc riêng nấy và không ai chạm vào ai. Hai người cũng mất thói quen nói chuyện với nhau, có chăng là những khoảng thời gian con cháu về thăm, thường là vào cuối tuần, hay những dịp lễ lớn. Cũng đôi ba lần trong năm, hai người cùng đi chung với nhau trong những đám cưới. Còn thì cả hai sống trong thế giới riêng của mình. Bà đi mua sắm với bạn bè, thầy không đi theo, ở nhà xem CNBC theo dõi thị trường. Cuối tuần, thỉnh thoảng có cuộc họp mặt đồng hương, thầy đi một mình, bà ở nhà mê mải theo dõi những chuyện tình tay ba, tay tư, chuyện tình lòng vòng của phim bộ. Cảnh đồng sàng dị mộng này dễ chừng đã ba năm nay từ lúc ông nghỉ hưu, bà cũng về hưu non.. Nói là đồng sàng cho có vẻ, chứ thật ra, thường thầy ngủ luôn trong phòng làm việc. Mà hai người cũng mặc nhiên chấp nhận việc ấy, thầy có thể tránh được cái âm thanh léo nhéo của phim bộ mà thầy cho là mất thì giờ; còn bà có thể tự do xem thỏa thích, cho đến khi nào mỏi mệt thì đi ngủ, có khi đến hai ba giờ sáng, khỏi sợ phiền, cũng tránh được tiếng ngáy khó chịu của chồng.

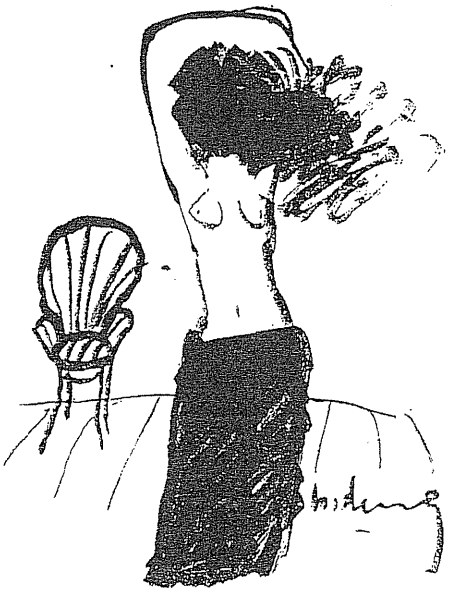

Nói cho cùng, bà cũng không để thầy thiếu thứ gì, bà vẫn lo liệu cho thầy từ quần áo, đến bữa ăn. Người ngoài nhìn vào, ai cũng nói vợ chồng thầy sống hạnh phúc, một cuộc sống mẫu mực được nhiều người ước ao. Nhưng riêng giữa hai người với nhau, cả hai đều thấy giữa họ chỉ còn nghĩa, chứ không còn tình. Cái nghĩa của cuộc hôn nhân gắn hai người với nhau gần bốn mươi năm, bốn mặt con, sĩ diện với con cái, thông gia, người thân và bạn bè... Thầy Hoa không tìm thấy sự ấm áp của tình vợ chồng già, không tìm thấy người bạn đường hồi nào luôn khâm phục, chia sẻ những ý tưởng, việc làm của thầy. Đôi lúc riêng tư, những cử chỉ thân mật ngày nào chỉ được đáp trả bằng những tiếng hứ lạnh lùng cụt lủn hay câu trả lời phũ phàng. Trong những lúc gia đình đông đủ, nhiều khi bà còn có cách nói làm mất mặt thầy trước con cái. Thầy không chấp vì nghĩ rằng bà muốn tìm cách chứng tỏ bà là người quan trọng trong gia đình.

Khoảng thời gian sau này, thầy sống trong cô đơn. Còn nhớ ngày xưa, quê thầy ngoài Trung, mùa hạn làm cây cỏ khô héo, chỉ cần vài trận mưa rào, cây lại có sức sống, nụ xanh lại nhú. Bây giờ, thầy như một cây khô trong mùa hạn mong chờ mưa rào.

2

Thứ Bảy hôm đó, thầy đi dự buổi họp mặt cựu học sinh của trường ngày trước. Rủ vợ đi, nhưng bà Hiên than mệt từ chối, dù ngày xưa bà cũng là một cựu học sinh của trường. Thầy cũng biết, mệt chỉ là cái cớ, từ lâu rồi bà Hiên vẫn không thích đi chung với chồng đến những chỗ họp mặt tương tự. Lần trước Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh của trường tổ chức ở tiểu bang khác, thầy không tham dự. Lần này, tổ chức tại đây, ban tổ chức đã liên lạc gửi thiệp mời. Thầy cũng muốn nhân dịp này gặp lại những gương mặt thân thương ngày xưa, đồng nghiệp và học sinh cũ. Thầy không ngờ buổi họp mặt đó đã ghi một dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn tưởng như khô héo của thầy.

Thầy đã ngỡ ngàng khi một cựu nữ sinh - không còn trẻ nữa - lên sân khấu, gõ nhẹ vào micro, lên tiếng:

- Trong không khí đầm ấm và đầy kỷ niệm của một thời cùng quây quần bên mái trường thân yêu ngày nào, tôi xin góp vui bằng một bản nhạc tiền chiến mà ai cũng biết, và cũng để riêng tặng thầy Hoa, người thầy ngày nào tôi hằng ngưỡng mộ...

Thầy giật mình nhìn lên, không nhận ra người hát là ai. Sau hơn mười năm trên bục giảng, thầy có cả ngàn học sinh cũ, làm sao nhớ hết... Nhưng lời ca của bài Tà Áo Xanh và giọng ca đó đã đưa thầy về những ngày tháng cũ. Chắc đúng rồi! có lẽ là Lan rồi. Thoáng chút bối rối nhìn quanh, nhưng thầy không làm gì khác được trong tình huống này.

*

Ngày đó, Thầy mới hai mươi ba, tốt nghiệp Đại Học sư phạm, dạy tại một tỉnh lỵ nhỏ bên bờ Cửu Long. Lan là học sinh Đệ Nhị A. Mười tám tuổi, con gái vùng sông sâu nước chảy có tiếng là đẹp. Lan học giỏi, là phó trưởng lớp học tập, con một thương gia giàu có, dư điều kiện cho bao chàng trai theo đuổi. Nhưng tâm hồn trong trắng ấy chỉ vương vấn một người, Thầy Hoa, giáo sư hướng dẫn lớp. Mối tình thầm lặng đơn phương ấy lâu ngày rồi cũng lộ. Bạn bè dần nhận ra tình cảm của Lan đối với ông thầy trẻ độc thân, tài hoa qua những lời nói vô tình, cử chỉ lãng mạn, ánh mắt mộng mơ say đắm nhìn thầy như chiêm ngưỡng một thần tượng. Thầy vẫn vô tình không biết hay làm như không nhận biết tình cảm đặc biệt ấy. Cho đến một ngày, thầy vào lớp, ngay giờ thứ nhất của buổi học, trên bảng đen là một đóa hoa lan vẽ bằng phấn. Cả lớp đứng lên chào thầy, nín lặng một cách cố ý, chờ xem phản ứng, trong khi Lan đang cúi mặt bẽn lẽn mân mê tà áo dài. Thầy Hoa ra dấu cho học sinh ngồi, thản nhiên bôi bảng, bắt đầu giảng bài. Tuần sau, cũng giờ học đó, trên bảng lại có hình đóa hoa, bên dưới còn thêm hai chữ in HOA LAN, tuồng như cố ý phụ đề cho hình vẽ.

TRẦN MỘNG TÚ

TRONG HỒN EM CÓ SẴN MỘT CÁNH ĐỒNG

Anh ạ, Trời cho em nhiều quá
một vầng hồng của những sáng mùa xuân
một trưa vàng nắng chẩy mật ong
của ngày hạ trên cánh đồng hoa dại
em có mùa thu với mây như khói
những đóa tuyết tan ở giữa tách trà
Trời còn cho em cả một chuyến phà
chở dĩ vãng trên dòng sông thơ dại
em chở cả vết thương chiến tranh mang đến cho em thời con gái
em đã nhìn xuống vết thương như nhìn
những mảnh vỡ đêm rằm
em đặt tên cho giọt lệ là những giọt trăng
nên nỗi buồn em tan thành thơ tất cả

Anh ạ, Trời cho em nhiều quá
hai tay tràn không biết cất vào đâu
tiếng thở dài em nạm hạt trân châu
sự bất hạnh em mạ bằng kim nhũ
em đứng thẳng những hôm trời trở gió
khẽ nghiêng mình khi bão đến bên hiên
em hân hoan khi anh bước lên thềm
nhưng nếu anh quay đi
thì em chỉ nhìn theo lặng lẽ
vì em có trong hai bàn tay nhỏ bé
những câu thơ như hạt ngọc nẩy mầm
trong hồn em có sẵn một cánh đồng
đang thở nhẹ
chờ những hạt thơ rắc xuống.

Thầy Hoa lại bôi bảng, nhưng lần này thầy nghiêm trang nói:

- Hôm nay, tổ nào trực lớp? Qui định của trường là bảng phải được lau sạch trước khi giáo sư vào lớp, các em biết chứ? Cuối giờ, tổ trưởng và phó trưởng lớp trật tự xuống phòng Tổng Giám Thị gặp tôi.

Sau đó, thầy thản nhiên giảng bài. Cả lớp im phăng phắc.

Chuyện cũng qua đi, lớp học không còn dám nói bóng gió gì về chuyện ấy nữa... cho đến một ngày, thầy bệnh, không đi dạy được. Giám thị vào lớp báo tin, mang theo bài kiểm thầy gửi vào để giữ lớp ngồi yên trong lúc các lớp khác đang có giờ học bên cạnh. Lan bứt rứt không yên, làm bài không được... Tối hôm đó, Lan tìm đến nhà trọ của thầy, mang theo một gào mên cháo cá giải cảm vì biết thầy Tùng ở trọ chung đã về Sài Gòn vào cuối tuần. Lan ép thầy ăn hết cháo bằng nước mắt của mình... Khoảng hơn tuần sau, trong lúc Thầy Hoa đang ngồi uống cà phê, Lan ghé vào nói nhanh "em gửi trả thầy cuốn tập" rồi hấp tấp bỏ đi ngay. Thầy sững người, nhưng cũng đủ tế nhị không nói gì giữa chốn đông người... Về nhà, thầy mở tập, một phong thư còn đượm mùi thơm nhè nhẹ rơi ra.

"Thầy yêu,

... Tối hôm qua, em đã soi gương rất lâu để biết mình không phải là một cô gái xấu, nhưng sao thầy cứ hờ hững? Em phải làm gì, em van thầy nói cho em biết, em phải làm gì để thầy thấu rõ tấm lòng của em.

... Em đã ôm gối khóc rất nhiều trong những đêm vắng cô đơn.

Tại sao em không yêu ai khác mà yêu thầy? Yêu thầy của mình đâu phải là thứ tình yêu tội lỗi, vậy tại sao em phải dấu kín nỗi lòng?...

... Em chép lại đây những dòng thơ tình của cô học trò xứ Huế trót yêu thầy giáo của mình, để thầy hiểu rõ nổi lòng cô học trò bé bỏng này của thầy:

Chi lạ rứa? chiều ni tui muốn khóc
Ngó chi tui? đồ cỏ dại hoa hèn,
Nhìn chi tui? hình đom đóm trong đêm
Cho thêm tủi bên ni bờ cô tịch.
Tui mơ ước, không bao giờ tuyệt đích,
Tui van xin, răng mà nớ cứ làm ngơ.
Rồi ngó chi tui? chi lạ rứa hững hờ.
Ghét? yêu mến? vô duyên và trơ trẽn!
(...)

Thầy ơi! em có phải thứ cỏ dại hoa hèn đó không thầy?..."

Thư Lan kín bốn trang giấy học trò, giải bày mối tình si mê cuồng đắm đơn phương của mình. Lan cũng không dấu giếm ý nghĩ của mình là sẽ chờ đợi... không phản lại lòng mình dù không được đáp trả...

Thầy nhắm mắt thở dài: đáp trả gì? chờ đợi gì? Với thầy, Lan chỉ là một học sinh như bao học sinh khác. Có chăng là tình cảm vô cùng trong sáng của thầy đối với trò. Thầy cũng đang có một mối tình say đắm với cô nữ sinh viên Văn Khoa, Hiên, cũng là học sinh của trường, trước khi thầy về dạy mấy năm. Họ quen nhau từ lúc thầy Hoa còn học sư phạm, và cũng vì yêu Hiên nên khi tốt nghiệp, thầy xin về đây dạy để biết rõ thêm về quê hương người yêu của mình. Thầy không thể san sẻ tình yêu nam nữ với ai khác ngoài Hiên. Cho nên với tình cảm của Lan, thầy chỉ ghi mà không nhận. Thầy cũng nghĩ rằng, tình yêu của Lan chỉ là tình lãng mạn của tuổi mới lớn, rồi thời gian sẽ làm cho Lan quên đi mối tình vô vọng đơn phương của mình.

Cuối năm học, những giây phút liên hoan văn nghệ lớp xôn xao trong buổi học cuối trước lúc chia tay nghỉ hè, Lan hát bài "Tà Áo Xanh," mắt đắm đuối nhìn thầy Hoa, nàng đã cố ý đổi chủ từ trong lời ca, cả lớp biết Lan mượn lời ca để tỏ nỗi lòng không còn muốn che dấu "*...em còn nhớ anh nói rằng: khi nào em đến với anh, xin đừng quên chiếc áo xanh... anh ơi có tình nào không phai như tình em với anh.*"

Cuối bài, Lan gục xuống bàn khóc.

Nắng quái buổi chiều còn đọng trên các cành phượng vĩ đỏ rực trong sân trường đang vắng dần bóng học sinh... Liên, bạn của Lan, đến gần thầy ngập ngừng:

- Lan còn ngồi khóc trong lớp, em nói mấy nó cũng không về. Em sợ nó làm bậy, có lẽ chỉ có thầy nói nó nghe.

Thầy Hoa thấy lạnh dài theo xương sống, nhưng cũng rảo bước về phía lớp học. Liên tế nhị tránh mặt.

... Lan ngẩng lên, nhìn thầy Hoa qua màn lệ rồi không kềm chế được lòng, Lan ngã vào lòng thầy nức nở.

- Thầy ơi, em yêu thầy, em yêu thầy, em yêu thầy. Thầy có biết em yêu thầy đến mức nào không?

...

Sau hè đó, hình như gia đình Lan biết chuyện, gửi nàng về Sài Gòn ở với người cô học tiếp. Thầy Hoa và Lan cũng không gặp lại nhau từ dạo ấy

*

Sau tháng Tư Bảy Lăm, cơn lốc cuốn mọi người theo mọi hướng, thầy Hoa bị cho nghỉ việc và đi học tập cảo tạo vì là sĩ quan biệt phái. Sau khi ra trại ít lâu, gia đình thầy cùng người học trò tốt bụng vượt biên. Trong chuyến hải hành đó, Tuấn, bạn học cùng lớp với Lan ngày xưa, kể cho thầy Hoa nghe chuyện tình của Lan đối với thầy lúc đó mà cả lớp đều biết... chuyện Lan cạo đầu để phản đối cha mẹ khi bị ép đi Sài Gòn... Chuyện Lan tuyên bố không lấy chồng và dọa sẽ tự vẫn nếu gia đình làm quá... chuyện Lan vượt biên hai năm trước, nghe nói bị hải tặc Thái Lan cướp tàu và mất tin từ đó. Thầy Hoa ngồi yên nghe, trong lòng có chút ngậm ngùi, nhớ lại hình bóng mảnh dẻ của Lan và khuôn mặt thanh tú đẫm lệ của nàng khi ngã vào lòng thầy buổi chiều cuối năm học nào. Thầy đã đưa khăn cho Lan thấm nước mắt, an ủi, vỗ về nàng như an ủi một cô em gái dại dột. Thầy đã cố vận dụng mọi khéo léo và uy tín của mình để khuyên Lan về nhà...

3

Những bận bịu mưu sinh nơi xứ người làm thầy quên đi chuyện cũ cho đến khi nghe lại bài Tà Áo Xanh với lời ca bị đổi chủ từ một cách cố ý, với ánh mắt đắm đuối nhìn mình như thủa nào, thầy thấy tim mình như thắt lại, không dám tin người đang hát chính là Lan.

Bài hát dứt, tiếng vỗ tay râm ran lôi thầy trở lại thực tế. Người ca sĩ bước xuống bục, tiến về phía thầy Hoa.

- Thưa thầy! thầy còn nhớ em chứ, thầy cho em ngồi đây với thầy một chút được không?

- Lan phải không? - Em ngồi đi

- Cám ơn thầy còn nhớ tới em.

- Bây giờ em đang làm gì? gia đình ra sao?

- Trước em làm cho Compaq bây giờ là Hewlett Packarg đó.

Câu chuyện có tính xã giao kéo dài không lâu. Lan xin địa chỉ email và số điện thoại của thầy Hoa.

Sau buổi họp mặt, Lan mời thầy đi uống cà phê, sau đó về khách sạn nàng đang ở. Lan đã kể vắn tắt chuyện đời mình một cách bình thản.

Lan xa thầy từ lúc đó, nhưng trong tim hình ảnh thầy không bôi xóa được. Lan vẫn âm thầm theo dõi bước chân thầy. Ngày thầy lập gia đình, Lan đã nuốt trọn lọ thuốc ngủ để quyên sinh, nhưng trời chưa bắt chết nên khiến Liên tình cờ đến chơi, khám phá đưa nhà thương cấp cứu. Nàng không thể còn yêu ai được nữa, cho đến khi vượt biên vào năm bảy tám. Sau ba ngày lênh đênh trên biển, tàu vượt biên bị hải tặc Thái Lan cướp ba lần, lần nào đàn bà trên tàu cũng bị làm nhục. Lần cuối, bọn chúng sau khi thỏa mãn thú tính, húc cho tàu chìm để phi tang. Nàng nghĩ đã đến lúc phủi sạch nợ đời... nhưng khi tỉnh dậy nàng thấy mình đang ở trên đất liền, sau mới biết là trại Palawan ở Phi Luật Tân. Từ đó, Lan coi như mình đã chết. Sau một thời gian định cư trên đất Mỹ, nàng chấp nhận lập gia đình với một người bản xứ. Chẳng may, chồng Lan là một kẻ nghiện rượu và chết trong một tai nạn xe khi đang say. Ngày đó cách đây cũng hơn mười năm. Lan chán, sống một mình cho đến ngày nay với cái tên nửa Việt nửa Mỹ: Lan Mc. Lain. Hai năm trước đây, cũng trong một hội ngộ cựu học sinh của trường, Lan biết thầy sống ở thành phố này. Nên lần hội ngộ này, Lan nhất quyết tham dự, với lòng mong ước gặp lại người xưa, dù nàng không biết thầy có đến hay không.

Lan nói, mắt vẫn nhìn thầy với ánh mắt thiết tha của năm nào. Thầy Hoa ngồi nghe, trong lòng có chút bùi ngùi. Thầy đã thoáng thấy phần nào ân hận và có chút trách nhiệm cho cuộc đời đầy gian truân của Lan, dù thầy chẳng có lỗi gì...

Lan đã vòng ra sau lưng, choàng hai tay qua vai, tựa đầu lên mái tóc đã điểm bạc của thầy, thổn thức. Tiếng Lan tha thiết, van nài:

- Thầy hôn em một lần đi! Em ao ước được thầy ôm hôn em, dù chỉ một lần thôi, em cũng mãn nguyện rồi, em sẽ không làm gì tổn thương tới gia đình thầy đâu. Ngày mai, em về Cali đi làm lại, rồi chúng ta lại mỗi người một ngã... không lẽ chỉ một ao ước nhỏ nhoi trong bao năm rồi của em cũng không được thỏa nguyện?

Thầy Hoa thấy có chút gì rạo rực trong lòng. Bất giác, thầy quay lại, ôm Lan vào lòng...

Ngoài kia, trời bỗng đổ mưa.

Houston, tháng 6 - 2006

THẾ GIỚI CỦA MỢ

TRẦN MỘNG TÚ

Gửi chị Nga và Lan Hương

Chiều hôm nay con mang thức ăn đến cho Mợ, Mợ không nhận ra con. Thật ra lâu lắm rồi Mợ đâu có nhận ra bất cứ ai nữa. Mợ ngoan hơn cả một em bé. Em bé còn biết đòi cái này, vứt cái kia, còn Mợ thì không. Khi bón thức ăn thì Mợ há miệng rồi ngậm miếng ăn, không nhai, không nuốt ngay nhưng không nhè, không phun ra. Mợ không khóc, không phàn nàn, không theo ai và không vòi vĩnh điều gì. Mợ lơ mơ trong một giấc mơ dài, một thế giới riêng biệt mà con không có quyền vào. Mắt Mợ nhìn nhưng Mợ có thấy gì không? Tai Mợ nghe nhưng Mợ không đáp lại. Mợ ngồi dậy được nhưng con phải đỡ Mợ thì Mợ mới ra ghế ngồi cho con bón, còn không thì Mợ vẫn chỉ nằm nghiêng quay mặt về bên phải, nhìn vào bức tường, Mợ nằm bất động dưới cái chăn mầu tím.

Tôi nằm nhìn vào bức tường trước mặt, tôi nhầm rồi, không phải bức tường. Đó là một dòng sông mùa xuân, tôi thấy một bầy cá mầu vàng và những người đàn bà mặc áo tím, họ cùng bơi với nhau trong sông dưới những bụi cây dương sỉ. Tôi nghe thấy bầy cá cất tiếng hát, những người đàn bà hát theo, họ vừ hát vừa bắt đầu bắc chảo xào cốm, làm những chiếc bánh gói lá chuối xanh biếc. Tôi và con gái tôi cùng đến phụ làm. Chúng tôi vừa làm bánh vừa hát và bơi chung với bầy cá vàng, tiếng hát vang vang trong dòng sông mùa xuân đó.

Chiều nay Mợ tỉnh táo hơn một chút, khi con vào, con thấy Mợ nằm co người lại, con gọi khẽ: *Mợ, Mợ ơi!* Mợ mở mắt ra nhìn, và hình như Mợ nhận ra con vì con thấy Mợ cố gắng ngồi dậy, Mợ hơi mỉm cười độ một hai giây rồi cặp mắt lại vô thần trở lại. Con đỡ Mợ ngồi dậy và ôm chặt Mợ vào hai cánh tay con, Mợ làm con ngạc nhiên khi trả lời câu con hỏi *Mợ có đói không*? Bằng câu *Không đói*. Đã lâu lắm rồi con đâu được nghe Mợ nói. Nhớ ngày con còn nhỏ bị Mợ la mắng, nói hoài không hết lời. Con không muốn nghe mà vẫn phải nghe. Giờ đây con chờ đợi từng câu Mợ nói như người ta chờ bẫy một con chim. Con nghe Mợ nói được hai tiếng là con hạnh phúc lắm rồi, khác nào bắt được một lúc cả hai con chim. Mợ lại đưa hai tay ra ôm lấy trán con, kéo mặt con xát vào mặt Mợ, rồi Mợ hôn lên trán con, làm con muốn ứa nước mắt, nhưng con làm gì có nước mắt mà ứa. Mợ biết là con bị bệnh khô mắt đã lâu, Mợ tha lỗi cho con nghe Mợ.

Rồi con lại nghe Mợ nói: *Chị ơi, em mừng quá.*

Mùa xuân, buổi chiều thong thả xuống, rung nhẹ những khóm hoa xanh bên ngoài phòng Mợ, con ngồi ôm Mợ như thế, vuốt tóc Mợ và nói chuyện để Mợ nghe.

Lâu quá em không gặp chị, chị tới thăm em thật là tốt quá, chị không đi làm à? Hôm nay có phải là ngày lễ không? Lễ Tạ Ơn hay Lễ Giáng Sinh? Chị thật tốt cứ cho em ăn hoài, nhưng em không thấy đói. Ước gì em ngồi dậy được, em nấu món gì mời chị ăn.

Chị yêu quý của em, chị đến với em em mừng lắm.

Đột nhiên Mợ giơ cả hai tay ra ôm choàng lấy con, rồi nói *Em nhớ chị quá.*

Buổi chiều xẩm lại bên ngoài rồi, Mợ và con ngồi ôm nhau như thế, chỉ còn mình con nói, Mợ đã trở nên thinh lặng. Khoảng thời gian từ chiều đến tối con ôm Mợ như ôm một con búp bế nhồi bông, con búp bế không nghe, không nói, không nhìn.

Tôi bước vào chợ, ngôi chợ xây trên một vùng núi, ở đó mỗi người ngồi bán hàng trên một đỉnh ngọn núi, Tôi dắt hai đứa con gái ra bờ sông, ở sông cũng có người bán hàng, tôi mua cho hai con tôi những chiếc áo may bằng cầu vồng nên có mầu sắc rất đẹp, tôi mua cho tôi một đôi giầy làm bằng hoa hướng dương. Ba mẹ con tôi uống một thứ nước mầu hồng trong những chiếc ly mầu tím. Chúng tôi ăn những phần bánh cốm còn sót lại trong chảo. Một đám mây mầu xám bỗng từ đâu kéo tới.Tôi đi tìm những bông hoa mầu tím cho hai cô con gái nhỏ của tôi, tội tìm mãi không có bông hoa nào, chỉ nhặt được những cụm mây tròn mầu xám, tôi cài trên tóc hai con, chúng bây giờ trông như những cái nấm biết đi. Cả ba chúng tôi bồng bềnh trôi, trôi đi, trôi đi.

Con biết Mợ có thế giới riêng của Mợ mà con không thể nào bước vào được. Con đứng ở ngoài nhìn vào, đôi khi con muốn theo vào với Mợ, xem thế giới của Mợ ra sao, nhưng con lại sợ sệt nhìn cánh cửa đó. Nếu cánh cửa đó thật sự mở ra, liệu con có dám bước vào? Con để Mợ ở trong đó một

mình, chắc là Mợ cô đơn lắm. Mợ tha lỗi cho con. Con không vào nhưng con luôn nhớ là Mợ ở sau cánh cửa đó. Mợ có vui trong thế giới đó không hả Mợ? Bây giờ, đôi khi con tự hỏi thế giới của Mợ, và thế giới của con đang sống bây giờ, cái nào là thật, cái nào là giả. Mợ ở trong đó nhìn ra, có thương xót cho con như con đang xót xa cho Mợ hay không?

Tôi nhìn thấy bên ngoài cánh cửa mở rộng đó có một ngôi mộ, ngôi mộ đó thật là cao, đắp sẵn cho ai đó. Tôi không vào đâu "Chị ơi, đừng để em chết nhé." Tôi đang đi mua bán trong phố thế này, tôi đâu có muốn bước vào ngôi mộ đó. Ở phố này người ta bán chăn, những tấm chăn có mầu tím làm bằng rong biển, mỗi lần tôi đắp vào là tôi bơi được, có tấm làm bằng lông chim, cũng mầu tím nữa, tôi mà ôm cái chăn này vào lòng là tôi bay được. Tôi quấn cả ba mẹ con tôi vào những tấm chăn làm bằng lông chim. Chúng tôi bay, bay mãi, bay mãi, bay vào bầu trời cũng mầu tím.

Mợ ơi, con lại vào với Mợ đây. Con đỡ mợ ngồi dậy, con kể cho Mợ nghe về giấc mơ đêm qua của con, Mợ có nghe thấy gì không? Con mầm mơ thấy mình đi trên một con đường nhỏ, phía trước mặt con có hai cánh cổng sắt hé mở, con lách mình vào lại thấy một cánh cổng khác nữa, con đi như đi trong một buổi chiều, con không biết là có nhìn thấy hoa cỏ, cây lá gì trên đường hay không? Nhưng ánh sáng vàng vọt của buổi chiều cho con thấy Mợ đi phía trước, con chạy theo gọi *Mợ ơi! Mợ ơi!* Nhưng Mợ hình như không nghe con gọi, Mợ bước đi và đi thật nhanh, con chạy theo kịp Mợ nhưng con lại không tìm thấy bàn tay Mợ. Mợ như đi vào một nơi vô định. Con không thấy nét sợ hãi trên mặt Mợ, nhưng Mợ ngơ ngác thất thần như người đi lạc, Mợ cũng không tỏ vẻ muốn tìm kiếm một vật gì, nhưng hình như Mợ cũng không muốn quay lại. Mợ cứ loanh quanh đi mãi, không đói, khát, không mỏi mệt. Thế giới chung quanh Mợ không một bóng người, không có chim bướm, không cả chó mèo, không cây cỏ. Chỉ mình Mợ bềnh bồng trôi trong một không gian mầu xám. Con thương Mợ quá, trong mơ mà con cũng nhận thức được cái thế giới của Mợ thật là buồn bã! Mợ đi mỗi lúc một về phía trước và bỏ con rơi lại đằng sau. Con hốt hoảng kêu lên *Mợ ơi! Mợ ơi! Mình đi về thôi.* Tiếng kêu làm con tỉnh dậy.

Đó là giấc mơ của con. Con đi tìm Mợ, Mợ đi tìm cái gì? Chỉ có buồn tẻ và một mầu xám ngắt.

Có người mang đến cho tôi bao nhiêu là thức ăn, những thức ăn làm toàn bằng những sợi chỉ vàng óng ánh, tôi thong thả ăn những sợi chỉ vàng, tôi không tìm thấy trong bát của tôi chiếc bánh cốm mầu xanh. Tôi bỏ đi về phía trước, tôi bước vào một cánh rừng có rất nhiều nắng, tôi nhặt được hơn một trăm mảnh, mỗi mảnh nắng có một mầu khác nhau, những mảnh nào có mầu tím thì tôi sẽ đắp lên mình khi ngủ. Ở đây sao không có ban đêm, lúc nào cũng sáng trưng, tôi xòe bàn tay ra thấy tay mình trong suốt, những ngón tay như những chiếc đũa thủy tinh. Người ta lại cho tôi ăn, tôi cứ ăn hoài thế này thì làm sao mà bay được. Hai cô con gái của tôi đâu rồi? Tôi nghiệp hai đứa nhỏ chúng phải ở trong một thế giới toàn mầu xám buồn bã.

Mợ ơi, Mợ có biết là Mợ đang ở đâu không? Đây là nơi canh giữ và chăm sóc cho những người bị mất trí nhớ. Hơn sáu năm rồi, trí nhớ của Mợ mỗi ngày bị xóa đi dần dần, bây giờ thì chỉ còn là một trang giấy trắng. Con không biết làm thế nào giúp Mợ để biến trang giấy này thành trang giấy hữu dụng ghi nhận được một điều gì. Cũng may, nó không ghi xuống cái mới, nhưng cũng không giữ lại những cái cũ. Mợ đã quên hết tất cả, Quên Mợ là người mẹ độc thân trong mấy chục năm trời, quên những chảo cốm xanh trong quá khứ Mợ nuôi chúng con ăn học, quên Mợ từ phương trời xa tắp đến đây nằm trong căn phòng quạnh hiu này cho một người lạ trông nom. Thế giới của Mợ và thế giới của con không còn là một nữa. Người đứng bờ bên này thương người ở bãi bên kia. Có lúc nào Mợ hỏi con về mầu sắc của bầu trời con đang ở. Còn con thì chỉ muốn nhuộm hồng không gian xám đục của Mợ mà con đã bước vào trong một cơn mơ.

Tôi muốn có ai đưa tôi tới một bờ sông, để tôi cùng con tôi lên thuyền trở về quê nhà. Dòng sông sao mà dài rộng thế! Sao tôi không thấy một con thuyền nào? Con gái của mẹ, con đi cùng mẹ nhé, mẹ không ăn nữa đâu, mẹ ăn như thế đủ rồi. Chị ơi! Chị đưa em ra thuyền về quê nghe chị, chỉ có chị là đưa được em thôi, em không muốn nhờ ai khác.

Ôi, Mợ thân yêu. Con biết có một thế giới mà hai mẹ con ta cùng có thể bước vào. Đó là thế giới tinh khôi của bẩy ngày đầu tiên Thượng Đế tạo dựng cho loài người. Mợ và con sẽ có đầy đủ sao hôm, sao mai, mặt trăng, mặt trời, biển, cây cỏ, súc vật, và côn trùng. Chúng ta không còn điều gì phải lo buồn cho nhau nữa.

Mợ ơi! Hãy ra khỏi thế giới của Mợ như con đang bước ra khỏi thế giới của con để mẹ con mình cùng gặp nhau ở đó.

Tháng 4/06

EM ĐẸP NHẤT ĐÊM NAY

Nguyên tác: "DRESSED FOR A PARTY" *của* T.S. ARTHUR
HÀ QUANG XƯƠNG *chuyển ngữ*

Một người đàn bà ngồi bên song cửa chăm chú đọc sách im lìm đến độ gần như bất động. Khuôn mặt của bà nghiêm nghị với một thoáng buồn có thể ví như những vệt xám ẩn hiện nhẹ nhàng trong đám mây trời xanh lơ. Cánh cửa chợt mở, bà ngửng đầu lên với một nụ cười nở tươi trên môi, một người con gái xinh đẹp mặc một bộ đồ dạ tiệc sang trọng rực rỡ bước vào.

"Cháu chọn xong dạ phục rồi à?" bà hỏi và nhìn chăm chú vào cô gái với vẻ trìu mến đệm một chút suy tư.

"Cô Helen, cháu mặc xong rồi!" Cô gái vừa nói vừa xoay tròn người cho bà cô ngó, "Cô nhận xét thế nào về mầu sắc, sự diễn đạt và cách trang điểm của cháu?"

"Alice, cô có thể nói thẳng những gì cô nghĩ không?"

Một chút ưu tư thoáng hiện trên khuôn mặt của cô gái.

"Thì cô cứ nói thẳng ra những điều cô nghĩ đi! Có phải là cháu đã ăn mặc quá diêm dúa không? Cháu nhận thấy điều đó ngay trong ánh mắt của cô!"

" Như vậy là cháu đã nhận xét đúng đó!"

"Điểm nào mà cô cho là cháu đã quá diêm dúa? Có mầu gì đơn giản hơn là mầu trắng của chiếc áo này?"

"Nếu không có nhiều cái rua viền mầu hồng thì bộ dạ phục trắng của cháu thật là đơn giản. Người thợ may của cháu đã viền quá nhiều rua rườm ràkhông cần thiết. Lại còn hai cái vòng đeo tay nạm đầy kim cương của cháu nữa! Đeo một cái sẽ làm nổi bật hai cánh tay trần của cháu nhưng hai tay đeo hai cái sẽ làm cho mọi người có cảm giác là cháu có vẻ thích phô trương nữ trang và từ đó mọi người sẽ nghĩ là bộ dạ phục của cháu cũng chỉ là một thứ phô trương diêm dúa khác. Đàn ông và đàn bà thường có những cảm giác về thẩm mỹ liên hệ từ cái nọ qua cái kia."

Alice tháo bớt một chiếc vòng đeo tay đặt lên bàn và thở dài: "Bỏ bớt một cái như vầy thì đẹp hơn hả cô?"

" Cô nghĩ là vậy!"

"Nhưng mà cánh tay của cháu quá trần trụi, cô có nghĩ là cháu nên trang điểm thêm một cái gì khác nữa không?"

"Theo cô nếu mà cổ và cánh tay được che kín thì tốt hơn. Nhưng với bộ dạ phục hở cổ và để lộ cánh tay trần như thế này thì chỉ có một cách làm cho mọi người chú ý đến làn da của mình thì cháu nên chọn một món đồ trang sức nào đơn giản nhất trong cái hộp trang sức của cháu. Cô nghĩ là cháu nên chọn một cái trâm cài trên tóc là tốt hơn cả."

Alice ngừng lại một chút như suy nghĩ về lời đề nghị của cô và nói với giọng không vừa ý lắm: "Có thể là cô nghĩ đúng, cháu sẽ chọn cái trâm cài và bỏ bớt một vòng đeo tay. Nhưng mà cô còn gì để phê bình nữa không?"

"Phê bình là một chuyện không vui cho cô lắm nhất là với người thân yêu của mình Alice ạ! Bởi vì cháu hỏi nên cô mới nói. Cô đã giao tế với xã hội từ hồi cô còn trẻ và cô luôn luôn là người thích quan sát. Cô nhận thấy trong xã hội có hai loại phụ nữ: một loại muốn tìm thấy các thi vị trong trang phục và một loại muốn có được các ảnh hưởng của trang phục đối với người chung quanh; một loại có tri thức và một loại chỉ mong được chiêm ngưỡng. Cô thấy cả hai loại đàn bà đều dễ hiểu và sẽ được phán đoán trên giá trị chân thực của họ."

"Cô Helen!" Alice hơi cao giọng, "rõ ràng là cô xếp cháu vào loại muốn người ngoài thấy trang phục của mình và mong được chiêm ngưỡng phải không?"

" Cô nghĩ là cháu đang có nguy hiểm nghiêng về phía đó, cưng ạ!" cô Helen nhỏ nhẹ nói, "Cô yêu cháu rất nhiều và chỉ mong tất cả những gì đẹp đẽ cho cháu cưng của cô. Hãy suy nghĩ sâu xa một chút và tự hỏi tại sao mình lại chọn bộ trang phục nặng phần trình diễn này? Nó chẳng có ý vị gì – ngay cả cháu hình như cũng đồng ý với cô về chuyện đó phải không?"

"Chẳng có ý vị gì?"

"Bởi vì nó có khác gì những trang phục mặc bởi các ca sĩ phòng trà hoặc các vũ công ballet đâu...?"

"Sao cô lại so sánh như vậy?" Alice ngắt ngang lời cô.

"Đó chính là cái ảnh hưởng của trang phục đối với cảm nghĩ của người khác! Thoáng nhìn vào trang phục thường là người ta liên tưởng đến một cái gì tương tự, hay nói rõ hơn là khi cháu mới xuất hiện với bộ trang phục này thì cô thực sự là bị sốc."

"Cô có vẻ hơi khe khắt về thẩm mỹ!"

"Cháu đâu có đến dự dạ tiệc như một hoa khôi của hội hàng năm! Alice ạ. Điều đó có nghĩa là mái tóc đẹp của cháu hình như đã bị che phủ bởi quá nhiều ruy băng và hoa. Một chùm hoa giả gắn trên tóc chỉ làm mất đi phần nữ tính duyên dáng. Cái vòng ngọc trai kia đẹp nhưng đeo trên chiếc cổ trần cộng với áo hở nửa ngực trở thành trơ trẽn không hài hòa và chẳng giống ai cả. Áo trắng viền nhiều tua mầu hồng cộng với nữ trang, hoa cài đầu... chỉ tạo ra vẻ bề ngoài. Nếu mà cháu dự dạ tiệc với những thứ này thì cô chắc là cháu sẽ tạo được chú ý của nhiều người nhưng cháu sẽ chẳng bao giờ có được sự ngưỡng mộ của những người mà cháu mong muốn. Đừng phiền nghe cháu, Cô nói với tất cả tình yêu mến cháu và với tất cả các kinh nghiệm của một người quan sát ngoại cuộc mà vì chủ quan cháu không thể làm được. Cô khuyên là cháu không nên đi dự dạ tiệc với bộ quần áo mà cháu đang mặc. Cũng còn nhiều thời giờ để trang điểm lại phải không?"

Alice im lặng với vẻ thoáng buồn trên mặt. Cô Helen nhìn vào đồng hồ.

"Còn hơn nửa giờ nữa. Cô nghĩ là cháu có đủ thời gian để thay đổi. Hãy nghĩ đến mẹ cháu. Thẩm mỹ vị của mẹ cháu nhiều lúc cũng có thể không giống cô."

"Mẹ cháu thì chắc là giống cô rồi, luôn luôn chọn những thứ đơn giản!" Alice nói với một chút thiếu kiên nhẫn.

"Cô nghĩ là bất cứ cô gái nào cũng gây được ấn tượng tốt khi hài hòa được sở thích về y phục và trang điểm của mình với thẩm mỹ vị của người mẹ. Vượt khỏi ranh giới đó, cháu sẽ qua một thái cực khác là ước vọng được mọi người ngưỡng mộ. Như một cô gái trình diễn thời trang, là một con búp bê vô tri, chỉ có được vẻ đẹp bề ngoài. Alice cưng của cô! Cháu phải tự xếp mình vào một hạng khác hơn các cô gái đó. Một hạng người ý thức được sự chọn lựa của mình về trang phục, và sự lựa chọn phản ảnh được cá tính cũng như làm tăng thêm vẻ yêu kiều quyến dũ của mình tựa như những nữ trang mời mọc ẩn dụ nằm trong hộp kính."

Alice im lặng có vẻ thất vọng hầu như muốn bỏ không đi dự dạ tiệc nữa nhưng nghĩ là mình nên thử một bộ dạ phục khác trước khi quyết định có đi hay không.

"Lần này cô nghĩ sao?" Alice mở cửa tiến vào phòng cô mình gần nửa giờ sau đó. Cặp má cô ửng hồng và đôi mắt lấp lánh như những vì sao. Thật là một sự thay đổi toàn diện, cô Helen ngạc nhiên nhìn cháu. Alice vận một bộ dạ phục lụa mầu nâu thật nhạt chỉ để hở cái cổ trắng ngần nổi bật lên bởi một dây chuyền có nạm duy nhất một hạt kim cương . Một vệt mầu hoàng kim nhạt hài hòa chạy dài từ khuỷu tay áo vòng sang eo phía sau của bộ dạ phục làm tôn lên vẻ mảnh mai yểu điệu của thân hình nàng. Trên đầu Alice có cài một chiếc trâm đính nhiều hạt trai trắng nhỏ tương phản với mái tóc đen óng ả được chải chuốt gọn gàng của nàng.

"Tuyệt vời!" Cô Helen trả lời không giấu được vẻ ngưỡng mộ, "Theo cô thì cháu quyến rũ gấp trăm lần so với bộ dạ phục mà cháu thử

trước đây." Cô Helen đứng dậy hôn vào trán Alice.

"Cháu không diêm dúa nữa sao?" Alice hỏi khẽ cô.

"Đơn giản luôn luôn dễ hơn là diêm dúa cháu cưng ạ! Cháu nên nhớ ăn mặc một cách diêm dúa dễ bị sai sót hơn là ăn mặc một cách đơn giản."

"Cháu vui khi thấy cô vừa ý, cô Helen ạ!"

"Tốt hơn là cháu nên vừa ý với chính mình trước đã!"

" Nhưng mà cô có thấy bộ này đơn giản quá đáng hay không?"

"Đơn giản nhưng rất tương xứng với cháu. Cô nghĩ là mình luôn luôn có lợi thế khi mặc một bộ trang phục nói lên được sự lựa chọn thẩm mỹ và làm nổi bật được những ưu điểm về nhân dáng và làn da của mình. Trong con mắt của cô thì bộ dạ phục này đơn giản nhưng lại rất đài các, nó làm cháu thập phần kiều diễm! Bộ dạ phục đầu tiên cháu mặc tạo cho cô cái cảm giác tầm thường quê kệch, bộ này thì lại tạo cho cô cái cảm giác tao nhã thanh lịch."

"Cảm ơn những lời khuyên của cô. Cháu chấp nhận cái hình ảnh của cháu qua con mắt nhìn của cô. Ít ra là khi mặc bộ dạ phục này cháu thấy thoải mái và không phải quan tâm lắm về sự quan sát của người khác nếu cháu mặc bộ đồ sặc sỡ kia. Chào cô, chắc là cháu phải đi vì sợ trễ." Alice nghiêng người xuống hôn cô.

"Chúc cháu một buổi dạ tiệc vui vẻ."

*

Vừa bước chân vào phòng tiếp tân Alice đã bị choáng mắt bởi những nữ trang lấp lánh và những trang phục đầy mầu sắc lòe loẹt rực rỡ. Đa số các phụ nữ trong phòng tiệc hầu như muốn thi đua với nhau về việc trình diễn về y phục và nữ trang của họ. Alice cảm thấy mình lẻ loi trong bộ dạ phục đơn giản, nàng tiến tới ngồi xuống bên cạnh một chiếc bàn tại góc phòng để khỏi bị nhiều người chú ý. Đột nhiên nàng tò mò ngắm nhìn những cô gái đang hiện diện trong phòng cũng như đang tiến bước vào, quan sát sắc diện của họ trong bộ dạ phục mà họ đang mặc và sắc diện của những người đang chiêm ngưỡng họ. Nàng thấy hối hận vì đã theo ý kiến của cô mình. Hiển nhiên là cô Helen đã sai và nàng cũng đã sai lầm khi suôi theo ý kiến của cô trong việc chọn một bộ dạ phục đơn giản.

Alice ngồi đó một lúc và nhìn thấy một chàng trai trẻ đang đứng tại góc phòng phía bên kia. Chàng ta đang chuyện trò vui vẻ với một cô gái mặc một bộ dạ phục sặc sỡ và cô ta có vẻ rất hài lòng về sự chú tâm của chàng ta. So sánh với cô ta thì Alice cảm thấy mình mộc mạc như dân của một bộ lạc sơ khai. Ý nghĩ đó làm tim nàng thắt lại! Hai người đó tiến gần

LÝ THỪA NGHIỆP

Sông Tàn Núi Ngã

Hãy nói với Mùa Xuân hay Mùa Hạ
Buổi sơ khai, dòng lệ tuôn dài
Khi diệt tận, sông tàn núi ngã
Bụi tàn rơi tầm tã với sương bay.

Đất đã nói điều gì với cỏ
Cuộc tàn phai và những mê say
Những ngọt ngào cùng với chua cay
Cứ vùi lấp, chất chồng sinh diệt.

Mây cứ bay giữa trời xanh biếc
Chuông vang lên vô lượng tiếng Di-Đà
Ai vẫn ngồi khai thị giữa muôn hoa
Đồi núi đó vẫn điềm nhiên an tịnh.

Mưa sẽ rơi về ngàn phương vô định
Những bãi bờ cô tịch với phong ba
Trăng vẫn soi ngàn nẻo sơn hà
Đêm vẫn tấu khúc nhạc sầu thiên cổ.

về phía nàng và ngồi xuống bàn tiếp tục nói chuyện một cách vui vẻ. Thỉnh thoảng chàng trai liếc nhìn về phía Alice nhưng không có một dấu hiệu nào cho thấy là chàng chú tâm đến nàng.

Sau phút hối hận về chuyện lựa chọn dạ phục của mình Alice lấy lại sự bình thản của mình, nàng nhủ thầm: "Con chim đẹp nhờ bộ lông! Hãy để chàng ta chạy theo các bộ lông đẹp, còn mình vì muốn tìm thấy các ý vị trong trang phục thì mình phải bằng lòng với chính mình vậy!" Với niềm tự hào như vậy nàng cảm thấy không còn bận tâm lắm về bộ dạ phục của mình nữa. Vào đúng lúc đó thì một cô bạn quen tiến tới nói chuyện với Alice.

"Xin lỗi cho mình có một ý kiến cá nhân về trang phục được không Alice. Sự thực là bạn đã làm cho ít nhất là nửa đám phụ nữ trong phòng tiếp tân này xấu hổ vì trang phục của họ so với trang phục vô cùng đơn giản thanh lịch của bạn. Tôi chưa từng thấy lần nào mà bạn ăn mặc một cách tuyệt vời với đầy nét thẩm mỹ như vậy!"

"Thực ra đó không phải là ý định của tôi!" Alice trả lời, "Tôi đã trang điểm sặc sỡ như một cánh bướm khi sửa soạn đi dự dạ tiệc nhưng cô Helen của tôi đã phê bình nặng nề khiến cho tôi phải cởi bỏ bộ dạ phục cùng các trang sức mà tôi đã chọn để thay bằng một bộ dạ phục khiêm tốn này."

"Xin cho gởi lời khen ngợi chân tình đến cô Helen của bạn, tôi tiếc là không may mắn như bạn được cô cố vấn trong việc lựa chọn dạ phục. Bạn sẽ là người đẹp nhất của đêm dạ tiệc này trong con mắt của các chàng trai nhậy cảm hiện diện. Thực vậy, cậu Benton hình như đang tiến về phía chúng ta! Cậu ta đã liếc nhìn bạn nhiều lần và bị thu hút bởi sự kiều diễm của bạn chứ không phải là tôi đâu nhe!"

Cậu Benton, chính là người nói chuyện với cô gái diêm dúa và thỉnh thoảng liếc nhìn nàng trước đây, lúc đó tiến gần cúi chào hai người. Người bạn của Alice nói đúng, cậu ta đã bị thu hút bởi nàng và tiến tới xin làm quen. Và trong gần hết buổi dạ tiệc cậu Benton đã không rời khỏi nàng và ngần ngừ khi chia tay nàng như sợ là sẽ có chàng trai khác đến dành chỗ của mình để thưởng thức vẻ thanh nhã cùng lối nói chuyện thông minh yêu kiều của nàng.

"Bạn đã được giới thiệu làm quen với cô Alice chưa?" Nàng nghe thấy hai chàng trai nói chuyện khi nàng đứng khuất sau chiếc màn cửa nhìn ra sân thượng của phòng tiếp tân.

"Vâng tôi đã được giới thiệu với cô ta" một người trả lời.

"Thật là một cô gái thanh lịch! Một cô gái yêu kiều diễm lệ nhất trong đêm nay. Tôi thấy là cô phải rất có khiếu về thẩm mỹ khi mặc một bộ dạ phục thanh nhã và đầy nữ tính như vậy. Cô ta quá đẹp khi so sánh với cả chục cô gái khác mà tôi vừa được giới thiệu, trang phục của họ sặc sỡ như một vườn hoa tulip."

Nàng không nghe gì hơn nữa và như thế đã là quá đủ.

*

"Nhìn mặt là cô biết cháu có một đêm dạ tiệc rất vui phải không?" Cô Helen nói với Alice khi gặp nàng buổi sáng hôm sau.

"Vâng một dạ tiệc rất vui nếu không nói là tuyệt vời!" Alice trả lời với đôi mắt long lanh.

"Cháu không bị lẻ loi bởi bộ dạ phục mà cháu chọn chứ?"

"Phán đoán từ những sự chú ý của quan khách thì cháu thấy là cháu được nhiều người nhìn ngắm qua bộ dạ phục thanh nhã đó. Ý kiến của cô quả là tuyệt vời và cô sành tâm lý mọi người hơn cháu nhiều!"

"Bộ dạ phục của cháu có đơn giản nhất trong dạ tiệc tối qua hay không?"

"Cháu nghĩ là nó đơn giản hơn dạ phục của cả chục bà già có cháu nội cháu ngoại đầy đàn cô ạ!"

"Nhưng nó có làm cho cháu thất vọng vì không thu hút được những chàng trai trẻ ngưỡng mộ đến làm quen với cháu không?" Cô Helen hỏi một cách hóm hỉnh và Alice cảm thấy như cô đã đi sâu vào tim đen của nàng. Nàng nghĩ tới cậu Benton và khi ánh mắt của hai người gặp nhau thì Alice cúi xuống trả lời cô Helen với một tiếng thở nhẹ không được tự tin lắm: "Vâng! Bộ dạ phục đó không đến nỗi làm cho cháu thất vọng lắm!"

*

Một cuộc viếng thăm của cậu Benton vào chiều ngày hôm đó đã đánh tan tất cả những nghi ngờ còn sót lại của Alice về bộ trang phục mà nàng đã mặc đi dự dạ tiệc.

Chicago - Lập Xuân 2005

Anh cũng sẽ về

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Tuấn và Thanh đứng bên một ngọn đồi thấp, nơi đây hai người ngắm được bãi cát dài và biển của Nha Trang. Xa xa hòn đảo chập chùng và những ghe đánh cá thấp thoáng giữa trời nước mênh mông. Gió biển lồng lộng mang theo không khí trong lành, mát rượi. Hằng thế kỷ qua nơi nầy đã làm rung động biết bao tâm hồn nghệ sĩ và được người dân ưu ái tặng cho cái tên rất là thơ — Miền Thùy Dương Cát Trắng.

Tuấn nói:

- Cát Nha Trang trắng quá, nước biển trong và xanh hơn vùng Địa Trung Hải.

Thanh hỏi Tuấn:

- Anh có muốn về đây sống luôn không?

Tuấn trả lời:

- Nơi nào đất lành thì chim sẽ đậu. Em biết không, những năm lưu lạc xứ người anh không nghĩ rằng mình có thể trụ lại bất cứ nơi nào, nếu không có chị em và mấy cháu ở Châu Âu thì anh cũng không về đó làm gì.

- Em nghe chị Hai nói, chỉ sẽ không về đây nữa.

- Đó là cơn giận nhứt thời, chớ là người thì ai quên được nơi chôn nhau cắt rún.

- Chị còn giận ba, má?

- Giận thì giận thương thì thương.

Thanh khúc khích cười:

- Việt Kiều mà cũng biết hát quan họ à.

- Có nghe chớ không có hát, nhưng đó cũng là tâm trạng của chị Hai em, nếu không thương ba má và các em thì làm sao chị Hai em chịu cực chịu khổ, mùa đông tuyết lạnh cũng như mùa hè nắng nóng, mỗi ngày đạp xe hàng chục cây số đi làm dành dụm tiền gởi về nuôi cả gia đình ngót hơn chục năm qua.

- Em biết, nhưng sau chuyến về lần đó chị có than phiền chuyện gia đình với anh không?

- Than phiền thì lúc nào cũng có, nhưng cần nên lập lại không?

- Em thấy cần và em muốn hiểu vì sao hơn mười năm qua chị không về đây nữa, trong khi đó chị nói với em chị đi du ngoạn hết nước nầy sang nước kia.

Tuấn nhớ cách đây hơn mười năm Thu nghe tin ba bịnh hấp hối, cô tức tốc xin nghỉ việc, ôm hai đứa nhỏ từ Âu Châu bay về cho kịp chịu tang. Nhưng khi về tới nhà thì Thu chưn hửng, không thấy ba bịnh hoạn gì hết. Hỏi, thì ông cười xoà và nói tỉnh bơ:

- Ba nhớ con và hai đứa cháu ngoại của ba nên nói như vậy để con về.

- Trời đất! Bộ ba tưởng từ Âu Châu về đây giống như từ trung tâm Nha Trang về xóm Bóng vậy sao.

Tuy có hơi bực mình nhưng Thu nghĩ, vì thương nhớ con, cháu ba mới làm chuyện thiếu suy nghĩ như vậy. Thôi thì coi như một chuyến về thăm quê cũng được.

Niềm vui trở lại quê nhà chỉ được mấy ngày đầu. Những ngày sau đó Thu cảm thấy bị tù túng, đi đâu cũng có người kèm theo, không có thời gian nào rảnh hết. Má thì kêu lại than thở, không có vàng đeo để đi đám tiệc cho nở mày nở mặt với người ta, buộc lòng Thu phải lấy sợi dây chuyền của mình đưa cho má đeo. Ba thì than chiếc xe mua cho năm năm trước đã cũ chạy không còn êm nữa, thấy vậy Thu cũng móc tiền ra cho ba đổi xe mới. Em út, cháu chít đứa vài chục, đứa một trăm. Ăn ở nhà cha mẹ mà ngày nào cô cũng phải bỏ tiền túi đi chợ, về mới tuần đầu đã hết hai ngàn đô. Ở Âu châu cả gia đình đi nghỉ hè ngủ khách sạn, ăn nhà hàng hai tuần lễ cũng chưa hết chừng đó tiền. Cho nên chuyện tiền bạc Thu phải dè dặt trước mặt mọi người, mỗi lần cô xem lại tiền của mình mà cô phải len lén như sợ kẻ gian ngoài chợ rình móc túi. Bực mình nhưng biết nói làm sao. Có lần cô lưu ý ba không nên đi đá gà và phung phí tiền bạc, thì ông gắt lên:

- Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày.

Công ơn cha mẹ là trời biển ai lại không biết, cô cũng đã có hai đứa con rồi, và cô cũng

biết làm mẹ là trời biển như thế nào. Tại sao ba, má không nghĩ lại coi, người làm cha mẹ có xứng đáng hay không? Từ ngày gả Thu theo chồng ba má tưởng té xuống hầm vàng hay sao mà không chịu theo nghề đánh cá nữa và cũng không chịu làm ăn gì hết để cho tinh thần lẫn thể xác bịnh hoạn đến đổi khô khan tình cảm con người. Ngày trước gia đình nghèo cha mẹ nuôi con cho ăn gì thì con ăn nấy, mặc áo quần vá chùm vá đụp con cũng không dám phàn nàn. Tới tuổi dậy thì không có áo nịt ngực, ra đường bị con trai đi theo dòm mắc cỡ tê người cũng không dám than, mơ ước có chiếc áo dài nhưng biết nhà nghèo cô cũng không dám hỏi. Gia tài riêng của Thu chỉ có hai bộ quần áo mới. Bây giờ nhà cửa khang trang, xe hai ba chiếc, nhưng vẫn còn than thiếu thốn, nếu Thu không cung cấp cho xài thì hâm he bán đồ bán đạc trong nhà. Lần nào về quê tiền túi hết sạch, nữ trang mất đi vài món. Khi trở ra cô có cảm tưởng như bị kẻ gian trấn lột.

Biết vậy, nhưng giờ đây trong hoàn cảnh này Tuấn không muốn nói chuyện dài dòng, nhứt là những chuyện như vầy nó đã tràn lan trong xã hội chớ đâu riêng gì gia đình Thu. Anh nói ngắn gọn:

- Chị Hai em không về quê là muốn giữ hình ảnh đẹp của ba má hồi lúc nhà còn nghèo. Nhưng thôi, chuyện không vui nói làm gì?

- Em muốn biết anh có ý kiến gì về chuyện nầy không?

- Theo anh thì thời gian có đi chớ không có lại. Chuyện qua thì qua rồi, chuyện tới thì chưa biết. Còn ý kiến, thì nói gì đây? Anh đã đi khắp năm châu và đã chứng kiến con người ở những nước nghèo nàn lạc hậu, từ người giàu có tới người nghèo rớt mồng tơi, ai cũng tham lam, lọc lừa giống như nhau. Có điều anh chỉ hơi buồn cho cái thời buổi gì mà kỳ cục, từ trong nhà ra ngoài đường, riết rồi không biết phải tin ai.

- Cuộc sống càng ngày càng vô nghĩa phải không anh?

- Không nên bi quan như vậy, mình cũng có thể cho nó một ý nghĩa để sống chớ?

- Em chưa hiểu ý anh.

- Nghĩa là chúng ta vẫn đi, đứng, nằm, ngồi và hít thở...

- Đơn giản quá hả anh?

- Nhưng rắc rối lắm, thôi bỏ qua chuyện nầy, mình đi vô phố chơi một lát, em còn phải về cho kịp lo cơm cho thằng Hùng. Còn anh, anh cũng phải ra dịch vụ gọi điện về cho chị Hai em, sau đó anh về nhà ba má, hình như ba muốn nói với anh chuyện gì đó.

Mặt Thanh u buồn:

- Nhưng...

Tuấn chận:

- Không nhưn nhuỵ gì hết, đi chơi không nói chuyện nhà nữa.

Tuấn chỉ tay dọc theo bãi biển trước mặt:

- Em thấy không, quê vợ anh đẹp đâu thua gì những thành phố biển bên Châu Âu.

Tuấn và Thanh men vào khu hàng quán ven biển. Xa xa ngoài giải nước xanh những chiếc mô-tô-nước và vài chiếc ca-nô phả sóng vẽ lên mặt nước những đường bọt trắng ngoằn ngoèo. Trong bãi cạn lưa thưa người bơi lội, phần đông người da trắng bận đồ tắm nằm trên những chiếc ghế màu trong những chòi lá.

Thanh nói:

- Em nghe chị Hai nói, bãi biển Salau bên Tây Ban Nha rất giống Nha Trang.

- Xa quê lâu năm, chị em tưởng tượng ra mà nói vậy chớ Salau làm sao sánh bằng nơi đây.

- Thiệt vậy hả anh?

- Thiệt mà, Nha Trang sang trọng hơn Salau nhiều. Theo anh nghĩ cũng vì Nha Trang Tây quá Tây nên không hấp dẫn cho du khách Âu Mỹ.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là những khách du lịch sành điệu của tây phương đi du lịch thắng cảnh để tìm những nét đặc thù của xứ xở mình đặt chưn tới. Thức ăn trong khách sạn nơi đây cũng thịt bò bít tết, tôm hùm, phó mát dăm bông..., những món nầy không cần bay từ Âu Châu qua đây tìm ăn. Tuy Nha Trang có vài món đặc sản như gỏi sứa, yến sào..., nhưng không thể nào thu hút được khách du lịch có tánh hiếu kỳ.

- Anh nói làm em hết tự hào Nha Trang của mình rồi.

- Em phải tự hào chớ, ít ra nó cũng thu hút được khách du lịch trong nước, em không thấy sao, du khách từ Sài Gòn mỗi ngày đổ ra nườm nượp và người Việt ở nước ngoài về cũng ra thăm Nha Trang. Anh thích buổi chiều nơi đây, người trong phố đổ xô xuống tắm biển đông nghẹt. Nếu ông tây bà đầm nào tới một lần không thích thì họ có thể đi một khu du lịch khác ngoài Khánh Hòa hoặc lân cận Nha Trang, nơi đó cũng có rất nhiều cảnh thiên nhiên.

- Anh quảng cáo du lịch?

- Anh muốn nói về vùng đất mình yêu thích vậy thôi.

- Vậy anh nói thử nghe, anh thích chỗ nào.

- Lần đầu anh ra Nha Trang, chị Hai em và các bạn có dẫn anh đi những con suối trên lưng chừng núi ngoài Vạn Thắng, cho nên mỗi khi nhớ về quê vợ thì anh nhớ tới những thác nước thiên nhiên tươi mát. Nhứt là dãi núi Phước Hà đứng mỗi góc thấy hình dáng thay đổi khác nhau rất là ngoạn mục. Có lần anh ra Ninh Hoà nhìn dãi núi Phước Sơn thấy mây choàng đỉnh núi anh có thể hình dung ra "Mây Hòn Hèo" và cũng có theo chị Hai em ra Tu Bông, nhờ hứng gió mùa hè mà anh biết gió Lào nóng như thế nào và anh hiểu được tại sao có danh từ Tụ Phong và câu vè "Gió Tu Hoa."

Thanh cười thành tiếng:

- Một bài vè có sáu câu (*) chỉ đặc tính cho sáu địa danh, anh biết mới có hai nhưng sai một.

- Vậy sao, sai chỗ nào?

- Hòn Hèo không có mây bay hay mây choàng đỉnh núi, đây là một loại cây, cây mây. Mây ở đây lâu năm nên cọng bự và cứng, người ta lấy về làm cây hèo rất tốt nên có câu vè "Mây Hòn Hèo."

- Vậy sao?

- Còn bốn nơi kia anh muốn biết không?

- Có thời gian anh sẽ đi cho biết, nhưng chắc không tới Đồng Lớn vì tánh anh rất sợ ma.

- Cọp không sợ, anh lại sợ ma.

Tuấn cười khôi hài:

- Sợ bẩm sinh mà, tuy nhiên anh đọc đâu đó có viết, nơi Đồng Lớn ngày xưa là một bãi chiến trường, có nhiều người chết oan, những hồn oan không đầu thai được hoá ra ma, vất vơ vất vưởng, quấy phá những người qua lại trong vùng.

- Anh là khách phương xa mà biết như vậy cũng là nhiều.Vậy thì cuối tuần nầy em đưa anh đi suối.

Tuấn nói:

- Hôm nay thứ ba rồi, vậy thì tính như vầy đi, chiều nay anh về nhà ba má ở đó chơi một ngày, ngày mốt anh ra thăm cậu, mợ và mấy cháu ở Vạn Giã và đi xem vịnh Vân Phong. Sau đó ghé nhà em rồi mình lên suối chơi.

*

Nhà Thanh nằm trên bờ ruộng không xa đường xe lửa, nhìn ra thấy quốc lộ một, nhìn vào thấy đoạn cuối của dãy Trường Sơn. Chồng Thanh đã bỏ cô lúc thằng Hùng còn lẫm chẫm đi, từ đó tới giờ vợ chồng Tuấn phải cưu mang luôn hai mẹ con. Trong gia đình chỉ còn có Thanh là người hiểu biết. Cô không bao giờ hỏi xin tiền vợ chồng Tuấn, nhà nghèo cô tần tảo bán buôn nuôi con. Năm nay Hùng được mười bốn tuổi và đã lên trung học. Về đây Tuấn thích ở lại với hai mẹ con Thanh hơn. Nhà cửa đơn sơ nhưng sạch sẽ gọn gàng, ăn uống rau cải, dưa cà, tuy đạm bạc nhưng thức ăn, nhẹ nhàng, tinh khiết và nói chuyện với Thanh thoải mái vì cô rất thành thật và hiểu biết nhiều.

Hồi trưa Tuấn và Thanh đi chơi trên suối. Hai anh em leo lên phía trên nguồn, tìm đoạn suối sạch sẽ, ít người. Họ dừng lại một bụi cây mà trước đây đã có nhiều người tới ngồi, nên được dọn trống như một cái nhà chòi của mấy đứa trẻ chơi. Sau khi để đồ đạc vô 'chòi', để giữ cho nước ngọt khỏi bị nóng, Tuấn đem mấy lon nước bỏ vô một khe nhỏ bên bờ suối nơi nước có đủ độ mát. Sau đó hai người đi xuống suối ngồi ngâm mình bên một tảng đá. Tuấn nói:

- Từ dưới leo lên tới đây nóng đổ mồ hôi, được ngâm mình xuống nước mát, thật tuyệt vời.

Thanh nói:

- Người Tây thích phơi nắng còn người mình thì sợ nắng ăn, da đen nên tìm những nơi mát mẻ.

- Buổi trưa người ta tụ lại hết trên nầy, hèn nào bãi biển vắng hoe.

- Có nhiều người cũng bắt chước Tây ra bãi biển nằm phơi vài lần, bị lột da hoặc bị đen thui, sợ quá không dám phơi nữa.

- Người Tây ở nơi ít ánh nắng mặt trời, thiếu vitamine D nên họ mới tìm ánh nắng, vì trong ánh nắng có vitamine D bồi bổ cho da, ngoài ra họ cũng thích nước da ngâm ngâm cho dáng người thêm mạnh mẽ và cho mọi người biết mình đã từng đi du lịch đó đây, nhưng khi phơi nắng họ thoa kem chống nắng cho da không bị cháy. Còn người Việt thấy Tây làm gì thì làm theo chớ không chịu tìm hiểu chuyện làm có thích hợp với mình hay không. Cũng như tắm bùn vậy, thấy người Nhựt tắm người mình cũng bắt chước nhưng không chịu tìm hiểu nguyên nhân tại sao người Nhựt tắm bùn. Nơi nào cũng có tánh địa phương riêng, ngay trong nước Nhựt có nhiều nơi người ta đâu chịu tắm bùn.

- Theo anh những người lên đây là hợp lý?

- Nếu không thì họ lên đây làm gì?

- Anh với em cũng hợp lý?

- Đương nhiên rồi.

- Anh thấy ở đây con người ta sống với thiên nhiên nhiều hơn người Tây Phương.

Lúc đó phía dưới nguồn có một đám con gái bận đồ tắm đùa giỡn tạt nước nhau tung toé trông đẹp mắt vô cùng. Tuấn đi vô chòi lấy máy chụp hình ra chụp. Chụp xong mấy cô gái anh định cất máy, chợt thấy Thanh ngồi cao lên chiếc áo mỏng ôm sát thân hình dựa lưng vô tảng đá. Trên bờ suối cây rừng san sát nhau, không một bóng người, thân hình Thanh hài hoà với thiên nhiên trông rất là hoang dã. Anh quay máy nhắm ngay cảnh trước mặt nhá nhai ba cái. Bất ngờ làm Thanh giựt mình hụp người xuống nước. Anh đi tới kêu cô leo lên tảng đá đứng, ngồi làm kiểu cho anh chụp thêm vài bô nữa. Sau đó anh lại khe suối lấy hai lon Cocacola đem lại đưa cho Thanh một lon, hai người ngồi bên nhau vừa uống vừa bấm hình lại xem. Máy điện tử chụp hình rõ quá, Thanh phát hiện ra cô không bận nịt ngực nên chiếc áo mỏng dán sát vô người trông rõ cặp ngực tròn như trái bầu treo phía trước và lộ rõ hai núm vú thâm đen. Cô chỉ vô máy nói:

- Cái nầy kỳ quá, anh bấm bỏ đi.

- Đâu, đẹp đó chớ, quả là gái một con trông mòn con mắt.

- Mòn còn đỡ, anh móc mắt liệng đi.

- Tại em có ý tà nên mới kêu anh móc mắt.

Thanh chỉ tay lên giữa trán Tuấn:

- Anh cũng biết Kinh Thánh?

Không đợi Tuấn trả lời, cô nói tiếp:

- Chị Hai nói hồi trước về anh chụp hình mấy chị bạn của chị cũng sexy như vầy.

- Ban đầu chị Hai em cũng thấy kỳ, đòi anh bỏ hết mấy bức hình chụp mấy cô bạn trên suối nhưng bây giờ chị thích lắm và định rửa thêm gởi cho mấy cô bạn. — Còn trẻ, đẹp nên chụp hình dành về già xem lại cho vui, chớ chờ già

DU TỬ LÊ

TÔI RẠNG NGỜI ĐỊA NGỤC!?!

một lần trong đời tôi
ngày, đi qua rất vội
lá tình ấp trên môi
mùi hương người yếu đuối
núi, băng rừng ra khơi
trong em: tôi bé dại.

một lần trong đời em
buổi chiều sao chóng tối
thành phố: niềm thân, quen
bỗng dưng đèn bối rối
những ngón tay hàm oan
trên ngực người hứng, đợi

cúi xuống giữa nụ hoa
em rướn mình gọi... bố!
một đời suối thơm tho
tôi uống: mềm lá... mẹ
thiên thần cất tiếng kêu:
trần gian: khung cửa, nhỏ

một lần trong đời nhau
đêm, nghìn sâu tiếng gọi
ngọt ngào gối, chăn đau
thịt, da gào kiếp, mới
soi mặt gương đời, sau
giọt máu còn chói lọi

một lần thân thể nhau
tôi rạng ngời: địa ngục!?!
(00-02)

khú rồi chụp cho ma coi.

Thanh cười rất tự nhiên và nhìn xuống ngực mình:

- Em cũng già rồi đẹp gì nữa.

- Em đẹp đâu thua gì các sơn nữ trẻ, bên Âu Mỹ mùa hè nhiều bà già vú móm nhăn nheo giống như vú con bò già hết sữa, vậy mà cũng xuống nằm phơi trên bãi cát.

Thanh không nói thêm, cô đứng lên đi về chòi lấy chiếc khăn choàng lên vai và đi lại ngồi cạnh bên Tuấn.

- Em lạnh?

- Không anh, em sợ ngồi một lát nắng đốt cháy da.

- Anh có chai kem chống nắng để anh lấy thoa cho em.

Tuấn qua chòi mở giỏ lấy chai kem đi lại, kêu Thanh day qua cho anh thoa kem lên lưng. Vừa thoa kem cho Thanh anh vừa nói:

- Hình như người Việt Nam mình ít dùng kem chống nắng.

- Có chớ anh nhưng người giàu mới xài, anh nghĩ coi mua gánh bán bưng như em, hoặc những người làm cỏ, gặt mướn thì làm sao dám xài một chai kem giá mấy chục ngàn đồng.

- Vậy mà anh tưởng người mình không quen xài kem.

- Anh nói người Việt mình ưa học theo Tây mà, mấy chuyện nầy sao bỏ qua được, thoa kem không bổ da cũng cho người ta biết mình giàu và sang giống Tây.

- Vậy anh thoa cho em rồi đó trông em có giống Tây chút nào không.

Tuấn đưa chai kem qua cho Thanh:

- Em tự thoa đi.

Thanh day lại ngã mình nằm ngửa ra tảng đá:

- Sẵn thoa thì anh thoa luôn cho em.

- Anh thấy em giống Tây rồi đó, nhưng hồi nãy chỉ nhìn vô hình thôi em đòi móc mắt anh liệng bỏ, bây giờ đụng vào chắc phải chặt luôn cánh tay quá. Thanh ngồi bật dậy nhéo lên vai Tuấn một cái thiệt mạnh rồi giựt lấy chai kem vén áo vừa thoa lên ngực, lên bụng vừa nói:

- Tới ngày Chúa phán xét những người trên thế gian tay, chưn, mắt, môi, mũi, lưỡi sẽ bị thẻo trụi lủi hết.

- Bỏ tất cả vô cối quết nhuyễn nhừ như tương còn chưa thấy gì nói chi tới tay, chưn, mắt, môi, mũi, lưỡi.

- Thà một lần như vậy còn hơn sống chẳng được gì.

- Em còn ngon như vậy mà thằng Phong không biết thưởng thức, thiệt là thằng ngu.

Chợt nhiên Thanh day qua trừng mắt nhìn Tuấn:

- Anh...

Cô định nói gì đó nhưng ngưng lại, rồi kéo khăn trải lên tảng đá và nằm xuống.

Tuấn cũng nằm xuống cạnh bên, nói:

- Nằm phơi một lát rồi thu xếp đồ đạc, mình còn đi đón thằng Hùng là vừa.

Từ lúc trên suối về không hiểu sao, thái độ Thanh thay đổi hẳn. Cô trầm ngâm như suy nghĩ chuyện gì lung lắm. Về nhà tắm rửa thay áo quần màu trắng, cô đốt nhang bàn thờ. Không biết cô thờ ai mà không thấy hình, tượng gì hết. Chỉ thấy vài cuốn kinh Phật để cạnh bên bình bông và lư hương đầy chưn nhang. Sau khi đốt nhang cắm lên bàn thờ, cô quỳ xuống, hai gót chưn kê hai mông, hai tay để lên hai bắp đùi đầu cúi xuống, tóc xoã dài xuống lưng. Thấy cảnh tôn nghiêm quá, Tuấn bèn đi ra ngồi lên chiếc võng mắc hai đầu trên thân hai cây dừa phía sau nhà. Tuấn ngồi đu đưa trên võng nhìn hoàng hôn êm đềm trùm lên đồi núi. Chợt thằng Hùng đi ra nhờ anh chỉ nó nói vài câu chào hỏi bằng tiếng Anh. Thấy vậy anh mới hỏi nó:

- Con có muốn học tiếng Anh không?

Mắt nó sáng ngời:

- Con thích lắm nhưng không có tiền đóng học phí.

- Dượng sẽ cho con.

Nhìn thằng nhỏ như cánh chim non chập chững tập bay và thèm biết cảnh trời cao đất rộng. Tuấn nhớ bữa trước anh ghé nhà cậu ba, cậu ấy đãi anh một tiệc linh đình, sau đó cậu nói, nếu có khoảng hai chục ngàn đô cậu ấy sẽ làm giàu bằng cách nuôi tôm hùm. Và hỏi Tuấn có thể giúp cẩu không.

- Dĩ nhiên là không, Tuấn nói, cộng hết tài sản nhà tui lại cũng chưa có tới chừng đó tiền, thì lấy đâu ra mà giúp cho cậu.

Bữa tiệc linh đình nhưng có lẽ vì câu nói này nên kết cuộc không được vui vẻ cho lắm.

Tuấn vuốt đầu thằng Hùng, chỉ có mấy đứa nhỏ tâm hồn còn trong trắng, anh sẽ bàn với Thanh cố gắng vun trồng cho nó nên một người đàng hoàng. Anh nói với Hùng:

- Chuyện học hành của con, một lát nữa dượng sẽ bàn với má con, học sinh ngữ phải tới trường lớp đàng hoàng chớ học như vầy ra

đường nói bậy nói bạ người ta cười.

Hùng dạ nhỏ một tiếng và mặt nó rạng rỡ một niềm vui.

Đêm xuống ánh trăng mỏng manh như chiếc đèn cong hình lưỡi liềm hoà cùng những vì sao toả ánh sáng yếu ớt trùm lên những mái nhà lá trên bờ ruộng. Thanh tay xách chiếc đôn từ trong nhà đi ra, cô đặt chiếc đôn và ngồi xuống trước mặt hai dượng cháu. Cô nói với thằng Hùng:

- Con vô nhà học bài, xong rồi đi ngủ, để má với dượng nói chuyện.

Thằng nhỏ ngoan ngoãn, đứng dậy khoanh tay chào Tuấn rồi đi vô nhà.

- Lâu lắm nhà không có hơi đàn ông, có anh nhà ấm lại.

- Vậy sao em không bước thêm bước nữa?

- Em thương cho thằng Hùng và tội nghiệp anh Phong.

- Thằng Hùng thương thì phải rồi. Còn thằng Phong bỏ em chớ đâu phải em bỏ nó đâu mà tội nghiệp.

- Anh không hiểu anh Phong đâu, cũng tại ba má mà ảnh bỏ đi.

- Ba má làm gì nó?

- Anh coi, trong thời buổi kinh tế khó khăn, ảnh làm không ra tiền, nghèo khổ chúng em cũng cắn răng chớ không dám hỏi nhờ ai hết. Ba má không giúp tụi em gì thì thôi còn nói nầy nói nọ, mỗi lần anh chị gởi tiền về cho tụi em, em ra lấy thì ba má cứ so sánh giữa anh Phong và anh để nói hành nói tỏi riết rồi sau nầy tụi em nghe anh chị gởi tiền về cho, tụi em cũng không dám ra nhà ba má lấy nữa.

Nói tới đây Thanh gục mặt xuống hai đầu gối khóc.

Tuấn chờ cho cô dịu xuống, anh mới nói:

- Ba, má vô lý thật.

- Nhớ lại nhiều chuyện làm em khóc hoài. Trước khi gả chị Hai cho anh tuy nhà nghèo, nhưng ba má thương tụi em lắm, trên thuận dưới hoà, gia đình lúc nào cũng rộn rã tiếng cười rất là vui vẻ. Một trái xoài xẻ ra cũng chia đều cho mỗi đứa, có khi ba má phải nhịn phần mình cho con cái ăn. Khi mưa dông kéo về, nhà bị dột, chị em trong nhà đứa xách thau hứng chỗ nầy, đứa xách thùng hứng chỗ kia, rồi ngồi co ro trong góc nhà chờ mưa tạnh.

- Nhưng chẳng lẽ vì chuyện nầy mà Phong lại bỏ em?

- Hồi sanh thằng Hùng ảnh không làm ra tiền, buộc lòng ảnh ra hỏi mượn má, má nói sao anh biết không?

- Sao?

- Má nói, hồi đó biết mầy tệ như vầy tao gả con Thanh ra nước ngoài cho nó sướng thân. Tánh anh Phong cực khổ sao cũng được, nhưng ảnh không thể chịu được sự sỉ nhục của gia đình. Anh buồn quá trở về nhà bán miếng đất của ba ảnh để lại cho ảnh, lấy tiền giao hết cho em rồi trong đêm đó ảnh bỏ ảnh đi.

- Nhưng Phong nó đi đâu?

- Ảnh đi biệt cả năm sau mới gởi thư về cho em. Trong thư ảnh nói, ảnh tu trong một ngôi chùa ở Huế nhưng ảnh không cho em biết là chùa nào.

- Cũng tại anh cưới chị Hai em mà gia đình em đổ vỡ, nhưng em có dự định gì tương lai cho mẹ con em không?

- Nếu em tái giá chắc anh Phong buồn lắm và tội cho thằng Hùng sống với dượng ghẻ biết có được sung sướng không.

- Theo anh nghĩ, nếu Phong đi tu thiệt thì nó sẽ vui khi hay tin em lấy chồng.

- Anh Phong khuyên em nên noi theo gương công nương Yasodhara.

- Qui y như nó luôn hả? Cái thằng kỳ cục, xuất gia rồi mà còn lo lắng nhiều quá thì bao giờ mới thành chánh quả. Nhưng công nương Yasodhara ngày xưa sống trong hoàng cung, có người hầu kẻ hạ. Còn em với thằng Hùng sống nơi đồng không mông quạnh như vầy, ngoại trừ em biến nơi đây thành một cái am và em là một ni cô thật sự, chớ sống tiên không ra tiên tục không ra tục thì cũng khó cho em.

- Theo anh nói thì trong hai cách sống em nên chọn một?

- Dĩ nhiên, em chọn ra đường rồi thì em mới có hướng đi.

- Trước kia anh thấy chuyện gia đình làm chị Hai em khổ sở mặt mày lúc nào cũng cau có, đôi khi cộc cằn với anh vô cớ, hai đứa cháu em còn nhỏ xíu mà bị nó la chửi hoài, có lúc bị chị em đánh đòn. Gia đình cứ xào xáo hoài, cũng chỉ vì ba cái tiền bạc gởi nhiều gởi ít. Anh chán quá, đôi lần anh định bỏ đi, nhưng nghĩ lại anh đi rồi và ở bên nhà ba má có thay đổi được gì và gánh nặng lại trút lên mình chị Hai thêm và còn hai đứa nhỏ nữa, không có anh tụi nó lớn lên sẽ ra sao. Thay vì bỏ đi, anh ở lại nhà tìm cách dìu dắt chị em vượt qua trong lúc khó khăn. Bây giờ mọi chuyện coi như tạm ổn rồi anh cũng thấy yên tâm.

- Phải chi anh Phong nghĩ như anh thì ảnh đâu có bỏ em.

- Mỗi người có cách nghĩ khác nhau, Phong đi tu mấy năm rồi.

- Lúc thằng Hùng lên bốn tuổi.

Mười năm trôi qua, có lẽ Phong đã lên hàng đại đức.

- Nếu một đại đức hoàn tục trở về sống với em thì em nghĩ sao?

Thanh ngẩng người:

- Chuyện nầy trước tới giờ em chưa nghĩ tới.

- Vậy thì nghĩ thử coi.

- Anh Phong khuyên nên em nên tĩnh tâm, giữ năm giới của đạo Phật, nhưng nhiều lúc ngồi một mình trong căn nhà giữa đồng không mông quạnh như vầy em thấy buồn khủng khiếp.

- Nếu em chịu không được sự cô đơn thì coi ai thương mình thật lòng thì làm đám cưới với họ. Em đâu cần phải đi tu, sống ngoài đời em vẫn giữ được những giới cấm của nhà Phật.

Thấy không khí có vẻ nghiêm trang Tuấn khôi hài:

- Còn nước còn cái như em mà vô chùa thì sẽ làm mấy ông sư điên đảo hết tâm thần.

- Cái anh nầy.

- Nhưng yêu đương là chuyện riêng tư của em thì em tự tính lấy. Phần anh, anh định nhận thằng Hùng làm con nuôi, anh chị sẽ lo cho nó ăn học. Em nghĩ thế nào?

- Dượng, dì thì cũng như cha, mẹ anh tính như vậy cũng được, nhưng anh chị lo cho ba, má, còn lo cho mẹ em nữa có gánh nặng lắm không?

- Không sao, mấy người lớn vô dụng cho họ ăn để chờ chết, từ đây trở đi anh dồn tâm trí lo cho những đứa nhỏ, thằng Hùng cũng như con anh, hai chị nó bên bển có gì thì ở đây nó có nấy, chúng nó cần được săn sóc dạy dỗ thành một một người sống có tình có nghĩa, đừng để chúng dẫm theo cách sống của những con người đầu óc tối tăm mà tánh tình thì tham lam và bịp bợm không ai bằng.

Một hồi còi xe lửa vang dội núi rừng làm hai người im lặng hồi lâu. Tuấn nói:

- Kèn xe lửa lúc nào nghe cũng buồn.

Thanh nói:

- Chuyến tàu từ Hà Nội vào Thành Phố.

Ngày xưa nghe hai tiếng Hà Nội anh tưởng chừng xa thăm thẳm, bây giờ anh thấy gần xịt.

- Lần sau anh đưa chị em ra Hà Nội chơi.

- Lần sau là bao lâu?

- Tùy hoàn cảnh thôi.

- Anh có định về đây ở không?

- Đất lành thì chim đậu.

- Đất ở đây rất lành nhưng nhiều thợ săn quá sợ không giữ nổi cánh chim bạt ngàn như anh.

- Đúng hay sai gì thì cũng là quê hương.

- Chớ không phải nơi nào có tự do nơi đó mới là quê hương sao?

- Anh nghĩ, người nào nói ra câu đó thì người đó sẽ không bao giờ có được một quê hương thật sự.

Cơn gió thoáng ngang Tuấn nghe người thấm lạnh, anh nói:

- Khuya rồi, em vô lấy chiếc nóp anh để bên góc buồng đem ra cho anh rồi em vô ngủ đi.

- Anh vô nhà ngủ, em đã giăng mùng cho anh ở phía trước, càng về khuya sương xuống càng nhiều, nằm ngoài nầy ướt hết.

- Không sao đâu, chiếc nóp của anh có thể ngủ được ngoài mưa, huống hồ chi mấy thuở mới ngủ được ngủ giữa núi đồi đồng ruộng, thêm chút sương ướt cho thấm đượm tình quê.

Thanh đứng lên đi vô nhà lấy chiếc nóp cuốn tròn trong chiếc túi nylong đem ra đưa cho Tuấn, cô nói:

- Anh không nghe em, anh ngủ ở đây sáng bịnh thì hết về thành phố.

- Hết về thì ở lại chơi với mẹ con em thêm một ngày nữa, lo gì.

Thanh vừa trở vô nhà vừa càu nhàu:

- Nghệ sĩ mười người hết chín đầu óc luôn lúc nào cũng có vấn đề.

Bao nhiêu năm sống căng thẳng trên các thành phố Tây Phương, lắm khi những tiếng động của công xưởng, xe cộ làm anh mất ngủ, nay trở về được nằm giữa đồng ruộng, núi đồi của quê hương đất nước, lòng anh êm ả vô cùng, anh bắt đầu đều hoà hơi thở theo tiếng kêu rỉ rả của côn trùng và đi vào giấc ngủ nhẹ nhàng không mộng mị...

Chú Thích:

** Khánh Hòa có sáu câu vè nói lên đặc tính sáu nơi :*

Mây Hòn Hèo.
Heo Đất Đỏ.
Mưa Đồng Cọ.
Gió Tu Hoa.
Cọp ổ Gà.
Ma Đồng Lớn.

VÀI NÉT VỀ HUYỀN THOẠI ẤN ĐỘ
Chuyện Mahabharata

NGUYỄN HOÀI VÂN

(tiếp theo số 106)

ANH EM ĐỐI DIỆN (tóm tắt đoạn chót của bài trước):

Sáng ngày thứ nhất, hai đạo binh giàn trận ở Kurukshetra, gần thủ đô Delhi hiện tại. Hoàng Thúc Quốc Phụ Bhishma, Tổng Tư Lệnh quân đội Kaurava, ngự trước hàng quân trên một chiến xa huy hoàng. Bên cạnh Ngài là Võ Sư Drona. Hai vị Lão Tướng Vô Địch đảo mắt nhìn các anh hùng của phe mình, giáp trụ lóng lánh, binh khí sáng choang, dàn hàng ngang trước một biển chiến binh hùng dũng, cờ xí rợp trời (...)

(...) Yudhishtira, Vua và anh cả của nhà Pandava, cho chiến xa của mình tiến lên. Đến giữa khoảng cách với quân Kaurava, ông bước xuống, đi bộ về phía bộ chỉ huy của đối phương. Rồi, trước chiến xa của Bhishma, ông cung kính chắp tay bái lạy, xong đi vòng sang bên phải để tỏ lòng kính trọng đối với người bác của Cha mình và cũng là Thày mình (...) Kế đến, Yudhishtira bước sang hành đại lễ trước Võ Sư Drona, rồi xin được phép bắt đầu cuộc giao chiến và tạ lỗi trước vì sẽ phải xúc phạm đến các vị Ân Sư. Cả Bhishma lẫn Drona đều chúc lành cho Yudhishtira và gửi lời chúc lành đến các cháu, các tử đệ, thân quyến và bạn hữu trong hàng ngũ Pandava. Trước cảnh ấy, binh sĩ cùng chư tướng đôi bên đều rơi lệ (...).

(...) Arjuna nhìn quân địch, chỉ thấy toàn anh em mình, chú bác mình, thậm chí bao nhiêu là những đứa cháu nhỏ chưa kịp lớn khôn mà đã thân mang giáp trụ, tay cầm gươm đao, xếp thành hàng ngũ, chờ đợi tử thần... Rồi Arjuna thấy Drona, vị Ân Sư yêu kính, người đã tận tình truyền thụ võ công cho mình, đã nhận mình làm đệ tử thân cận nhất, hơn cả chính con ruột ông. Bên cạnh Drona, mắt Arjuna bắt gặp gương mặt uy nghi nhưng hiền hậu của Bhishma, vị Quốc Phụ đáng kính, tấm gương đạo đức của muôn đời. Vị anh hùng nhớ lại thân phận côi cút không cha của mình, được Bhishma và Vua Mù đem về chăm sóc, yêu thương dạy dỗ... Arjuna yêu cầu Krishna ngừng xe lại. Vị anh hùng bước xuống, ngồi gục đầu dưới đất giữa hai đạo binh, hai biển gươm đao, hai rừng cờ xí, giữa những người anh em sẵn sàng lao vào nhau, mạng đổi mạng, máu hòa với máu... Arjuna nói qua một hơi thở dài: «Tôi thà chết ở đây, chứ không thể nhẫn tâm tấn công làm hại những người thân thương của tôi...»

Hai bên quân tướng đều bàng hoàng sửng sốt (...) Rồi mọi người nhìn thấy Krishna từ tốn bước xuống xe, mỉm cười đến gần Arjuna...

BHAGAVAD GITA VÀ KINH KÍNH MỪNG MARIA

Thế là khởi đầu một cuộc đối thoại dài hơn 700 câu thơ, được ghi lại trong 18 chương của Bhagavad Gita, áng văn quan trọng nhất của Ấn Giáo, kinh nhật tụng của nhiều tín đồ.

Bhagavad Gita

Trước hết cần hiểu chiến xa chính là biểu tượng của tâm hồn, trong đó người chiến tướng là tiểu ngã mang nặng tư dục, các con ngựa là các giác quan lôi kéo chúng sinh vào tham ái, dục vọng, giây cương là khả năng kềm chế những dục vọng ấy, và người đánh xe chính là Đại Ngã, là Thần Tính, là Thiên Chúa, là cái Tôi thật thường hằng, bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm, nơi mỗi người chúng ta. Sự kiện người đánh xe cho anh hùng Arjuna lại chính là vị Thần vĩ đại Krishna, hóa thân của Vishnu, Ngôi Hai Thiên Chúa, Đấng Nhập Thế, chính là để bày tỏ một cách rõ ràng biểu tượng này (xem *Thế Kỷ 21* số 203, tháng 3 - 2006 - hay trang nhà của tác giả - địa chỉ ở cuối bài). Khi Arjuna thối chí muốn bỏ cuộc, thì Krishna, người đánh xe, liền bước lên địa vị của một người thày, người chỉ huy, để «thuyết pháp» dẫn dắt vị chiến tướng anh hùng qua khỏi cơn bão tâm linh.

Krishna chỉ cho Arjuna thấy hai con đường để hòa hợp với Thiên Chúa, với Thần Khí của Vũ Trụ. Con đường thứ nhất là con đường chiêm niệm, thiền quán, con đường của các bậc tu hành đạo hạnh. Con đường thứ hai là con đường hành động, phù hợp hơn với người chiến sĩ Kshatrya (nguồn gốc chữ guerrier). Để hợp nhất với Thần Khí Vũ Trụ, «yoga» của hành động chính là loại bỏ những dục vọng riêng tư, đồng thời tiêu diệt cái vọng tưởng cho rằng chính TÔI hành động, TÔI thực hiện việc này, làm nên điều nọ, do đó TÔI xứng đáng được hưởng phúc lộc, vinh dự, hay ngược lại phải chịu những trừng phạt, tai vạ. Khi đã diệt được vọng tưởng then chốt này thì chỉ có Thần Khí của Vũ Trụ, chỉ có Thiên Chúa hành động qua mình mà thôi, bất kể hành động ấy là tốt hay xấu. Thật vậy, vấn đề xấu tốt không đặt ra vì hành động trong sự hòa hợp với Thiên Chúa chính là thực hiện một chương trình tạo tác nhằm đem lại cho vạn hữu, cho mỗi tạo vật, một chỗ đứng, một ý nghĩa trong toàn thể tạo vật. Người hành động theo tinh thần ấy hòa tan trong Chương Trình Tạo Tác Nguyên Thủy, nên không còn thọ nghiệp, không gieo nhân, dù là nhân lành, và cũng không màng quả báo, dù là quả tốt. Bọn tầm thường cứ lo làm lành lánh dữ, cúng bái xì xụp hay xếp bằng nhắm mắt, cố công cầu phước tránh họa, đem những dục vọng mong ước thấp hèn của chúng phóng vào đời sau, vào một Thiên Đường tư dục, nên cứ mãi mãi quay cuồng trong vọng tưởng. Arjuna được chỉ dẫn là những sứ mạng mình thọ lãnh trong cuộc sống đều do duyên nghiệp, phải can đảm lãnh nhận, rồi thực hiện chúng trong tinh thần vô ngã, trong sự hiến dâng trọn vẹn, không màng đến kết quả, dù tốt hay xấu. Khi Arjuna tự dằn vặt vì sẽ phải giết những người thân thương của mình, thì Krishna chỉ cho ông thấy bản chất của họ đều là Thiên Chúa, không sanh không diệt, không ai có thể giết được. Còn phần hiện tượng bên ngoài, tức cái vỏ xác thân và cái «tôi» cá biệt của họ, thì chỉ là những hợp thể không tự tánh, vô thường, trước sau gì cũng sẽ bị nuốt trôi bởi giòng thời gian. Krishna cũng đặt vấn đề niềm tin, và cho rằng mỗi người LÀ cái mình tin. Tin bản chất mình chính là Thiên Chúa, chính là niềm tin căn bản đem con người đến với Thiên Chúa, biến mất trong Thiên Chúa, hòa hợp cùng Thiên Chúa ("Tin Mừng" của Ky Tô Giáo chính là điều này!). Rồi, để tăng cường niềm tin trong tâm hồn Arjuna, Krishna tự biểu lộ cho vị anh hùng thấy bản thể Thiên Chúa của mình: Hiện Hữu trong mọi hiện hữu, thiên hình vạn trạng, không giới hạn, ở khắp mọi nơi, to lớn, sáng lạn, bao trùm mọi sự, «như vô số mặt trời hợp lại,» nhưng cũng tiềm tàng nơi mỗi sự vật nhỏ bé li ti nhất...

Người ta có thể gắn liền những quan niệm nền tảng của Baghavad Gita với ý nghĩa thâm sâu của bài kinh nhật tụng Ave Maria (Kính Mừng Maria) của người Công Giáo. Trong đoạn đầu bài kinh này, Maria, một cô bé 15 tuổi, được Thiên Thần giao cho sứ mạng mang thai một vị Quân Vương, con Thiên Chúa, sẽ ngự trên ngai vàng David, cai trị giòng tộc Jacob, khai sáng một triều đại không bao giờ chấm dứt (Luca 1:31-33), được tóm tắt trong câu "con lòng bà gồm phước lạ.» Ngặt một nỗi là Maria «không biết đàn ông,» và có thể sẽ bị ném đá chết! Mặc dầu vậy, Maria, vẫn chấp nhận sứ mạng hiểm nghèo này một cách vô điều kiện. Maria không đòi hỏi gì cho mình, hoàn toàn từ bỏ tiểu ngã của mình để hòa hợp với Thiên Chúa, để Thiên Chúa hành động qua mình. Maria trở thành Thiên Chúa! Đoạn hai của Kinh "Kính Mừng" tuyên xưng điều này một cách vô cùng trắng trợn. Người ta nói: "Thánh Maria, Mẹ Thiên Chúa." Không ai có thể là "Mẹ Thiên Chúa" nếu không là Thiên Chúa! Nói cách khác, nếu ai sanh được ra Thiên Chúa, thì kẻ ấy mới chính là Thiên Chúa... Rồi khi đã làm

một với Thiên Chúa, đã là Thiên Chúa, thì Maria làm gì? Maria giải quyết một cách tự nhiên vấn nạn quan trọng nhất của mọi cuộc sống, tức là: Sự Chết. Việc này được biểu tượng trong lời kinh khi người tín đồ xin Đức Mẹ cầu cho mình "trong giờ lâm tử". Khi đã hòa tan trong Thiên Chúa thì không thể chết, vì Thiên Chúa không có khởi đầu và không có kết thúc. Sự kiện Maria chỉ là một cô bé 15 tuổi, mang ý nghĩa thâm thúy là bất cứ ai cũng có thể nhìn ra cái thực chất bất sanh bất diệt của mình, cũng như của vạn hữu, và xem mọi sự vật như những biểu hiện, những cái bóng của sự HIỆN HỮU duy nhất, tức là: Thiên Chúa.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẾT MỘT VỊ THÁNH NHÂN VÔ ĐỊCH?

Qua lời giảng của Krishna, Arjuna hiểu mình cũng như các đối thủ trước mặt, trong bản chất đều là biểu hiện của Thiên Chúa, của Hiện Hữu Tuyệt Đối, không sanh không diệt. Đồng thời ông lại nhìn những chiến binh sẽ vĩnh viễn ra đi như những hiện tượng vô thường, sống chết tùy duyên nghiệp... Trận chiến huynh đệ tương tàn sắp xảy ra chẳng qua cũng chỉ là kết quả của duyên nghiệp không thể tránh (xin nhắc lại là cuộc chiến ấy do chính chư Thần quyết định và dàn xếp, sau khi Thần Đất than phiền rằng con người quá đông đảo và gây quá nhiều thiệt hại cho Thiên Nhiên). Vị anh hùng ý thức sứ mạng của mình trong cuộc chiến ấy, và ý thức dẹp bỏ mọi tham vọng, ước mong, để Thiên Chúa hành động qua mình, như cô bé Maria dưới bầu trời Do Thái. Thế là Arjuna lấy lại can đảm để chấp hành sứ mạng được thọ cảm, mặc cho nó đem lại cho ông những dằn vặt, đau đớn. Ông gọn ghẽ nhảy lên chiến xa, rồi, cầm lấy tù và Devadhatta, thổi lên hiệu lệnh tấn công, trước khi lao thẳng vào quân địch, trước sự reo hò vang dội của 700 ngàn chiến hữu.

Những ngày đầu của cuộc chiến diễn ra không phân thắng bại. Mỗi khi Nguyên Soái Quốc Phụ Bhishma bày ra một trận thế, thì bên phía Pandava, các học trò của Ngài liền có trận thế tương ứng khắc phục, và ngược lại. Như trong ngày thứ ba, quân Kaurava tấn công trong trận thế Thần Ưng, thì lập tức phe Pandava bố trí lực lượng của mình theo hình thế Bán Nguyệt, đối khắc trận Thần Ưng. Bên Pandava mặc dù với sức mạnh kinh hồn của lực sĩ Bhima, vung chùy quét tan từng hàng quân địch, cộng với tài nghệ siêu quần và vũ khí thần diệu của Arjuna, vẫn không đủ để áp đảo Lão Tướng Bhishma. Mỗi cuộc tấn công tàn sát của Arjuna, Bhima và quân Pandava, rốt cuộc đều bị Ngài bẻ gãy. Ngược lại, các đợt xung phong của Ngài tuy gây vô số tổn thất trong hàng ngũ Pandava, nhưng vẫn không dứt điểm nổi đối phương.

Nhận thấy cuộc chiến có vẻ cù cưa, trong khi phe mình đông hơn (1 triệu 1 trăm ngàn người) và quy tụ nhiều anh hùng hơn, Duryodhana, anh cả của các anh em Kaurava bèn nói khích Bhishma, cho rằng nếu Ngài vì lý do tình cảm mà không chịu quả quyết tiêu diệt anh em Pandava, thì xin hãy nhường cho Đệ Nhất Anh Hùng Karna làm Tổng Tư Lệnh. Bhishma bị chạm tự ái, mấy hôm sau đó liền quả quyết tấn công mãnh liệt, mỗi ngày giết hàng chục ngàn quân Pandava. Yudhishtira và chư tướng thấy không thể để cho tình trạng này kéo dài, nên cùng nhau đang đêm đến gặp Bhishma. Yudhishtira trình bày với Bhishma rằng không ai có thể giết được Ngài, cho nên nếu cuộc chiến kéo dài như hiện tại thì binh tướng đôi bên sẽ không còn ai sống sót. Thật vậy, trong lúc vị Quốc Phụ vô địch tàn sát quân Pandava hàng chục ngàn người mỗi ngày, thì Arjuna và Bhima cũng gây thiệt hại không kém bên phía Kaurava. Cần nhắc lại là Bhishma được quyền chọn lúc mình chết và người giết mình, do đặc ân mà chư Thần đã ban cho Ngài lúc Ngài quyết định sống đời thanh tịnh để phụ thân Ngài lấy được nàng công chúa trước hôi mùi cá sau thơm như mít. (*Thế Kỷ 21* số 203). Chúng ta nhận xét là Skanda (*Thế Kỷ 21* số 201-202, xuân Bính Tuất), Bhishma, rồi Arjuna (khi chối từ ăn nằm với nàng tiên trên Trời Indra - *Thế kỷ 21* số 205, tháng 5-2006), đều giữ giới thanh tịnh khi trở thành anh hùng vô địch. Bhishma hỏi Yudhishtira muốn yêu cầu ông điều gì? Yudhishtira thành thật xin được Bhishma chỉ cho mình cách thức... giết Ngài ! Bhishma cũng thành thật tuyên bố: "Hãy để Shikhandin đối diện với ta, thì khi ấy các ngươi sẽ giết được ta."

Shikhandin là ai? Hẳn chúng ta còn nhớ chuyện Công Chúa Amba và hai cô chị bị Bhishma dùng vũ lực tải về gả cho người em cùng cha khác mẹ (*Thế kỷ 21* số 203). Amba đã có người yêu nên Bhishma tha cho cô về. Nhưng chàng này lại ghen tuông không chịu yêu Amba

nữa. Amba trở lại với Bhishma, và cũng bị từ chối, vì Bhishma đã nguyện sống đời thanh tịnh. Amba lỡ thời, thù hận Bhishma, thề sẽ giết ông. Nàng lên núi tu khổ hạnh với một ý chí kiên cường mãnh liệt làm cho Shiva cảm động, cho cô được giết Bhishma trong một kiếp sau. Amba lập tức tự thiêu để sớm đi đầu thai. Nàng sanh làm con gái Drupada, cha vợ anh em Pandava. Từ thuở ấu thơ, người thiếu nữ kỳ lạ này chỉ thích võ nghệ, binh khí, trận mạc. Trước sự thất vọng của cha mẹ, cô nàng ẩn vào rừng sâu luyện tập, trở thành đàn ông, được nhận vào hàng chiến tướng, và tham gia chiến tranh bên phía Pandava. Có thuyết cho rằng nàng đã mượn dương vật của một người đàn ông để đổi giống, một đề tài rất thời sự!

Ngày thứ 10 của cuộc chiến, Shikhandin được bố trí để trực diện với Bhishma, có Arjuna hờm sẵn phía sau. Shikhandin bắn một loạt tên vào Bhishma, Arjuna từ phía sau cũng bắn ké mấy mũi. Bhishma không chống cự, tự để trúng tên, ngã xuống xe. Ngài tuyên bố: «Ta đã nhận ra những mũi tên của Arjuna làm ta ngã gục!» Khi Bhishma bị trọng thương thì lập tức mây đen phủ khắp bầu trời, sấm chớp nổi lên, gió chạy đá bay mù mịt, trời đất vang tiếng kêu than bi thảm. Binh tướng hai bên vội buông võ khí đến quây quần bên con người cao cả nhất của giai cấp chiến sĩ Kshatrya. Bhishma nằm trên một chiếc giường tên. Có thuyết nói vô số mũi tên xuyên qua người ngài khiến ngài nằm không chạm đất! Bhishma kêu: «Đầu ta không có chỗ tựa!» Các tướng đem đến một chiếc gối nhung tuyệt đẹp. Bhishma bảo gối ấy không xứng đáng với một chiến sĩ. Arjuna cắm ba mũi tên xuống đất rồi đặt đầu Bhishma lên trên. Bhishma hài lòng, nhưng lại xin uống nước. Arjuna lựa một mũi tên, niệm thần chú, rồi bắn xuống đất. Lập tức một giòng nước chảy ra, giải khát cho vị Quốc Phụ Anh Hùng. Thế là Bhishma nằm hấp hối trên chiến trường, nhưng chưa chịu lìa đời, nhìn trận chiến tiếp tục.

LÃO TƯỚNG DRONA: NỖI KINH HOÀNG CỦA QUÂN PANDAVA

Võ Sư Drona thay Bhishma chỉ huy binh lực Kaurava. Ông vốn là một Đạo Sĩ (brahmane), nên ngoài võ nghệ và tài dùng binh còn có những pháp thuật cao cường, tàn sát quân Pandava vô số kể. Ngày thứ 12 của cuộc chiến, Drona sai đoàn biệt kích cảm tử lừng danh Samshaptaka tiến đánh Arjuna, dụ ông đến một nơi xa rồi liều chết cầm chân ông ở đó.

Cùng lúc ấy, vị Võ Sư Nguyên Soái bày trận «kim luân» khiêu chiến. Thiếu anh hùng Abhimanyu, con của Arjuna và công chúa Subhadra, em gái Krishna, tình nguyện thay phụ thân mình đi tiên phong tấn công thế trận của quân Kaurava. Khi phóng chiến xa đến gần hàng ngũ địch, Abhimanyu đảo mắt quan sát và nhận ra ngay một chỗ hở. Chàng lập tức thúc quân nhắm thẳng điểm yếu ấy đánh thốc vào. Quả nhiên hàng quân Kaurava rúng động mở ra một khoảng trống. Abhimanyu lọt được vào giữa trận Kim Luân, tung hoành đánh phá. Liền khi ấy Drona phất cờ lệnh. Trận thế xoay chuyển theo vòng tròn. Những khoảng kiên cố của vòng Kim Luân thay vào những vùng yếu kém, khiến tiền quân Pandava bất thần bị chặn lại, không thể theo Abhimanyu tiến vào giữa trận thế. Đồng thời các anh hùng Kaurava càng lúc càng đông vây quanh Abhimanyu tấn công tới tấp. Abhimanyu cô thế, bắn hết tên, chiến xa gãy bánh, chiến mã và tùy tùng đều lần lượt bị giết. Vị thiếu anh hùng vung gươm can đảm tiếp tục đơn độc chiến đấu. Gươm gãy, chàng chụp lấy một cây đại chùy xông vào giữa các anh hùng Kaurava đánh nhàu. Chùy cũng vuột mất! Abhimanyu vớ lấy một bánh xe gãy tung hoành đánh gục thêm vài kiện tướng Kaurava, trước khi kiệt sức ngã quỵ.

Lúc Arjuna vừa phá tan được đơn vị cảm tử, quay trở về trung quân, thì binh đội Kaurava đã giải trận lui binh, bỏ xác Abhimanyu lại giữa chiến trường. Arjuna đau đớn nhận xác con mình và thề sẽ giết người đã hạ sát Abhimanyu nội trong ngày hôm sau trước khi mặt trời lặn, nếu không thì sẽ nhảy vào lửa tự thiêu! Một lời thề nguy hiểm! Drona được gián điệp cho biết lời thề này, liền nhận ra ngay một cơ hội để loại trừ Arjuna. Sáng ra, ông cho bày trận «Liên Hoa» đặt vị anh hùng bị Arjuna dọa giết ở giữa, được bảo vệ bởi các chiến tướng võ nghệ cao cường nhất, sắp xếp thành nhiều lớp như những cánh hoa sen bao bọc trùng điệp chung quanh. Thế trận này vô cùng kiên cố, gần như không thể nào phá nổi. Arjuna phải vất vả vận dụng hết võ công và đủ mọi pháp thuật linh diệu suốt một ngày dài, vô cùng hao binh tổn tướng, mãi đến gần tối mới vào được trung tâm của Liên Hoa Trận. Đến đây vẫn còn một khó khăn lớn. Số là thân phụ của vị anh hùng mà Arjuna muốn

giết là một vị Vua Đạo Sĩ vốn biết con mình ngày kia sẽ bay đầu, nên gieo một pháp thuật nguyền rủa kẻ nào làm thủ cấp của con ông rơi xuống đất thì đầu của kẻ ấy cũng sẽ vỡ tan thành trăm mảnh. Krishna cho Arjuna biết điều đó và dặn tuyệt đối không được để cho đầu của vị anh hùng nọ rơi xuống đất. Arjuna bèn sử dụng một mũi tên thần, niệm chú bắn bay đầu đối thủ, rồi, không để cho đầu ông ta chạm đất, tiếp tục bắn liên tiếp, khiến chiếc thủ cấp bay, bay mãi, vượt núi rừng đến thảo am của người cha Đạo Sĩ Quân Vương. Ông này đang ngồi thiền định không để ý là đầu con mình vừa rơi xuống nằm gọn ghẽ trên đùi mình. Lúc ông đứng dậy, chiếc thủ cấp của người con lăn xuống đất, khiến đầu ông cũng vỡ tan làm trăm mảnh...

NGHỆ THUẬT NÓI DỐI

Vấn đề của quân Pandava bây giờ là Drona. Tài nghệ của vị Tôn Sư và Đạo Sư của cả hai nhà Pandava lẫn Kaurava quá cao cường, không ai địch nổi. Mỗi cuộc tấn công của Drona đều gây tổn thất nặng nề cho quân Pandava. Ngược lại, mỗi làn sóng công kích dẫn đầu bởi các kiện tướng Pandava đều bị các trận thế tinh vi của Drona dẹp tan. Krishna bàn: «Drona sẽ mất tinh thần và ngưng chiến đấu nếu được tin con ông tử trận.» Nhưng, ai sẽ lãnh trách nhiệm loan tin thất thiệt ấy? Arjuna cực lực phản đối: độc kế này hoàn toàn bất xứng đối với một người thuộc giai cấp chiến sĩ. Yudhishtira lưỡng lự: ông chưa từng bao giờ nói dối. Rốt cuộc lực sĩ Bhima nhận lời.

Ngày thứ 15, vừa sáng sớm, Drona tự mình dẫn quân đi tiên phong xông thẳng vào trận thế của quân Pandava. Hàng ngũ Pandava rối loạn, không kịp tập trung các kiện tướng để ngăn chặn Drona. Nguyên soái Drishtadyumna đích thân chặn đánh Drona nhưng bị đánh bật trở lại hao tổn rất nhiều binh sĩ và tùy tướng. Bhima liền được chỉ dẫn đập chết một con voi có cùng tên với người con của Drona, là Ashvatthaman, rồi hô hoán ầm ĩ: «Ashvatthaman đã chết!» Binh sĩ cùng reo hò phụ trợ. Drona đang dương đông kích tây tàn sát quân Pandava, nghe tin dữ, tay chân bủn rủn. Ông không còn muốn chiến đấu nữa, nhưng trong lòng vẫn còn nghi ngờ. Ông quất ngựa phóng chiến xa về phía Yudhishtira, hỏi: «Ngươi là người đạo đức, vậy hãy trả lời ta: có thật Ashvatthaman đã lìa đời?» Yudhishtira cúi mặt: «Đúng vậy, Ashvatthaman không còn nữa.» Đồng thời để khỏi mang tội nói dối, ông thì thào thật nhỏ: «Con voi Ashvatthaman»...

Drona choáng váng, nhưng vẫn còn đủ sức đánh tan chiến xa của nguyên soái Drishtadyumna, giết người đánh xe và ba con chiến mã của ông này, khiến ông phải bỏ chạy. Lúc ấy có bảy vị thần từ thiên cung hiện xuống khuyên Drona nên chấm dứt việc giết chóc, trở về với địa vị của một Đạo Sĩ. Drona ngồi xuống trong tư thế thiền định và bắt đầu nhiếp tâm thu hồn sửa soạn lìa thân thể. Nguyên soái Drishtadyumna vừa thay chiến xa xong quay lại thấy Drona ngồi bất động liền xông đến vung đao chặt bay đầu ông, đoạn cầm thủ cấp chạy trước hàng quân Kaurava thị oai. Thật ra không một chiến sĩ Kshatrya nào dám chém đầu một Đạo Sĩ Brahmane đang thiền định. Chỉ một mình Drishtadyumna làm được việc này vì từ khi sanh ra, ông đã được cho biết sứ mạng của cuộc đời ông chính là: giết Drona. Hẳn bạn đọc còn nhớ lúc còn thơ ấu, Drona có người bạn là Drupada, một hoàng tử thuộc giai cấp chiến sĩ. Hai người thề sẽ chia sẻ đồng đều tất cả những gì họ có. Nhưng khi lớn lên Drona túng thiếu xin Drupada giúp đỡ thì lại bị Drupada, lúc ấy đã lên ngôi vua, khinh rẻ ruồng bỏ... Rồi Drona trở thành Gia Sư và Thượng Tướng trong triều Vua Mù. Ông mượn quân đi đánh người bạn cũ đã phụ bạc ông. Drupada bị bắt, bị làm nhục, và phải nhượng một nửa vương quốc cho Drona. Từ đó Drupada nuôi mộng trả thù. Biết mình sức kém, ông trông cậy vào thế hệ sau. Ngặt một nỗi ông lại hiếm muộn. Một hôm, Drupada lập đàn cầu tự rất trọng thể. Từ trong đám lửa tế lễ hai hài nhi hiện ra, một nam một nữ. Hài nhi nam chính là Drishtadyumna, nguyên soái của quân Pandava, còn hài nhi nữ không ai khác hơn là chính người đẹp Draupadi. Nhờ nàng mà Drupada có được năm chàng rể tài ba dũng mãnh, giúp ông rửa hận.

ĐẠI ANH HÙNG KARNA

Drona lìa đời, binh tướng Kaurava vội tôn đại anh hùng Karna lên làm Nguyên Soái. Karna là một chiến tướng có võ nghệ cũng như pháp thuật vô cùng cao siêu, ngang hàng với Arjuna. Karna cũng từng thề không đội trời chung với Arjuna. Điều trớ trêu là Karna lại chính là... anh của Arjuna! Tuy nhiên điều này

là một bí mật được giữ rất kín. Arjuna cũng như các anh em Pandava đều không biết họ đang chiến đấu với người anh cả của mình. Câu chuyện như sau:

Karna

Hẳn bạn đọc còn nhớ Kunti, mẹ của ba người đầu trong năm anh em Pandava. Lúc 15 tuổi, Kunti được một thiên thần ban cho đặc ân có thể thụ thai từ một vị Thần mà vẫn đồng trinh. Cô bé Kunti vào lúc ấy tò mò cầu nguyện Thần Mặt Trời Surya (gốc chữ «soleil») và thụ thai sanh ra một hài nhi tuyệt đẹp với đôi khoen tai và một áo giáp bằng vàng dính trên người. Trong tình trạng còn độc thân không thể có con, Kunti sợ hãi đặt đứa bé trong một cái nôi rồi đem thả trôi sông, y hệt như chuyện Mai Sen (Moshe) trong Thánh Kinh. Đứa bé ấy chính là Karna, được vợ chồng một người đánh xe vớt lên nuôi dưỡng. Karna lớn lên, mang chí lớn, ngày đêm luyện tập võ nghệ, rồi đi khắp thiên hạ tìm thày thọ giáo. Một hôm chàng giả trang làm một brahmane tìm đến xin làm đệ tử của Parasuram một Đạo Sĩ lừng danh và nổi tiếng oán ghét giai cấp chiến sĩ Kshatrya. Drona cũng từng thọ giáo ông này. Parasuram truyền cho Karna bí pháp để sử dụng Brahmastira, một loại hỏa tiễn có sức tàn phá khủng khiếp. Nhưng ngày nọ, trong lúc Parasuram nằm ngủ gối đầu trên đùi Karna, thì một con bò cạp chích vào chân Karna. Mặc dầu vô cùng đau đớn, máu tuôn lai láng, Karna vẫn ngồi bất động, sợ làm Thày mình tỉnh giấc. Đến khi Parasuram thức dậy, thấy chân Karna bê bết máu, ông liền nổi giận tuyên bố Karna không thể là một đạo sĩ brahmane, vì không có brahmane nào lại chịu chấp nhận đau đớn như vậy. Karna chắc chắn phải là một kshatrya đã cải trang lừa dối ông. Đoạn ông nguyền rủa Karna khi lâm nguy cần đến hỏa tiễn Brahmastira thì sẽ quên mất bí pháp để sử dụng nó.

Con bò cạp đã chích Karna chính là Thần Indra, cha của Arjuna, hóa thành. Indra tìm mọi cách để giúp Arjuna chiến thắng Karna trong trận đụng độ không thể tránh được giữa hai vị đại anh hùng. Ngày kia Karna đang luyện tập trong một khu rừng, Indra liền nổi lên một trận gió làm bụi bay mờ mịt khiến vị anh hùng vô ý giết chết con bò của một Đạo Sĩ ẩn tu (Indra đã từng nổi gió gây nên mối tình giữa Yayati và Sharmishta, từ đó mới có anh em Pandava và Kaurava — *Thế Kỷ 21* số 203). Ông Đạo Sĩ mất bò giận dữ nguyền rủa Karna sẽ bị xa lầy trong khi giao đấu một trận sanh tử. Karna hết lời xin lỗi, đề nghị đền cho ông đạo sĩ hàng trăm bò, voi, đủ loại, nhưng ông ta vẫn khăng khăng nhất định duy trì lời nguyền rủa: «Những gì đã nói không thể lấy lại. Dù cho ngươi có là một người tốt cách mấy đi chăng nữa, ngươi vẫn phải lãnh nhận hậu quả việc làm của ngươi.» Sau khi kinh Baghavad Gita cho ta thấy bí quyết của hành động không tạo nghiệp, thì câu chuyện này phũ phàng nhắc lại một nguyên lý đơn giản: không ai có thể thoát được nghiệp lực, có thể tránh nổi luật nhân quả. Ngày nào còn «cái tôi» thì «cái tôi» ấy bắt buộc phải chịu trầm luân trong vòng nghiệp chướng.

Lần khác, biết được Karna phát nguyện không từ chối bất cứ vật gì một brahmane xin mình, Indra giả trang làm brahmane hành khất đến xin Karna đôi khoen tai và bộ giáp bằng vàng dính trên người chàng. Những bảo vật ấy được chế tạo từ thuốc Trường Sinh của chư Thần và là quà của Surya, Thần Mặt Trời, để bảo vệ con mình trước mọi binh khí và pháp thuật. Karna biết điều đó, nhưng vẫn điềm nhiên xé tai lấy cặp khoen và rút gươm lóc thịt nạy bộ giáp dính trên người mình từ thuở chào đời, đem tặng cho vị Đạo Sĩ ăn mày. Indra thấy thân mình Karna đầy máu me ghê rợn, thì chột dạ, thương cảm hóa phép chữa lành các vết thương của chàng, và đề nghị tặng chàng một bảo vật hộ thân. Karna nhận ra Indra, liền xin phi tiễn Shakti, một vũ khí đã phóng ra thì không ai sống sót nổi dù là người hay quỷ. Indra ưng thuận, nhưng giao hẹn Karna chỉ được sử dụng phi tiễn này một lần duy nhất mà thôi.

(Còn tiếp một kỳ)

Đối lập chính trị thời Đệ nhất Cộng hòa;

Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp

TRẦN ĐÔNG PHONG

(*Tiếp theo*)

Ông Ngô Đình Nhu Bác Bỏ Mọi Đề Nghị

Bác sĩ Trần Kim Tuyến có nói rằng trong 18 vị nhân sĩ ký tên vào bản Tuyên Ngôn Caravelle, ông được quen biết đến 15 vị, có lẽ vì lý do đó mà buổi họp của Đại Hội Đoàn Kết đã diễn ra tại tư gia của Bác sĩ Phan Huy Quát, một trong 18 vị nhân sĩ ký tên vào bản Tuyên Ngôn Caravelle.

Người viết có cơ hội hỏi ba vị đã có tham dự phiên họp này là Bác sĩ Phạm Hữu Chương, Bác sĩ TrầnVăn Đỗ và Bác sĩ Phan Huy Quát và được Bác sĩ Quát cho biết rằng người mà Bác sĩ Trần Kim Tuyến liên lạc để xúc tiến một buổi họp với ông Ngô Đình Nhu là Bác sĩ Trần Văn Đỗ. Bác sĩ Trần Văn Đỗ là em ruột của Luật sư Trần Văn Chương, thân phụ của bà Ngô Đình Nhu, do đó mà tuy đã từ chức Ngoại Trưởng từ năm 1955 nhưng ông Đỗ vẫn còn giữ liên lạc trong tình bà con với gia đình ông bà Nhu.

Bác sĩ Trần Văn Đỗ nói với người viết rằng ông thấy đây là một cơ hội để nhóm Caravelle có thể đối thoại trực tiếp với ông Ngô Đình Nhu cho nên đã đích thân đi mời gọi một số bạn bè của ông tham dự hội nghị này. Bác sĩ Trần Văn Đỗ xác nhận chính ông là người đi thuyết phục "*một số anh em*" đi dự cuộc họp để nghe ông Ngô Đình Nhu nói gì về các đề nghị của họ trong bản Tuyên Ngôn Caravelle mà từ tháng 4 năm 1960 cho đến tháng 7 năm 1961 họ không hề thấy hay không hề nghe một phản ứng nào từ phía Tổng Thống Ngô Đình Diệm cả. Bác sĩ Phan Huy Quát cho biết vì có một số người không đồng ý việc nói chuyện với ông Nhu tại một địa điểm do người của chính quyền chọn lựa, do đó ông đã đề nghị buổi họp sơ khởi có thể được tổ chức tại tư gia của ông. Bác sĩ Quát nói với người viết rằng đó chỉ là một buổi hội, nói đúng ra thì chỉ là một buổi họp mặt của một nhóm chừng vài chục người mà thôi vì tư gia của ông ở đường Hiền Vương không thể chứa được số người đông hơn.

Bác sĩ Phan Huy Quát nói rằng ông không nhớ hết tất cả những người tham dự buổi họp nói trên, tuy nhiên ông nhớ là có Bác sĩ Trần Văn Đỗ, Bác sĩ Phạm Hữu Chương, Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, Bác sĩ Đặng Văn Sung, Luật sư Trần Văn Tuyên v.v., là những người trong nhóm Caravelle và một người trẻ tuổi cháu của cụ Tạ Chương Phùng là ông Tạ Chí Diệp. Bác sĩ Phan Huy Quát nói rằng vào năm 1961, Tạ Chí Diệp còn rất trẻ, dường như chỉ mới trên 30 tuổi, tuy nhiên ông là người hòa nhã, có tài ăn nói, có tinh thần cách mạng chống Pháp và chống Cộng sản mãnh liệt, có thành tích đã từng bị Việt Minh cầm tù ở Liên Khu 5, đã từng theo phe ly khai lập chiến khu ở Phan Rang để chống lại Nguyễn Văn Hinh và ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và cả thành tích bị chế độ Ngô Đình Diệm bỏ tù trong thời gian hơn năm năm, do đó ông ta đã thu hút được sự mến phục của những người thuộc lớp đàn anh và gần như hầu hết mọi người nhận lời tham dự hội nghị đoàn kết do các nhân vật thuộc đảng Cần Lao tổ chức đều đồng ý cử Tạ Chí Diệp làm thuyết trình viên (rapporteur). Bác sĩ Quát nói rằng các vị trong nhóm Caravelle chủ trương lấy những điểm chính trong bản tuyên ngôn của họ hồi tháng 4 năm 1960 để đối thoại với chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tuy nhiên những điểm này lại bị Tạ Chí Diệp xem như là quá ôn hòa và do đó ông ta đưa ra thêm những đề nghị đòi hỏi chính quyền phải thực thi những điều mà ông ta đã từng kêu gọi hồi tháng 3 năm 1955.

Bác sĩ Phan Huy Quát cho biết rằng sau một vài phiên họp, nhóm này đồng ý đưa cho ông Ngô Đình Nhu một đề nghị gồm năm điểm và đề cử ông Tạ Chí Diệp làm thuyết trình viên để nói chuyện với ông Nhu. Bác sĩ Phan Huy

Quát nói rằng ông Nhu nhận lời đến tham dự một buổi họp tại tư gia của ông cùng với một số người trong đảng Cần Lao, tuy nhiên sau khi nghe đề nghị năm điểm này thì ông Nhu bác bỏ ngay lập tức từng điểm một. Chẳng hạn như đề nghị chính quyền cho phép các đảng phái chính trị được hoạt động công khai, ông Nhu nói rằng chính phủ Ngô Đình Diệm có bao giờ ngăn cấm các đảng phái hoạt động chính trị đâu; về vấn đề chính trị phạm thì ông Nhu nói rằng chính quyền chỉ có bắt bớ giam cầm một số cán bộ Cộng sản nằm vùng theo Đạo Luật Số 10 chứ không có bắt giam những người dân vô tội hay là những "*người quốc gia đối lập*"..., còn chuyện lập một hội đồng chính trị có nhiệm vụ phê bình và chất vấn chính quyền thì không cần thiết vì đó là nhiệm vụ của quốc hội và tổng thống vì theo hiến pháp thì "*Tổng Thống lãnh đạo quốc dân*"...

Bác sĩ Phạm Hữu Chương, cựu Tổng Trưởng Xã Hội trong chính phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên và cũng quen biết với ông Nhu từ thời ở Pháp và ở Hà Nội, cũng có mặt trong buổi họp đó và đã kể lại với người viết rằng ông ta vốn là một người nóng tính, khi nghe ông Nhu nói là chính quyền chỉ có bắt giam cán bộ Cộng sản mà thôi thì ông đã hỏi ông Nhu: "*Vậy thì Tạ Chí Diệp cũng là cán bộ Cộng sản hay sao? Nếu Tạ Chí Diệp là Cộng sản thì tại sao bây giờ lại được trả tự do còn nếu Tạ Chí Diệp không phải là Cộng sản thì tại sao lại giam giữ Tạ Chí Diệp chung với cán bộ Cộng sản trong 5 năm trời mà không hề đưa ra tòa xét xử? Còn ông Cố Vấn nói chính quyền không hề có bắt giam những người quốc gia đối lập, vậy thì tại sao cụ Phan Khắc Sửu, Tổng Trưởng Canh Nông trong chính phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên vào năm 1954 bây giờ lại đang bị tù ở Côn Sơn, nơi mà thực dân Pháp cũng đã giam cụ vì tội chống Pháp dưới thời Pháp thuộc? Còn Giáo sư Trần Văn Hương, người được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời làm Đô Trưởng Sài Gòn khi ông mới về nước chấp chánh cũng đang bị chính quyền giam giữ mà không hề bị đưa ra tòa xét xử? Còn Bác sĩ Phan Quang Đán cũng là cán bộ Cộng sản hay sao mà lại đang bị tù ở Côn Đảo? Còn ông Hà Thúc Ký có phải là đảng viên Cộng sản hay không mà không những ông ta, cả bà vợ và cô con gái mới sinh cũng bị.tù...?..*" Bác sĩ Chương nói rằng ông Ngô Đình Nhu đỏ mặt nhưng chống chế rằng đó chỉ là một sự hiểu lầm, tuy nhiên ông không giải thích được một cách rõ rệt lý do tại sao những người như cụ Phan Khắc Sửu, Bác sĩ Phan Quang Đán, Giáo sư Trần Văn Hương, ông bà Hà Thúc Ký và nhất là Tạ Chí Diệp, một cựu đồng chí của chính ông Nhu trong bao nhiêu năm lại bị cầm tù đến năm năm trời.

Người viết xin mở một dấu ngoặc ở đây về việc cụ Phan Khắc Sửu bị tù vào cuối năm 1960. Ông Phan Khắc Sửu, Kỹ sư Canh nông, là một nhà cách mạng đã từng bị thực dân Pháp cầm tù, khi ông Ngô Đình Diệm về nước thành lập chính phủ đầu tiên vào năm 1954, ông Sửu nhận lời đảm nhận chức vụ Tổng Trưởng Bộ Canh Nông nhưng chỉ mấy tháng sau thì từ chức. Hồi đó, có dư luận tại Sài Gòn nói rằng sau vụ từ chức này thì uy tín của Kỹ sư Phan Khắc Sửu ngày càng lên cao trong quần chúng miền Nam và nếu ông Sửu ra ứng cử tổng thống chống lại Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong nhiệm kỳ thứ hai vào năm 1961 thì cũng sẽ gây khó khăn cho ông Ngô Đình Diệm. Dư luận cũng đồn rằng người có thể đứng chung liên danh với Kỹ sư Phan Khắc Sửu để ra tranh cử tổng thống là Bác sĩ Phan Quang Đán, người Bắc, đậu y khoa bác sĩ tại Pháp rồi sau đó theo học trường Đại học Harvard của Hoa Kỳ do đó đã được một số người Mỹ ủng hộ. Dư luận hồi đó cho rằng việc hai ông Phan Khắc Sửu và Phan Quang Đán bị bắt nguyên nhân cũng là vì ông Ngô Đình Diệm muốn ngăn cản hai ông này ra tranh cử tổng thống vào năm 1961. Cả hai vị này bị tù cho đến sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ mới được trả lại tự do. Kỹ sư Phan Khắc Sửu trở thành Quốc trưởng Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1964-1965 và Bác sĩ Phan Quang Đán sau này trở thành Phó Thủ Tướng đặc trách về Xã Hội dưới chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa.

Về đề nghị *lập một hội đồng chính trị có nhiệm vụ phê bình và chất vấn chính quyền* thì ông Ngô Đình Nhu nói rằng không ai có cái quyền đó vì chỉ có Quốc Hội mới có quyền chất vấn chính phủ, tuy nhiên theo Hiến Pháp của Việt Nam Cộng Hòa thì "*Tổng Thống lãnh đạo quốc dân*," do đó không ai có quyền phê bình hay chất vấn chính phủ và tổng thống cả vì tổng thống là người lãnh đạo đứng trên tất cả mọi cơ chế.

Đây là một điều đáng lưu ý vì người đã ghi thêm câu này vào bản Hiến Pháp 1956 không

ai khác hơn là... chính ông Ngô Đình Diệm. Luật sư Hoàng Cơ Thụy là một trong số 11 người trong Ủy Ban Soạn Thảo Hiến Pháp 1956 cho biết rằng: "*Tổng Thống Ngô Đình Diệm cử một Ủy ban Thảo Hiến gồm 11 người họp tại Dinh Độc Lập trong hai tháng. Bản dự án Hiến Pháp sơ thảo ấy đề nghị một tổng thống chế na ná như hiến pháp Hoa Kỳ, sau được ông Diệm đưa ra hỏi ý kiến một số chuyên viên Mỹ và Phi Luật Tân, trong số đó có giáo sư Mỹ J.A.C. Grant và luật sư Phi Luật Tân Orendain. Ông Grant kể lại rằng chính ông Ngô Đình Diệm đã đòi ghi thêm câu: "Tổng Thống lãnh đạo quốc dân."(Bernard Fall: "Les Deux Vietnam," bản Anh ngữ 1964, bản dịch tiếng Pháp ở Paris, Payot, trang 272: "Le président est chargé de diriger la nation.*")1

Ông Ngô Đình Nhu nói với những người tham dự Hội Nghị rằng mục đích của ông cũng như là của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là chống Cộng sản. Hiện nay Cộng sản đã len lỏi, xâm nhập nhiều vào trong hàng ngũ quần chúng cũng như các giới sinh viên học sinh, trong hàng ngũ trí thức và ngay cả trong quân đội, do đó nhiều khi chính phủ phải có một số biện pháp mạnh để ngăn chận sự phá hoại của Cộng sản. Sau đó ông lại lên tiếng trách móc các chính khách, các đảng phái chính trị đã có những hoạt động phá hoại chế độ và đã không để cho chính phủ được rảnh tay để lo đối phó với Cộng sản...

Trong số những người tham dự buổi họp này, có một số đã từng ký vào bản Tuyên Ngôn Caravelle hồi năm 1960 và họ đã nói với ông Ngô Đình Nhu rằng sở dĩ mà họ phải công bố bản tuyên cáo tại khách sạn Caravelle vì trước đó, cụ Phan Khắc Sửu và ông Trần VănVăn, đại diện cho cả nhóm gồm 18 người, đã mấy lần đến Dinh Độc Lập xin yết kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm để đưa tận tay bản quyết nghị cho Tổng Thống nhưng không được tiếp, do đó mà họ phải họp báo công khai ở khách sạn Caravelle trước sự hiện diện của báo chí trong nước và ngoại quốc. Họ nói rằng những điều họ lên tiếng trong bản Tuyên Ngôn là nhắm vào mục đích kêu gọi Tổng Thống sửa đổi chánh sách ngõ hầu đối phó một cách hữu hiệu hơn với những âm mưu của Cộng sản, họ cảm thấy có trách nhiệm phải nói lên ý kiến của họ để chính quyền có cơ hội được nghe tiếng nói của những người cũng yêu nước, cũng chống Cộng sản nhưng không hoàn toàn đồng ý với những chính sách hiện tại của chính quyền. Họ nói với ông Ngô Đình Nhu rằng nhóm của họ không hề có một tham vọng chính trị nào và không hề tham gia vào một tổ chức chính trị nào nhằm chống lại hay lật đổ chính phủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, họ chỉ làm bổn phận của người dân theo tinh thần của câu "*quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách*" mà thôi. Bác sĩ Trần Văn Đỗ lưu ý với người viết một điểm nhỏ là ngay sau khi chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị các tướng lãnh lật đổ thì trong chính phủ do các tướng lãnh lập ra để thay thế cho chính phủ Ngô Đình Diệm không hề có sự tham dự của bất cứ người nào trong số 18 người ký kết vào bản Tuyên Ngôn Caravelle cả.

Các vị tham dự phiên họp này đều có quen biết với ông Ngô Đình Nhu, tuy họ thuộc thế hệ lớn tuổi hơn ông Nhu nhưng thái độ của ông Nhu đối với mọi người vô cùng trịch thượng, chính ông ra lệnh cho những người dưới quyền ông đứng ra mời một số người tham dự một hội nghị "*đại đoàn kết*" nhưng trong buổi họp thì ông ta nói chuyện với mọi người như là với thuộc cấp của ông, như là ông ta đang ban huấn từ cho các hội thảo viên trong một cuộc hội thảo về Ấp Chiến Lược mà ông là người chủ tọa... Cả hai Bác sĩ Phan Huy Quát và Phạm Hữu Chương cho biết rằng trước đó họ cũng đã biết rằng tham dự hội nghị "*đại đoàn kết*" với ông Nhu cũng sẽ chẳng đi đến đâu vì họ biết rõ ông Ngô Đình Nhu vốn không phải là một con người chấp nhận sự "*thỏa hiệp*" (compromise), tuy nhiên họ vẫn tham dự vì thiện chí và hy vọng rằng trước mối nguy cơ miền Nam đang trên đà suy sụp trầm trọng, chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm có thể sẽ chấp nhận một vài sự thay đổi, một vài cải thiện để đương đầu với sự gia tăng các hoạt động khủng bố của Cộng sản. Những người tham dự hội nghị đã khẳng định với ông Ngô Đình Nhu rằng họ chỉ muốn đưa ra những đề nghị để xây dựng chứ không phải để "phá hoại" chính quyền, tuy nhiên những đề nghị đó đã không được ông Ngô Đình Nhu chấp nhận và ông ta đã bỏ ra về.

Cái gọi là "*Hội Nghị Đại Đoàn Kết Toàn Dân Chống Cộng sản*" do người của Đảng Cần Lao triệu tập đã được diễn ra vào tháng 7 năm 1961 tại tư gia của Bác Sĩ Phan Huy Quát chỉ có một buổi họp duy nhất mà chẳng đi đến đâu, tuy nhiên hậu quả là chỉ ít lâu sau thì Bác Sĩ

Phan Huy Quát, cựu Tổng Trưởng Giáo Dục, cựu Tổng Trưởng Quốc Phòng lại bị chính phủ Ngô Đình Diệm ra lệnh "*trưng dụng*" rồi đưa đi phục vụ như một bác sĩ không chuyên khoa tại bệnh viện CầnThơ và Tạ Chí Diệp lại bị bắt giam một lần nữa, bất hạnh thay lần này Tạ Chí Diệp không còn có ngày về vì ông đã bị thủ tiêu chỉ vài tháng trước ngày chế độ Ngô Đình Diệm bị đảo chánh vào ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Bà quả phụ Tạ Chí diệp cùng bốn người con hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ.

Tạ Chí Diệp Bị Đâm Chết Rồi Thả Xác Xuống Sông

Ông Cửu Long Lê Trọng Văn là một dược sĩ có liên hệ gia đình với ông Ngô Đình Nhu và được ông Nhu giao cho nhiệm vụ phụ trách về tình báo cả quốc nội lẫn quốc ngoại cho Văn phòng Cố Vấn Chính Trị của ông Nhu cho đến năm 1963. Ông đã cho xuất bản cuốn "*Những Bí Ẩn Lịch Sử Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm*" vào năm 1989, trong đó ông có kể lại vụ thủ tiêu ông Nguyễn Phan Châu tức là Tạ Chí Diệp như sau:

"*Vào khoảng tháng 10 năm 1961, tôi được lệnh ông Nhu phải theo dõi bọn Công an cuả Nguyễn Văn Y có thi hành lệnh thủ tiêu Tạ Chí Diệp cuả ông Nhu không và sau đó phải báo cáo sự tình với ông Nhu vì ông Nhu cho Tạ Chí Diệp là một phần tử nguy hiểm. Theo dõi nội vụ, tôi được biết cái chết cuả Tạ Chí Diệp như sau:*

"Số là hồi đó ông Nhu có treo giải thưởng cho toán công an nào bắt được Tạ Chí Diệp thì sẽ được thưởng một triệu đồng. Một hôm một tên Công an theo dõi và biết được ông Diệp vào nhà một người tại Khánh Hội, y liền vội vàng báo cho Ban Hoạt Vụ gần đó. Sau khi được tăng cường, bọn chúng bao vây căn nhà này rồi xông vào và bắt được ông Diệp cùng với người bạn cuả ông là Mai Văn Thành.

"Bọn Hoạt Vụ báo cáo lên cấp trên là đã bắt được Tạ Chí Diệp. Ở trên ra lệnh khai thác tối đa và sau khi khai thác xong thì phải thủ tiêu nạn nhân. Được lệnh, bọn Hoạt Vụ tra tấn, đánh đập ông Diệp liên tiếp hơn một tuần lễ nhưng không khai thác được gì. Ông Diệp chẳng những không khai mà còn chửi bới anh em nhà Ngô dữ dội.

Sau đó, vào một đêm gần sáng, dưới sự chứng kiến cuả tên Trưởng Ban Hoạt Vụ ở Khánh Hội, hai tên đàn em thân tín cuả hắn trói gô ông Diệp rồi hỏi ông như ban cho ông ân huệ lần cuối: "trước khi chết mày có sợ không? Nếu sợ thì nhắm mắt lại!" Nhưng với giòng máu bất khuất, với ý chí hào hùng, ông thản nhiên đáp gọn: "không cần!" Thế là sau đó, một tên có máu sát nhân đang ngà ngà say, hắn nghe ông Diệp trả lời với lời khinh mạn như vậy, bèn lấy con dao găm và hùng hổ sấn đến đâm ông Diệp nhiều nhát vào ngực, vào bụng. Trước khi chết ông Diệp còn chửi Diệm-Nhu thậm tệ.

"Xác Tạ Chí Diệp được bỏ vào bao bố và đem lên xe. Tên Trưởng Ban lái chiếc xe Jeep, một tên đàn em ngồi kế bên, đằng sau là bao bố đựng xác ông Diệp vời một tên đàn em khác. Xe Jeep mang số xe cuả Công An chạy qua vùng Thủ Thiêm, xe chạy ngoặt ngoẹo vào con đường đất nhỏ. Hình như chúng đã chuẩn bị từ trước nên vất cái bao bố đựng xác ông Diệp xuống một cái đầm rồi bọn chúng ung dung ra về."

"Ngày hôm sau tôi báo cáo mọi chi tiết việc thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp cuả Công an cho ông Nhu biết. Có lẽ ông cũng đã được báo cáo cuả Công an ngày hôm đó."2

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường nói với người viết rằng ông không đồng ý với một vài điều do tác giả Cửu Long Lê Trọng Văn nêu ra trong phần nói về thân phụ của ông và Tạ Chí Diệp, tuy nhiên người viết vẫn xin mạn phép trích dẫn những đoạn này vì theo quan niệm của người viết thì dù sao đó cũng là một tài liệu đã được xuất bản thành sách, tác giả những cuốn sách đó phải chịu trách nhiệm về những điều họ đã viết, còn chuyện có tin vào những điều đó hay không là do sự phán đoán của người đọc.

Nguyệt Đạm và Thần Phong, tác giả cuốn sách "*Chín Năm Máu Lửa Dưới Chế Độ Gia Đình Trị Ngô Đình Diệm*" tuy có kể lại rất nhiều chi tiết về những vụ thủ tiêu các nhân vật như Nguyễn Bảo Toàn, Phạm Xuân Gia, Vũ Tam Anh, một số năm vị tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo v.v. tại Sài Gòn và những vụ thủ tiêu cũng như là bắt giam người trái phép của ông Ngô Đình Cẩn tại miền Trung, nhưng lại chỉ nói đến vụ thủ tiêu Tạ Chí Diệp một cách vắn tắt như sau: "*Ông Nguyễn Phan Châu tự Tạ Chí Diệp bị bọn Công an, Mật vụ Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn*

Hay, Khưu Văn Hai, Trần Bửu Liêm v.v. tay sai của Diệm Nhu bắt giam và đưa đi thủ tiêu, vất xác xuống sông..." 3

Ông Vĩnh Phúc, tác giả cuốn sách "***Những Huyền Thoại và Sự Thật Về Chế Độ Ngô Đình Diệm,***" là một người có rất nhiều liên hệ mật thiết với ông Hoàng Bá Vinh và Bác Sĩ Trần Kim Tuyến, hai người cộng sự rất gần gũi bên cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm, có cho biết một vài chi tiết về Tạ Chí Diệp như sau:

"*Các ông Hoàng Bá Vinh, Trần Kim Tuyến và Cao Xuân Vỹ đều nói rằng Tạ Chí Diệp (về sau đổi tên thành Nguyễn Phan Châu,) cháu kêu cụ Tạ Chương Phùng bằng bác là bạn của họ. Ông Tạ Chí Diệp bị bắt khoảng đầu năm 1963 rồi bị thủ tiêu trong thời gian có cuộc khủng hoảng Phật giáo. Theo ông Hoàng Bá Vinh, hồi ông Diệm mới về cầm quyền, rất thân với cụ tạ Chương Phùng. Ông Diệm đi đâu cũng mời cụ Tạ Chương Phùng đi theo. Nhưng rồi sau không biết có bất đồng gì đó mà hai bên xa cách, rồi trở thành đối nghịch nhau và có lần Tạ Chí Diệp tâm sự với ông Hoàng Bá Vinh rằng sẽ "ra khu."4*

"Trước khi rời Việt Nam đi Ai Cập, ông Trần Kim Tuyến nhờ ông Cao Xuân Vỹ hỏi ông Nhu xem có biết cơ quan nào bắt Tạ Chí Diệp không vì lúc đó ông Tuyến đã mất chức Giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị và hết còn liên lạc được với ông Nhu. Mỗi lần ông Vỹ đề cập đến tên ông Diệp thì ông Nhu cứ gạt đi, như thể không muốn nghe nhắc tới. Có lần khác, ông Nhu bảo "accident!" (tai nạn) nên ông Vỹ không dám hỏi nữa.

"Về sau Nguyễn Văn Hay cho ông Vỹ biết là "lầm": Đại Tá Hay (hay ai?) vào trình hồ sơ cho ông Diệm. Ông Diệm phê "giải quyết cho xong!" Tụi bộ hạ tưởng "giải quyết" là đem giết. Thế là những người như Nguyễn Bảo Toàn, Tạ Chí Diệp chết oan. Bọn ra tay sát nhân là Khưu Văn Hai và đàn em..." 5

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường cho người viết biết rằng ông có đi dự một vài phiên xử của Tòa Án Cách Mạng vào năm 1964 tại Sài Gòn để xử tội những người có trách nhiệm trong vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp, đó là các ông Nguyễn Văn Y, Tổng Giám Đốc Cảnh sát và Công An, Nguyễn Văn Hay, Phó Tổng Giám Đốc Cảnh sát và Công An, ông Dương Văn Hiếu, Phụ Tá Tổng Giám Đốc Công An, Đào Quang Hiển, Khưu Văn Hai v.v. Ông kể lại rằng những bị can này khai trước tòa án rằng họ chỉ thi hành lệnh của *thượng cấp*, tuy nhiên trong trường hợp ông Tạ Chí Diệp bị thủ tiêu thì bị can Nguyễn Văn Y khai rằng đó là một sự hiểu lầm vì thượng cấp ra lệnh là phải "*liquider*"vụ này. Trong tiếng Pháp, liquider có nghĩa là *giải quyết*, *thanh toán*, cũng còn có nghĩa là *thủ tiêu*, do đó mà những nhân viên trong Tổng Nha Cảnh sát tưởng là thượng cấp ra lệnh thủ tiêu cho nên ông Tạ Chí Diệp bị giết. Lời khai này cũng giống như là sự giải thích của tác giả Vĩnh Phúc trong đoạn trên, tuy nhiên về phương diện trách nhiệm thì công bằng mà nói, người ra lệnh không rõ ràng, ra lệnh một cách không chính xác là người phải chịu trách nhiệm và nếu đó không phải là lệnh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì *thượng cấp* ở đây không ai khác hơn là ôngNgô Đình Nhu, nhân vật số 2 của chế độ và cũng là người chỉ huy trực tiếp của các cơ quan công an, cảnh sát và tình báo hồi đó.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường cho biết thêm một chi tiết do một bị can tiết lộ: hôm trước khi bị thủ tiêu, ông Tạ Chí Diệp có hỏi nhân viên công an rằng "*có phải ngày hôm nay tôi sẽ bị các anh giết hay không? Tôi là người Công Giáo, nếu các anh dự định giết tôi thì phải cho tôi biết để đọc kinh dọn mình và nếu có thể được thì cho một vị linh mục vào làm phép bí tích...*" Giáo sư Trường cho biết rằng có lẽ đó là một cách mà ông Tạ Chí Diệp muốn hỏi để được biết là ông sẽ bị giết hay chưa vì ông Tạ Chí Diệp không hề theo đạo Thiên Chúa.

Cựu Thiếu Tướng Đỗ Mậu đã nhận xét như sau về lời khai của Đại Tá Nguyễn Văn Y: "*Việc sát hại những nhân vật chính trị tên tuổi tại Sài Gòn là phải có lệnh của các ông Diệm, Nhu, Cẩn. Thế mà sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, trước Tòa Án Cách Mạng, Đại Tá Nguyễn Văn Y dám khai rằng ông ta đã ra lệnh giết những nhân vật quốc gia kia chỉ vì "nghe không rõ lệnh Tổng Thống." Đó là một lời khai gian xảo, tuy có ý bênh vực Tổng Thống Diệm nhưng đồng thời cũng tố cáo Tổng Thống Diệm đã liên hệ vào các vụ giết người.*"

Cụ Đoàn Văn Thái cho biết rằng khi vào họp với ông Ngô Đình Nhu tại trụ sở của Báo Xã Hội vào tháng Giêng năm 1954, cụ đã gặp những thành viên do ông Nhu kết nạp trong đó có Tạ Chí Diệp. Tạ Chí Diệp là cháu của cụ Tạ Chương Phùng, một đồng chí và cũng là bạn của ông Ngô Đình Diệm, như vậy thì ông Nhu

cũng phải quen biết rất nhiều với Tạ Chí Diệp. Khi đang nắm giữ chức vụ quan trọng đứng hàng thứ hai trong nước, nếu như ông Nhu phải ra lệnh bắt giữ Tạ Chí Diệp thì ít ra cũng nên nghĩ đến tình cũ nghĩa xưa mà ra lệnh cho Công an đối xử một cách nhân đạo hơn đối với người cựu đồng chí là Tạ Chí Diệp như là Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ra lệnh cho Bác sĩ Trần Kim Tuyến phải đối xử với ông Hà Thúc Ký ở trong tù: "*Thôi, liệu giúp cho gia đình nó. Nói bên Công an đối xử tử tế với nó.*" 6

Người viết cũng có nghe được sự quan tâm của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đối với Trung úy Phạm Phú Quốc khi ông sĩ quan này bị bắt giam ở An Ninh Quân Đội sau vụ thả bom Dinh Độc Lập. Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, trước năm 1963 là đại úy, sĩ quan tùy viên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, có kể cho người viết rằng trong một buổi quan sát cuộc thực tập phi pháo của Không QuânViệt Nam, Tổng Thống Diệm rất hài lòng khi chứng kiến kết quả rất tốt đẹp của các phi cơ tham dự cuộc biểu diễn và ông đã ra lệnh cho Đại Tá Huỳnh Hữu Hiền, Tư Lệnh Không Quân mời viên phi công lái một phi cơ khu trục đã oanh kích mục tiêu vô cùng chính xác đến trình diện ông. Viên phi công đó là Trung úy Phạm Phú Quốc. Tổng Thống Diệm đã bắt tay, khen ngợi và ân cần thăm hỏi về gia thế của Trung úy Phạm Phú Quốc. Sau khi ông Phạm Phú Quốc cùng Trung úy Nguyễn Văn Cử lái phi cơ oanh tạc Dinh Độc Lập, ông Cử bay thẳng sang Nam Vang xin tỵ nạn chính trị, còn phi cơ của ông Phạm Phú Quốc thì bị Hải Quân bắn rơi và ông bị bắt. Tổng Thống Ngô Đình Diệm nghe nói rằng Trung úy Phạm Phú Quốc bị nhân viên An Ninh Quân Đội dưới quyền Đại Tá Đỗ Mậu tra tấn dã man bằng cách dùng kềm kẹp rút ngón tay cho nên ông đã ra lệnh cho Đại úy Lê Châu Lộc sang tận Nha An Ninh Quân Đội để thăm và quan sát tận mắt xem ông Quốc có bị "*rút ngón tay*" thật hay không. Sau khi gặp ông Phạm Phú Quốc, Đại úy Lộc phúc trình với Tổng Thống Diệm rằng những móng tay của ông này vẫn còn nguyên, không hề bị thương tổn như lời đồn đại, Tổng Thống Diệm hài lòng và ra lệnh cho An Ninh Quân Đội phải đối xử tử tế với ông Quốc. Sau khi ông Diệm bị đảo chánh, Trung úy Phạm Phú Quốc được tự do rồi trở thành Đại tá Phạm Phú Quốc và phi cơ của ông đã bị bắn rơi trong một cuộc oanh tạc Bắc Việt vào khoảng năm 1965.71

Có điều rất ít người biết là Tổng Thống Ngô Đình Diệm biết rõ Trung úy Phạm Phú Quốc là con cháu giòng dõi của cụ Phạm Phú Thứ, dưới triều vua Tự Đức là Phó sứ trong Sứ Bộ Phan Thanh Giản sang Pháp để thương thuyết chuộc lại ba Tỉnh Miền Đông Nam Kỳ. Về sau, cụ Phạm Phú Thứ có kể lại về cuộc Pháp du này trong một cuốn sách bằng chữ Hán nhan đề "*Tây Hành Nhật Ký*" và đã được ông Ngô Đình Diệm dịch ra tiếng Pháp khi ông còn theo học trường Hậu Bổ. Bài dịch này đã được đăng trên tam cá nguyệt san "*Bulletin des Amis du Vieux Huế*" vào năm 1919, lúc đó ông Diệm mới có 19 tuổi.

Ra lệnh phải đối xử tử tế với Trung Uy Phạm Phú Quốc chỉ vì ông ta là hậu duệ của một người nổi tiếng hồi thế kỷ thứ 19 mà ông Ngô Đình Diệm đã dịch một trong những tác phẩm của cụ sang tiếng Pháp khi ông còn trẻ, điều đó cho thấy ông Diệm cũng là người có tình. Đằng này ông Ngô Đình Nhu đã không làm được như vậy, ông để cho một cựu đồng chí, một người bạn cũ là Tạ Chí Diệp bị giết chết rồi mới bảo cho ông Cao Xuân Vỹ biết rằng đó là một "*accident*" (tai nạn.) Đó chỉ là nói một cách chống chế vì giết chết một người tù rồi bỏ vào bao bố liệng xác xuống sông Nhà Bè thì không thể nào xem như là một "*tai nạn*" được.

Một trong những người có tham dự vào việc tổ chức Hội Nghị Đại Đoàn Kết là ông Lê Văn Thái vừa mới qua đời vào năm 2005 tại San Diego. Người viết rất tiếc là khi ông Thái còn sinh tiền, tuy có dịp tiếp xúc với ông nhưng vì lúc đó chưa có ý định viết bài này cho nên đã không hỏi ông về nhân vật Tạ Chí Diệp. Gần đây, người viết có hỏi một người bạn rất thân và rất gần gũi với ông Lê Văn Thái là Luật sư Đinh Thạch Bích về nhân vật Tạ Chí Diệp thì Luật sư Bích cho biết ông có gặp gỡ Tạ Chí Diệp một vài lần hồi năm 1954-1955. Ông Bích nói rằng ông không quen thân với Tạ Chí Diệp nhưng ông nhận thấy Tạ Chí Diệp là người có tài, có tinh thần cách mạng tuy nhiên dường như có khuynh hướng "*khuynh tả,*" khuynh tả chứ không phải là thân Cộng. Khi người viết hỏi Luật sư Bích về việc ông Tạ Chí Diệp bị thủ tiêu thì ông Bích nói rằng: "*Tôi cũng cóí hỏi anh Lê Văn Thái về chuyện này nhưng anh ấy nói rằng anh không biết gì về chuyện ấy.*" Ông Bích nói thêm rằng: "*Tôi cũng hơi ngạc nhiên một điều là không hiểu tại sao anh Thái*

cứ nói đi nói lại nhiều lần là 'tôi không có dính dáng gì đến vụ đó...' như là để thanh minh rằng tuy anh ấy làm việc dưới quyền ông Ngô Đình Nhu nhưng chỉ phụ trách về liên lạc chính trị chứ không có liên hệ đến mật vụ hay công an cảnh sát." Ông Bích kết luận "*Tôi không muốn hỏi đến nơi đến chốn vụ này vì nếu hỏi rõ ra thì nếu 'người bạn thân của chúng ta' không dính dáng, ít ra cũng phải biết về chuyện những nhân vật như Nguyễn Bảo Toàn, Vũ Tam Anh, Tạ Chí Diệp bị thủ tiêu...*"8

Ông Nguyễn Văn Hay này lúc bấy giờ đang giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Công An dưới quyền Đại tá Nguyễn Văn Y và cũng là người đã cùng tham dự vào vụ ly khai ra Chiến Khu Đông cùng với Tạ Chí Diệp để ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm vào năm 1954. Như vậy thì không ít thì nhiều, ông Nguyễn Văn Hay cũng đã có quen biết với Tạ Chí Diệp và đáng lý ra trong cương vị Phó Tổng Giám Đốc Cảnh Sát và Công An, ông Hay cũng phải có những hành động tích cực và cẩn trọng hơn để cho một người đã từng quen biết với ông, đã từng hợp tác với ông trong Phong trào Chiến Khu Đông ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm hồi năm 1954 khỏi bị chết trong tù. Thế nhưng ông Nguyễn Văn Hay đã không làm được điều gì và cuối cùng đã thú nhận với ông Cao Xuân Vỹ là... "*lầm!*"

Tạ Chí Diệp thật là một người thiếu may mắn vì ông cũng đã ...*lầm*, đã lỡ kết bạn, đã lỡ làm đồng chí với những người như là các ông Ngô Đình Nhu, Nguyễn Văn Hay để sau này mang lấy họa vào thân...

Chủ Trương Cách Mạng Của Tạ Chí Diệp

Tạ Chí Diệp chủ trương Miền Nam Việt Nam phải làm một cuộc cách mạng thật sự, phải sửa đổi tổ chức từ trên xuống dưới, phải hiệu năng hóa mọi cơ quan công quyền, phải đào tạo cán bộ tốt và có tài để thổi một làn gió mới vào mọi sinh hoạt của nhân dân, để thay đổi cục diện chính trị và xã hội của miền Nam.

Về nhân sự, Tạ Chí Diệp chủ trương cần phải loại bỏ hình thức "*bình mới rượu cũ, tuồng mới đào kép cũ*," ông chủ trương phải hoàn toàn loại bỏ tất cả những công chức và sĩ quan đã từng làm tay sai cho thực dân Pháp, tức là tất cả những người đã phục vụ cho người Pháp từ trước năm 1945 cho đến năm 1954 vì những người này chỉ là những tên tay sai, có tinh thần nô lệ, sẵn sàng phục vụ cho bất cứ chế độ nào miễn là được vinh thân phì gia, họ không có tinh thần yêu nước, do đó sẽ không được đại đa số quần chúng tin tưởng và ủng hộ... Nếu Tổng Thống Ngô Đình Diệm mà biết nghe theo ý kiến của Tạ Chí Diệp thì có lẽ ông đã không bị giết vào năm 1963 vì những người làm đảo chánh và giết ông là các ông Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim đều là sĩ quan của quân đội Pháp, ông Mai Hữu Xuân là Mật Thám của Pháp và ông Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ của ông Ngô Đình Diệm, người được các tướng lãnh đưa lên làm thủ tướng sau khi ông Diệm bị họ giết chết cũng là một ông đốc phủ sứ rất được người Pháp tin cậy nên đã được Toàn Quyền Decoux cho làm chánh văn phòng hồi trước năm 1945.

Tạ Chí Diệp chủ trương nên sử dụng những người cựu kháng chiến đã rời bỏ hàng ngũ Việt Minh vì họ là những người yêu nước chống thực dân Pháp, họ là những người Kháng Chiến Quốc Gia chứ không theo Cộng sản. Tạ Chí Diệp nghĩ rằng những người này có nhiều uy tín với dân chúng tại các địa phương nhờ thành tích chống Pháp và không theo Cộng sản của họ. Quan điểm của Tạ Chí Diệp cũng không khác gì quan điểm của ông Ngô Đình Diệm trước đây đối với những người cựu kháng chiến.

(còn tiếp)

Chú Thích:

*1. Hoàng Cơ Thụy: "**Việt Sử Khảo Lược**," Nam Á, Paris 2002, trang 2765.*

*2. Cửu Long Lê Trọng Văn: "**Những Bí Ẩn Lịch Sử Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm**," Nhà xuất bản Mẹ Việt Nam, P.O. Box 151208 San Diego CA 92115, 1989, trang 250-251.*

3. Nguyệt Đạm và Thần Phong: Sđd., trang 192.

4. Ghi chú: "Ra khu" ở đây có lẽ ông Tạ Chí Diệp muốn ám chỉ đến "chiến khu an toàn" mà ông đề cập đến trong bản truyền đơn ngày 25 tháng 3 năm 1955 chứ không phải là "mật khu" của Việt Cộng vì lúc đó Cộng sản Bắc Việt đang tập kết bộ đội ra miền Bắc Vỹ tuyến 17 theo Hiệp Định Genève chứ chưa chính thức thành lập chiến khu ở miền Nam.

*5. Vĩnh Phúc: "**Những Huyền Thoại và Sự Thật về Chế Độ Ngô Đình Diệm**," Văn Nghệ, 1998. Trang 226-227.*

6. Vĩnh Phúc: Sđd., trang 214.

7. Mạn đàm với cựu Nghị Sĩ Lê Châu Lộc tại Westminster ngày 1 tháng 1 năm 2006.

8. Mạn đàm với Luật Sư Đinh Thạch Bích hiện cư ngụ tại San Diego, tháng 11 năm 2005.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV TOP 50 DEALER 2006

HD Receiver/DVR Rebate $100.00

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT TRONG MÙA FOOTBALL

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng

SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.99

FREE HBO, SHOWTIME, CINEMAX and STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

NFL SUNDAY FOOTBALL TICKET $69.99 (cho 4 payments)

(cho 4 tháng)

FREE (TOTAL CHOICE PLUS, HBO, SHOWTIME, CINEMAX, STARZ and SPORT PACK cho 4 tháng đầu) FREE hơn 250 đài, trị giá $400

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

HD PROGRAMMING + TOTAL CHOICE $44.99

FREE HD Programming cho 4 tháng, trị giá $40.00

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

1-800-581-6910 www.vietsatellite.com

Chương trình thấp nhất cho phòng đầu tiên là $24.99/tháng gồm có đài Việt Ngữ SBTN và các đài Local. Quý vị muốn xem thêm Đài Truyền Hình Việt Ngữ mới 24/24 VHN chỉ trả thêm $7.99/tháng.

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội, thế giới, tin tức cộng đồng, những bài bình luận thời sự chính trị nóng bỏng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

open 7 days a week, we install everywhere in the U.S.

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kể từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99

CHƯƠNG TRÌNH ... Giá Bán 7 Mỹ Kim